

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
Tuần 1 - Chủ đề 1: NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ
Bài 1: NGÀY GẶP LẠI - Bài 2: VỀ THĂM QUÊ
BÀI 1: NGÀY GẶP LẠI

Tiết 1, 2: Đọc - Ngày gặp lại; Nói và nghe - Mùa hè của em

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Ngày gặp lại; biết ngắt nghỉ hơi ở lời người kể chuyện và lời nhân vật Chi, Sơn.
- Hiểu nội dung bài đọc: niềm vui khi gặp lại bạn sau kì nghỉ hè và ý nghĩa của những trải nghiệm mùa hè đối với mỗi bạn nhỏ.
- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK: nêu được chi tiết thể hiện niềm vui gặp lại nhau, trải nghiệm mùa hè của Sơn, điểm khác giữa mùa hè của Chi và Sơn, lí do mùa hè sẽ theo các bạn vào lớp học.
- Biết kể về điều em nhớ nhất trong kì nghỉ hè; biết so sánh mùa hè năm nay với mùa hè năm ngoái bằng lời nói rõ ràng, tự nhiên.
- Biết lắng nghe bạn nói, đặt câu hỏi hoặc nhận xét ngắn gọn, lịch sự sau khi nghe bạn chia sẻ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự điều chỉnh giọng đọc theo góp ý của GV và bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài và kể về kì nghỉ hè.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn chi tiết tiêu biểu trong trải nghiệm của mình để kể ngắn gọn, có cảm xúc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ nói - nghe.
- Nhân ái: biết quan tâm, vui mừng khi gặp lại bạn; tôn trọng những trải nghiệm khác nhau của bạn.
- Trách nhiệm: biết vui chơi, nghỉ hè an toàn; có ý thức tự bảo vệ bản thân khi tham gia hoạt động ngoài trời.

4. Tích hợp:

- GDKNS: HS chia sẻ trải nghiệm mùa hè vui, đáng nhớ nhưng cần đảm bảo an toàn như phòng tránh điện, phòng tránh đuối nước, không tự ý đi chơi xa khi không có người lớn.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.2: HS hiểu AI có thể mô phỏng văn bản nhưng không thể có cảm xúc như con người; biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, còn cảm xúc vui khi gặp lại bạn là trải nghiệm thật của con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh chủ điểm Những trải nghiệm thú vị, tranh bài đọc Ngày gặp lại, tranh Nói và nghe Mùa hè của em, thẻ từ luyện đọc, phiếu học tập nhóm đôi/nhóm bốn; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini khi cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (6 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, giới thiệu chủ điểm và gợi cảm xúc gặp lại bạn sau kì nghỉ hè.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu chủ điểm 1: Những trải nghiệm thú vị. GV nêu: Chủ điểm này giúp các em chia sẻ những điều đã trải qua trong kì nghỉ hè,	- HS lắng nghe, mở SGK chủ điểm 1 và nêu được: Chủ điểm nói về những trải nghiệm vui, mới lạ, đáng nhớ của các bạn nhỏ.

<p>khi đi chơi, về quê, gặp lại bạn bè và bắt đầu năm học mới.</p>	
<p>- GV cho HS quan sát tranh minh họa hai bạn nhỏ gặp lại nhau trong SGK và hỏi: Tranh vẽ những ai? Các bạn đang làm gì?</p> 	<p>- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ hai bạn nhỏ đang ngồi trước hiên nhà, vui vẻ trò chuyện sau kì nghỉ hè.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi trong SGK: Tưởng tượng em gặp lại bạn sau một kì nghỉ dài, em sẽ nói gì với bạn?</p>	<p>- HS trả lời: Mình rất vui khi gặp lại bạn; Hè vừa rồi bạn có đi đâu không?; Mình nhớ bạn lắm; Bạn kể cho mình nghe chuyện mùa hè nhé.</p>
<p>- GV nhận xét, khen những câu nói thân thiện, tự nhiên của HS.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhận ra khi gặp lại bạn nên chào hỏi, hỏi thăm nhẹ nhàng.</p>
<p>- GV giới thiệu bài: Bài đọc Ngày gặp lại kể về Chi và Sơn khi gặp lại nhau sau mùa hè. Các em cùng đọc để xem hai bạn đã kể với nhau những điều gì.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Ngày gặp lại.</p>
<p>- GV kết luận: Lời chào hỏi, hỏi thăm giúp tình bạn thêm gắn gũi và làm ngày gặp lại trở nên vui hơn.</p>	<p>- HS nhắc lại: Khi gặp lại bạn, em nên chào hỏi và hỏi thăm bạn.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng tiếng, từ, câu; biết ngắt nghỉ hơi và đọc lời nhân vật phù hợp. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể vui tươi; lời Chi lúc đầu hơi buồn, lời Sơn hào hứng khi kể chuyện mùa hè.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại với ngữ điệu phù hợp.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc trôi chảy, ngắt nghỉ đúng và đọc lời thoại phù hợp.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV chia đoạn: (4 đoạn) + Đoạn 1: Từ đầu đến cho cậu này. + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến bầu trời xanh. + Đoạn 3: Tiếp theo cho đến ừ nhỉ. + Đoạn 4: Còn lại.</p>	<p>- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu các đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn; các bạn khác theo dõi và nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: rồi rít, riu rít, nhẽ nhại, bon bon, đường quen thuộc.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh các từ khó và sửa lỗi phát âm nếu có.</p>

- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: Ngày mai đi học rồi, nhưng mùa hè chắc sẽ theo các bạn vào lớp học.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi sau cụm từ phù hợp.
- GV hướng dẫn HS đọc đúng lời thoại: “Cho cậu này.”; “Ừ nhỉ.”; “Thế cậu được đạp xe đi khắp nơi mà.”	- HS luyện đọc lời thoại theo vai Chi và Sơn với giọng tự nhiên.
- GV tổ chức cho HS đọc nhóm 2: mỗi bạn đọc một đoạn, bạn nghe góp ý cho bạn đọc rõ hơn.	- HS làm việc nhóm 2, đọc cho bạn nghe, sửa lỗi phát âm và ngắt nghỉ.
- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, sửa lỗi và tuyên dương nhóm đọc rõ lời nhân vật.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, biết thể hiện cảm xúc.
- GV kết luận: Đọc văn bản có lời nhân vật cần đọc rõ lời người kể, lời nhân vật và chú ý cảm xúc trong từng câu nói.	- HS ghi nhớ cách đọc văn bản có lời thoại.

3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS tìm được chi tiết thể hiện niềm vui gặp lại nhau và nêu được trải nghiệm mùa hè của Sơn.

**Cách tiến hành:*

- GV nêu câu hỏi 1: Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui khi gặp lại nhau của Chi và Sơn.	- HS trả lời: Chi mừng rỡ gọi Sơn; Sơn giọng điệu rất xinh; hai bạn ríu rít trò chuyện và kể cho nhau nghe chuyện mùa hè.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2: Sơn đã có những trải nghiệm gì trong mùa hè?	- HS trao đổi và nêu: Sơn về quê từ đầu hè, theo ông bà đi trồng rau, câu cá, thả diều, nằm trên bãi cỏ ngắm trời.
- GV ghi nhanh từ khóa lên bảng: về quê, trồng rau, câu cá, thả diều, ngắm trời.	- HS đọc lại các từ khóa và ghi nhớ trải nghiệm mùa hè của Sơn.
- GV kết luận: Sơn có một mùa hè nhiều hoạt động ở quê nên bạn rất hào hứng khi kể cho Chi nghe.	- HS lắng nghe, nêu được Sơn có mùa hè vui và nhiều trải nghiệm.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị đọc hiểu tiếp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại hai trải nghiệm mùa hè của Sơn trong bài đọc.	- HS ôn lại bài cũ: HS nêu: Sơn được về quê, trồng rau, câu cá, thả diều, nằm trên bãi cỏ ngắm trời.
- GV hỏi: Những trải nghiệm ấy có đúng với chủ điểm Những trải nghiệm thú vị không? Vì sao?	- HS trả lời: Có, vì đó là những việc mới mẻ, vui và đáng nhớ trong kì nghỉ hè.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu trải nghiệm của Chi và luyện nói về mùa hè của chính mình.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và Nói - nghe.

2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4 (12 phút)

Mục tiêu: HS hiểu sự khác nhau giữa trải nghiệm của Chi và Sơn, rút ra ý nghĩa câu chuyện.

**Cách tiến hành:*

- GV nêu câu hỏi 3: Trải nghiệm mùa hè của Chi có gì khác với Sơn?	- HS trả lời: Sơn được về quê và có nhiều hoạt động ngoài trời; Chi không đi đâu, chỉ ở nhà tập đi xe đạp.
- GV hỏi: Khi nghe Sơn kể chuyện, ban đầu Chi cảm thấy thế nào? Vì sao?	- HS trả lời: Chi thấy buồn vì nghĩ mình không có nhiều chuyện vui để kể như Sơn.
- GV hỏi: Vì sao sau đó Chi vui hơn?	- HS trả lời: Vì Sơn nhắc Chi đã biết đi xe đạp và có thể đạp xe đi khắp nơi.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao khi đi học, mùa hè sẽ theo các bạn vào lớp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em. a. Vì các bạn vẫn nhớ những chuyện về mùa hè. b. Vì các bạn sẽ kể cho nhau nghe những chuyện về mùa hè. c. Vì các bạn sẽ mang những đồ vật kỉ niệm của mùa hè đến lớp.	- HS chọn ý b hoặc nêu ý kiến: Mùa hè theo các bạn vào lớp vì các bạn mang theo kỉ niệm, niềm vui và những điều đã học được trong mùa hè.
- GV kết luận: Mỗi bạn có một mùa hè khác nhau, nhưng kỉ niệm đẹp sẽ theo các em vào năm học mới qua những câu chuyện chia sẻ cùng bạn bè.	- HS lắng nghe và nhắc lại nội dung chính của bài.

3. Luyện đọc lại - Đọc phân vai (6 phút)

Mục tiêu: HS đọc lại một đoạn có lời thoại với giọng phù hợp.

**Cách tiến hành:*

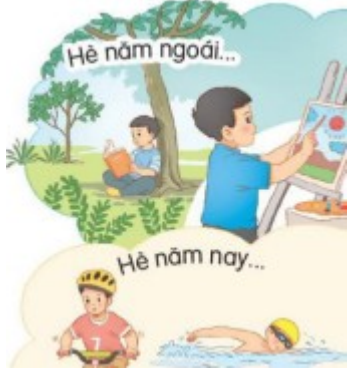
- GV chọn đoạn Chi và Sơn trò chuyện, giao nhiệm vụ đọc phân vai theo nhóm 3: người dẫn chuyện, Chi, Sơn.	- HS luyện đọc phân vai trong nhóm, chú ý giọng Chi, Sơn và người dẫn chuyện.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét nhóm đọc đúng lời nhân vật và biết thể hiện cảm xúc.
- GV kết luận: Khi đọc phân vai, các em cần đọc rõ lời thoại và thể hiện đúng tâm trạng của nhân vật.	- HS ghi nhớ cách đọc phân vai.

4. Luyện tập - Nói và nghe: Mùa hè của em (10 phút)

Mục tiêu: HS kể được điều nhớ nhất trong kì nghỉ hè, biết lắng nghe và phản hồi lịch sự.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể mô phỏng văn bản nhưng không có cảm xúc thật như con người; biết sử dụng AI để tham khảo.

**Cách tiến hành:*

<p>- GV cho HS quan sát tranh gợi ý trong SGK và đọc yêu cầu 1: Kể về điều em nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua.</p> 	<p>- HS quan sát tranh, đọc yêu cầu và chuẩn bị ý kể.</p>
<p>- GV gợi ý: Em đã đi đâu? Em đã làm việc gì? Ai cùng tham gia với em? Kỉ niệm nào làm em nhớ nhất? Em cảm thấy thế nào?</p>	<p>- HS chuẩn bị: Em về quê thăm ông bà; em đi chơi công viên; em học bơi; em đọc sách ở nhà.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nói trong nhóm 4, mỗi bạn kể khoảng 1 phút; bạn nghe hỏi lại một câu lịch sự.</p>	<p>- HS kể trong nhóm 4; bạn nghe hỏi: Bạn thích hoạt động nào nhất? Vì sao kỉ niệm đó làm bạn nhớ? Ai đi cùng bạn?</p>
<p>- GV nêu yêu cầu 2: Mùa hè năm nay của em có gì khác với mùa hè năm ngoái?</p>	<p>- HS trả lời: Năm nay em biết tự đạp xe; năm nay em được về quê nhiều ngày hơn; năm nay em học bơi, năm ngoái chưa học.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS nói trước lớp và hướng dẫn lớp nhận xét theo tiêu chí: nói rõ ý, đúng nội dung, có cảm xúc, biết nhìn người nghe.</p>	<p>- HS trình bày trước lớp; lớp nhận xét bạn nói rõ, tự nhiên, biết kể theo trình tự.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Nếu cô dùng ChatGPT hoặc Gemini để gợi ý câu hỏi kể chuyện về mùa hè, công cụ đó giúp được điều gì và các em cần chú ý điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: AI có thể gợi ý câu hỏi, giúp sắp xếp ý; chúng em cần kể bằng trải nghiệm thật và không đưa thông tin riêng tư cho AI.</p>
<p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.2: GV nêu câu hỏi dẫn: “Nếu AI viết sẵn cho em một đoạn kể về ngày gặp lại bạn, đoạn đó có thể thay cho cảm xúc thật của em không? Vì sao?”. GV cho HS trao đổi ngắn, sau đó diễn giải: AI có thể gợi ý câu hỏi, gợi ý từ ngữ, gợi ý cách sắp xếp ý hoặc mô phỏng một đoạn văn, nhưng AI không có cảm xúc thật như con người. Vì vậy, khi kể về ngày gặp lại bạn, các em cần dùng trải nghiệm thật, lời kể thật và cảm xúc thật của mình; chỉ xem AI là công cụ hỗ trợ tham khảo, không sao chép nguyên văn.</p>	<p>- HS trả lời: AI có thể tạo câu chữ nhưng không có cảm xúc thật; em cần kể bằng cảm xúc và trải nghiệm thật của mình.</p>
<p>- GV kết luận: Nói và nghe tốt là biết kể thật rõ điều mình trải qua, đồng thời biết tôn trọng và lắng nghe câu chuyện của bạn.</p>	<p>- HS lắng nghe và hoàn thiện phần nói của mình.</p>

5. Vận dụng (3 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng bài học vào giao tiếp với bạn bè và người thân.

Mục tiêu tích hợp: HS biết vận dụng kỹ năng sống khi chia sẻ trải nghiệm mùa hè; biết lắng nghe, hỏi thăm bạn và lựa chọn hoạt động nghỉ hè an toàn.

**Cách tiến hành:*

- Tích hợp KNS: GV nêu câu hỏi dẫn: “Khi nghe bạn kể về mùa hè, em cần ứng xử như thế nào để thể hiện sự tôn trọng? Nếu muốn tham gia một hoạt động hè mới, em cần lưu ý điều gì để an toàn?”. GV diễn giải: Khi giao tiếp, các em cần biết lắng nghe, chờ bạn nói xong, hỏi lại bằng lời lịch sự và không chê bai trải nghiệm của bạn. Khi tham gia hoạt động mùa hè, các em phải xin phép người lớn, không tự ý đi chơi xa, không xuống nước khi không có người lớn đi cùng, biết từ chối việc làm nguy hiểm và báo ngay cho người lớn khi thấy tình huống không an toàn.	- HS nhắc lại: Em biết lắng nghe bạn, kể chuyện lịch sự và lựa chọn hoạt động hè an toàn.
- GV dẫn HS về nhà kể lại cho người thân nghe một kỉ niệm mùa hè của em và chuẩn bị tiết viết.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài Ngày gặp lại và cách kể về kì nghỉ hè.	- HS nhắc lại nội dung bài, ghi nhớ cách lắng nghe và chia sẻ với bạn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 1: NGÀY GẶP LẠI

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Em yêu mùa hè

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng bài thơ Em yêu mùa hè; viết đúng chính tả, đúng độ cao, khoảng cách và trình bày bài thơ sạch đẹp.
- Nhận biết được một số hình ảnh đẹp của mùa hè trong bài thơ: hoa sim tím, bướm lượn, trái sim ngọt, gió mát, điều bay.
- Viết đúng tên sự vật bắt đầu bằng c hoặc k trong tranh; tìm thêm được từ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở viết, tư thế ngồi viết, tự soát lỗi sau khi nghe - viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo, góp ý cho bạn về lỗi chính tả một cách nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc viết c/k để tìm thêm từ ngữ đúng yêu cầu.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận, hoàn thành bài viết và bài tập chính tả.
- Trung thực: tự soát bài, nhận lỗi sai và sửa lỗi đúng theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp; biết trao đổi với người thân về mong muốn nghỉ hè an toàn, phù hợp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS chia sẻ trải nghiệm vui chơi, nghỉ hè an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài thơ Em yêu mùa hè, tranh bài tập tìm tiếng bắt đầu bằng c hoặc k, bảng phụ từ khó, phiếu soát lỗi chính tả.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, phấn/bút dạ, bút chì để soát lỗi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, nhắc lại chủ điểm trước khi nghe - viết bài thơ về mùa hè. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV nhắc lại chủ điểm Những trải nghiệm thú vị và hỏi: Trong bài Ngày gặp lại, trải nghiệm mùa hè đã giúp Chi và Sơn có điều gì để chia sẻ với nhau?	- HS ôn lại bài cũ: HS trả lời: Các bạn có kỉ niệm để kể cho nhau nghe, có niềm vui khi gặp lại bạn và chuẩn bị vào năm học mới.
- GV hỏi: Khi nhắc đến mùa hè, em nhớ đến âm thanh, màu sắc hoặc hoạt động nào?	- HS nêu: tiếng ve, hoa phượng, thả diều, ăn trái cây, về quê, đi bơi.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết bài thơ Em yêu mùa hè và luyện viết đúng tiếng bắt đầu bằng c hoặc k.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô ly, bảng con.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (21 phút) Mục tiêu: HS hiểu nội dung, nhận xét cách trình bày bài thơ; nghe - viết đúng bài thơ, biết tự soát và sửa lỗi. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS quan sát bài thơ Em yêu mùa hè trong SGK và đọc mẫu bài thơ.	- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu: Bài thơ nói về vẻ đẹp của mùa hè ở đời quê.
 <p>1. Nghe - viết:</p> <p>Em yêu mùa hè</p> <p>Em yêu mùa hè, Cỏ hoa sim tím Mọc trên đồi quê Rung rinh bướm lượn.</p> <p>Thong thả dắt trâu Trong chiều nắng xé, Em hái sim ăn Trời, sao ngọt thế!</p> <p>Gió mát lưng đồi Ve ngân ra rả Trên cao lưng trời Đều ai vừa thả.</p> <p>Em yêu mùa hè Cỏ trái sim ngọt Em yêu đồi quê Cỏ con gió mát.</p> <p>(Nguyễn Thanh Toàn)</p>	
- GV hỏi: Bài thơ có những hình ảnh mùa hè nào làm em thích?	- HS trả lời: hoa sim tím, bướm lượn, trái sim ngọt, gió mát, diều bay, tiếng ve.
- GV hướng dẫn HS nhận xét: Bài thơ có mấy khổ? Mỗi dòng thơ trình bày như thế nào? Chữ đầu dòng thơ viết hoa; các dòng thơ trình bày thẳng hàng, sạch đẹp.	- HS trả lời: Mỗi dòng thơ viết một dòng; chữ đầu dòng thơ viết hoa; các dòng thơ trình bày thẳng hàng, sạch đẹp.
- GV yêu cầu HS luyện viết bảng con các từ khó: rung rinh, thong thả, nắng xé, lưng đồi, ra rả.	- HS viết bảng con, giờ bảng, sửa lỗi theo hướng dẫn của GV.
- GV nhắc HS tư thế ngồi viết: lưng thẳng, mắt	- HS điều chỉnh tư thế ngồi viết đúng.

cách vở khoảng 25 - 30 cm, tay giữ vở ngay ngắn.	
- HS nghe - viết vào vở ô ly, chú ý tư thế ngồi viết, độ cao con chữ, khoảng cách giữa các tiếng.	
- GV đọc từng dòng thơ hoặc cụm từ ngắn, đọc rõ ràng, tốc độ vừa phải.	- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, chú ý viết đúng chính tả và trình bày đúng dòng thơ.
- GV đọc lại toàn bài một lượt để HS soát lỗi.	- HS dùng bút chì soát lỗi, sửa lỗi sai về âm đầu, vần, dấu thanh, chữ hoa và dấu câu.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn bên cạnh để kiểm tra chéo một số lỗi dễ sai.	- HS đổi vở, gạch nhẹ dưới lỗi cần sửa và trao đổi với bạn cách sửa đúng.
- GV thu một số vở nhận xét nhanh về chữ viết, khoảng cách, cách trình bày.	- HS lắng nghe nhận xét và tự điều chỉnh bài viết của mình.
- GV kết luận: Viết đúng chính tả giúp người đọc hiểu đúng nội dung và thể hiện sự cẩn thận của người viết.	- HS nhắc lại: Cần nghe kĩ, viết cẩn thận và tự soát lỗi.

3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút)

Mục tiêu: HS viết đúng từ ngữ bắt đầu bằng c hoặc k và mở rộng vốn từ.

**Cách tiến hành:*

<p>- Bài tập 2: Tìm và viết tên sự vật bắt đầu bằng c hoặc k trong các hình dưới đây.</p> <p>2. Tìm và viết tên sự vật bắt đầu bằng c hoặc k trong các hình dưới đây:</p> 	<p>- HS quan sát hình và viết được các từ phù hợp: kính, cây, kìm, kéo, cân, kéo, cờ, cửa.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở, sau đó đổi vở kiểm tra chéo.</p>	<p>- HS làm bài cá nhân, đổi vở kiểm tra và sửa lỗi nếu viết sai.</p>
<p>- Bài tập 3: Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng c hoặc k.</p>	<p>- HS nêu thêm: con cá, cái cặp, cánh cửa, cây bút, cười, chạy, kể chuyện, kẻ vở, kéo co, kiểm tra.</p>
<p>- GV kết luận: Khi viết tiếng bắt đầu bằng c hoặc k, các em cần đọc kĩ tiếng và nhớ quy tắc chính tả để không viết nhầm.</p>	<p>- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.</p>

4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ nội dung bài với trao đổi an toàn cùng người thân; nhắc lại nội dung chính và chuẩn bị bài sau.

Mục tiêu tích hợp: HS biết vận dụng kỹ năng sống phù hợp với bài học, biết tự bảo vệ, hợp tác, lắng nghe và ứng xử an toàn.

**Cách tiến hành:*

<p>- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ vận dụng trong SGK: Trao đổi với người thân những mong muốn của em về kì nghỉ hè năm tới.</p>	<p>- HS nêu cách thực hiện: về nhà nói với bố mẹ/ông bà điều mình mong muốn và lắng nghe góp ý của người thân.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Nếu em mong muốn đi chơi xa hoặc đi bơi trong kì nghỉ hè, em cần nói với</p>	<p>- HS trả lời: Em cần xin phép người lớn, đi cùng người lớn, không tự ý xuống nước, không nghịch</p>

người thân điều gì để bảo đảm an toàn?	điện, không đi theo người lạ.
- Tích hợp KNS: GV nêu câu hỏi dẫn: “Trong kì nghỉ hè, để tự bảo vệ mình, em cần nhớ những điều gì khi vui chơi ngoài trời hoặc khi đi cùng bạn bè?”. GV diễn giải: Các em cần chọn hoạt động phù hợp với lứa tuổi, báo cho người thân biết nơi mình đến, đội mũ khi ra nắng, không tự ý đi xa, không chơi gần ao hồ, sông suối hoặc nơi nguy hiểm khi không có người lớn đi cùng. Nếu gặp sự việc bất thường, các em cần bình tĩnh, tránh xa nguy hiểm và gọi ngay người lớn hỗ trợ.	- HS nêu lại việc cần làm: xin phép người lớn, đi đúng nơi an toàn, không tự xuống nước, không nghịch điện, không đi theo người lạ.
- GV nhận xét bài viết, yêu cầu HS nhắc lại quy tắc viết tiếng bắt đầu bằng c/k; dẫn HS hoàn thiện bài viết, sửa lỗi chính tả và chuẩn bị Bài 2: Về thăm quê.	- HS nhắc lại nội dung chính, ghi nhớ nhiệm vụ sửa lỗi và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 2: VỀ THĂM QUÊ

Tiết 1, 2: Đọc - Về thăm quê; Viết - Ôn chữ hoa A, Ă, Â

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Về thăm quê; biết ngắt nhịp thơ phù hợp và thể hiện cảm xúc vui tươi, hồn nhiên của bạn nhỏ khi được về quê.
- Hiểu nội dung bài thơ: niềm vui của bạn nhỏ khi được về thăm bà, cảm nhận tình yêu thương của bà và vẻ đẹp thân thuộc của quê hương.
- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; nêu được những việc làm thể hiện tình yêu thương của bà dành cho con cháu.
- Học thuộc lòng được 3 khổ thơ em thích.
- Viết đúng chữ hoa A, Ă, Â cỡ nhỏ; viết đúng tên riêng Đông Anh và câu ứng dụng Ai về đến huyện Đông Anh / Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc bài thơ, luyện viết chữ hoa đúng mẫu, tự soát lỗi khi viết.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài; biết chia sẻ cảm nhận về người thân và quê hương.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết trong bài thơ để giải thích cảm xúc của nhân vật.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, kính trọng ông bà, người thân; trân trọng sự chăm sóc của gia đình.
- Chăm chỉ: luyện đọc, học thuộc lòng và luyện viết chữ hoa cẩn thận.
- Trách nhiệm: biết cư xử lễ phép, quan tâm và giúp đỡ người thân bằng việc làm phù hợp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết yêu thương, kính trọng người thân; hiểu trẻ em có quyền được chăm sóc trong gia đình và có bổn phận ứng xử lễ phép.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: HS biết sử dụng AI như công cụ hỗ trợ tìm kiếm hình ảnh minh họa bài viết; biết AI chỉ hỗ trợ quan sát, gợi ý từ ngữ, còn bài nói/viết cần dựa trên tình cảm thật với quê hương, người thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Về thăm quê, bảng phụ viết từ khó, mẫu chữ hoa A, Ă, Â; phiếu học tập nhóm.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (6 phút) Mục tiêu: Ôn bài cũ, giới thiệu chủ điểm, kết nối trải nghiệm nghỉ hè với bài đọc Về thăm quê. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV mời 2 - 3 HS nhắc lại nội dung bài Ngày gặp lại hoặc nêu một hình ảnh em thích trong bài Em yêu mùa hè.	- HS ôn lại bài cũ: HS nêu niềm vui gặp lại bạn của Chi và Sơn hoặc nêu hình ảnh mùa hè em thích như hoa sim tím, bướm lượn, điều bay.
- GV nhắc lại chủ điểm Những trải nghiệm thú vị và hỏi: Trong kì nghỉ hè, những trải nghiệm nào thường làm các em nhớ nhất?	- HS trả lời: về quê, thăm ông bà, đi chơi cùng gia đình, gặp lại anh chị em họ, được ăn món ngon ở quê.
- GV tổ chức HS hỏi - đáp nhóm đôi theo gợi ý SGK: Kể về những việc em đã làm cùng người thân trong kì nghỉ hè.	- HS hỏi - đáp: Mình về quê thăm ông bà; mình cùng mẹ dọn nhà; mình đi chợ với bà; mình cùng bố chăm cây.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì? Bạn nhỏ đang làm gì với bà?	- HS trả lời: Tranh vẽ cảnh quê có cây cối, vườn nhà; bạn nhỏ đang đi cùng bà, được bà dẫn đi trong vườn.
	
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Về thăm quê sẽ đưa các em đến với niềm vui của một bạn nhỏ khi được về quê thăm bà.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Về thăm quê.
- GV kết luận: Những kỉ niệm với người thân thường làm kì nghỉ hè trở nên ấm áp và đáng nhớ.	- HS nêu: Em cần biết yêu thương, kính trọng người thân.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ, biết ngắt nhịp và đọc với giọng vui tươi, tình cảm. *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu bài thơ Về thăm quê với giọng nhẹ nhàng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảm xúc.	- HS nghe GV đọc, theo dõi bài thơ trong SGK.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài thơ, ngắt nghỉ đúng theo dòng thơ, khổ thơ, chú ý các từ	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc thơ đúng nhịp và thể hiện tình cảm.

khó. Đọc diễn cảm với giọng nhẹ nhàng, vui tươi, thể hiện tình cảm yêu bà, yêu quê hương.	
- Gọi 1 HS đọc toàn bài thơ.	- 1 HS đọc toàn bài thơ; cả lớp đọc thầm theo, theo dõi trong SGK.
- GV chia khổ thơ: (4 khổ) + Khổ 1: Từ Nghỉ hè em thích nhất đến Khi thấy em vào ngõ. + Khổ 2: Tiếp theo đến Chắc bà luôn vất vả. + Khổ 3: Tiếp theo đến Cho cháu về ra hái. + Khổ 4: Còn lại.	- HS lắng nghe, đánh dấu từng khổ thơ trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.	- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc đúng và rõ.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: mồ hôi nhễ nhại, mảnh vườn, chẳng mấy lúc, thơm bao hương quả vườn.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh, sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn HS ngắt nhịp một số dòng thơ: Nghỉ hè em thích nhất / Được theo mẹ về quê; Mảnh vườn quê bé nhỏ / Bao nhiêu là thứ cây.	- HS luyện đọc ngắt nhịp đúng, đọc rõ từng dòng thơ.
- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một khổ thơ, cả nhóm góp ý cho bạn.	- HS luyện đọc trong nhóm 4, sửa lỗi phát âm và cách ngắt nhịp.
- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, tuyên dương nhóm đọc diễn cảm.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc, tốc độ đọc và cách ngắt nhịp.
- GV kết luận: Khi đọc thơ, các em cần đọc đúng nhịp thơ và thể hiện tình cảm yêu thương, vui mừng của nhân vật.	- HS ghi nhớ cách đọc bài thơ.

3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS hiểu niềm vui của bạn nhỏ và tìm được câu thơ thể hiện tình yêu thương của bà.

*Cách tiến hành:

- GV nêu câu hỏi 1: Bạn nhỏ thích nhất điều gì khi nghỉ hè?	- HS trả lời: Bạn nhỏ thích nhất được theo mẹ về quê.
- GV nêu câu hỏi 2: Những câu thơ sau giúp em hiểu điều gì về bạn nhỏ? “Bà em cũng mừng ghê / Khi thấy em vào ngõ.”; “Bà mỗi năm mỗi gầy / Chắc bà luôn vất vả.”	- HS trả lời: Bạn nhỏ cảm nhận được bà rất vui khi cháu về; bạn nhỏ biết bà vất vả, quan tâm đến sức khỏe của bà.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi: Câu thơ nào cho thấy bà yêu thương cháu?	- HS nêu: “Bà theo quạt liềm tay”, “Bà bảo thích để dành / Cho cháu về ra hái”.
- GV kết luận: Bài thơ cho thấy tình cảm yêu thương giữa bà và cháu rất ấm áp, gần gũi.	- HS lắng nghe và nêu lại: Bạn nhỏ yêu bà, bà thương cháu.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút)	

Mục tiêu: Ôn nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu sâu hơn bài thơ.

**Cách tiến hành:*

- Ôn bài cũ: GV hỏi: Bạn nhỏ trong bài thơ thích nhất điều gì khi nghỉ hè?	- HS ôn lại bài cũ: HS trả lời: Bạn nhỏ thích nhất được theo mẹ về quê.
- GV nhận xét và dẫn vào tiết học: Chúng ta sẽ tìm thêm những chi tiết thể hiện tình yêu thương của bà và luyện viết chữ hoa A, Ă, Â.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và phần viết.

2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4 (10 phút)

Mục tiêu: HS nêu được việc làm thể hiện tình yêu thương của bà và lí do bạn nhỏ yêu thích kì nghỉ hè ở quê.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết quyền trẻ em/quyền con người gắn với bài học và thực hiện bốn phận phù hợp trong gia đình, nhà trường.

**Cách tiến hành:*

- GV nêu câu hỏi 3: Kể những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu.	- HS trả lời: Bà mừng khi cháu về, quạt cho cháu, kể chuyện cho cháu nghe, dành quả trong vườn cho cháu.
- GV hỏi dẫn: Từ những việc làm của bà, em hiểu trẻ em trong gia đình cần được điều gì?	- HS trả lời: Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, lắng nghe và bảo vệ trong gia đình.
- Tích hợp QCN: GV nêu câu hỏi dẫn: “Qua những việc làm của bà trong bài thơ, em thấy trẻ em trong gia đình cần được hưởng những quyền gì? Bên cạnh đó, các em cần thực hiện bốn phận nào?”. GV diễn giải: Trẻ em có quyền được yêu thương, chăm sóc, lắng nghe, bảo vệ và tạo điều kiện học tập, vui chơi trong gia đình. Cùng với quyền đó, các em có bốn phận kính trọng ông bà, cha mẹ, nói lời lễ phép, biết hỏi thăm sức khỏe, giúp việc vừa sức, giữ gìn nề nếp gia đình và thể hiện tình cảm bằng những việc làm cụ thể hằng ngày.	- HS nêu việc làm cụ thể: Em chào hỏi ông bà, phụ giúp nhặt rau, lấy nước, dọn bàn ăn, nói lời cảm ơn khi được chăm sóc.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy vui thích trong kì nghỉ hè ở quê?	- HS trả lời: Vì bạn nhỏ được ở bên bà, được bà yêu thương, được nghe kể chuyện, được chơi trong vườn có nhiều cây trái.
- GV kết luận: Kì nghỉ hè ở quê vui vì có người thân yêu thương và có những cảnh vật gần gũi, thân thuộc.	- HS lắng nghe, nêu được ý nghĩa bài thơ.

3. Luyện tập - Học thuộc lòng 3 khổ thơ em thích (6 phút)

Mục tiêu: HS học thuộc lòng một số khổ thơ và đọc diễn cảm.

**Cách tiến hành:*

- GV yêu cầu HS chọn 3 khổ thơ em thích để luyện đọc thuộc lòng.	- HS chọn 3 khổ thơ, đọc thầm nhiều lượt để ghi nhớ.
- GV tổ chức HS đọc thuộc theo cặp, bạn nghe nhắc nhẹ nếu bạn quên.	- HS đọc thuộc theo cặp, sửa cho nhau cách đọc và nhịp thơ.

- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc trước lớp.	- HS đọc thuộc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
- GV kết luận: Học thuộc thơ giúp các em ghi nhớ những hình ảnh đẹp và tình cảm trong bài.	- HS lắng nghe, tiếp tục luyện đọc thuộc ở nhà.
4. Thực hành viết - Ôn chữ hoa A, Ă, Â (13 phút) <i>Mục tiêu: HS viết đúng chữ hoa A, Ă, Â, tên riêng Đông Anh và câu ứng dụng.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa A, Ă, Â trong SGK và hỏi: Ba chữ hoa này giống và khác nhau ở điểm nào? 	- HS trả lời: Các chữ có nét chính giống nhau; chữ Ă có dấu mũ ngược, chữ Â có dấu mũ trên chữ A.
- GV viết mẫu chữ A, Ă, Â trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình viết nét chính và vị trí dấu phụ.	- HS quan sát, nhắc lại điểm cần chú ý khi viết dấu phụ.
- GV yêu cầu HS viết bảng con chữ A, Ă, Â.	- HS viết bảng con, giờ bảng, sửa lỗi về độ cao, độ rộng, nét nổi.
- Bài tập viết: Viết tên riêng: Đông Anh.	- HS viết tên riêng Đông Anh vào vở, chú ý viết hoa chữ Đ và A.
- GV giới thiệu ngắn: Đông Anh là một huyện ở Hà Nội, gần với di tích thành Cổ Loa.	- HS lắng nghe, hiểu thêm về địa danh Đông Anh.
- Bài tập viết: Viết câu ứng dụng: Ai về đến huyện Đông Anh / Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.	- HS viết câu ứng dụng vào vở, chú ý trình bày đúng dòng thơ và viết hoa tên riêng.
- GV nhận xét một số bài viết, nhắc HS sửa lỗi về khoảng cách chữ, dấu thanh, chữ hoa.	- HS tự sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.
5. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ tình cảm gia đình và quê hương.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, biết kiểm tra thông tin, tự diễn đạt và không cung cấp thông tin cá nhân.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: GV nêu câu hỏi dẫn: “Nếu muốn tìm thêm hình ảnh về vườn quê để nói cho hay hơn, em có thể nhờ công cụ số hỗ trợ như thế nào? Khi dùng AI, em cần lưu ý điều gì?”. GV diễn giải: GV minh họa bằng tài khoản giáo viên cách tìm kiếm bằng giọng nói hoặc từ khóa như “vườn trái cây”, “quê hương”, “cánh đồng” để quan sát hình ảnh minh họa và gợi thêm từ ngữ. GV nhấn mạnh: AI chỉ hỗ trợ quan sát, tìm ý, gợi	- HS quan sát, nêu thêm từ ngữ miêu tả vườn quê và nhắc lại: AI/công cụ số chỉ hỗ trợ tìm ý, em tự nói bằng tình cảm thật của mình.

từ; khi nói hoặc viết, các em phải tự diễn đạt bằng cảm xúc thật của mình, đồng thời không nhập thông tin cá nhân và chỉ sử dụng nguồn do GV hoặc người lớn hướng dẫn.	
- GV dẫn HS luyện đọc thuộc 3 khổ thơ và chuẩn bị tiết luyện tập từ chỉ sự vật, hoạt động.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 2: VỀ THĂM QUÊ

Tiết 3: Luyện tập - Từ chỉ sự vật, hoạt động

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và tìm được từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động dựa vào tranh đồng quê trong SGK.
- Phân loại được từ ngữ theo nhóm: chỉ người, chỉ con vật, chỉ hoạt động.
- Đặt được câu giới thiệu và câu nêu hoạt động dựa vào từ ngữ đã tìm được.
- Ghép được từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu đúng, có nghĩa.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát tranh, tìm từ và hoàn thành bài tập theo yêu cầu.
- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ phù hợp để đặt câu đúng, sinh động.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, đặt câu và sửa câu theo góp ý.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân và nhiệm vụ nhóm.
- Nhân ái: biết tôn trọng ý kiến của bạn khi trao đổi trong nhóm.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và vận dụng bài học vào ứng xử hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh đồng quê trong SGK, bảng bài tập 1, thẻ từ ghép câu, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ bài thơ và giới thiệu yêu cầu luyện tập từ ngữ trong chủ điểm. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV nhắc lại chủ điểm Những trải nghiệm thú vị và hỏi: Trong bài Về thăm quê, em nhớ những sự vật, con vật hoặc hoạt động nào ở quê?	- HS ôn lại bài cũ: HS nêu: bà, cháu, vườn, cây, quả, con trâu, cánh đồng, gặt lúa, gặm cỏ.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em sẽ quan sát tranh đồng quê để tìm từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động và đặt câu.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.
2. LUYỆN TẬP: TỪ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG - BÀI TẬP 1 (12 phút)	

Mục tiêu: HS quan sát tranh và phân loại từ ngữ theo nhóm.

**Cách tiến hành:*

- **Bài tập 1:** Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (theo mẫu).



- HS đọc yêu cầu bài tập và quan sát tranh.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4 theo kỹ thuật khăn phủ bàn: mỗi bạn viết từ mình tìm được, sau đó thống nhất vào bảng nhóm.

- HS làm việc nhóm 4, tìm từ và ghi vào bảng nhóm.

- GV gợi ý: Từ chỉ sự vật gồm chỉ người, chỉ con vật; từ chỉ hoạt động là việc người hoặc con vật đang làm.

- HS phân loại: chỉ người, chỉ con vật, chỉ hoạt động.

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.

- HS trình bày: Chỉ người: bác nông dân, bạn nhỏ; Chỉ con vật: con trâu, con vịt, con cá, cánh cò; Chỉ hoạt động: gặt lúa, gặm cỏ, bay, chăn trâu, mò cua, bơi.

- GV chiếu bảng gợi ý và yêu cầu HS đối chiếu, bổ sung từ đúng.

Từ ngữ chỉ sự vật		Từ ngữ chỉ hoạt động
Chỉ người	Chỉ con vật	
bác nông dân		gặt lúa
	con trâu	gặm cỏ
/ \	/ \	/ \

- HS đối chiếu, bổ sung từ còn thiếu và sửa từ chưa đúng.

- GV kết luận: Muốn phân loại từ đúng, các em cần hiểu nghĩa của từ và dựa vào tranh, vào câu văn cụ thể.

- HS lắng nghe, ghi nhớ cách phân loại từ.

3. LUYỆN TẬP: TỪ CHỈ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG - BÀI TẬP 2, 3 (15 phút)

Mục tiêu: HS đặt câu và ghép từ ngữ thành câu đúng.

**Cách tiến hành:*

- **Bài tập 2:** Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài tập 1, đặt câu. a. Câu giới thiệu. b. Câu nêu hoạt động.

- HS đọc yêu cầu và làm bài cá nhân vào vở.

- GV nêu mẫu câu giới thiệu: Các cô bác nông dân là những người làm ra lúa gạo.

- HS đặt câu giới thiệu: Con trâu là con vật quen thuộc ở làng quê; Cánh cò là hình ảnh đẹp trên đồng ruộng.

- GV nêu mẫu câu nêu hoạt động: Các cô bác nông dân đang gặt lúa.

- HS đặt câu nêu hoạt động: Con trâu đang gặm cỏ; Đàn vịt đang bơi dưới nước; Cánh cò bay trên đồng.

- GV mời HS đọc câu, nhận xét câu có đủ ý, đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm.

- HS đọc câu của mình, sửa câu nếu thiếu ý hoặc thiếu dấu câu.

<p>- Bài tập 3: Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chép lại các câu đó.</p> <p>3. Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chép lại các câu.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>A</th> <th>B</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chim chóc</td> <td>bay đi tìm hoa.</td> </tr> <tr> <td>Bầy ong</td> <td>đưa nhau hút mật trong vòm cây.</td> </tr> <tr> <td>Đàn cá</td> <td>bơi dưới hồ nước.</td> </tr> </tbody> </table>	A	B	Chim chóc	bay đi tìm hoa.	Bầy ong	đưa nhau hút mật trong vòm cây.	Đàn cá	bơi dưới hồ nước.	<p>- HS quan sát bảng và ghép: Chim chóc bay đi tìm hoa; Bầy ong đưa nhau hút mật trong vòm cây; Đàn cá bơi dưới hồ nước.</p>
A	B								
Chim chóc	bay đi tìm hoa.								
Bầy ong	đưa nhau hút mật trong vòm cây.								
Đàn cá	bơi dưới hồ nước.								
<p>- GV yêu cầu HS chép lại các câu đúng vào vở.</p>	<p>- HS chép câu, chú ý viết hoa đầu câu và đặt dấu chấm cuối câu.</p>								
<p>- GV kết luận: Khi đặt câu hoặc ghép câu, các em cần chọn từ ngữ phù hợp để câu có nghĩa rõ ràng.</p>	<p>- HS lắng nghe và sửa bài.</p>								
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) Mục tiêu: HS vận dụng từ ngữ đã học để nói về một cảnh quê hoặc hoạt động quen thuộc; nhắc lại nội dung chính của tiết học. Mục tiêu tích hợp: HS biết vận dụng kỹ năng sống phù hợp với bài học, biết tự bảo vệ, hợp tác, lắng nghe và ứng xử an toàn. *Cách tiến hành:</p>									
<p>- GV yêu cầu HS nói một câu giới thiệu và một câu nêu hoạt động về cảnh quê hoặc cảnh gần nhà em.</p>	<p>- HS nói: Vườn rau là nơi bà em trồng nhiều loại rau. Bà em đang tưới rau; Bác bảo vệ đang quét sân trường.</p>								
<p>- GV hỏi: Khi làm việc nhóm, em cần ứng xử thế nào để nhóm làm việc hiệu quả?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần lắng nghe bạn, nói nhỏ vừa đủ nghe, không chê bai, biết góp ý lịch sự.</p>								
<p>- Tích hợp KNS: GV nêu câu hỏi dẫn: “Khi làm việc nhóm, vì sao các em cần biết lắng nghe và chờ đến lượt nói? Nếu ý kiến của em khác bạn, em nên nói như thế nào?”. GV diễn giải: Khi hợp tác, các em cần phân công nhiệm vụ rõ ràng, lắng nghe ý kiến của nhau, chờ đến lượt nói, góp ý bằng lời nhẹ nhàng, biết hỗ trợ bạn và cùng chịu trách nhiệm với sản phẩm chung. Kỹ năng hợp tác và giao tiếp lịch sự sẽ giúp nhóm làm việc hiệu quả hơn và tạo không khí học tập thân thiện.</p>	<p>- HS nêu lại: Em biết lắng nghe, chia sẻ ý kiến, tôn trọng bạn và hoàn thành phần việc của mình.</p>								
<p>- GV dặn HS chuẩn bị tiết viết tin nhắn.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>								

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 2: VỀ THĂM QUÊ

Tiết 4: Luyện tập - Viết tin nhắn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được điểm giống và khác nhau giữa hai tin nhắn về người viết, người nhận, nội dung và phương tiện thực hiện.
- Viết được tin nhắn ngắn gọn, đúng nội dung, đúng người nhận trong một tình huống cụ thể.
- Biết đọc lại tin nhắn, phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.

- Biết tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ viết về hoạt động yêu thích của trẻ em theo yêu cầu đọc mở rộng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn nội dung cần nhấn, tự soát lỗi trước khi chia sẻ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với bạn để nhận xét tin nhắn ngắn gọn, lịch sự, rõ ý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn cách diễn đạt phù hợp với từng người nhận và từng tình huống.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: biết nhấn tin đúng mục đích, đúng người nhận, không làm phiền người khác.
- Trung thực: viết nội dung đúng sự thật, không bịa chuyện, không nhấn tin thiếu lịch sự.
- Nhân ái: biết dùng lời nhắn thân thiện, lễ phép với người thân và bạn bè.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.2.CB1a: HS biết tin nhắn là hình thức giao tiếp trong môi trường số; viết nội dung ngắn gọn, lịch sự, đúng người nhận.
- Không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin riêng tư khi nhấn tin.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình hai tin nhắn trong SGK, phiếu so sánh hai tin nhắn, phiếu viết tin nhắn, bảng tiêu chí soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Kết nối chủ điểm với hoạt động giao tiếp bằng tin nhắn. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV nhắc lại chủ điểm Những trải nghiệm thú vị và hỏi: Khi có một trải nghiệm vui trong kì nghỉ hè, em có thể kể cho người thân hoặc bạn bè bằng cách nào?	- HS ôn lại bài cũ: HS trả lời: Em có thể kể trực tiếp, gọi điện, viết thư, viết tin nhắn, gửi lời nhắn qua bố mẹ.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em học cách viết tin nhắn ngắn gọn, lịch sự, đúng người nhận.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết tin nhắn.
2. LUYỆN TẬP: VIẾT TIN NHẮN - BÀI TẬP 1 (10 phút) Mục tiêu: HS nhận biết các cách viết tin nhắn khác nhau về người viết, người nhận, nội dung và phương tiện. <i>*Cách tiến hành:</i>	

<p>- Bài tập 1: So sánh để tìm những điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn dưới đây. a. Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn. b. Nội dung tin nhắn. c. Phương tiện thực hiện.</p>  <p>1. So sánh để tìm những điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn dưới đây:</p> <p>a. Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn b. Nội dung tin nhắn c. Phương tiện thực hiện</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, quan sát hai tin nhắn trên giấy và trên điện thoại.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, mỗi nhóm hoàn thành bảng so sánh.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, phân công bạn ghi ý, bạn trình bày.</p>
<p>- GV hỏi: Tin nhắn trên giấy do ai viết, gửi cho ai, nội dung gì?</p>	<p>- HS trả lời: Tuấn viết cho Hùng; nội dung là rủ Hùng ra sân bóng lúc chiều vì đội bóng không có nhà.</p>
<p>- GV hỏi: Tin nhắn trên điện thoại do ai viết, gửi cho ai, nội dung gì?</p>	<p>- HS trả lời: Châu Phương viết cho bà; nội dung là báo tin cháu đã về đến nhà, mùa hè sang năm sẽ lại về với bà.</p>
<p>- GV hỏi: Phương tiện thực hiện của hai tin nhắn có gì khác nhau?</p>	<p>- HS trả lời: Một tin nhắn viết trên giấy; một tin nhắn gửi bằng điện thoại.</p>
<p>- GV kết luận: Tin nhắn có thể viết trên giấy hoặc gửi qua thiết bị số, nhưng đều cần đúng người nhận, rõ nội dung, lời lẽ lịch sự.</p>	<p>- HS nhắc lại đặc điểm của tin nhắn.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: VIẾT TIN NHẮN - BÀI TẬP 2 (12 phút) Mục tiêu: HS viết được tin nhắn phù hợp với một tình huống cụ thể. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: Em hãy soạn tin nhắn theo một trong các tình huống sau: a. Em nhắn người thân mua cho mình một đồ dùng học tập. b. Em nhắn bạn mang cho mình mượn cuốn truyện.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và chọn một tình huống để viết tin nhắn.</p>
<p>- GV hướng dẫn cấu trúc tin nhắn: gọi người nhận, nêu việc cần nhắn, lời cảm ơn hoặc lời chào, tên người viết nếu cần.</p>	<p>- HS ghi nhớ cấu trúc: Người nhận - Nội dung - Lời kết.</p>
<p>- GV nêu mẫu tình huống a: Mẹ ơi, chiều nay mẹ mua giúp con một quyển vở ô ly nhé. Con cảm ơn mẹ. Con: An.</p>	<p>- HS đọc mẫu và nhận xét: Tin nhắn ngắn gọn, lễ phép, rõ đồ dùng cần mua.</p>
<p>- GV nêu mẫu tình huống b: Minh ơi, ngày mai bạn cho mình mượn cuốn Dế Mèn phiêu lưu kí được không? Mình sẽ giữ gìn cẩn thận và trả bạn sau khi đọc xong. Cảm ơn Minh. Nam.</p>	<p>- HS đọc mẫu và nhận xét: Tin nhắn rõ người nhận, rõ việc cần nhờ, lời nói lịch sự.</p>

- GV yêu cầu HS viết tin nhắn cá nhân vào vở, sau đó đổi vở cho bạn nhận xét theo tiêu chí: đúng người nhận, rõ nội dung, ngắn gọn, lịch sự, không sai chính tả.	- HS viết tin nhắn vào vở, đổi vở cho bạn đọc và góp ý.
- GV mời 2 - 3 HS đọc tin nhắn trước lớp.	- HS đọc tin nhắn; lớp nhận xét bạn viết đúng tình huống, dùng lời nhắn lịch sự.

4. LUYỆN TẬP: VIẾT TIN NHẮN - BÀI TẬP 3 (5 phút)

Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và sửa lỗi trong tin nhắn.

Mục tiêu tích hợp: HS biết tin nhắn là hình thức giao tiếp trong môi trường số; viết nội dung ngắn gọn, lịch sự, đúng người nhận; không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin riêng tư khi nhắn tin.

**Cách tiến hành:*

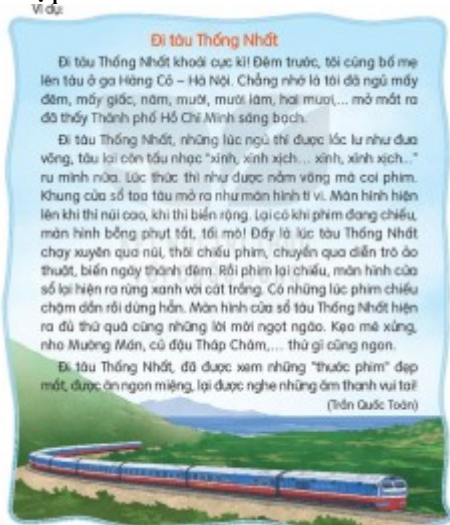
- Bài tập 3: Đọc lại tin nhắn của em, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).	- HS đọc lại tin nhắn của mình, gạch chân chỗ cần sửa và sửa lại cho rõ ý, đúng chính tả.
- GV hỏi: Khi gửi tin nhắn, em cần kiểm tra những điều gì trước khi gửi?	- HS trả lời: Kiểm tra người nhận, nội dung, lỗi chính tả, cách xưng hô, lời cảm ơn hoặc lời chào.
- GV hỏi dẫn: Khi viết tin nhắn trên điện thoại hoặc máy tính bảng, em có nên gửi địa chỉ nhà, số điện thoại, hình ảnh cá nhân cho người lạ không?	- HS trả lời: Không. Em chỉ nhắn với người quen, không gửi thông tin riêng tư cho người lạ.
- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.2.CB1a: GV nêu câu hỏi dẫn: “Khi viết hoặc gửi tin nhắn trên môi trường số, em cần lưu ý điều gì để vừa lịch sự vừa an toàn?”. GV diễn giải: Tin nhắn cần đúng người nhận, nội dung ngắn gọn, rõ ràng, lời lẽ lịch sự và phù hợp mục đích giao tiếp. Các em không chia sẻ địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh cá nhân, tên trường/lớp hoặc lịch trình riêng khi chưa có sự đồng ý và hướng dẫn của người lớn. Khi nhận được tin nhắn lạ hoặc có nội dung không an toàn, các em cần báo ngay cho cha mẹ hoặc thầy cô.	- HS nêu lại quy tắc: Nhắn tin lịch sự, đúng người; không chia sẻ thông tin cá nhân; hỏi người lớn khi thấy tin nhắn lạ.

5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (6 phút)

Mục tiêu: HS biết tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ viết về những hoạt động yêu thích của trẻ em và nhắc lại cách viết tin nhắn lịch sự, an toàn.

**Cách tiến hành:*

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ vận dụng trong SGK: Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ viết về những hoạt động yêu thích của trẻ em; ghi vào phiếu đọc sách theo mẫu và chia sẻ với người thân.	- HS nêu cách thực hiện: tìm đọc sách, truyện, bài thơ phù hợp lứa tuổi; ghi ngày đọc, tên bài, tác giả, hoạt động được nói đến và chi tiết em thích nhất.
--	--

<p>- GV cho HS quan sát văn bản Đoàn tàu Thống Nhất trong SGK và hướng dẫn cách tìm bài đọc phù hợp.</p> 	<p>- HS quan sát, biết có thể tìm đọc ở SGK, thư viện lớp, thư viện trường hoặc nhờ người thân gợi ý sách phù hợp.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, chốt cách viết tin nhắn ngắn gọn, lịch sự, đúng người nhận và dặn HS hoàn thành nhiệm vụ đọc mở rộng.</p>	<p>- HS nhắc lại cách viết tin nhắn và ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết tin nhắn ngắn gọn, lịch sự và an toàn khi nhắn tin.</p>	<p>- HS nhắc lại nội dung cần nhớ và ghi nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 TUẦN 2 - CHỦ ĐIỂM: NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ Bài 3: CÁNH RỪNG TRONG NẮNG - Bài 4: LÀN ĐÀU RA BIỂN BÀI 3: CÁNH RỪNG TRONG NẮNG

TIẾT 1, 2: Đọc - Cánh rừng trong nắng; Nói và nghe - Sự tích loài hoa của mùa hạ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Cánh rừng trong nắng; biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.
- Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trước sự việc và cảnh vật trong câu chuyện qua giọng đọc.
- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; hiểu những cảm nhận của các bạn nhỏ về cảnh vật đẹp và thú vị trong cánh rừng.
- Nghe hiểu nội dung câu chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ; kể lại được từng đoạn của câu chuyện dựa theo tranh và lời gợi ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, luyện đọc đoạn, tự soát lỗi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để trả lời, kể chuyện và vận dụng vào thực tế.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện viết, tham gia hoạt động học tập.
- Nhân ái: biết yêu quý thiên nhiên, con người; biết chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân.

- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường, giữ an toàn khi vui chơi, học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp:

- GDBVMT: HS yêu cảnh đẹp của các cánh rừng trên đất nước ta, từ đó thêm yêu quý môi trường xung quanh, có ý thức bảo vệ môi trường.

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Bồi dưỡng cho HS lối sống nhân ái, biết tha thứ, đoàn kết và sẵn sàng giúp đỡ người khác qua câu chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ.

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên để gợi ý câu hỏi tìm hiểu tranh rừng hoặc tranh kể chuyện; HS nhận biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, cần kiểm tra với SGK, quan sát thực tế và không nhập thông tin cá nhân khi sử dụng công cụ số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Kế hoạch bài dạy, máy tính, tivi/máy chiếu, tranh minh họa bài đọc, tranh kể chuyện, bản đồ Việt Nam, thẻ từ luyện đọc, phiếu học tập.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (6 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, ôn bài cũ và dẫn vào bài đọc Cánh rừng trong nắng. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc 2 - 3 khổ thơ trong bài Về thăm quê và trả lời nhanh một câu hỏi về nội dung bài.	- HS đọc thuộc thơ và trả lời: niềm vui của bạn nhỏ khi về quê, khổ thơ em thích nhất.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc Cánh rừng trong nắng và thảo luận nhóm đôi: Tranh vẽ cảnh ở đâu? Em thích hình ảnh nào trong tranh? Vì sao?	- HS quan sát tranh, trao đổi: tranh vẽ cảnh trong rừng, có cây cối, ánh nắng, dòng suối, các bạn nhỏ và ông.
	
- GV nhận xét, tuyên dương những HS trả lời rõ ý, biết quan sát chi tiết trong tranh.	- HS trình bày ý kiến trước lớp; các bạn khác lắng nghe, bổ sung.
- GV giới thiệu bài: Bài đọc hôm nay giúp các em đến với một cánh rừng trong nắng, nơi có nhiều âm thanh, hình ảnh và con vật thú vị.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Cánh rừng trong nắng.
2. Khám phá - Hoạt động đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; bước đầu biết đọc diễn cảm và hiểu trình tự của bài đọc. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi	- HS lắng nghe GV đọc mẫu, theo dõi bài trong SGK.

cảm.	
- GV giới thiệu dãy Trường Sơn trên bản đồ Việt Nam để HS dễ hình dung bối cảnh bài đọc.	- HS quan sát bản đồ, biết dãy Trường Sơn là bối cảnh được nhắc đến trong bài.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.	- HS lắng nghe cách đọc, ghi nhớ yêu cầu đọc.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi.
- GV chia đoạn: (3 đoạn) + Đoạn 1: Từ đầu đến tiếng chim hót líu lo. + Đoạn 2: Tiếp theo đến nhìn ngơ ngác. + Đoạn 3: Còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu 3 đoạn vào SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: lưng Trường Sơn, núi non trùng điệp, róc rách, líu lo, vượn bạc má, hoẵng.	- HS luyện đọc cá nhân, đọc đồng thanh từ khó.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Biết bao cảnh sắc/ như hiện ra trước mắt chúng tôi:/ bầy vượn tinh nghịch/ đánh đu trên cành cao,/ đàn hươu nai xinh đẹp và hiền lành/ rủ nhau ra suối,/ những vạt cỏ đầm sương/ long lanh trong nắng.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi sau các cụm từ phù hợp.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3; nhận xét, sửa lỗi phát âm và ngắt nghỉ.	- HS luyện đọc nhóm 3; nhóm trưởng nhắc các bạn đọc đúng, rõ.
3. Khám phá - Hoạt động trả lời câu hỏi 1, 2 (12 phút) Mục tiêu: Tìm được chi tiết về âm thanh, cảnh vật, con vật trong rừng; bước đầu nêu cảm nhận về cảnh rừng. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu câu hỏi bổ sung: Các bạn nhỏ được ông cho đi đâu? Ông chuẩn bị cho các bạn thứ gì để mang theo?	- HS trả lời: Ông cho các bạn đi thăm rừng; ông đưa cho mỗi cháu một tàu lá cọ để che nắng.
- GV nêu câu hỏi 1: Khi đi trong rừng, các bạn nhỏ nghe thấy những âm thanh gì?	- HS trả lời: Các bạn nghe tiếng suối róc rách và tiếng chim hót líu lo.
- GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn đầu, làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi để tìm chi tiết.	- HS đọc thầm, gạch chân chi tiết và trao đổi với bạn.
- GV nêu câu hỏi 2: Cây cối và con vật trong rừng được tả như thế nào? GV gợi ý tách thành hai ý: cây cối; con vật.	- HS nêu: cây cối vượn ngọn lên cao tít, nhiều cây thân thẳng tắp, tán lá tròn xoe; sóc nhảy thoăn thoắt, vượn bạc má, hoẵng nhìn ngơ ngác.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài đọc. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại những âm	- HS ôn lại bài cũ: HS nêu tiếng suối róc rách,

thanh các bạn nhỏ nghe thấy trong rừng.	tiếng chim hót líu lo và các âm thanh trong rừng.
- GV hỏi: Cây cối và con vật trong rừng được miêu tả như thế nào?	- HS trả lời ngắn: Cây cối um tùm, nhiều tầng; con vật có vượn, hươu nai, hoẵng rất sinh động.
- GV nhận xét và dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu câu chuyện ông kể và cảm nhận của các bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4 và chuẩn bị trả lời.
- GV nhắc HS đọc thầm lại đoạn cuối để chuẩn bị trả lời câu hỏi.	- HS đọc thầm đoạn cuối trong SGK.

2. Khám phá - Hoạt động trả lời câu hỏi 3, 4 (12 phút)

Mục tiêu: HS hiểu câu chuyện ông kể, nêu được cảm nhận về chuyến đi thăm rừng cùng ông.

Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu cảnh đẹp của rừng, có ý thức giữ gìn cây xanh, bảo vệ muông thú và môi trường thiên nhiên.

**Cách tiến hành:*

- GV nêu câu hỏi 3: Trên đường về, ông đã kể những gì cho các bạn nhỏ?	- HS trả lời: Ông kể về những cánh rừng thuở xưa với bầy vượn, đàn hươu nai và những vật cỏ đầm sương.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, các bạn nhỏ có thấy thú vị với chuyến đi thăm rừng cùng ông không? Vì sao?	- HS nêu ý kiến riêng: Có, vì chuyến đi có nhiều cảnh đẹp, âm thanh vui tai và được nghe ông kể chuyện rừng xưa.
- GV hỏi dẫn: Sau khi đọc Cánh rừng trong nắng, em thấy rừng đem lại những lợi ích gì cho con người, cây cối và các loài vật? Nếu các em được đi tham quan rừng hoặc công viên cây xanh, em cần làm gì để giữ cảnh quan luôn xanh, sạch, đẹp? - Tích hợp GDBVMT: GV diễn giải: Rừng là nơi sinh sống của rất nhiều loài cây, chim thú và cũng góp phần giữ không khí trong lành, giữ nước, làm cho quê hương thêm đẹp. Vì vậy, khi tham quan thiên nhiên, HS cần đi đúng lối, không bẻ cành, hái hoa, không khắc chữ lên cây, không xả rác, không phá tổ chim, không săn bắt động vật. GV nhấn mạnh mỗi việc làm nhỏ như bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh, nhắc bạn giữ vệ sinh đều góp phần bảo vệ môi trường sống của con người và muông thú.	- HS trả lời: Rừng cho không khí trong lành, có nhiều cây xanh và là nơi ở của các loài vật; khi đi tham quan cần giữ vệ sinh, không phá hoại cây cối. - HS lắng nghe, nêu việc làm cụ thể: không xả rác, không bẻ cây, chăm sóc cây xanh, nhắc bạn cùng bảo vệ môi trường.
- GV chốt nội dung: Cánh rừng hiện lên đẹp, sinh động, đáng yêu; chuyến đi giúp các bạn nhỏ thêm yêu thiên nhiên.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.

3. Luyện đọc lại (6 phút)

Mục tiêu: Đọc lại toàn bài hoặc một đoạn em thích với giọng rõ ràng, diễn cảm.

**Cách tiến hành:*

- GV đọc diễn cảm đoạn từ Mặt trời chiếu	- HS lắng nghe, cảm nhận giọng đọc gợi tả vẻ đẹp
--	--

những luồng sáng qua kẽ lá đến nhìn ngơ ngác.	của rừng.
- GV yêu cầu HS luyện đọc lại theo nhóm đôi; chú ý nhấn giọng ở từ gợi tả và ngắt nghỉ ở câu dài.	- HS luyện đọc nhóm đôi, góp ý cho bạn về tốc độ đọc và cách ngắt nghỉ.
- GV mời 2 - 3 HS đọc trước lớp; nhận xét, động viên.	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét bạn đọc rõ, có cảm xúc.
4. Nói và nghe: Kể chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ (10 phút) Mục tiêu: Đoán nội dung tranh, nghe kể và kể lại từng đoạn câu chuyện. Mục tiêu tích hợp: HS biết sống nhân ái, tha thứ, đoàn kết và sẵn sàng giúp đỡ người khác qua câu chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát bốn tranh, đọc yêu cầu 1 và đoán nội dung từng tranh. 1. Đoán nội dung từng tranh. Sự tích loài hoa của mùa hạ (Theo Truyện cổ tích nước ngoài)  Các loài hoa nói gì về cây xương rồng? Chuyện gì xảy ra khi mùa hè đến? Xương rồng đã làm gì cho các loài hoa? Xương rồng vui mừng vì điều gì?	- HS quan sát tranh, đọc yêu cầu và nêu phán đoán.
- GV gợi ý: Tranh 1 có những loài hoa nào? Tranh 2 điều gì xảy ra khi mùa hè đến? Tranh 3 xương rồng làm gì? Tranh 4 xương rồng vui mừng vì điều gì?	- HS trả lời theo tranh: các loài hoa, mùa hè nắng gắt, xương rồng truyền nước, xương rồng nở hoa rực rỡ.
- GV giới thiệu nhanh: Câu chuyện kể về cây xương rồng tốt bụng, ở hiền gặp lành.	- HS lắng nghe phần giới thiệu câu chuyện.
- GV kể chuyện lần 1 kết hợp chỉ tranh; lần 2 dừng lại ở một số chi tiết để HS nhớ nội dung.	- HS lắng nghe GV kể, ghi nhớ trình tự sự việc.
- GV hướng dẫn HS kể theo bước: nhắc lại sự việc trong tranh; tập kể từng đoạn; kể nối tiếp trong nhóm.	- HS luyện kể theo cặp/nhóm; mỗi bạn kể một tranh hoặc kể đoạn mình nhớ nhất.
- GV mời 1 nhóm kể nối tiếp trước lớp, nhận xét, khen ngợi.	- HS kể trước lớp; lớp nhận xét bạn kể đúng tranh, đủ ý, giọng kể tự nhiên.
- GV hỏi dẫn: Trong câu chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ, cây xương rồng đã cư xử thế nào khi các loài hoa từng chê bai mình nhưng sau đó gặp khó khăn? - Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối	- HS trả lời: Cây xương rồng đã giúp các loài hoa dù trước đó bị chê bai; đó là việc làm tốt bụng và đáng quý. - HS liên hệ bản thân: biết tha thứ, sống chan hòa, giúp đỡ bạn bè khi bạn gặp khó khăn.

sống: GV diễn giải: Cây xương rồng không giận, không để bụng chuyện bị chê bai mà vẫn dang tay giúp các loài hoa vượt qua nắng hạn. Qua đó, GV giáo dục HS biết sống nhân ái, biết tha thứ, đoàn kết, không chế giễu bạn và sẵn sàng giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Trong học tập và sinh hoạt hằng ngày, các em cần biết nói lời tử tế, biết chia sẻ đồ dùng, động viên bạn, cùng nhau xây dựng tập thể lớp yêu thương và tiến bộ.

5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng bài học vào thực tế, khắc sâu nội dung bài và chuẩn bị tiết học sau.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý câu hỏi tìm hiểu tranh/câu chuyện; cần kiểm tra lại với SGK, quan sát thực tế và không nhập thông tin cá nhân.

**Cách tiến hành:*

- GV hỏi dẫn: Nếu giáo viên dùng ChatGPT hoặc Gemini để gợi ý câu hỏi tìm hiểu tranh rừng hay tranh kể chuyện, công cụ AI có thể giúp được điều gì và chúng ta cần chú ý điều gì?

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV diễn giải: AI có thể hỗ trợ gợi ý câu hỏi, sắp xếp ý tưởng hoặc đưa ra một số từ ngữ tham khảo để HS quan sát tranh, kể chuyện tốt hơn. Tuy nhiên, AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không thay thế việc các em tự quan sát tranh, đọc SGK, nghe thầy cô hướng dẫn và kể bằng lời của mình. Khi dùng công cụ số, HS không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin riêng tư của gia đình; mọi gợi ý của AI cần được kiểm tra lại với SGK và thực tế.

- HS trả lời: AI có thể gợi ý câu hỏi hoặc từ ngữ, nhưng em vẫn phải quan sát tranh và kiểm tra lại với SGK.

- HS quan sát phần GV trình chiếu, nêu lại quy tắc: AI chỉ hỗ trợ gợi ý; em không chia sẻ thông tin riêng tư khi dùng công cụ số.

- GV hướng dẫn HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện Sự tích loài hoa của mùa hạ và trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

- GV nhận xét kết quả học tập bài 3 tiết đọc - nói nghe; khen ngợi HS học tập tích cực, có tiến bộ.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV dặn HS đọc lại bài Cánh rừng trong nắng và chuẩn bị tiết Viết.

- HS chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 3: CÁNH RỪNG TRONG NẮNG TIẾT 3: Viết - Nghe viết: Cánh rừng trong nắng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng đoạn văn trong bài Cánh rừng trong nắng từ Khi nắng đã nhạt màu đến hết; trình bày đúng đoạn văn, viết hoa chữ đầu câu.
- Tìm và viết đúng từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh; tìm thêm được một số từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.
- Biết tự soát lỗi, sửa lỗi chính tả và trình bày bài sạch đẹp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tập trung nghe - viết, tự soát lỗi và sửa lỗi theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo, góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc g/gh để tìm thêm từ ngữ đúng yêu cầu.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, đầy đủ, đúng thời gian.
- Trung thực: tự viết, tự soát lỗi, không chép bài của bạn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch, chữ rõ, biết sửa lỗi sau khi viết.

4. Tích hợp:

- GDBVMT: HS biết yêu thiên nhiên, bảo vệ cây xanh, nguồn nước, động vật và cảnh quan; không xả rác, không phá hoại môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, đoạn văn nghe - viết, tranh bài tập chính tả, thẻ g/gh, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập và ôn lại nội dung bài đọc. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chơi nhanh: Nêu một hình ảnh hoặc âm thanh em nhớ trong bài Cánh rừng trong nắng.	- HS nêu: tiếng suối róc rách, tiếng chim líu lo, cây cao, sóc nâu, hươu nai, vạt cỏ đầm sương.
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn vào tiết nghe - viết.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (21 phút) Mục tiêu: Nghe - viết đúng đoạn văn; trình bày sạch đẹp và biết soát lỗi. *Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu nghe - viết: Cánh rừng trong nắng (từ Khi nắng đã nhạt màu đến hết). 	- HS lắng nghe yêu cầu.

- GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.	- HS nghe, theo dõi trong SGK.
- GV hướng dẫn HS tìm và đọc lại đoạn văn trong SGK; mời 1 HS đọc trước lớp.	- 1 HS đọc đoạn văn; cả lớp đọc thầm.
- GV hướng dẫn HS quan sát đoạn văn: các dấu câu được sử dụng, chữ cần viết hoa ở đầu câu và tên bài.	- HS nêu: có dấu chấm, dấu phẩy; viết hoa chữ đầu câu và tên bài.
- GV hướng dẫn viết một số từ khó: thuở xưa, tinh nghịch, hươu nai, đầm sương, long lanh.	- HS luyện viết từ khó vào bảng con hoặc nháp.
- GV đọc tên bài, đọc từng câu/cụm từ cho HS viết vào vở.	- HS nghe - viết vào vở.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lỗi; hướng dẫn HS đổi vở kiểm tra chéo.	- HS tự soát lỗi, đổi vở cho bạn, góp ý nhẹ nhàng.
- GV nhận xét một số bài, động viên HS viết đúng, viết đẹp.	- HS lắng nghe và sửa lỗi nếu có.

3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút)

Mục tiêu: Làm đúng bài tập phân biệt g/gh và mở rộng vốn từ.

**Cách tiến hành:*

- Bài tập 2. GV mời HS đọc yêu cầu: Nhìn tranh, tìm và viết tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV cho HS quan sát tranh trong SGK, làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi.	- HS quan sát tranh, tìm và viết từ vào vở.
- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung: báo gấm, gấu, gà gô, gà lôi, cái gậy, gạch lát đường, ghế,...	- Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Bài tập 3. GV mời HS đọc yêu cầu: Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng g hoặc gh.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV tổ chức cho HS tìm từ theo nhóm 4; lưu ý khi HS nêu từ, GV hỏi tiếng/từ bắt đầu bằng g hay gh.	- HS làm việc nhóm 4, nêu từ: ngòai ghế, ghé thăm, gọi nhau, lúa gạo, dầu gội đầu, gạo mức nước,...
- GV nhận xét, tuyên dương nhóm tìm được nhiều từ đúng.	- HS lắng nghe, sửa bài.

4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút)

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức chính tả và ý thức bảo vệ thiên nhiên vào thực tế.

Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng câu văn đúng chính tả để thể hiện ý thức yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống.

**Cách tiến hành:*

- GV hỏi dẫn: Khi viết câu có từ bắt đầu bằng g hoặc gh, em có thể chọn nội dung nào để thể hiện tình yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ môi trường?	- HS trả lời: Em có thể viết câu về việc gom rác, giữ gìn gốc cây, chăm sóc cây xanh, bảo vệ con vật. - HS viết câu theo gợi ý, ví dụ: Chúng em gom
--	--

- Tích hợp GDBVMT: GV diễn giải: Qua bài Cánh rừng trong nắng, HS không chỉ luyện viết đúng chính tả mà còn biết dùng câu văn để nhắc nhở bản thân giữ gìn môi trường. Các em có thể viết những câu nói về việc gom rác, giữ ghế đá sạch, chăm sóc gốc cây, bảo vệ gấu, gà gô, chim muông và không làm hại cảnh quan thiên nhiên. GV nhấn mạnh viết đúng, nói đúng và làm đúng sẽ giúp các em hình thành thói quen sống văn minh, yêu thiên nhiên, bảo vệ cây xanh, nguồn nước, động vật và môi trường xung quanh.	rác bỏ vào thùng. Ghế đá trong sân trường cần được giữ sạch.
- GV mời 2 - 3 HS đọc câu đã viết; nhận xét cách dùng từ, đặt câu và chính tả.	- HS đọc câu trước lớp; các bạn nhận xét, góp ý và sửa lỗi nếu có.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà đọc lại bài viết, sửa lỗi và chuẩn bị Bài 4.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 4: LẦN ĐẦU RA BIỂN

TIẾT 1, 2: Đọc - Lần đầu ra biển; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Lần đầu ra biển; bước đầu biết đọc diễn cảm đoạn văn bộc lộ cảm xúc và đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp.
- Hiểu nội dung câu chuyện; nhận biết cảm xúc của nhân vật trước những sự vật mới lạ và người bạn mới gặp.
- Hiểu điều tác giả muốn nói: Mỗi chuyến đi chơi, tham quan giúp ta có thêm hiểu biết về thiên nhiên và con người.
- Đọc mở rộng: đọc bài về những hoạt động yêu thích của trẻ em, viết vào phiếu đọc sách và chia sẻ điều em biết được.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, luyện đọc đoạn, tự soát lỗi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để trả lời, kể chuyện và vận dụng vào thực tế.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện viết, tham gia hoạt động học tập.
- Nhân ái: biết yêu quý thiên nhiên, con người; biết chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường, giữ an toàn khi vui chơi, học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp:

- GDKNS: HS biết đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn đuối nước khi vui chơi, tham quan ở biển.
- QPAN: Giáo dục HS lòng yêu quê hương, ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo và an ninh Tổ quốc.

- ATGT: HS biết an toàn khi vui chơi, tham quan ở biển; không tắm biển một mình, không chạy nhảy gần mép nước, luôn đi cùng người lớn và tuân thủ hướng dẫn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc, tranh/ảnh cảnh đẹp biển Quy Nhơn, tranh/ảnh con còng gió, phiếu đọc sách, sách/truyện phục vụ đọc mở rộng.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, phiếu đọc sách, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (6 phút) Mục tiêu: Ôn bài cũ, tạo hứng thú và dẫn vào bài Lần đầu ra biển. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV mời HS nói về một cảnh đẹp hoặc một loài vật em thích nhất trong bài Cánh rừng trong nắng.	- HS nêu cảnh rừng, tiếng suối, con sóc, hươu nai hoặc hình ảnh em thích.
- GV cho HS quan sát tranh, nêu tình huống: Nếu lớp em lên kế hoạch đi dã ngoại, em sẽ góp ý nên đi chơi ở biển hay ở núi? Vì sao?	- HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống.
	
- GV cho HS trao đổi nhóm đôi, từng bạn nêu ý kiến và lí do.	- HS trao đổi nhóm đôi, nêu ý kiến: đi biển/đi núi và giải thích.
- GV giới thiệu bài: Bài đọc nói về một bạn nhỏ lần đầu được thấy biển, bạn ấy ngạc nhiên, thích thú khám phá điều mới lạ và gặp được người bạn mới.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Lần đầu ra biển.
2. Khám phá - Hoạt động đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: Đọc đúng toàn bài; biết đọc lời nhân vật và câu thể hiện cảm xúc phù hợp. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng diễn cảm, nhấn giọng ở những câu thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của Thắng khi lần đầu thấy biển.	- HS lắng nghe GV đọc mẫu, theo dõi SGK.
- GV dùng tranh ảnh đã chuẩn bị giới thiệu cảnh đẹp của biển Quy Nhơn: Mũi Én, Ghềnh	- HS quan sát tranh ảnh, hình dung bối cảnh bài đọc.

Ráng,...	
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp.	- HS lắng nghe yêu cầu đọc.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài, cả lớp theo dõi.
- GV chia đoạn/lượt đọc: 1 HS đọc đoạn từ đầu đến chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu; 3 HS đọc theo vai đoạn đối thoại giữa Thắng và Hải: người dẫn chuyện, Thắng, Hải.	- HS nắm cách chia đoạn và cách đọc theo vai.
- GV hướng dẫn đọc từ khó: thuở bé, rón rén, Ghềnh Ráng, Quy Nhơn, còng giò.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.
- GV hướng dẫn đọc câu cảm: “A! Biển! Biển đây rồi. Thích quá!”; “Ôi! Biển rộng quá, xanh quá, chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu.”	- HS luyện đọc câu cảm với giọng ngạc nhiên, thích thú.
- GV tổ chức HS luyện đọc theo nhóm 4; mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp; nhận xét.	- HS luyện đọc nhóm 4; các nhóm đọc trước lớp, nhận xét cho nhau.
3. Khám phá - Hoạt động trả lời câu hỏi 1, 2 (12 phút) Mục tiêu: Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu, nhận biết cảm xúc của Thắng khi lần đầu thấy biển. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Câu 1. GV yêu cầu HS tìm những câu thể hiện cảm xúc của Thắng khi lần đầu tiên thấy biển. 	- HS tìm và đọc: “A! Biển! Biển đây rồi. Thích quá!”, “Thắng reo toáng lên...”, “Cậu đứng ngây ra nhìn biển.”
- Câu 2. GV hỏi: Biển hiện ra như thế nào trước mắt Thắng?	- HS trả lời: Biển rộng lớn, rất xanh, chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài Lần đầu ra biển. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu những câu thể hiện cảm xúc của Thắng khi lần đầu tiên thấy biển.	- HS ôn lại bài cũ: HS đọc hoặc nêu các câu thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú của Thắng.
- GV hỏi: Biển hiện ra như thế nào trước mắt Thắng?	- HS trả lời: Biển rộng lớn, rất xanh, chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu.
- GV nhận xét và dẫn vào tiết học: Chúng ta	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.

tiếp tục tìm hiểu con vật Thắng chú ý và cuộc gặp gỡ với Hải.	
- GV nhắc HS đọc thầm đoạn đối thoại giữa Thắng và Hải để chuẩn bị trả lời.	- HS đọc thầm đoạn đối thoại trong SGK.
2. Khám phá - Hoạt động trả lời câu hỏi 3, 4, 5 (12 phút) Mục tiêu: HS nhận biết con vật Thắng chú ý, đóng vai giới thiệu về Hải và dự đoán điều thú vị tiếp theo. Mục tiêu tích hợp: HS biết đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn đuối nước khi vui chơi, tham quan ở biển. *Cách tiến hành:	
- Câu 3. GV hỏi: Thắng đã chú ý đến con vật gì trên bãi biển? GV giải thích thêm về con còng gió.	- HS trả lời: Thắng chú ý đến con còng gió; chỉ cần đến gần là nó chạy biến vào hang.
- Câu 4. GV hướng dẫn HS đóng vai Thắng, giới thiệu về Hải.	- HS đóng vai: Đây là bạn Hải, quê ở Hà Nội, hè này được bố cho vào Quy Nhơn thăm bác...
- Câu 5. GV hỏi: Theo em, cuộc gặp gỡ giữa Thắng và Hải hứa hẹn những điều gì thú vị tiếp theo?	- HS nêu ý kiến: Hai bạn có thể đi tắm biển, đá bóng, tham quan Quy Nhơn, viết thư cho nhau.
- GV hỏi dẫn: Khi lần đầu ra biển, bạn Thắng rất thích thú và muốn chạy ra bãi cát. Nếu là em, em cần làm gì để chuyển đi biển vừa vui vừa an toàn? - Tích hợp GDKNS: GV diễn giải: Khi vui chơi, tham quan ở biển, trẻ em thường hào hứng, dễ chạy nhảy xa người lớn hoặc tự ý xuống nước. GV nhắc HS phải luôn đi cùng cha mẹ hoặc người lớn, không tự ý xuống biển, không bơi một mình, không đùa nghịch, xô đẩy bạn dưới nước, không chạy gần mép nước hoặc khu vực có sóng mạnh. Khi thấy bạn gặp nguy hiểm, HS không tự nhảy xuống cứu mà phải gọi người lớn, nhân viên cứu hộ hoặc người có trách nhiệm hỗ trợ ngay.	- HS trả lời: Em phải đi cùng người lớn, không tự ý xuống nước, không bơi một mình và không đùa nghịch nguy hiểm. - HS nhắc lại quy tắc an toàn: tuân thủ nội quy bãi tắm, giữ khoảng cách an toàn và gọi người lớn khi có tình huống nguy hiểm.
- GV chốt: Mỗi chuyến đi giúp chúng ta thêm hiểu biết, biết làm quen với bạn mới và biết giữ an toàn.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. Luyện đọc lại (6 phút) Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm đoạn đối thoại và thể hiện đúng cảm xúc nhân vật. *Cách tiến hành:	
- GV đọc diễn cảm toàn bài hoặc đoạn đối thoại giữa Thắng và Hải.	- HS lắng nghe giọng đọc mẫu.
- GV cho HS luyện đọc theo cặp, đọc theo vai.	- HS luyện đọc theo cặp, phân vai người dẫn chuyện, Thắng, Hải.
- GV mời một số nhóm thi đọc trước lớp; nhận	- HS thi đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ,

xét, tuyên dương.	đúng vai, có cảm xúc.
4. Đọc mở rộng (10 phút) Mục tiêu: Biết tìm đọc bài về hoạt động yêu thích của trẻ em và ghi thông tin vào phiếu đọc sách. Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn hoạt động an toàn khi vui chơi, tham quan ở biển; không tắm biển một mình, không chạy nhảy gần mép nước, luôn đi cùng người lớn và tuân thủ hướng dẫn. *Cách tiến hành:	
<p>- GV cho HS quan sát phiếu đọc sách trong SGK và hướng dẫn ghi các thông tin: ngày đọc, tên bài, tác giả, hoạt động được nói đến trong bài, chi tiết em thích nhất.</p>  <p>1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ... về những hoạt động yêu thích của trẻ em (xem phim, xem xiếc, tham quan, dã ngoại...) và viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <p>2. Chia sẻ với bạn về chi tiết em thích nhất trong bài.</p>	<p>- HS quan sát phiếu đọc sách, biết các thông tin cần ghi.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chọn số ngôi sao để đánh giá mức độ yêu thích với văn bản đã đọc.</p>	<p>- HS chọn mức độ yêu thích bằng số ngôi sao.</p>
<p>- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm 4 về thông tin đã ghi trong phiếu đọc sách.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, chia sẻ bài đọc và chi tiết em thích.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Khi đọc hoặc chia sẻ bài về hoạt động yêu thích của trẻ em ở biển, em cần chọn những hoạt động như thế nào để vừa vui, vừa an toàn?</p> <p>- Tích hợp ATGT: GV diễn giải: Khi đi du lịch, tham quan biển hoặc di chuyển bằng tàu, xe, HS cần biết giữ an toàn cho bản thân và mọi người. Các em cần xếp hàng khi lên xuống tàu xe, không chen lấn, không chạy nhảy trên bến tàu, nhà ga, bãi đỗ xe; khi vui chơi ở biển phải đi cùng người lớn, không tắm biển một mình, không chạy gần mép nước, không đùa nghịch ở nơi đông người và luôn tuân thủ hướng dẫn của người lớn, biển báo, nhân viên cứu hộ.</p>	<p>- HS trả lời: Em chọn hoạt động có người lớn đi cùng, không nguy hiểm, không chạy nhảy gần mép nước.</p> <p>- HS nêu được các hoạt động an toàn khi đi biển và biết lựa chọn thông tin phù hợp để chia sẻ với bạn.</p>
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: Liên hệ tình yêu quê hương, biển đảo; khắc sâu nội dung bài học. Mục tiêu tích hợp: HS thêm yêu quê hương, có ý thức giữ gìn môi trường biển và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. *Cách tiến hành:	
<p>- GV hỏi dẫn: Biển trong bài đọc hiện lên rộng lớn, xanh đẹp. Theo em, vì sao chúng ta cần yêu quý, giữ gìn biển đảo quê hương?</p>	<p>- HS trả lời: Vì biển đảo là cảnh đẹp của quê hương và là một phần lãnh thổ của đất nước ta.</p> <p>- HS nêu việc làm phù hợp: không xả rác ở biển,</p>

- Tích hợp QPAN: GV diễn giải: Biển không chỉ là cảnh đẹp để tham quan, vui chơi mà còn là một phần lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Mỗi vùng biển, hòn đảo đều gắn với đời sống của ngư dân, với sự phát triển của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh Tổ quốc. HS cần hình thành tình yêu quê hương, biết giữ gìn môi trường biển sạch đẹp, không xả rác, trân trọng công lao của những người đang ngày đêm bảo vệ biển đảo và thể hiện lòng yêu nước bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.	tìm hiểu về biển đảo Việt Nam, yêu quý và biết ơn những người bảo vệ biển đảo.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực đọc, trả lời câu hỏi và chia sẻ.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- GV dẫn HS tìm đọc thêm câu chuyện, bài văn, bài thơ viết về những hoạt động yêu thích của trẻ em.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng ở nhà.
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 4: LÀN ĐẦU RA BIỂN

TIẾT 3: Luyện tập - Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Xếp được các từ chỉ đặc điểm đã cho vào ba nhóm: từ ngữ chỉ màu sắc, từ ngữ chỉ hình dáng/kích thước, từ ngữ chỉ hương vị.
- Tìm thêm được từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm và đặt câu với 2 - 3 từ ngữ tìm được.
- Dựa vào tranh, chọn được từ thích hợp thay cho ô vuông; biết sử dụng từ chỉ đặc điểm để tạo câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động làm bài, tự kiểm tra và sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết thảo luận nhóm, trình bày kết quả và nhận xét bài của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết quan sát sự vật xung quanh để tìm từ chỉ đặc điểm phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực hoàn thành bài tập luyện từ và câu.
- Trách nhiệm: giữ trật tự khi làm việc nhóm, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu lịch sự, rõ ràng; biết lắng nghe, hợp tác, phản hồi phù hợp khi trao đổi trong nhóm.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: HS biết tìm kiếm, quan sát thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi; biết dùng công cụ số đơn giản để trình bày, chia sẻ kết quả đọc - nói - nghe.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, phiếu học tập, bảng nhóm, tranh minh họa bài tập, một số hình ảnh sự vật để gợi ý tìm từ.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú và ôn lại hiểu biết về từ chỉ đặc điểm.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Tìm từ chỉ màu sắc, hình dáng, hương vị trong các câu ngắn.	- HS tham gia trò chơi, nêu từ: nâu, cao lớn, thơm ngát, xanh, nhỏ xíu,...
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn vào bài luyện tập.	- HS lắng nghe, chuẩn bị học bài.
2. LUYỆN TẬP: TỪ NGỮ CHỈ ĐẶC ĐIỂM; CÂU NÊU ĐẶC ĐIỂM (24 phút) <i>Mục tiêu: Làm đúng các bài tập về từ chỉ đặc điểm và câu nêu đặc điểm.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết lắng nghe, hợp tác, phản hồi lịch sự khi trao đổi nhóm và trình bày kết quả học tập.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài 1. GV yêu cầu HS đọc kỹ yêu cầu, đọc lại các từ in đậm trong hai đoạn văn.	- HS đọc yêu cầu, đọc các từ in đậm.
- GV hỏi: Bài tập yêu cầu xếp từ vào mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?	- HS trả lời: ba nhóm: màu sắc, hình dáng/kích thước, hương vị.
- GV giải thích: từ ngữ chỉ hương vị là từ ngữ chỉ mùi, vị của sự vật, nhận biết bằng khứu giác và vị giác.	- HS lắng nghe, nêu ví dụ: thơm, ngọt, chua, cay, mặn.
- GV cho HS làm việc nhóm đôi, xếp từ vào bảng ba nhóm.	- HS làm việc nhóm đôi, ghi kết quả vào phiếu.
- GV chốt: Từ chỉ màu sắc: vàng, trắng, nâu nhạt; từ chỉ hình dáng, kích thước: nhỏ xíu, nhỏ, dài, cao ngệu; từ chỉ hương vị: thơm ngát.	- HS sửa bài vào vở.
- Bài 2. GV yêu cầu HS tìm thêm từ ngữ chỉ đặc điểm theo ba nhóm và đặt câu với 2 - 3 từ ngữ tìm được.	- HS quan sát sự vật xung quanh, tìm từ và đặt câu: Cánh đồng lúa chín vàng. Bầu trời xanh ngát.
- Bài 3. GV yêu cầu HS dựa vào tranh, chọn từ thích hợp thay cho ô vuông trong bài Cô chổi rơm; chốt đáp án: xinh xắn, vàng óng, bé. <div style="font-size: small;"> <p>2. Tìm thêm từ ngữ chỉ đặc điểm theo ba nhóm nêu trên và đặt câu với 2 - 3 từ ngữ tìm được.</p> <p>3. Dựa vào tranh, chọn từ thích hợp thay cho ô vuông.</p> <p style="text-align: center;">Cô chổi rơm</p> <p style="text-align: center;">bé, xinh xắn, vàng óng</p> <p>Trong họ hàng nhà chổi thì cô bé chổi rơm vào loại xinh xắn nhất. Cô có chiếc váy vàng óng, không ai đẹp bằng. Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp vàng tươi, được tết sẵn lại, cuộn tầng vòng quanh người, trông có như là áo len vậy.</p> <p>Tuy xinh xắn nhưng chổi rơm rất được việc. Ngày hai lần, chị Thuý Linh-mang chổi ra quét nhà. Chỉ quét nhà thôi, còn sân, vườn đã có chổi khác cùng hơn.</p> <p style="text-align: right;">(Theo Vũ Duy Thống)</p> </div> 	- HS làm bài, đọc lại câu đã điền từ.

<p>- GV hỏi dẫn: Khi làm việc nhóm để xếp từ chỉ đặc điểm và đặt câu, em cần nói, nghe và góp ý với bạn như thế nào để nhóm làm việc hiệu quả?</p> <p>- Tích hợp KNS: GV diễn giải: Trong hoạt động luyện từ và câu, HS không chỉ tìm đúng từ, đặt câu đúng mà còn rèn kỹ năng hợp tác. Khi thảo luận, các em cần lắng nghe ý kiến của bạn, nói rõ ràng, không ngắt lời, biết hỏi lại khi chưa hiểu, góp ý nhẹ nhàng và cùng thống nhất kết quả chung. GV nhấn mạnh lời nói lịch sự, thái độ tôn trọng và tinh thần hợp tác sẽ giúp nhóm học tập vui vẻ, hiệu quả hơn.</p>	<p>- HS trả lời: Em cần lắng nghe bạn, nói rõ ý, góp ý nhẹ nhàng và thống nhất kết quả chung.</p> <p>- HS thực hiện kỹ năng hợp tác: lắng nghe, phản hồi lịch sự, tôn trọng ý kiến của bạn.</p>
--	---

3. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (7 phút)

Mục tiêu: Vận dụng vốn từ chỉ đặc điểm vào quan sát, trình bày và chia sẻ bằng công cụ số phù hợp.

Mục tiêu tích hợp: HS sử dụng thông tin/hình ảnh số do GV cung cấp để mở rộng vốn từ, không tự ý truy cập nguồn không phù hợp.

**Cách tiến hành:*

<p>- GV hỏi dẫn: Khi GV cho xem hình ảnh minh họa trên thiết bị số để tìm thêm từ chỉ đặc điểm, em cần sử dụng thông tin đó như thế nào cho đúng và an toàn?</p> <p>- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: GV diễn giải: Thiết bị số và hình ảnh minh họa có thể giúp HS quan sát sự vật rõ hơn, tìm thêm từ chỉ màu sắc, hình dáng, kích thước, hương vị và trình bày kết quả học tập sinh động hơn. Tuy nhiên, HS chỉ quan sát hình ảnh do GV cung cấp hoặc nguồn phù hợp lứa tuổi, không tự ý truy cập trang lạ, không bấm vào đường link không rõ nguồn, không tải hình ảnh tùy tiện và không chia sẻ thông tin cá nhân. Khi dùng thông tin số, các em cần chọn nội dung cần thiết, trình bày ngắn gọn và nói được vì sao thông tin đó phù hợp với bài học.</p>	<p>- HS trả lời: Em chỉ xem hình ảnh do GV cung cấp, chọn thông tin phù hợp và không tự ý truy cập nguồn lạ.</p> <p>- HS quan sát hình ảnh, nêu từ chỉ đặc điểm như xanh mướt, đỏ rực, tròn xoe, thơm ngát và trình bày ngắn gọn trước lớp.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đặt 1 câu có từ chỉ đặc điểm vừa tìm được.</p>	<p>- HS đặt câu và đọc trước lớp.</p>
<p>- GV nhận xét, đánh giá tiết học và dặn HS chuẩn bị tiết luyện viết đoạn.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 4: LẦN ĐẦU RA BIỂN TIẾT 4: Luyện tập - Viết đoạn văn kể lại hoạt động

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết quan sát tranh và kể lại các hoạt động trong từng tranh.
- Kể được một hoạt động em đã làm cùng người thân trong gia đình theo gợi ý.
- Viết được đoạn văn 3 - 4 câu kể lại một hoạt động chung của gia đình; biết trao đổi, soát lỗi và sửa lỗi.
- Có thêm hiểu biết thú vị về những vùng đất mới và biết cách làm quen với người bạn mới.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động chuẩn bị ý, viết bài và tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết hỏi - đáp trong nhóm, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để kể và viết đoạn văn rõ ý.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, gắn bó với người thân trong gia đình.
- Chăm chỉ: tích cực luyện nói, luyện viết và sửa bài.
- Trách nhiệm: biết giữ an toàn khi đi lại, giữ gìn vệ sinh môi trường khi tham gia hoạt động cùng gia đình.

4. Tích hợp:

- GDBVMT: HS biết vứt rác đúng nơi quy định, giữ gìn môi trường khi đi chơi, du lịch.
- ATGT: HS biết an toàn khi đi tàu, xe, khi vui chơi ở biển; không chen lấn, không đùa nghịch và luôn đi cùng người lớn.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: GV dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên để minh họa cách gợi ý dàn ý kể lại hoạt động đã làm cùng người thân; HS hiểu AI chỉ hỗ trợ gợi ý, không viết thay, không sao chép nguyên văn và không nhập thông tin riêng tư của gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

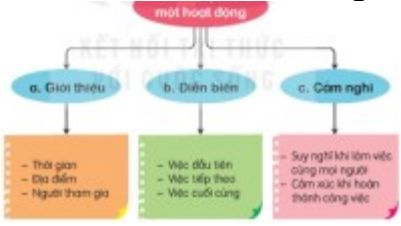
- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bốn hoạt động trong SGK, sơ đồ gợi ý kể lại một hoạt động, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại từ chỉ đặc điểm và tạo tâm thế cho hoạt động nói - viết.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Vòng quay kì diệu” hoặc hỏi nhanh để HS tìm từ chỉ màu sắc, hình dáng, hoạt động, hương vị trong các câu ngắn.	- HS tham gia trò chơi, trả lời: màu nâu, cao lớn, nhảy phóc, thơm ngát,...
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn vào tiết luyện viết đoạn về hoạt động chung của gia đình.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài học.
2. LUYỆN TẬP: QUAN SÁT TRANH, KỂ LẠI CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG TỪNG TRANH (10 phút) <i>Mục tiêu: Biết quan sát tranh và kể lại hoạt động trong từng tranh theo trình tự.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ an toàn khi đi tàu, xe, khi vui chơi ở biển; không chen lấn, không đùa nghịch và luôn đi cùng người lớn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1 và quan sát	- HS đọc yêu cầu và quan sát tranh.

<p>bốn tranh trong SGK.</p>  <p>2. Kể lại một hoạt động em đã làm cùng những người thân trong gia đình.</p>	
<p>- GV hỏi: Các tranh thể hiện hoạt động gì? Nhân vật trong tranh đang làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: các tranh thể hiện chuyến đi du lịch biển của gia đình.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS kể theo từng tranh: (1) Cả nhà lên tàu bắt đầu chuyến du lịch; (2) Vui chơi trên bãi biển: đá bóng, xây lâu đài cát; (3) Tắm biển; (4) Dạo chơi trên bờ biển vào đêm trăng.</p>	<p>- HS kể theo từng tranh, nêu rõ ai, làm gì, ở đâu.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Quan sát các tranh về gia đình đi du lịch, em thấy các bạn nhỏ cần chú ý điều gì khi đi tàu, xe và khi vui chơi ở biển?</p> <p>- Tích hợp ATGT: GV diễn giải: Khi cùng gia đình đi du lịch, HS cần biết giữ an toàn trong suốt hành trình. Khi đi tàu, xe, các em phải xếp hàng, ngồi đúng chỗ, không chen lấn, không chạy nhảy, không thò đầu hoặc tay ra ngoài cửa sổ, biết nghe lời người lớn. Khi vui chơi, tắm biển, các em cần mặc áo phao nếu cần, đi cùng người lớn, không bơi một mình, không đùa nghịch ở khu vực nguy hiểm và tuân thủ nội quy bãi tắm. Giữ an toàn cho bản thân cũng là thể hiện trách nhiệm với gia đình và cộng đồng.</p>	<p>- HS trả lời: Khi đi tàu, xe phải xếp hàng, ngồi đúng chỗ; khi tắm biển phải có người lớn đi cùng và không đùa nghịch nguy hiểm.</p> <p>- HS nhắc lại quy tắc an toàn khi đi tàu, xe và khi vui chơi ở biển.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, kể lại hoạt động trong từng tranh; mời 2 - 3 nhóm trình bày.</p>	<p>- HS làm việc nhóm đôi, trình bày trước lớp.</p>
<p>- GV nhận xét, bổ sung, khen HS kể rõ trình tự.</p>	<p>- HS lắng nghe, sửa cách kể cho rõ hơn.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: KỂ VÀ VIẾT ĐOẠN VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA GIA ĐÌNH (16 phút)</p> <p>Mục tiêu: Kể và viết được đoạn văn 3 - 4 câu về một hoạt động đã làm cùng người thân.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu AI chỉ hỗ trợ gợi ý dàn ý, không viết thay; không sao chép nguyên văn và không nhập thông tin riêng tư của gia đình.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2. GV mời HS đọc yêu cầu: Kể lại một hoạt động em đã làm cùng những người thân trong gia đình.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p>

<p>- GV hướng dẫn HS đọc sơ đồ gợi ý: a. Giới thiệu; b. Diễn biến; c. Cảm nghĩ.</p> 	<p>- HS quan sát sơ đồ, nắm các ý cần kể.</p>
<p>- GV cho HS chọn một hoạt động đã làm cùng người thân; hỏi - đáp theo nhóm đôi để chuẩn bị ý.</p>	<p>- HS chọn hoạt động: đi chơi công viên, về quê, đi biển, nấu ăn cùng mẹ, dọn nhà cùng gia đình,...</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp; nhận xét lời kể rõ ràng, sinh động.</p>	<p>- HS kể trước lớp; các bạn nhận xét, góp ý.</p>
<p>- Bài tập 3. GV hướng dẫn HS viết 3 - 4 câu về điều đã kể theo gợi ý a, b hoặc c ở bài tập 2.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 3 và viết đoạn văn vào vở.</p>
<p>- GV nhắc HS viết câu rõ ý, dùng dấu câu đúng, trình bày sạch đẹp.</p>	<p>- HS chú ý dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý theo trình tự.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Nếu em muốn nhờ AI gợi ý dàn ý kể lại một hoạt động đã làm cùng người thân, em cần sử dụng gợi ý đó như thế nào?</p> <p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: GV diễn giải: ChatGPT/Gemini có thể giúp gợi ý dàn ý gồm thời gian, địa điểm, người tham gia, việc đã làm và cảm nghĩ của em. Tuy nhiên, AI không được viết thay bài của HS; các em chỉ tham khảo cách sắp xếp ý, sau đó tự chọn trải nghiệm thật, tự diễn đạt bằng lời văn của mình và kiểm tra lại câu văn trước khi viết. GV nhấn mạnh HS không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ nhà, số điện thoại, hình ảnh riêng tư hoặc câu chuyện riêng của gia đình vào công cụ AI; không sao chép nguyên văn vì bài viết cần thể hiện cảm xúc thật của bản thân.</p>	<p>- HS trả lời: Em chỉ tham khảo dàn ý, tự viết bằng trải nghiệm thật của mình và không sao chép nguyên văn.</p> <p>- HS nêu lại quy tắc: không nhập họ tên, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh hoặc câu chuyện riêng tư của gia đình vào AI.</p>
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: Sửa đoạn văn, liên hệ giữ gìn môi trường khi tham gia hoạt động cùng gia đình.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ gìn vệ sinh môi trường khi đi chơi, du lịch và thể hiện ý thức đó trong lời kể, đoạn viết.</i></p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV hỏi dẫn: Sau khi kể và viết về một hoạt động cùng gia đình, em cần làm gì để chuyến đi chơi, du lịch luôn vui vẻ và không làm ảnh hưởng đến môi trường?</p> <p>- Tích hợp GDBVMT: GV diễn giải: Khi đi chơi cùng gia đình, mỗi HS cần có ý thức giữ gìn vệ sinh và cảnh quan chung. Các em cần bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt chai nhựa, túi</p>	<p>- HS trả lời: Em cần bỏ rác vào thùng, giữ vệ sinh nơi đi chơi, không làm hỏng cây cối, cảnh quan hoặc sinh vật biển.</p> <p>- HS nêu việc làm cụ thể: không xả rác ở bãi biển, nhắc người thân giữ vệ sinh, cùng gia đình thu gom rác sau khi vui chơi.</p>

ni-lông xuống bãi biển, không giẫm đạp cây cỏ, không bẻ cành, không lấy san hô, vỏ sò hoặc sinh vật biển về làm đồ chơi. Khi viết đoạn văn kể lại hoạt động gia đình, HS có thể đưa vào những việc làm đẹp như cùng người thân thu gom rác, giữ bãi biển sạch, nhắc em nhỏ không xả rác để thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường.	
- GV yêu cầu HS về nhà đọc lại đoạn văn đã viết, phát hiện lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý và lỗi chính tả để sửa lại.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ sửa đoạn văn ở nhà.
- GV nhắc HS kể cho người thân nghe đoạn văn và hỏi thêm ý kiến góp ý.	- HS ghi nhớ trao đổi với người thân.
- GV chốt nội dung bài học: Kể và viết về hoạt động chung của gia đình giúp ta thêm yêu thương, gắn bó với người thân; khi đi chơi cần giữ an toàn và bảo vệ môi trường.	- HS nhắc lại nội dung bài học.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực, có tiến bộ.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 3 - Chủ đề 1: NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ

Bài 5: NHẬT KÍ TẬP BOI - Bài 6: TẬP NẤU ĂN

BÀI 5: NHẬT KÍ TẬP BOI

TIẾT 1, 2: Đọc - Nhật kí tập bơi; Nói và nghe - Một buổi tập luyện

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Nhật kí tập bơi; biết ngắt nghỉ hơi ở câu dài, đọc phù hợp giọng kể trong nhật kí.
- Hiểu được nội dung các dòng nhật kí: bạn nhỏ tập bơi từ bờ ngõ, sợ nước đến cố gắng luyện tập và biết bơi.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK về sự chuẩn bị, cảm xúc, việc học bơi và suy nghĩ của bạn nhỏ.
- Kể được một buổi tập luyện của bản thân theo gợi ý: nội dung tập luyện, các bước luyện tập, cảm xúc khi tập luyện.
- Biết lắng nghe, nhận xét và trao đổi lịch sự khi bạn kể về một buổi tập luyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, luyện đọc đoạn và tự điều chỉnh cách đọc theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn để tìm chi tiết trong bài và chia sẻ về một buổi tập luyện.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu để kể rõ một buổi tập luyện của bản thân.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện nói, mạnh dạn chia sẻ trải nghiệm học tập và rèn luyện.
- Trách nhiệm: biết rèn luyện thân thể đúng cách, giữ an toàn khi tham gia hoạt động dưới nước.
- Nhân ái: biết động viên bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập, luyện tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được vui chơi, rèn luyện thân thể, phát triển toàn diện; biết mạnh dạn chia sẻ cảm xúc khi tham gia hoạt động thể thao.
- GDKNS về phòng tránh đuối nước: HS nhận thức học bơi là kĩ năng sinh tồn; biết bơi ở nơi an toàn, có người lớn hướng dẫn, không bơi một mình và không đùa nghịch nguy hiểm dưới nước.
- Tích hợp NLS 1.2.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết lựa chọn video/nội dung hướng dẫn tập luyện, học bơi an toàn do GV hoặc người lớn giới thiệu; không tự làm theo clip nguy hiểm, không chia sẻ hình ảnh, địa điểm, lịch học bơi của cá nhân trên môi trường số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh bài đọc Nhật kí tập bơi; tranh Nói và nghe Một buổi tập luyện; thẻ từ luyện đọc; phiếu thảo luận nhóm; hình ảnh/video ngắn về an toàn bơi lội do GV chọn lọc.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giới thiệu chủ điểm, tạo hứng thú và dẫn vào bài đọc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu tiếp chủ điểm Những trải nghiệm thú vị: Ở tuần này, các em tiếp tục đọc, nói, viết về những trải nghiệm giúp mình lớn lên, mạnh dạn hơn và biết thêm nhiều điều bổ ích.	- HS lắng nghe và nêu được: Chủ điểm giúp em chia sẻ những việc đã làm, những cảm xúc khi trải nghiệm điều mới.
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm đôi: Biết bơi có lợi ích gì?	- HS trao đổi và trả lời: Biết bơi giúp rèn luyện sức khỏe, giúp em tự tin hơn, có thể phòng tránh nguy hiểm khi ở gần nước.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Em thấy bạn nhỏ đang ở đâu? Bạn nhỏ đang làm gì? <p>Đầu tiên, cô dạy mình tập thở. Nhưng khi thở dưới nước, mình toàn bị sặc. Mình sợ đến mức không dám xuống nước nữa. Mẹ bảo do mình chưa quen. Mẹ vỗ về, động viên mình mãi. Thế là mình tiếp tục tập luyện.</p> <p>Cuối buổi, mình vẫn chưa thở dưới nước được. Mình thấy hơi buồn. Mình nghĩ lần sau, mình sẽ tập tốt hơn.</p>	- HS quan sát tranh và trả lời: Bạn nhỏ đang ở bể bơi, được cô giáo hướng dẫn tập bơi.



- GV giới thiệu bài: Bài Nhật kí tập bơi sẽ cho chúng ta biết bạn nhỏ đã trải qua những ngày đầu học bơi như thế nào.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Nhật kí tập bơi.
- GV kết luận: Mỗi trải nghiệm mới có thể có khó khăn lúc đầu, nhưng nếu cố gắng, chúng ta sẽ tiến bộ.	- HS chuẩn bị đọc bài.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các dòng nhật kí với ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự háo hức, hơi buồn, cố gắng và vui mừng của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc văn bản nhật kí theo diễn biến cảm xúc.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV chia đoạn: (3 đoạn) + Đoạn 1: Từ đầu đến Thế là mình tiếp tục tập luyện. + Đoạn 2: Tiếp theo cho đến mình giống hết như một con ếch ộp. + Đoạn 3: Còn lại.	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu các đoạn theo từng ngày ghi nhật kí.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp 3 đoạn; cả lớp theo dõi và nhận xét cách đọc.

2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút)

Mục tiêu: Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; bước đầu hiểu trình tự các ngày trong nhật kí.

**Cách tiến hành:*

- a. GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể tự nhiên; đoạn đầu thể hiện sự háo hức rồi hơi buồn, đoạn sau thể hiện sự cố gắng và niềm vui khi biết bơi.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý giọng đọc.
- b. GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: tập bơi, phấn khích, sặc nước, bơi ếch, đạp chân, hết như, bơi giỏi.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.
- GV hỏi: Văn bản được viết theo hình thức nào?	- HS trả lời: Văn bản được viết theo hình thức nhật kí, có ghi ngày tháng và kể lại việc tập bơi theo từng ngày.
- GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ phấn khích: phấn khởi, hào hứng.	- HS nhắc lại: Phấn khích là rất vui, rất hào hứng.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3, mỗi bạn đọc một đoạn nhật kí.	- HS luyện đọc nhóm 3; nhóm trưởng nhắc các bạn đọc đúng, rõ.
- GV gọi một nhóm đọc trước lớp và nhận xét.	- Một nhóm đọc trước lớp; HS khác nhận xét bạn đọc đúng, rõ, biết thể hiện cảm xúc.
- GV kết luận: Các em đã đọc đúng văn bản và nhận ra sự thay đổi cảm xúc của bạn nhỏ qua từng ngày tập bơi.	- HS lắng nghe.

3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2, 3 (12 phút)

Mục tiêu: Tìm được chi tiết về sự chuẩn bị, cảm xúc và việc học bơi của bạn nhỏ.

*Cách tiến hành:

- Câu 1. Bạn nhỏ đến bể bơi với ai? Bạn ấy được chuẩn bị những gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ đến bể bơi với mẹ. Bạn được mẹ chuẩn bị mũ bơi và cặp kính bơi màu hồng rất đẹp.
- Câu 2. Bạn nhỏ cảm thấy thế nào trong ngày đầu đến bể bơi?	- HS trả lời: Lúc đầu bạn nhỏ rất phấn khích, nhưng khi thở dưới nước bị sặc nước nên bạn sợ nước, hơi buồn vì chưa thở dưới nước được.
- Câu 3. Kể lại việc học bơi của bạn ấy.  1. Bạn nhỏ đến bể bơi với ai? Bạn ấy được chuẩn bị những gì? 2. Bạn nhỏ cảm thấy thế nào trong ngày đầu đến bể bơi? 3. Kể lại việc học bơi của bạn ấy. 4. Bạn nhỏ nhận ra điều gì thú vị khi biết bơi?	- HS dựa vào tranh và kể: Đầu tiên, cô dạy bạn tập thở dưới nước. Sau đó, cô dạy bạn động tác bơi ếch. Cuối cùng, bạn đã biết bơi và thấy mình giống như một chú cá.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Nêu một việc cho thấy bạn nhỏ đã cố gắng khi tập bơi.	- HS trả lời: Bạn nhỏ tiếp tục tập luyện dù ngày đầu bị sặc nước và hơi buồn; bạn tập thở, tập bơi ếch theo hướng dẫn của cô.
- GV kết luận: Bạn nhỏ đã vượt qua nỗi sợ bằng sự cố gắng và nhờ sự hướng dẫn của cô giáo, sự động viên của mẹ.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nội dung tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động chuyển tiết (3 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Vì sao trong ngày đầu bạn nhỏ hơi buồn?	- HS trả lời: Vì bạn nhỏ chưa thở được dưới nước và bị sặc nước nên còn sợ.
- GV dẫn: Tiết này chúng ta đọc tiếp để biết bạn nhỏ nhận ra điều gì thú vị khi biết bơi và cùng luyện nói về một buổi tập luyện.	- HS lắng nghe và mở SGK.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 4, 5 (10 phút) Mục tiêu: Nêu được điều thú vị khi biết bơi và ý kiến về việc học bơi. Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ an toàn khi học bơi, vui chơi gần nước; không tự ý xuống nước và biết gọi người lớn khi gặp nguy hiểm. *Cách tiến hành:	
- Câu 4. Bạn nhỏ nhận ra điều gì thú vị khi biết bơi?	- HS trả lời: Bạn nhỏ nhận ra con nào cũng biết bơi mà giống mình, nên thấy việc biết bơi thật vui và thú vị.

- Câu 5. Theo em, việc học bơi dễ hay khó? Vì sao?	- HS nêu ý kiến: Học bơi lúc đầu khó vì dễ sợ nước, nhưng nếu có người hướng dẫn và chăm chỉ luyện tập thì sẽ biết bơi; hoặc học bơi rất thú vị vì giúp em khỏe và tự tin hơn.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Khi học bơi hoặc vui chơi ở hồ bơi, em cần làm gì để an toàn?	- HS trả lời: Em phải đi cùng người lớn, nghe lời thầy cô, khởi động trước khi xuống nước, không đùa nghịch, không tự ý xuống hồ sâu.
- GV tích hợp GDKNS về phòng tránh đuối nước: Học bơi là kỹ năng cần thiết nhưng phải học ở nơi an toàn, có thầy cô hoặc người lớn hướng dẫn. Các em không bơi một mình, không xô đẩy bạn dưới nước, không xuống ao hồ, sông suối khi chưa được phép. Khi thấy bạn gặp nguy hiểm dưới nước, không tự nhảy xuống cứu mà phải gọi người lớn ngay.	- HS lắng nghe và nêu quy tắc an toàn: Không bơi một mình; không đùa nghịch dưới nước; thấy nguy hiểm phải gọi người lớn.
- GV kết luận: Trải nghiệm học bơi giúp bạn nhỏ tự tin hơn, đồng thời nhắc chúng ta phải luôn giữ an toàn khi ở dưới nước.	- HS lắng nghe.
3. Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: Đọc diễn cảm một đoạn nhật kí. *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu đoạn ngày thứ ba, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện niềm vui của bạn nhỏ khi đã biết bơi.	- HS lắng nghe và chú ý giọng đọc vui, tự hào.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm đôi.	- HS luyện đọc nhóm đôi, góp ý cho bạn về tốc độ đọc và cách ngắt nghỉ.
- GV gọi 2 HS đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét bạn đọc rõ, thể hiện được niềm vui.
4. Nói và nghe: Một buổi tập luyện (14 phút) Mục tiêu: Kể được một buổi tập luyện của bản thân theo gợi ý. Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết quyền trẻ em/quyền con người gắn với bài học và thực hiện bốn phận phù hợp trong gia đình, nhà trường. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Kể về một buổi tập luyện của em (ví dụ: tập hát, tập thể dục, tập vẽ,...).	- HS đọc yêu cầu, quan sát tranh gợi ý và nêu các nội dung cần kể: mình tập gì, tập ở đâu, tập với ai, các bước tập luyện như thế nào.

<p style="text-align: center;">Một buổi tập luyện</p> <p>1. Kể về một buổi tập luyện của em (ví dụ: tập hát, tập thể dục, tập vẽ,...).</p> <p>G: – Nội dung tập luyện là gì? – Em đã thực hiện các bước tập luyện như thế nào?</p> <p>2. Em cảm thấy thế nào về buổi tập luyện đó?</p> 	
<p>- GV hướng dẫn HS nói theo gợi ý: Nội dung tập luyện là gì? Em đã thực hiện các bước tập luyện như thế nào?</p>	<p>- HS chuẩn bị ý trong 1 phút, ví dụ: Em tập đá bóng ở sân trường. Đầu tiên, em khởi động; sau đó tập chuyền bóng; cuối cùng đá bóng cùng bạn.</p>
<p>- GV cho HS làm việc nhóm 4, mỗi bạn kể một buổi tập luyện và các bạn nhận xét theo tiêu chí: nói rõ nội dung, trình tự, cảm xúc.</p>	<p>- HS kể trong nhóm 4; các bạn lắng nghe, đặt câu hỏi và góp ý lịch sự.</p>

tiết Viết: Mặt trời nhỏ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 5: NHẬT KÍ TẬP BƠI TIẾT 3: Viết - Nghe viết: Mặt trời nhỏ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả 3 khổ thơ đầu bài Mặt trời nhỏ; trình bày đúng khổ thơ, dòng thơ.
- Biết chọn ng hoặc ngh điền vào chỗ trống; tìm và viết được từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng ng hoặc ngh chỉ hoạt động trong tranh.
- Viết được 2 - 3 câu ghi lại những việc em đã làm trong ngày hôm nay.
- Biết tự soát lỗi, sửa lỗi chính tả và trình bày bài sạch đẹp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, nghe viết, soát lỗi và sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi khi tìm từ có tiếng bắt đầu bằng ng hoặc ngh.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ phù hợp để viết câu ghi lại việc làm trong ngày.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, đầy đủ, đúng thời gian.
- Trung thực: tự viết, tự soát lỗi, không chép bài của bạn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch, chữ rõ, biết sửa lỗi sau khi viết.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết tự soát lỗi, sửa lỗi và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: GV dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên để minh họa cách gợi ý khung 2 - 3 câu ghi lại việc làm trong ngày; HS hiểu AI chỉ hỗ trợ gợi ý, phải tự chọn việc thật của mình, tự diễn đạt và kiểm tra lại trước khi viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; đoạn thơ nghe - viết; tranh bài tập chính tả trong SGK; thẻ ng/ngh; bảng phụ câu gợi ý viết 2 - 3 câu.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ bài đọc và tạo tâm thế cho tiết viết. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Qua bài Nhật kí tập bơi, em học được điều gì từ bạn nhỏ?	- HS trả lời: Em học được sự cố gắng, không bỏ cuộc khi gặp khó khăn.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay các em nghe - viết bài thơ Mặt trời nhỏ, luyện viết tiếng có ng/ngh và viết 2 - 3 câu về việc em đã làm trong ngày.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.

2. Khám phá - Nghe viết: Mặt trời nhỏ (15 phút)

Mục tiêu: Nghe - viết đúng chính tả, trình bày đúng khổ thơ.

Mục tiêu tích hợp: HS hình thành thái độ sống nhân ái, đoàn kết, biết giúp đỡ người khác và ứng xử phù hợp trong học tập, sinh hoạt.

**Cách tiến hành:*

- GV đọc 3 khổ thơ đầu bài Mặt trời nhỏ.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo trong SGK.
- GV hỏi: Bài thơ tả sự vật nào? Những hình ảnh nào trong bài thơ làm em thích?	- HS trả lời: Bài thơ tả quả vải như mặt trời nhỏ; em thích hình ảnh chào mặt trời nhỏ, quả tròn cười trắng.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: Bài thơ gồm các dòng ngắn, chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa, mỗi khổ thơ cách nhau một dòng.	- HS nêu lại cách trình bày và chuẩn bị viết.
- GV hướng dẫn viết từ khó: chào, thấp lửa, đung đưa, quả tròn, hạt bé, rộn ràng.	- HS viết bảng con một số từ khó, đọc lại từ đúng.
- GV đọc từng cụm từ, từng dòng thơ cho HS viết vào vở.	- HS nghe - viết vào vở, ngồi đúng tư thế, viết cẩn thận.
- GV đọc lại bài cho HS soát lỗi.	- HS soát lỗi, dùng bút chì gạch chân lỗi và sửa lỗi đúng.
- GV nhận xét một số bài viết, khen HS viết đúng, trình bày sạch đẹp.	- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhắc HS khi nghe - viết cần trung thực, tự viết bài của mình, cẩn thận soát lỗi, biết sửa lỗi để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	- HS nhắc lại: Em tự viết, tự soát lỗi, không chép bài của bạn và sửa lỗi cẩn thận sau khi viết.

3. Luyện tập chính tả - Bài tập 2, 3 (10 phút)

Mục tiêu: Phân biệt ng/ngh và tìm từ chỉ hoạt động phù hợp tranh.

**Cách tiến hành:*

- Bài tập 2: Chọn ng hoặc ngh thay cho ô vuông.	- HS đọc yêu cầu, làm bài cá nhân và nêu đáp án: nghe, ngơ, người.
--	--

<p>VIẾT</p> <p>1. Nghe – viết:</p> <p>Mặt trời nhỏ</p> <p>Chào mặt trời nhỏ Thấp lủi trên cây Mà đỏ hồng hồng Đúng đưa trưa nắng.</p> <p>Gọi ong ỉn một Rủ ve chọt đàn Tu hú kêu vang Mùa hè rực rỡ.</p> <p>Quả tròn cuội trắng Hạt bé màu nâu Áo đỏ một bầu Rủ nhau gà gáy.</p> <p>Mặt trời hôn hò Đếm bạn cùng chơi Bối rồi phi cười “Ôi sao nhiều thế!”</p> <p>(My Linh)</p> <p>2. Chọn ng hoặc ngh thay cho ô trống.</p> <p>Vui sao dân <input type="text"/> con Miệng chúng cười mồm <input type="text"/> Mắt chúng <input type="text"/> ác tròn Nhìn tay <input type="text"/> bơi gia <input type="text"/>.</p> <p>(Theo Huy Cận)</p> <p>3. Tìm và viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng ng hoặc ngh chỉ hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.</p>  <p>Viết 2 – 3 câu ghi lại những việc em đã làm trong ngày hôm nay.</p>	
<p>- GV hỏi: Khi nào viết ngh?</p>	<p>- HS trả lời: Viết ngh trước các âm e, ê, i; viết ng trước các âm còn lại.</p>
<p>- Bài tập 3: Tìm và viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng ng hoặc ngh chỉ hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.</p>	<p>- HS làm nhóm đôi và nêu từ: nghe, nghĩ, ngắm, nghiêng đầu, nói nhỏ, ngồi học.</p>
<p>- GV gọi đại diện nhóm trình bày và nhận xét.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác bổ sung từ đúng.</p>
<p>- GV kết luận: Các em cần nhớ quy tắc ng/ngh để viết đúng chính tả trong khi viết bài.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>4. Vận dụng - Viết 2 - 3 câu (6 phút)</p> <p>Mục tiêu: Viết được câu ghi lại việc đã làm trong ngày, biết dùng AI an toàn ở mức nhận biết.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, biết kiểm tra thông tin, tự diễn đạt và không cung cấp thông tin cá nhân.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS viết 2 - 3 câu ghi lại những việc em đã làm trong ngày hôm nay.</p>	<p>- HS viết vào vở, ví dụ: Hôm nay, em đến lớp đúng giờ. Em học bài Nhật kí tập bơi và luyện viết chính tả. Giờ ra chơi, em cùng bạn tưới cây trước lớp.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu cô dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý khung câu “Hôm nay, em... Sau đó, em... Em cảm thấy...”, em có nên chép nguyên văn không? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Không nên chép nguyên văn; em chỉ tham khảo khung câu, phải viết việc thật của mình và kiểm tra lại câu.</p>
<p>- GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: AI có thể gợi ý cách mở câu, từ nối hoặc thứ tự kể việc, nhưng không thay các em kể trải nghiệm thật. Khi viết, các em cần tự chọn việc mình đã làm, dùng lời của mình, đọc lại để sửa lỗi dùng</p>	<p>- HS nhắc lại: Em dùng gợi ý để tham khảo, không để AI viết thay, không nhập thông tin riêng tư.</p>

từ, đặt câu và không nhập thông tin riêng tư lên công cụ số.	
- GV dẫn HS hoàn thành câu viết, chuẩn bị Bài 6: Tập nấu ăn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 6: TẬP NẤU ĂN

TIẾT 1, 2: Đọc - Tập nấu ăn; Viết - Ôn chữ hoa B, C

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Tập nấu ăn; biết đọc thông tin theo trình tự: nguyên liệu và các bước thực hiện.
- Hiểu nội dung bài: bạn nhỏ học cách làm món trứng đúc thịt và chia sẻ công thức với bạn.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK về nguyên liệu, bước thực hiện, tranh mô tả công việc và thứ tự làm món ăn.
- Viết đúng chữ hoa B, C cỡ nhỏ; viết đúng từ Cao Bằng và câu ứng dụng Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay / Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.
- Biết trình bày bài viết sạch đẹp, đúng quy trình viết chữ hoa.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc văn bản thông tin, quan sát tranh và thực hiện yêu cầu viết chữ hoa.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn về các bước làm món ăn và an toàn khi vào bếp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sắp xếp thứ tự các bước thực hiện một công việc đơn giản.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc, tìm ý, luyện viết chữ hoa và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết giúp đỡ người thân việc phù hợp, giữ an toàn và vệ sinh khi vào bếp.
- Nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ công việc nhà với người thân.

4. Tích hợp:

- GDKNS: HS biết bảo đảm an toàn khi tập nấu ăn; chỉ thực hiện việc phù hợp với lứa tuổi, dùng dao, bếp, nước nóng khi có người lớn hướng dẫn; giữ vệ sinh khi chế biến món ăn.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS biết AI có thể gợi ý công thức nấu ăn, nhưng cần kiểm tra với người lớn, không tự ý làm theo hướng dẫn trên mạng và không cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng công cụ số.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A2.1: HS nhận biết AI hỗ trợ con người trong các công việc nội trợ hằng ngày; biết AI chỉ gợi ý, việc nấu ăn phải có người lớn hướng dẫn để bảo đảm an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh bài đọc Tập nấu ăn; bảng các bước làm trứng đúc thịt; mẫu chữ hoa B, C; bảng phụ câu ứng dụng; thẻ sắp xếp thứ tự các bước.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Giới thiệu bài, tạo hứng thú với hoạt động đọc. *Cách tiến hành:	

<p>- GV giới thiệu tiếp chủ điểm Những trải nghiệm thú vị: Sau trải nghiệm học bơi, hôm nay các em sẽ đọc về một trải nghiệm gần gũi trong gia đình - tập nấu ăn cùng mẹ.</p>	<p>- HS lắng nghe và nêu được: Tập làm việc nhà cũng là một trải nghiệm giúp em lớn hơn.</p>
<p>- GV cho HS quan sát tranh mở đầu bài và thực hiện yêu cầu: a. Kể tên các dụng cụ nhà bếp; b. Cho biết tên các loại thực phẩm; c. Đoán xem hai mẹ con đang làm gì.</p> 	<p>- HS quan sát và trả lời: Dụng cụ có nồi, chảo, bếp, dao, thớt, nồi cơm điện; thực phẩm có trứng, thịt, rau, khoai tây, gạo; hai mẹ con đang chuẩn bị nấu ăn.</p>
<p>- GV giới thiệu bài: Văn bản Tập nấu ăn sẽ hướng dẫn cách làm món trứng đúc thịt theo nguyên liệu và các bước rõ ràng.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Tập nấu ăn.</p>
<p>- GV kết luận: Khi đọc văn bản hướng dẫn, chúng ta cần chú ý trình tự các bước.</p>	<p>- HS chuẩn bị đọc bài.</p>
<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc rõ tên nguyên liệu, dụng cụ và các bước thực hiện với giọng mạch lạc, phù hợp văn bản hướng dẫn.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc văn bản hướng dẫn theo trình tự.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV chia phần: (3 phần) + Phần 1: Từ đầu đến Các bạn thử tham khảo nhé! + Phần 2: Nguyên liệu. + Phần 3: Các bước thực hiện.</p>	<p>- HS lắng nghe, đánh dấu các phần của văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp từng phần.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp từng phần; cả lớp theo dõi, nhận xét cách đọc.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) Mục tiêu: Đọc đúng văn bản thông tin và nắm bố cục nguyên liệu - cách làm. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- a. GV đọc mẫu văn bản, nhấn giọng ở các từ</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc thầm theo.</p>

chỉ nguyên liệu và các động từ chỉ thao tác nấu ăn.	
- b. GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: trứng đúc thịt, thịt nạc vai, hành khô, băm nhỏ, xay nhuyễn, rán vàng, lật mặt.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh từ khó.
- GV hướng dẫn HS quan sát sơ đồ cách làm món trứng đúc thịt trong SGK.	- HS quan sát sơ đồ, nhận ra món ăn có nguyên liệu và 5 bước thực hiện.
<p style="text-align: center;">Trứng đúc thịt</p>  <p>1. Kể tên những nguyên liệu làm món trứng đúc thịt.</p>	
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3, chú ý đọc rõ tên nguyên liệu và trình tự các bước.	- HS luyện đọc nhóm 3; nhóm trưởng góp ý cách đọc.
- GV gọi một nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét bạn đọc rõ, đúng trình tự.
- GV kết luận: Văn bản Tập nấu ăn là văn bản hướng dẫn công việc, cần đọc kĩ từng bước để thực hiện đúng.	- HS lắng nghe.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2 (12 phút) Mục tiêu: <i>Nắm được nguyên liệu và bước đầu tiên khi làm món trứng đúc thịt.</i> Mục tiêu tích hợp: <i>HS nhận biết AI có thể gợi ý công thức nấu ăn nhưng cần kiểm tra với SGK, GV/người lớn; không tự làm theo hướng dẫn trên mạng và không cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng công cụ số.</i> *Cách tiến hành:	
- Câu 1. Kể tên những nguyên liệu làm món trứng đúc thịt.	- HS trả lời: Nguyên liệu gồm trứng gà 3 quả, thịt nạc vai 1 lạng, dầu ăn, nước mắm, muối, hành khô.
- GV yêu cầu HS đọc lại phần nguyên liệu và kiểm tra xem mình đã kể đủ chưa.	- HS đọc thầm phần nguyên liệu, bổ sung nếu thiếu.
- Câu 2. Khi làm món trứng đúc thịt, bước 1 cần làm những gì?	- HS trả lời: Bước 1 cần rửa sạch thịt, băm nhỏ hoặc xay nhuyễn.
- GV hỏi: Vì sao trước khi nấu cần rửa sạch thực phẩm?	- HS trả lời: Vì rửa sạch giúp thực phẩm sạch hơn, đảm bảo vệ sinh khi nấu ăn.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu AI hoặc một	- HS trả lời: Không nên làm theo ngay; em cần

ứng dụng trên mạng gợi ý công thức nấu ăn, em có nên làm theo ngay không? Vì sao?	hỏi người lớn, kiểm tra công thức có phù hợp, an toàn không và không nhập thông tin riêng tư.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV giải thích AI có thể gợi ý công thức, nguyên liệu hoặc thứ tự nấu ăn dựa trên dữ liệu đã học, nhưng AI có thể đưa thông tin chưa phù hợp với lứa tuổi hoặc điều kiện gia đình. Vì vậy, HS chỉ xem phần GV trình chiếu, đối chiếu với SGK và hướng dẫn của người lớn, không tự ý dùng dao, bếp, dầu nóng, nước sôi; không cung cấp tên, địa chỉ, hình ảnh gia đình khi dùng công cụ số.	- HS nhắc lại: AI chỉ hỗ trợ gợi ý; em phải hỏi người lớn, kiểm tra lại thông tin, làm việc vừa sức và bảo vệ thông tin cá nhân.
- GV kết luận: Khi làm món ăn, cần chuẩn bị đủ nguyên liệu, thực hiện đúng từng bước và chú ý vệ sinh an toàn thực phẩm.	- HS lắng nghe.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động chuyển tiết (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nguyên liệu và bước đầu khi làm món ăn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Món trứng đúc thịt cần những nguyên liệu nào?	- HS trả lời: Cần trứng gà, thịt nạc vai, dầu ăn, nước mắm, muối, hành khô.
- GV dẫn: Tiết này chúng ta tiếp tục tìm hiểu thứ tự các bước, sau đó luyện viết chữ hoa B, C.	- HS lắng nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 3, 4 (10 phút) <i>Mục tiêu: Nhận biết bước được minh họa và sắp xếp đúng trình tự các bước.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết vận dụng kỹ năng sống phù hợp với bài học, biết tự bảo vệ, hợp tác, lắng nghe và ứng xử an toàn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Câu 3. Tranh bên mô tả công việc ở bước mấy? Nói lại công việc đó.	- HS trả lời: Tranh mô tả bước 4: Cho hỗn hợp trứng và thịt vào dầu ăn đã được đun nóng, rán vàng mặt dưới.
- Câu 4. Sắp xếp các nội dung dưới đây theo thứ tự làm món trứng đúc thịt. 	- HS trả lời: Thứ tự đúng là b - c - d - a: Cho dầu ăn vào chảo, đun nóng; cho hỗn hợp trứng và thịt vào chảo, rán vàng mặt dưới; lật mặt còn lại, rán vàng; bày ra đĩa.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Khi muốn tập nấu ăn ở nhà, em cần lưu ý điều gì để an toàn?	- HS trả lời: Em chỉ làm việc phù hợp, nhờ người lớn hướng dẫn, không tự bật bếp, không tự dùng dao sắc, cẩn thận với dầu nóng và nước sôi.

- GV tích hợp GDKNS: Tập nấu ăn giúp các em biết chia sẻ việc nhà, nhưng các em chỉ nên làm việc vừa sức như nhặt rau, rửa rau, chuẩn bị bát đĩa. Những việc dùng dao, bếp, dầu nóng, nước sôi phải có người lớn hướng dẫn. Sau khi nấu cần dọn dẹp, rửa tay sạch và giữ vệ sinh bếp.	- HS lắng nghe và nêu một việc an toàn có thể làm ở nhà: Em có thể nhặt rau, dọn bát đĩa, rửa tay trước khi ăn.
- GV kết luận: Muốn thực hiện một công việc tốt, chúng ta cần đọc kĩ hướng dẫn, làm đúng trình tự và đảm bảo an toàn.	- HS lắng nghe.
3. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: Đọc rõ phần hướng dẫn theo đúng trình tự.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS luyện đọc phần các bước thực hiện món trứng đúc thịt.	- HS luyện đọc nhóm đôi, nhấn rõ các từ chỉ hoạt động: rửa, băm, đập, cho, rán, lật, bày.
- GV gọi 1 - 2 HS đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét cách đọc rõ ràng, đúng thứ tự.
4. Viết - Ôn chữ hoa B, C (14 phút) <i>Mục tiêu: Viết đúng chữ hoa B, C và câu ứng dụng.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Viết tên riêng Cao Bằng.	- HS đọc tên riêng Cao Bằng, nhận xét chữ C, B viết hoa và viết vào vở.
- GV giới thiệu: Cao Bằng là một tỉnh ở miền Bắc nước ta, có nhiều cảnh đẹp và di tích lịch sử.	- HS lắng nghe.
- GV hướng dẫn lại cách viết chữ hoa B, C: đặt bút, độ cao, nét cong và điểm dừng bút.	- HS quan sát, viết bảng con chữ hoa B, C.
- Bài tập 2: Viết câu Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay / Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.	- HS đọc câu ứng dụng, nêu chữ cần viết hoa: Cảnh, Việt, Bắc, Vượn; viết câu vào vở.
- GV nhắc HS viết đúng độ cao, khoảng cách, dấu thanh và trình bày sạch đẹp.	- HS viết bài vào vở, tự soát lỗi.
- GV nhận xét một số bài viết, khen HS viết đúng chữ hoa và câu ứng dụng.	- HS lắng nghe, sửa lỗi nếu có.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) <i>Mục tiêu: Củng cố nội dung đọc và viết.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể hỗ trợ gợi ý việc nội trợ, nhưng cần hỏi người lớn và không tự làm việc nguy hiểm.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A2.1: GV giới thiệu ngắn một số ứng dụng AI có thể hỗ trợ gợi ý thực đơn, nguyên liệu hoặc thứ tự nấu ăn; HS chỉ quan sát dưới sự hướng dẫn của GV/người lớn và không tự ý thực hiện việc	- HS nêu: AI có thể hỗ trợ gợi ý việc nội trợ, nhưng em phải hỏi người lớn, làm việc vừa sức và không tự dùng dao, bếp, nước nóng.

nguy hiểm.	
- GV dẫn HS về nhà quan sát một việc nấu ăn trong gia đình và chuẩn bị tiết Luyện tập: Từ ngữ chỉ hoạt động.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 6: TẬP NẤU ĂN

TIẾT 3: Luyện tập - Từ ngữ chỉ hoạt động. Câu hoạt động

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ chỉ hoạt động kết hợp với từ chỉ sự vật: rau, thịt, cá.
- Xếp đúng từ chỉ hoạt động vào hai nhóm: hoạt động nấu ăn và hoạt động di chuyển.
- Chọn được từ chỉ hoạt động phù hợp để hoàn thành đoạn văn; hiểu nội dung đoạn văn và các bước thực hiện công việc.
- Biết dùng từ chỉ hoạt động để nói, viết câu rõ ràng, đúng nghĩa.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, suy nghĩ và hoàn thành bài tập.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm từ, phân loại từ và chữa bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ chỉ hoạt động phù hợp với sự vật và ngữ cảnh.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, hoàn thành bài tập và sửa bài.
- Trách nhiệm: biết dùng từ, đặt câu rõ ràng, chính xác trong giao tiếp.
- Trung thực: tự làm bài, không chép bài của bạn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết lắng nghe, trao đổi, phản hồi lịch sự khi làm việc nhóm; dùng từ và đặt câu rõ ràng trong giao tiếp hằng ngày.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: HS biết tìm kiếm, quan sát thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi; biết dùng công cụ số đơn giản để trình bày, chia sẻ kết quả đọc - nói - nghe.
- Gợi ý hoạt động: GV dùng thiết bị của giáo viên cho HS quan sát tư liệu, chọn thông tin cần thiết, trình bày ngắn gọn và nêu vì sao nguồn thông tin đó phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh và bài tập trong SGK; thẻ từ chỉ hoạt động; bảng nhóm 2 cột.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ từ chỉ hoạt động và dẫn vào bài luyện tập. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ai làm gì?": GV nêu sự vật, HS nói nhanh một hoạt động phù hợp.	- HS tham gia: rau - nhặt rau, rửa rau; thịt - thái thịt, kho thịt; cá - rán cá, kho cá.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay các em luyện tìm từ chỉ hoạt động và dùng từ chỉ hoạt	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.

động trong câu, đoạn văn.

2. Luyện tập - Bài tập 1 (8 phút)

Mục tiêu: Tìm được từ chỉ hoạt động kết hợp với rau, thịt, cá.

*Cách tiến hành:

- **Bài tập 1:** Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động kết hợp được với mỗi từ chỉ sự vật sau: rau, thịt, cá.

2. Viết câu: Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vườn hắt chim kêu suốt cả ngày.
(Hồ Chí Minh)

LUYỆN TẬP

1. Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động kết hợp được với mỗi từ chỉ sự vật sau:

rau thịt cá

M: rửa rau, nhặt rau, luộc rau,...

2. Xếp các từ chỉ hoạt động dưới đây vào 2 nhóm.

kho xào vào lên hầm
đi ra nướng luộc xuống

Từ chỉ hoạt động di chuyển
M: đi

Từ chỉ hoạt động nấu ăn
M: kho

3. Chọn từ ở bài tập 2 thay cho ô vuông để hoàn thành các câu nêu hoạt động trong đoạn văn.

Ngày Chủ nhật, mẹ chợ mua thức ăn. Nam bếp giúp mẹ. Nam nhặt rau, còn mẹ rửa cá và thái thịt. Sau đó, mẹ hớt đầu nấu nước, mẹ

- HS đọc yêu cầu, làm việc nhóm đôi để tìm từ.

- GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày kết quả.

- HS trình bày: rau - nhặt rau, rửa rau, luộc rau, xào rau; thịt - thái thịt, băm thịt, kho thịt, nướng thịt; cá - rán cá, kho cá, nướng cá, hấp cá.

- GV nhận xét và chốt: Từ chỉ hoạt động thường cho biết người hoặc vật đang làm gì.

- HS lắng nghe và bổ sung vào vở nếu còn thiếu.

3. Luyện tập - Bài tập 2 (7 phút)

Mục tiêu: Phân loại được từ chỉ hoạt động theo nhóm nghĩa.

*Cách tiến hành:

- **Bài tập 2:** Xếp các từ chỉ hoạt động dưới đây vào 2 nhóm: từ chỉ hoạt động di chuyển và từ chỉ hoạt động nấu ăn.

- HS đọc các từ: kho, xào, vào, lên, hầm, đi, ra, nướng, luộc, xuống.

- GV cho HS làm việc nhóm 4, dùng thẻ từ để xếp vào bảng nhóm.

- HS xếp từ: Hoạt động nấu ăn gồm kho, xào, hầm, nướng, luộc; hoạt động di chuyển gồm vào, lên, đi, ra, xuống.

- GV gọi nhóm trình bày và nhận xét.

- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV kết luận: Khi phân loại từ, cần dựa vào nghĩa của từ trong hoạt động cụ thể.

- HS lắng nghe.

4. Luyện tập - Bài tập 3 và đọc hiểu đoạn văn (13 phút)

Mục tiêu: Chọn đúng từ chỉ hoạt động trong đoạn văn và hiểu các bước thực hiện.

Mục tiêu tích hợp: HS biết vận dụng kỹ năng sống phù hợp với bài học, biết tự bảo vệ, hợp tác, lắng nghe và ứng xử an toàn.

*Cách tiến hành:

- **Bài tập 3:** Chọn từ ở bài tập 2 thay cho ô vuông để hoàn thành các câu nêu hoạt động

- HS làm bài cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi.

trong đoạn văn.	
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ từng câu để chọn từ phù hợp.	- HS hoàn thành đoạn: mẹ đi chợ mua thức ăn; Nam vào bếp giúp mẹ; Nam nhặt rau; mẹ rửa cá, luộc rau, kho thịt.
- GV hỏi: Đoạn văn thuật lại việc gì?	- HS trả lời: Đoạn văn thuật lại việc Nam giúp mẹ chuẩn bị và nấu bữa ăn.
- GV hỏi: Các bước thực hiện việc đó là gì?	- HS trả lời: Mẹ đi chợ mua thức ăn; Nam vào bếp giúp mẹ; Nam nhặt rau; mẹ rửa cá, luộc rau, kho thịt; gian bếp thơm mùi thức ăn.
- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Khi giúp người thân việc bếp núc, em nên chọn việc nào phù hợp với mình?	- HS trả lời: Em có thể nhặt rau, rửa rau, dọn bát đĩa, lau bàn; không tự dùng dao sắc hoặc băm bếp.
- GV tích hợp KNS: Biết giúp việc nhà là điều tốt, nhưng các em cần chọn việc vừa sức, hỏi người lớn trước khi làm và biết nói lời xin phép, cảm ơn khi được hướng dẫn.	- HS lắng nghe và nêu một việc mình sẽ giúp ở nhà.
- GV kết luận: Từ chỉ hoạt động giúp câu văn rõ việc làm của nhân vật và giúp người đọc hình dung trình tự công việc.	- HS lắng nghe.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) <i>Mục tiêu: Củng cố kiến thức về từ chỉ hoạt động.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết sử dụng công cụ số an toàn, chọn nguồn phù hợp lứa tuổi và bảo vệ thông tin cá nhân khi học tập.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: GV dùng tranh/hình ảnh minh họa hoạt động nấu ăn từ nguồn phù hợp, hướng dẫn HS chọn thông tin cần thiết, trình bày ngắn gọn và nêu vì sao nguồn đó phù hợp.	- HS quan sát, chọn từ ngữ chỉ hoạt động phù hợp, trình bày trước nhóm và nhắc lại: chỉ dùng nguồn do GV/người lớn hướng dẫn.
- GV dẫn HS chuẩn bị tiết Viết đoạn văn nêu các bước làm một món ăn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 6: TẬP NẤU ĂN

TIẾT 4: Luyện tập - Viết đoạn văn nêu các bước làm một món ăn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đoạn văn và xác định được đoạn văn thuật lại việc gì, các bước thực hiện việc đó.
- Dựa vào tranh, trao đổi được các bước rang thịt theo trình tự hợp lí.
- Viết được đoạn văn ngắn nêu các bước làm một món ăn, biết dùng từ nối như đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.
- Biết đọc lại đoạn văn, phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, lập ý và viết đoạn văn theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn về các bước làm món ăn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sắp xếp các bước theo trình tự hợp lí và diễn đạt bằng lời của mình.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực lập ý, viết đoạn và sửa lỗi.
- Trách nhiệm: biết chia sẻ việc nhà phù hợp và giữ an toàn khi vào bếp.
- Trung thực: viết bằng trải nghiệm, quan sát hoặc hiểu biết của bản thân; không chép nguyên văn bài của bạn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý từ nối và dàn ý nêu các bước làm món ăn; HS chỉ tham khảo, tự chọn lọc, viết bằng lời của mình, kiểm tra lại nội dung và không nhập thông tin riêng tư của gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh các bước rang thịt trong SGK; bảng gợi ý viết đoạn văn; phiếu học tập; tài khoản giáo viên để minh họa gợi ý AI khi cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ cách trình bày các bước làm một việc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi kể lại các bước làm một món ăn, em cần nói theo trình tự nào?	- HS trả lời: Cần nói theo trình tự trước tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay các em đọc đoạn văn, trao đổi các bước rang thịt và viết đoạn văn nêu các bước làm một món ăn.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. Khám phá - Bài tập 1 (8 phút) <i>Mục tiêu: Nhận biết việc được thuật lại và trình tự các bước trong đoạn văn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Đọc đoạn văn dưới đây và cho biết: Đoạn văn thuật lại việc gì? Các bước thực hiện việc đó.  <p>nhặt rau, còn mẹ rửa cá và thái thịt. Sau đó, mẹ bắt đầu nấu nướng, mẹ cá, rau, thịt. Chẳng mấy chốc, gian bếp đã thơm lừng mùi thức ăn. (Theo Kim Ngân)</p> <p>1. Đọc đoạn văn dưới đây và cho biết: - Đoạn văn thuật lại việc gì? - Các bước thực hiện việc đó.</p> <p>Để làm món trứng đúc thịt, Nam đã chuẩn bị thực phẩm theo ba bước. Đầu tiên, Nam rửa sạch thịt rồi xay nhỏ. Sau đó, cậu đập trứng vào bát, cho thêm thịt xay, hành khô, nước mắm và muối. Cuối cùng, Nam đánh đều tất cả. Vậy là đã có thể sẵn sàng cho bước tiếp theo là bắc chảo rán trứng được rồi.</p>	- HS đọc yêu cầu và đoạn văn.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: gạch dưới các từ chỉ trình tự trong đoạn văn.	- HS tìm từ chỉ trình tự: Đầu tiên, Sau đó, Cuối cùng.
- GV hỏi: Đoạn văn thuật lại việc gì?	- HS trả lời: Đoạn văn thuật lại việc Nam làm món trứng đúc thịt.
- GV hỏi: Các bước thực hiện việc đó là gì?	- HS trả lời: Chuẩn bị thịt; rửa sạch thịt; xay nhỏ

	thịt; đập trứng, trộn thịt với trứng; cho dầu vào chảo, rán món ăn đến khi chín.
- GV kết luận: Đoạn văn nêu các bước cần có trình tự rõ và dùng từ nối hợp lí.	- HS lắng nghe.
3. Luyện tập - Bài tập 2 (8 phút) Mục tiêu: Trao đổi được các bước rang thịt theo tranh. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: Dựa vào tranh dưới đây, trao đổi về các bước rang thịt.  <p>2. Dựa vào tranh dưới đây, trao đổi về các bước rang thịt.</p> <p>1. Cho dầu ăn</p> <p>2. Rán vàng thịt</p> <p>3. Cho hành khô</p> <p>4. Cho nước mắm, muối, hành lá,...</p> <p>3. Viết lại các bước rang thịt ở bài tập 2.</p> <p>Tìm đến cách nấu ăn hoặc những bài tập liên quan đến nấu ăn.</p>	- HS quan sát tranh và nêu tên từng bước.
- GV cho HS làm việc nhóm 4, sắp xếp và nói lại các bước rang thịt.	- HS thảo luận và nêu: Đầu tiên, cho dầu ăn vào chảo đun nóng. Tiếp theo, cho hành khô vào phi thơm. Sau đó, cho thịt vào đảo hoặc rán vàng. Cuối cùng, cho nước mắm, muối, hành lá vào, đảo đều rồi tắt bếp.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét trình tự đã hợp lí chưa.
- GV nhắc HS: Khi viết, cần dùng từ nối để người đọc dễ theo dõi.	- HS ghi nhớ các từ nối: trước tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.
4. Luyện tập - Bài tập 3 (12 phút) Mục tiêu: Viết đoạn văn ngắn nêu các bước làm một món ăn. Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, biết kiểm tra thông tin, tự diễn đạt và không cung cấp thông tin cá nhân. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: Viết lại các bước rang thịt ở bài tập 2.	- HS đọc yêu cầu và chuẩn bị viết đoạn văn 3 - 4 câu.
- GV gợi ý khung viết: Món em viết là gì? Cần làm những bước nào? Em dùng từ nối nào để sắp xếp ý?	- HS nêu miệng trước khi viết: Em viết món rang thịt; em dùng các từ đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu cô dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý các từ nối hoặc dàn ý, em cần sử dụng như thế nào?	- HS trả lời: Em chỉ tham khảo từ nối, phải tự viết bằng lời của mình, kiểm tra lại thứ tự và không đưa thông tin riêng tư của gia đình vào.
- GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: AI có thể gợi ý cách sắp xếp ý hoặc từ nối như “đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng”, nhưng không thay các em quan sát tranh và viết bài. Đoạn văn cần đúng nội dung SGK, rõ trình tự,	- HS nhắc lại: Em tự quan sát tranh, tự viết, chỉ dùng gợi ý AI để tham khảo.

diễn đạt tự nhiên bằng lời của mình và được đọc lại để sửa lỗi.	
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở.	- HS viết, ví dụ: Đầu tiên, em cho dầu ăn vào chảo và đun nóng. Tiếp theo, em cho hành khô vào phi thơm rồi cho thịt vào đảo đều. Sau đó, em rang thịt cho vàng. Cuối cùng, em cho nước mắm, muối, hành lá vào, đảo đều rồi bày ra đĩa.
- GV gọi 2 - 3 HS đọc đoạn văn.	- HS đọc đoạn văn; cả lớp nhận xét bạn viết đúng trình tự, dùng từ nối hợp lí.
- GV hướng dẫn HS sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.	- HS tự sửa lỗi trong bài viết của mình.

5. Vận dụng - Đọc mở rộng, củng cố (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ đọc mở rộng và dặn dò.

*Cách tiến hành:

- GV giới thiệu gợi ý đọc mở rộng: Tìm đọc sách dạy nấu ăn hoặc bài đọc liên quan đến công việc làm bếp, ví dụ bài thơ Vào bếp thật vui.	- HS quan sát gợi ý trong SGK và nêu sẽ tìm đọc bài phù hợp với lứa tuổi.
 <p>làm bếp. Ví dụ:</p> <p>Vào bếp thật vui</p> <p>Ở trong nhà ta Bếp là vui nhất: Có một lọ một Biết nói ngọt ngào Mẹ cất trên cao Kiến không ăn vụng! Có một cái thùng Nói cười xôn xao Bãi vì ở trong Rất nhiều hạt gạo!</p> <p>Có một cái chảo Đen nhem đen nhem Ngon lửa bùng lên Chảo kêu: "Nóng! Nóng!" Cái nồi nhem bóng Có thể soi gương Hát khúc thân thương "Bùng bùng" vui nhộn</p> <p>"Cốp, cốp" bận rộn Lá cái dao phay Băm thịt mỗi tay Thái rau loẹt xoẹt Cái thớt nằm bẹp Giúp việc cho dao Ngoan ngoan làm sao Không lời than thở!</p> <p>Trên bếp có lửa Trên lửa có nồi Bé đã thấy rồi Bếp là vui nhất!</p> <p>(Thụy Anh)</p>	- GV dẫn HS về nhà đọc lại đoạn văn, hỏi người thân một việc bếp núc em có thể giúp và luôn thực hiện an toàn.
	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 Tuần 4 - Chủ điểm: NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ BÀI 7: MÙA HÈ LẤP LÁNH

TIẾT 1, 2: ĐỌC - MÙA HÈ LẤP LÁNH; NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN CHÓ ĐÓM CON VÀ MẶT TRỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Mùa hè lấp lánh; biết ngắt nghỉ theo dòng thơ, khổ thơ, đọc với giọng vui tươi, trong sáng.
- Hiểu được những hình ảnh đẹp, lợi ích và cảm giác vui sướng mà mùa hè mang lại cho cây cối, học sinh và đời sống xung quanh.

- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; lựa chọn được ý đúng về hình ảnh “ngày dài lấp lánh”.
- Nghe, kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện Chó đốm con và mặt trời theo tranh, biết dùng lời kể rõ ràng, mạch lạc.
- Biết bày tỏ cảm xúc yêu thích mùa hè, yêu thiên nhiên và biết lắng nghe khi bạn kể chuyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, đọc thầm để tìm chi tiết trong bài thơ.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi trả lời câu hỏi và kể chuyện theo tranh.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn hình ảnh, chi tiết phù hợp để giải thích ý nghĩa câu thơ và kể chuyện sinh động.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện kể và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: biết chia sẻ niềm vui, biết lắng nghe và động viên bạn khi kể chuyện.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn cây xanh, môi trường mùa hè sạch đẹp, an toàn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền nghỉ ngơi, vui chơi, bày tỏ cảm xúc về mùa hè và được lắng nghe, tôn trọng ý kiến.
- GDBVMT: HS biết yêu quý thiên nhiên mùa hè, chăm sóc cây xanh, giữ vệ sinh nơi học tập và vui chơi, không bẻ cành, hái hoa, xả rác.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý thông tin về hiện tượng mặt trời mọc, mặt trời lặn hoặc gợi ý câu hỏi khi tìm hiểu bài; HS chỉ xem phần GV trình chiếu, không tự nhập thông tin cá nhân và cần đối chiếu với SGK, lời GV trước khi tin hoặc sử dụng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh bài thơ Mùa hè lấp lánh; tranh kể chuyện Chó đốm con và mặt trời; thẻ từ luyện đọc; phiếu nhóm; hình ảnh/video ngắn do GV chọn về mặt trời mọc, mặt trời lặn.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Giới thiệu chủ điểm, tạo hứng thú và dẫn vào bài đọc. *Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu chủ điểm Những trải nghiệm thú vị: Trong chủ điểm này, các em đọc, nói, viết về những trải nghiệm đáng nhớ như gặp lại bạn, về thăm quê, thăm rừng, ra biển, tập bơi, nấu ăn và cảm nhận mùa hè.	- HS lắng nghe và nêu: Chủ điểm giúp em nhớ lại những việc đã trải qua, những điều em học được và cảm xúc của mình.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi: Mùa hè có gì thú vị đối với em?	- HS trao đổi và trả lời: Mùa hè có nắng, hoa, trái cây, được nghỉ ngơi, vui chơi, đọc sách, đi thăm người thân.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Bức tranh gợi cho em cảm giác gì về mùa hè?	- HS quan sát tranh, trả lời: Bức tranh có nắng, vườn hoa, cây xanh, bạn nhỏ ăn kem nên gợi cảm giác mùa hè rực rỡ, vui tươi.

 <p>Tráo đổi với bạn để trả lời câu hỏi: Mùa hè có gì thú vị?</p> <p>MÙA HÈ LẮP LÁNH</p> <p>Sớm nay em thức dậy Trời sáng tự bao giờ Mùa hè ki-lô chưa Mệt trời ư dậy sớm.</p> <p>Nắng cho cây chóng lớn Cho hoa lá thêm màu Cho mình chơi thật lâu Ngày hè dài bất tận.</p> <p>Buổi chiều trời thật chậm Mặt trời mãi rong chơi Đứng đĩnh mãi chân trời Mà vẫn chưa lặn xuống.</p> <p>Mùa hè thật sung sướng Có nắng lại có kem Có những cơn gió êm Và ngày dài lấp lánh.</p> <p>(Nguyễn Quỳnh Mai)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bất tận: (nghĩa trong bài) như thể không có kết thúc. - Đứng đĩnh: thong thả, chậm rãi, không vội vã. 	
<p>- GV giới thiệu bài: Bài thơ Mùa hè lấp lánh sẽ giúp các em cảm nhận mùa hè qua ánh nắng, cây cối, hoa lá và niềm vui của bạn nhỏ.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Mùa hè lấp lánh.</p>
<p>- GV kết luận: Mùa hè không chỉ có nắng mà còn có nhiều điều làm cho cuộc sống thêm tươi vui.</p>	<p>- HS chuẩn bị đọc bài.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) Mục tiêu: Đọc đúng bài thơ, hiểu nghĩa từ và bước đầu cảm nhận nhịp thơ. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- a. GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, nhấn giọng ở các từ gợi hình ảnh đẹp: sáng tự bao giờ, ru, chóng lớn, thêm màu, thật lâu, lấp lánh.</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý cách ngắt nhịp.</p>
<p>- b. GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: sáng tự bao giờ, chói chang, chóng lớn, dù đông gió, đứng đĩnh, lấp lánh.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh, sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ ở một số dòng thơ: Sớm nay em thức dậy / Trời sáng tự bao giờ; Nắng cho cây chóng lớn / Cho hoa lá thêm màu.</p>	<p>- HS luyện đọc từng dòng, từng khổ thơ.</p>
<p>- GV hỏi: Bài thơ có mấy khổ thơ?</p>	<p>- HS trả lời: Bài thơ có 5 khổ thơ.</p>
<p>- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp; cả lớp theo dõi trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ bất tận và đứng đĩnh.</p>	<p>- HS nêu: Bất tận là như không có kết thúc; đứng đĩnh là thong thả, chậm rãi, không vội vã.</p>
<p>- GV cho HS luyện đọc nhóm 5, mỗi bạn đọc một khổ thơ.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm; nhóm trưởng nhắc bạn đọc rõ, đúng nhịp.</p>
<p>- GV gọi một nhóm đọc trước lớp và nhận</p>	<p>- Một nhóm đọc; HS khác nhận xét bạn đọc rõ,</p>

xét.	đúng nhịp, có cảm xúc.
- GV kết luận: Khi đọc thơ, các em cần chú ý nhịp thơ, từ ngữ gợi hình ảnh và cảm xúc vui tươi của bài.	- HS lắng nghe.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2, 3 (12 phút) <i>Mục tiêu: Tìm được chi tiết về mặt trời, lợi ích của nắng và đặc điểm ngày mùa hè.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Câu 1. Mặt trời mùa hè có gì lạ?	- HS trả lời: Mặt trời mùa hè như dậy rất sớm, “sớm nay em thức dậy / trời sáng tự bao giờ”.
- Câu 2. Nắng mùa hè mang đến những lợi ích gì? Đối với cây; đối với hoa lá; đối với các bạn nhỏ.	- HS trả lời: Nắng giúp cây chóng lớn, cho hoa lá thêm màu; cho các bạn nhỏ được chơi thật lâu và có nắng lại có kem.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, dùng khăn phủ bàn để ghi lợi ích của nắng mùa hè theo 3 đối tượng: cây, hoa lá, bạn nhỏ.	- HS làm việc nhóm 4: mỗi bạn ghi ý, nhóm thống nhất và trình bày.
- Câu 3. Ngày của mùa hè có gì đặc biệt?	- HS trả lời: Ngày mùa hè rất dài, “buổi chiều trôi thật chậm”, mặt trời còn “rong chơi”, “đung đỉnh mãi chân trời”.
- GV kết luận: Bài thơ cho thấy mùa hè có ánh nắng rực rỡ, ngày dài và nhiều niềm vui đối với trẻ em.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động chuyển tiết (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn nhanh nội dung bài thơ.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Trong tiết trước, em nhớ hình ảnh mùa hè nào nhất?	- HS trả lời: Em nhớ hình ảnh nắng cho cây chóng lớn, hoa lá thêm màu, bạn nhỏ được chơi thật lâu.
- GV dẫn: Tiết này chúng ta tiếp tục tìm hiểu ý nghĩa bài thơ và kể câu chuyện Chó đốm con và mặt trời.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 4, 5 (10 phút) <i>Mục tiêu: Hiểu cảm xúc của bạn nhỏ và ý nghĩa hình ảnh “ngày dài lấp lánh”.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu quý thiên nhiên mùa hè, chăm sóc cây xanh, giữ vệ sinh nơi học tập và vui chơi; không bẻ cành, hái hoa, xả rác.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Câu 4. Vì sao bạn nhỏ thấy “mùa hè thật sung sướng”?	- HS trả lời: Vì mùa hè có nắng, ngày dài, bạn nhỏ được vui chơi lâu hơn, được ăn kem và cảm thấy rất vui.
- Câu 5. Theo em, hình ảnh “ngày dài lấp lánh” chỉ điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.	- HS trả lời: Có thể chọn b. Ngày có nhiều niềm vui; vì ngày hè dài, có nắng, có trò chơi, có cảm xúc vui vẻ.

 <p>1. Một trời mùa hè có gì lạ? 2. Nắng mùa hè mang đến những lợi ích gì? - Đối với cây - Đối với hoa lá - Đối với các bạn nhỏ 3. Ngày của mùa hè có gì đặc biệt? 4. Vì sao bạn nhỏ thấy "mùa hè thật sung sướng"? 5. Theo em, hình ảnh "ngày dài lấp lánh" chỉ điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em. a. Ngày có nhiều nắng. b. Ngày có nhiều niềm vui. c. Ngày mặt trời dậy sớm và đi ngủ muộn.</p>	
<p>- GV hỏi: Khi yêu thích mùa hè, em có thể làm gì để sân trường, công viên, nơi vui chơi luôn mát mẻ và sạch đẹp?</p>	<p>- HS trả lời: Em có thể tưới cây, không bẻ cành, không hái hoa, bỏ rác đúng nơi, tiết kiệm nước và nhắc bạn giữ vệ sinh.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp GDBVMT: Khi yêu thích mùa hè, em có thể làm gì để sân trường, công viên, nơi vui chơi luôn mát mẻ và sạch đẹp? - GV tích hợp GDBVMT: Mùa hè đẹp hơn khi có cây xanh, hoa lá và không khí trong lành. Các em cần chăm sóc cây trong lớp, ở sân trường, không giẫm lên bồn hoa, không bẻ cành hái hoa, không xả rác sau khi ăn kem hoặc uống nước. Mỗi việc nhỏ như nhặt rác, bỏ rác đúng nơi, tắt quạt khi ra khỏi lớp, tiết kiệm nước tưới cây đều góp phần làm môi trường mùa hè sạch đẹp và an toàn hơn.</p>	<p>- HS trả lời và liên hệ: Em sẽ bỏ vỏ kem vào thùng rác; em không hái hoa; em cùng tổ chăm sóc cây xanh; em nhắc bạn giữ vệ sinh nơi vui chơi.</p>
<p>- GV kết luận: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp mùa hè và nhắc chúng ta biết yêu thiên nhiên, vui chơi an toàn, có trách nhiệm.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>3. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: Đọc diễn cảm một số khổ thơ.</i> <i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS luyện đọc lại khổ thơ em thích, chú ý nhấn giọng ở từ ngữ gợi niềm vui.</p>	<p>- HS luyện đọc cá nhân, nhóm đôi.</p>
<p>- GV tổ chức cho 3 - 4 HS thi đọc trước lớp.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.</p>
<p>4. Nói và nghe - Kể chuyện Chó đốm con và mặt trời (14 phút) <i>Mục tiêu: Nghe, kể lại được câu chuyện theo tranh và kể toàn bộ câu chuyện.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể gợi ý thông tin về hiện tượng mặt trời mọc, mặt trời lặn; biết kiểm tra lại với SGK, lời GV và không nhập thông tin cá nhân.</i></p>	

***Cách tiến hành:**

- Bài tập 1: Nghe kể chuyện.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Chó đốm con và mặt trời

(Theo 108 truyện đồng thoại nhỏ, sáng tạo lớn)



Chó đốm con nhìn thấy mặt trời mọc ở đâu?



Chó đốm con nhìn thấy mặt trời lặn ở đâu?



- HS đọc yêu cầu, quan sát 4 tranh trong SGK.

- GV kể chuyện lần 1 với giọng chậm rãi, vui tươi; HS lắng nghe để nắm nhân vật và sự việc chính.

- HS lắng nghe, ghi nhớ: Chó đốm con nhìn thấy mặt trời mọc ở hai hướng khác nhau và rất ngạc nhiên.

- GV kể chuyện lần 2 kết hợp chỉ từng tranh và đặt câu hỏi: Chó đốm con nhìn thấy mặt trời mọc ở đâu? Chó đốm con nghĩ gì? Điều gì làm chó đốm con ngạc nhiên?

- HS trả lời theo tranh: Lúc ở chân núi phía đông, chó thấy mặt trời mọc sau núi; ở dòng sông phía tây, chó thấy mặt trời mọc ở phía sông nên nghĩ có hai mặt trời.

- Bài tập 2: Kể lại toàn bộ câu chuyện.

- HS kể theo nhóm 4, mỗi bạn kể một tranh, sau đó kể nối tiếp toàn bộ câu chuyện.

- GV mời đại diện nhóm kể trước lớp.

- Đại diện nhóm kể; HS khác nhận xét về nội dung, giọng kể, cách dùng từ.

- GV hỏi: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?

- HS trả lời: Em hiểu mặt trời chỉ có một, do Trái Đất quay nên ta nhìn thấy mặt trời mọc và lặn; khi chưa hiểu điều gì cần hỏi người lớn hoặc tìm hiểu đúng cách.

- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu em còn thắc mắc vì sao mặt trời mọc, mặt trời lặn hoặc muốn tìm thêm thông tin về hiện tượng này, em có thể nhờ công cụ số/AI hỗ trợ như thế nào để an toàn?

- HS trả lời: Em chỉ xem phần GV hoặc người lớn hướng dẫn; em không tự nhập tên, lớp, địa chỉ, hình ảnh cá nhân; em hỏi lại thầy cô/người lớn khi chưa chắc chắn.

- GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV có thể dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên để gợi ý câu hỏi hoặc cách giải thích đơn giản về hiện tượng mặt trời mọc, mặt trời lặn. HS quan sát phần GV trình chiếu, đối chiếu với nội dung SGK và lời giải thích của GV; không tin ngay mọi câu trả lời

- HS lắng nghe, nhắc lại: AI chỉ hỗ trợ gợi ý; em cần kiểm tra thông tin, hỏi người lớn và bảo vệ thông tin cá nhân.

của AI nếu chưa kiểm tra, không nhập thông tin cá nhân vào công cụ AI.	
- GV kết luận: Khi kể chuyện, các em cần kể đúng trình tự tranh, dùng lời kể tự nhiên và biết nêu điều mình hiểu sau câu chuyện.	- HS lắng nghe.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) <i>Mục tiêu: Liên hệ bài học với thực tế.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền nghỉ ngơi, vui chơi, bày tỏ cảm xúc về mùa hè và có trách nhiệm vui chơi an toàn, lành mạnh.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nêu một việc làm để mùa hè của em vui, an toàn và có ích.	- HS trả lời: Em đọc sách, giúp bố mẹ việc nhà, chăm sóc cây, vui chơi đúng nơi, không ra nắng quá lâu.
- GV hỏi dẫn tích hợp QCN: Khi nghỉ hè, các em có những quyền gì và cần thực hiện trách nhiệm gì để mùa hè vui, an toàn, có ích?	- HS trả lời: Em có quyền nghỉ ngơi, vui chơi, bày tỏ cảm xúc; em cần vui chơi an toàn, nghe lời người lớn, giữ vệ sinh và không làm ảnh hưởng đến người khác.
- GV tích hợp QCN: Trẻ em có quyền được nghỉ ngơi, vui chơi, tham gia các hoạt động phù hợp và được lắng nghe cảm xúc của mình về mùa hè. Bên cạnh quyền đó, các em cần biết lựa chọn hoạt động lành mạnh, không chơi nơi nguy hiểm, không tự ý đi xa, biết chia sẻ với gia đình và tôn trọng quyền vui chơi của bạn bè.	- HS lắng nghe, liên hệ bản thân: Em sẽ vui chơi đúng nơi, biết nói với người lớn khi cần hỗ trợ và tôn trọng bạn bè.
- GV dặn HS về nhà kể lại câu chuyện Chó đốm con và mặt trời cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 7: MÙA HÈ LẮP LÁNH

TIẾT 3: Viết - Nghe - viết Mùa hè lắp lánh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 3 khổ thơ đầu bài Mùa hè lắp lánh; trình bày đúng thể thơ, đúng chính tả, sạch đẹp.
- Phân biệt và ghép đúng các tiếng có chung/trung để tạo từ.
- Chọn đúng ch/tr hoặc v/d để hoàn thành bài tập chính tả theo yêu cầu SGK.
- Biết tự soát lỗi, sửa lỗi và nhận xét bài viết của mình, của bạn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, tự soát lỗi sau khi viết.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi khi làm bài tập chính tả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn tiếng phù hợp để tạo từ đúng nghĩa.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, hoàn thành bài tập chính tả.
- Trung thực: tự soát lỗi, sửa lỗi đúng bài viết của mình.
- Trách nhiệm: giữ vở sạch, viết chữ rõ ràng, trình bày bài ngay ngắn.

4. Tích hợp:

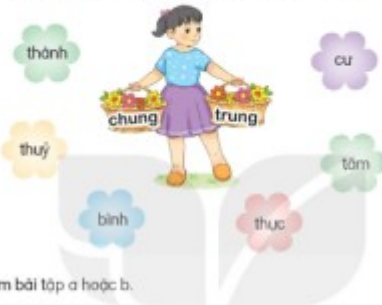
- Tích hợp GDBVMT: HS biết trân trọng thiên nhiên, giữ vệ sinh nơi học tập và nơi vui chơi; bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh để môi trường sạch đẹp.
- Tích hợp NLS 1.2.CB1a: HS biết khi nghe kể lại câu chuyện hoặc tìm hiểu thêm hiện tượng mặt trời mọc, mặt trời lặn có thể xem nội dung số do GV/người lớn giới thiệu; biết lựa chọn nguồn phù hợp lứa tuổi, không tự truy cập đường link lạ, không chia sẻ thông tin cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; đoạn thơ nghe - viết; tranh/bài tập chính tả trong SGK; thẻ tiếng chung/trung, ch/tr, v/d.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Gọi nhớ bài thơ và chuẩn bị nghe - viết.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đọc lại một khổ thơ trong bài Mùa hè lấp lánh mà em thích.	- HS đọc khổ thơ, nêu lí do thích: vì hình ảnh đẹp, vui tươi.
- GV giới thiệu bài: Tiết này các em nghe - viết 3 khổ thơ đầu và luyện phân biệt một số tiếng dễ lẫn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Khám phá - Nghe - viết (15 phút) <i>Mục tiêu: Nghe - viết đúng đoạn thơ, trình bày bài sạch đẹp.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng thiên nhiên, giữ vệ sinh nơi học tập và vui chơi; bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh để môi trường sạch đẹp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Nghe - viết Mùa hè lấp lánh (3 khổ thơ đầu).	- HS đọc yêu cầu, theo dõi đoạn thơ trong SGK.

<p>VIẾT</p> <p>1. Nghe – viết: <i>Mùa hè lấp lánh</i> (3 khổ thơ đầu).</p> <p>2. Ghép các tiếng phù hợp với chung hoặc trung để tạo từ.</p>  <p>3. Làm bài tập a hoặc b.</p> <p>a. Chọn <i>ch</i> hoặc <i>tr</i> thay cho ô vuông.</p> <p>Chí mây vừa kéo đến Chớp bóng loà <input type="text"/> ói mắt <input type="text"/> àng sao <input type="text"/> ón cả rồi Soi sáng khắp ruộng vườn Đất nóng lòng <input type="text"/> ó đợi Ôi Ông <input type="text"/> ói bát lửa Xuống đi nào, mưa ơi! Xem lúa vừa <input type="text"/> ó bông.</p> <p>(Theo Đỗ Xuân Thanh)</p> <p>b. Chọn <i>nh</i> hoặc <i>đ</i> thay cho ô vuông.</p> <p>Còn tàu <input type="text"/> ào ga, vừa chạy <input type="text"/> ừa “tu tu” một hồi <input type="text"/> ải. Sân ga bỗng chốc nhộn nhịp <input type="text"/> ả nào nhiệt hân lên. Phía cửa ga, nhiều cánh tay giơ lên <input type="text"/> ầy gọi người thân.</p> <p>(Theo Trung Nguyên)</p> <p>Kể chuyện <i>Chó đốm con và mặt trời</i> cho người thân nghe. Hỏi thêm người thân về hiện tượng mặt trời mọc và lặn.</p>	
- GV đọc đoạn viết một lượt và hỏi: Đoạn thơ nói về những hình ảnh nào của mùa hè?	- HS trả lời: Đoạn thơ nói về trời sáng sớm, mặt trời, nắng, cây cối, hoa lá và niềm vui của bạn nhỏ.
- GV hỏi dẫn tích hợp GDBVMT: Những hình ảnh đẹp của mùa hè trong đoạn thơ gợi cho em việc làm gì để thiên nhiên quanh mình luôn sạch đẹp?	- HS trả lời: Em biết giữ vệ sinh lớp học, bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây xanh, không bẻ cành, hái hoa.
- GV tích hợp GDBVMT: Khi viết bài về mùa hè, các em không chỉ viết đúng chữ mà còn cảm nhận vẻ đẹp của nắng, cây cối, hoa lá. Để mùa hè luôn trong lành, các em cần giữ gìn nơi học tập và nơi vui chơi sạch đẹp, bỏ rác đúng nơi quy định, tiết kiệm nước, chăm sóc cây xanh và nhắc bạn cùng bảo vệ cảnh quan xung quanh.	- HS lắng nghe, nêu việc sẽ làm: Em sẽ bỏ rác vào thùng, chăm sóc cây trong lớp, không làm hỏng cây hoa ở sân trường.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: mỗi dòng thơ lùi vào, chữ đầu dòng viết hoa, sau mỗi khổ thơ để cách một dòng.	- HS quan sát và nêu lại cách trình bày bài thơ.
- GV cho HS viết từ dễ sai vào bảng con: sáng, chóng lớn, thêm màu, đung đỉnh, lấp lánh.	- HS viết bảng con, đọc lại từ, sửa lỗi nếu có.
- GV đọc từng dòng thơ, mỗi dòng đọc 2 - 3 lần với tốc độ vừa phải.	- HS nghe - viết vào vở, chú ý viết đúng chữ, dấu thanh và khoảng cách.
- GV đọc lại toàn đoạn cho HS soát bài.	- HS dùng bút chì soát lỗi, gạch chân từ viết sai và sửa vào lề.
- GV nhận xét một số bài, khen HS viết đúng,	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

trình bày sạch.	
3. Luyện tập chính tả (13 phút) <i>Mục tiêu: Làm đúng các bài tập phân biệt âm, vần dễ lẫn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 2: Ghép các tiếng phù hợp với chung hoặc trung để tạo từ.	- HS đọc yêu cầu và ghép từ: chung thủy, chung sức, chung cư; trung thành, trung tâm, trung thực.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, một bạn đọc tiếng, một bạn ghép với chung hoặc trung.	- HS làm việc nhóm đôi và trình bày kết quả.
- GV nhận xét, chốt: Tiếng chung thường gọi ý cùng nhau; tiếng trung có thể chỉ sự ngay thẳng, ở giữa hoặc thuộc về một phạm vi.	- HS lắng nghe, sửa bài.
- Bài tập 3a: Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.	- HS làm bài: Chị may vừa kéo đến; Chóp bông lóe; trắng sao; trời bắt lửa; trận mưa rơi; bông.
- Bài tập 3b: Chọn v hoặc d thay cho ô vuông.	- HS làm bài: Con tàu vào ga, vừa chạy vừa “tu tu” một hồi dài; sân ga bỗng chốc nhộn nhịp; phía cửa ga, nhiều cánh tay giơ lên vẫy gọi người thân.
- GV tổ chức chữa bài, yêu cầu HS giải thích một số lựa chọn dễ nhầm.	- HS nêu: chóp viết ch; trời viết tr; vào, vừa, vẫy viết v; dài viết d.
- GV kết luận: Muốn viết đúng chính tả, các em cần đọc kỹ tiếng, hiểu nghĩa từ và tự soát lỗi sau khi viết.	- HS lắng nghe.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) <i>Mục tiêu: Liên hệ việc học chính tả với sử dụng nội dung số an toàn.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn nội dung số phù hợp lứa tuổi, không truy cập đường link lạ và không chia sẻ thông tin cá nhân khi tìm hiểu hiện tượng thiên nhiên.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi muốn tìm thêm video giải thích mặt trời mọc, mặt trời lặn để kể cho người thân nghe, em cần làm gì?	- HS trả lời: Em hỏi thầy cô, bố mẹ; chỉ xem nguồn người lớn giới thiệu; không bấm vào đường link lạ, không nhập thông tin cá nhân.
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi muốn tìm thêm video giải thích mặt trời mọc, mặt trời lặn để kể cho người thân nghe, em cần làm gì để an toàn? - GV tích hợp NLS 1.2.CB1a: Nội dung trên mạng có nhiều nguồn khác nhau. Các em chỉ nên xem nội dung học tập phù hợp lứa tuổi do GV hoặc người thân chọn, không tự tải ứng dụng lạ, không bấm vào đường link lạ, không gửi tên, lớp, trường, địa chỉ hoặc ảnh của mình khi dùng thiết bị số. Nếu gặp nội dung khó hiểu hoặc lạ, các em cần hỏi lại người lớn.	- HS trả lời: Em hỏi thầy cô, bố mẹ; chỉ xem nguồn người lớn giới thiệu; không bấm vào đường link lạ, không nhập thông tin cá nhân; biết hỏi lại khi chưa chắc chắn.

- GV dẫn HS về nhà kể lại câu chuyện Chó đốm con và mặt trời cho người thân, hỏi thêm người thân về hiện tượng mặt trời mọc và lặn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
---	------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 8: TẠM BIỆT MÙA HÈ

TIẾT 1, 2: Đọc - Tạm biệt mùa hè; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Tạm biệt mùa hè; biết đọc với giọng kể nhẹ nhàng, thể hiện cảm xúc lưu luyến, háo hức trước năm học mới.
- Hiểu nội dung văn bản: những trải nghiệm mùa hè của Diệu và cảm xúc khi mùa hè kết thúc, chuẩn bị bước vào năm học mới.
- Trả lời được các câu hỏi SGK; nêu được trải nghiệm mình thích nhất trong mùa hè.
- Biết đọc mở rộng và ghi phiếu đọc sách về sách, bài đọc liên quan đến công việc làm bếp hoặc hoạt động yêu thích của trẻ em.
- Biết chia sẻ với bạn về điều em đọc được một cách rõ ràng, lịch sự.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, tìm chi tiết, hoàn thành phiếu đọc sách.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi trả lời câu hỏi và chia sẻ đọc mở rộng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu để bày tỏ cảm xúc về mùa hè và bạn bè.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc bài, luyện đọc và hoàn thành nhiệm vụ đọc mở rộng.
- Nhân ái: biết yêu quý người thân, bạn bè, biết trân trọng kỉ niệm đẹp.
- Trách nhiệm: chuẩn bị tâm thế vui vẻ, an toàn, đúng nền nếp để bước vào năm học mới.

4. Tích hợp:

- KNS: HS biết chia sẻ kỉ niệm, bày tỏ cảm xúc tích cực khi mùa hè kết thúc; chuẩn bị tâm thế vui vẻ, an toàn để bước vào năm học mới.
- Tích hợp NLS 1.2.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết lựa chọn sách, bài đọc giấy hoặc bài đọc số phù hợp lứa tuổi theo hướng dẫn của GV; khi ghi phiếu đọc sách không ghi địa chỉ, số điện thoại, tài khoản, hình ảnh riêng tư; biết trao đổi lịch sự khi chia sẻ bài đọc.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.B3.2: Biết rằng cần bảo vệ thông tin cá nhân khi tương tác với AI; không chia sẻ địa chỉ, hình ảnh, tài khoản hoặc thông tin của bạn bè khi dùng chatbot tìm ý thơ, câu văn tặng bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh bài đọc Tạm biệt mùa hè; phiếu đọc sách; thẻ từ; một số sách/bài đọc phù hợp lứa tuổi do GV chọn.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, sách/bài đọc đã chuẩn bị, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Giới thiệu chủ điểm, gợi cảm xúc khi mùa hè kết thúc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV giới thiệu tiếp chủ điểm Những trải nghiệm thú vị: Sau nhiều bài học về các hoạt	- HS lắng nghe, nhắc lại: Chủ điểm giúp em kể và viết về trải nghiệm đáng nhớ.

<p>động mùa hè, hôm nay các em đọc một bài văn về cảm xúc khi tạm biệt mùa hè để bước vào năm học mới.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nói với bạn bên cạnh: Khi mùa hè kết thúc, em cảm thấy thế nào?</p>	<p>- HS trao đổi: Em thấy tiếc vì hết nghỉ hè; em vui vì được gặp lại bạn; em háo hức vì sắp vào năm học mới.</p>
<p>- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh gợi cho em thấy Diệu đã làm gì trong mùa hè?</p> 	<p>- HS quan sát tranh: Diệu cùng mẹ hái quả, đi chợ quê, được gặp người thân.</p>
<p>- GV giới thiệu bài: Bài Tạm biệt mùa hè sẽ kể về những trải nghiệm rất riêng của bạn Diệu trong những ngày hè.</p>	<p>- HS mở SGK bài Tạm biệt mùa hè.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) Mục tiêu: Đọc đúng, rõ văn bản và hiểu nghĩa từ khó. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- a. GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, thể hiện sự lưu luyến khi tạm biệt mùa hè và háo hức bước vào năm học mới.</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc thầm theo.</p>
<p>- b. GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: háo hức, chuyến du lịch kì thú, chợ quê nghèo, khế, tí tách, kho chuyện thú vị.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đồng thanh, sửa lỗi phát âm.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: “Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn, ...”.</p>	<p>- HS luyện ngắt nghỉ đúng ở các cụm từ.</p>
<p>- GV hỏi: Bài văn có thể chia thành mấy đoạn?</p>	<p>- HS trả lời: Có thể chia thành 4 đoạn: trước ngày khai giảng; những việc Diệu làm ở vườn; Diệu đến thăm bà cụ Khởi; Diệu ra chợ quê và tạm biệt mùa</p>

	hè.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp đoạn.	- HS đọc nối tiếp; cả lớp theo dõi trong SGK.
- GV giải nghĩa từ kì thú, tí tách, tò mò.	- HS nêu: Kì thú là đặc biệt thú vị; tí tách là nhỏ giọt như giọt nước; tò mò là thích tìm hiểu điều đang chú ý.
- GV cho HS luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm 4; nhóm trưởng góp ý cách đọc.
- GV gọi một nhóm đọc trước lớp và nhận xét.	- Một nhóm đọc; HS khác nhận xét bạn đọc rõ, đúng giọng.
- GV kết luận: Văn bản là lời kể giàu cảm xúc về những trải nghiệm gần gũi của bạn Diệu trong mùa hè.	- HS lắng nghe.

3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: Tìm được nguyên nhân Diệu thao thức và những việc Diệu đã làm trong mùa hè.

*Cách tiến hành:

- Câu 1. Vì sao đêm trước ngày khai giảng, Diệu nằm mãi mà không ngủ được?	- HS trả lời: Vì Diệu háo hức chờ sớm mai đến lớp, nghĩ đến các bạn sẽ kể nhiều chuyện mùa hè thú vị.
- Câu 2. Mùa hè, Diệu đã làm những gì? 	- HS trả lời: Diệu đi vào vườn hái quả cùng mẹ, đến thăm bà cụ Khởi ở cuối làng, ra chợ cùng mẹ và gặp nhiều người.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Chọn một việc làm của Diệu và nêu cảm xúc của Diệu khi làm việc đó.	- HS trao đổi: Khi hái quả, Diệu thích thú, hào hứng; khi thăm bà cụ Khởi, Diệu vui vì được nghe chuyện; khi ra chợ, Diệu thấy nhiều điều mới lạ.
- GV kết luận: Mùa hè của Diệu không xa hoa nhưng có nhiều trải nghiệm ấm áp bên mẹ, người thân và làng quê.	- HS lắng nghe.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động chuyển tiết (3 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1. *Cách tiến hành:	

- GV hỏi: Mùa hè của Diệu có gì khác với các chuyến du lịch xa?	- HS trả lời: Diệu không đi du lịch xa mà có những trải nghiệm gần gũi ở vườn, ở nhà bà cụ Khởi và ở chợ quê.
- GV dẫn: Tiết này chúng ta tiếp tục nói về trải nghiệm của Diệu và thực hiện đọc mở rộng.	- HS lắng nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 3, 4 (10 phút) <i>Mục tiêu: Nêu được trải nghiệm và bày tỏ cảm xúc cá nhân.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết chia sẻ kỉ niệm, bày tỏ cảm xúc tích cực khi mùa hè kết thúc; chuẩn bị tâm thế vui vẻ, an toàn để bước vào năm học mới.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Câu 3. Nói về những trải nghiệm của Diệu trong mùa hè. a. Khi ở nhà bà cụ Khởi; b. Khi ở góc chợ quê nghèo.	- HS trả lời: Ở nhà bà cụ Khởi, Diệu trò chuyện với bà và nghe nhiều chuyện thú vị. Ở chợ quê, Diệu gặp người quen, thấy những người bán hàng sẵn sàng đỡ chỗ đi mưa cho nhau.
- Câu 4. Em thích nhất trải nghiệm nào của Diệu trong mùa hè vừa qua? Vì sao?	- HS nêu ý kiến: Em thích trải nghiệm Diệu vào vườn hái quả vì rất vui và gần gũi thiên nhiên; hoặc em thích khi Diệu ra chợ vì thấy tình cảm của mọi người.
- GV hỏi: Khi mùa hè kết thúc, em cần chuẩn bị điều gì để vào năm học mới vui vẻ, an toàn?	- HS trả lời: Em chuẩn bị sách vở, ngủ đúng giờ, đi học đúng giờ, giữ sức khỏe, nhớ nội quy lớp học.
- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Khi mùa hè kết thúc, em cần chuẩn bị điều gì để vào năm học mới vui vẻ, an toàn? - GV tích hợp KNS: Mùa hè kết thúc, các em có thể tiếc nuối nhưng cần đón năm học mới bằng tinh thần tích cực. Hãy sắp xếp lại góc học tập, chuẩn bị sách vở, đi ngủ đúng giờ, giữ sức khỏe, chia sẻ với bố mẹ nếu còn lo lắng và đến trường với thái độ vui vẻ. Khi gặp lại bạn, các em nói lời chào, lắng nghe bạn kể chuyện hè, không chê bai trải nghiệm của bạn.	- HS lắng nghe, nêu một việc sẽ làm: Em sắp xếp cặp sách; em ngủ sớm; em chào hỏi bạn; em lắng nghe bạn kể chuyện hè và không chê bai bạn.
- GV kết luận: Trải nghiệm mùa hè dù giản dị vẫn có thể trở thành kỉ niệm đẹp nếu chúng ta biết quan sát, yêu thương và chia sẻ.	- HS lắng nghe.
3. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: Đọc diễn cảm một đoạn văn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS chọn một đoạn mình thích trong bài để luyện đọc.	- HS luyện đọc nhóm đôi, nhấn giọng ở các từ thể hiện cảm xúc: háo hức, thích thú, tò mò, tạm biệt.
- GV gọi 2 - 3 HS đọc trước lớp.	- HS đọc; cả lớp nhận xét.
4. Đọc mở rộng (14 phút)	

Mục tiêu: Đọc, ghi phiếu đọc sách và chia sẻ điều đọc được.

Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn sách, bài đọc giấy hoặc bài đọc số phù hợp lứa tuổi; không ghi, không chia sẻ dữ liệu riêng tư khi đọc mở rộng.

**Cách tiến hành:*

- **Bài tập 1:** Đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc về công việc làm bếp. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.



ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc về công việc làm bếp. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

- Ngày đọc: (...)

- Tên bài: (...)

- Tác giả: (...)

Món ăn hoặc hoạt động làm bếp được nói đến: (...)

Thông tin quan trọng hoặc thú vị đối với em: (...)

- HS đọc yêu cầu, quan sát mẫu phiếu đọc sách.

- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: ngày đọc, tên bài, tác giả, món ăn/hoạt động làm bếp được nói đến, thông tin quan trọng hoặc thú vị.

- HS ghi phiếu đọc sách cá nhân theo mẫu.

- GV hỏi: Nếu em đọc bài trên máy tính hoặc điện thoại của người lớn, em cần chú ý điều gì?

- HS trả lời: Em đọc bài do GV hoặc bố mẹ chọn, không tự vào trang lạ, không ghi địa chỉ, số điện thoại, tài khoản vào phiếu hoặc lên mạng.

- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Nếu em đọc bài trên máy tính hoặc điện thoại của người lớn, em cần chú ý điều gì khi ghi phiếu đọc sách và chia sẻ với bạn?

- HS trả lời: Em đọc bài do GV hoặc bố mẹ chọn, không tự vào trang lạ, không ghi địa chỉ, số điện thoại, tài khoản; khi chia sẻ em nói lịch sự và tôn trọng bạn.

- GV tích hợp NLS 1.2.CB1a, 4.1.CB1b: Khi đọc mở rộng bằng sách giấy hoặc bài đọc số, các em cần chọn nguồn phù hợp lứa tuổi, nội dung lành mạnh, không có quảng cáo lạ. Phiếu đọc sách chỉ ghi thông tin về bài đọc, không ghi dữ liệu riêng tư như địa chỉ nhà, số điện thoại, tài khoản mạng, hình ảnh cá nhân. Khi chia sẻ với bạn, cần nói lịch sự, không chụp và đăng bài của bạn nếu chưa được phép.

- **Bài tập 2:** Chia sẻ những điều em đọc được.

- HS chia sẻ theo nhóm 4: Tên bài em đọc là..., điều em thấy thú vị là..., em học được...

- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhận xét và khen HS chuẩn bị tốt.

- Đại diện nhóm trình bày; HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi lịch sự.

5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng nội dung bài đọc và đọc mở rộng.

Mục tiêu tích hợp: HS biết bảo vệ thông tin cá nhân khi tương tác với AI; không chia sẻ địa chỉ, tài khoản, hình ảnh hoặc thông tin của bạn bè khi dùng công cụ số.

**Cách tiến hành:*

- GV hỏi: Bài Tạm biệt mùa hè giúp em hiểu

- HS trả lời: Mỗi bạn có một mùa hè riêng; điều

điều gì?	giản dị cũng đáng nhớ nếu có tình yêu thương và sự quan sát.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu dùng chatbot hoặc công cụ AI để tìm ý thơ, câu văn tặng bạn sau mùa hè, em cần bảo vệ thông tin cá nhân như thế nào?	- HS trả lời: Em không nhập địa chỉ, số điện thoại, tài khoản, hình ảnh, tên đầy đủ hoặc thông tin riêng của bạn; em chỉ tham khảo gợi ý và hỏi người lớn khi cần.
- GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.B3.2: AI có thể gợi ý lời chúc, câu thơ hoặc ý tưởng chia sẻ với bạn, nhưng các em phải bảo vệ thông tin cá nhân khi tương tác với AI. Không đưa địa chỉ nhà, số điện thoại, tài khoản, hình ảnh, câu chuyện riêng tư của mình hoặc của bạn bè vào chatbot; không sao chép nguyên văn mà cần tự chọn lọc, viết bằng lời của mình.	- HS lắng nghe, nhắc lại: Em chỉ dùng AI khi có GV/người lớn hướng dẫn, biết bảo vệ thông tin riêng tư và tự viết bằng lời của mình.
- GV dẫn HS chuẩn bị tiết Luyện tập: Mở rộng vốn từ về mùa hè; dấu chấm, dấu hai chấm.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 8: TẠM BIỆT MÙA HÈ

TIẾT 3: Luyện tập - Mở rộng vốn từ về mùa hè. Dấu chấm, dấu hai chấm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được các từ ngữ nói về mùa hè theo các nhóm gợi ý: thời tiết, đồ ăn thức uống, đồ dùng, trang phục, hoạt động.
- Nhận biết tác dụng của dấu hai chấm trong câu dùng để báo hiệu phần liệt kê.
- Chọn đúng dấu chấm hoặc dấu hai chấm để hoàn thành câu, đoạn văn.
- Biết dùng từ ngữ về mùa hè để nói, viết câu rõ ràng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, hoàn thành bài tập và tự sửa bài.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm từ và chữa bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn dấu câu phù hợp với ý nghĩa câu.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, đặt câu và hoàn thành bài tập.
- Trung thực: tự làm bài, tự kiểm tra và sửa lỗi.
- Trách nhiệm: dùng câu nói rõ ràng, lịch sự khi trao đổi với bạn.

4. Tích hợp:

- KNS: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và dùng câu nói rõ ràng, lịch sự khi trao đổi bài học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh và bài tập trong SGK; thẻ từ về mùa hè; phiếu nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

1. Khởi động (4 phút)

Mục tiêu: Gợi nhớ vốn từ về mùa hè.

*Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Mùa hè có gì?": HS nói nhanh một từ ngữ gắn với mùa hè.

- HS tham gia: nắng, nóng, kem, nước, mũ, áo phông, bơi, đi du lịch, đọc sách.

- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay các em mở rộng vốn từ về mùa hè và luyện dùng dấu chấm, dấu hai chấm.

- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.

2. Luyện tập - Bài tập 1 (8 phút)

Mục tiêu: Tìm được từ ngữ nói về mùa hè theo nhóm.

*Cách tiến hành:

- **Bài tập 1:** Tìm các từ ngữ nói về mùa hè theo gợi ý dưới đây.

Mục tiêu: Tìm các từ ngữ nói về mùa hè theo gợi ý dưới đây.

2. Chia sẻ những điều em đọc được.

LUYỆN TẬP

1. Tìm các từ ngữ nói về mùa hè theo gợi ý dưới đây:

Thời tiết	Đồ ăn thức uống	Đồ dùng	Trang phục	Hoạt động
Nắng nóng	Kem	Quạt	Áo phông	Bơi

2. Dấu hai chấm trong câu sau đây được dùng để làm gì?
Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn,...

a. Để báo hiệu lời nói trực tiếp
b. Để báo hiệu phần liệt kê
c. Để báo hiệu phần giải thích

3. Chọn dấu chấm hoặc dấu hai chấm thay cho ô vuông.

a. Mùa hè có rất nhiều loài hoa: hoa hồng, hoa phượng, hoa mười giờ, ...
Hoa nào cũng đẹp, cũng rực rỡ sắc màu.

b. Có nhiều hoạt động thú vị mà bạn có thể làm khi hè đến: đi cắm trại, đi tắm biển, tham gia các câu lạc bộ, ...

- HS đọc yêu cầu, quan sát bảng gợi ý trong SGK.

- GV chia lớp thành nhóm 5, mỗi nhóm tìm từ cho một cột: thời tiết, đồ ăn thức uống, đồ dùng, trang phục, hoạt động.

- HS làm việc nhóm: thời tiết - nắng, nóng, oi bức; đồ ăn thức uống - kem, nước mía, nước cam; đồ dùng - quạt, mũ, kính râm; trang phục - áo phông, quần đùi; hoạt động - bơi, đọc sách, đi du lịch.

- GV mời các nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.

- HS trình bày và bổ sung từ ngữ chưa trùng lặp.

- GV kết luận: Vốn từ về mùa hè rất phong phú, giúp các em nói và viết sinh động hơn.

- HS ghi một số từ hay vào vở.

3. Luyện tập - Bài tập 2 (8 phút)

Mục tiêu: Hiểu tác dụng của dấu hai chấm.

*Cách tiến hành:

- **Bài tập 2:** Dấu hai chấm trong câu sau đây được dùng để làm gì? Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn,...

- HS đọc câu và suy nghĩ cá nhân.

- GV yêu cầu HS chọn đáp án đúng trong SGK.

- HS trả lời: Dấu hai chấm được dùng để báo hiệu phần liệt kê.

- GV yêu cầu HS lấy thêm một ví dụ dùng dấu hai chấm để liệt kê.	- HS nêu: Trong cặp em có: sách, vở, bút, thước. Mùa hè em thích: bơi, đọc sách, ăn kem.
- GV kết luận: Dấu hai chấm có thể dùng để báo hiệu phần liệt kê đứng sau nó.	- HS lắng nghe.

4. Luyện tập - Bài tập 3 (12 phút)

Mục tiêu: Chọn đúng dấu chấm hoặc dấu hai chấm để hoàn thành câu.

Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và dùng câu nói rõ ràng, lịch sự khi trao đổi bài học.

**Cách tiến hành:*

- Bài tập 3: Chọn dấu chấm hoặc dấu hai chấm thay cho ô vuông.	- HS đọc yêu cầu và làm bài cá nhân.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả câu a.	- HS trả lời: Mùa hè có rất nhiều loài hoa: hoa hồng, hoa phượng, hoa mười giờ,... Hoa nào cũng đẹp, cũng rực rỡ sắc màu.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả câu b.	- HS trả lời: Có nhiều hoạt động thú vị mà bạn có thể làm khi hè đến: đi cắm trại, đi tắm biển, tham gia các câu lạc bộ,...
- GV hỏi: Vì sao ở hai câu trên cần dùng dấu hai chấm sau cụm “nhiều loài hoa” và “nhiều hoạt động thú vị”?	- HS trả lời: Vì sau dấu hai chấm là phần liệt kê các loài hoa hoặc các hoạt động.
- GV nhắc HS khi làm việc nhóm cần lắng nghe, không cắt lời bạn, góp ý bằng lời lịch sự.	- HS thực hiện: lắng nghe, giơ tay phát biểu, nói “mình bổ sung...” hoặc “mình đồng ý...”.
- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Khi làm việc nhóm tìm từ và chọn dấu câu, em cần nói và nghe như thế nào để nhóm làm việc hiệu quả? - GV tích hợp KNS: Trong hoạt động nhóm, mỗi bạn có thể có ý kiến khác nhau. Các em cần nói rõ ràng, nhẹ nhàng, biết chờ đến lượt, không cắt lời, không chê bai câu trả lời của bạn. Khi nhận xét, nên nêu điều bạn làm tốt trước rồi góp ý phần cần sửa bằng lời lịch sự như: “Mình bổ sung thêm...” hoặc “Mình nghĩ câu này có thể sửa...”.	- HS nhắc lại cách trao đổi lịch sự: Em sẽ lắng nghe, nói đủ nghe, chờ đến lượt, góp ý nhẹ nhàng và tôn trọng ý kiến của bạn.
- GV kết luận: Dấu chấm giúp kết thúc câu; dấu hai chấm thường báo hiệu phần giải thích hoặc liệt kê đứng sau.	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.

5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng vốn từ và dấu câu vào thực tế.

**Cách tiến hành:*

- GV yêu cầu HS đặt một câu có dấu hai chấm để liệt kê hoạt động em thích trong mùa hè.	- HS đặt câu: Mùa hè em thích các hoạt động: đọc sách, bơi, chơi cầu lông và giúp mẹ tưới cây.
---	--

- GV dẫn HS chuẩn bị tiết Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
--	------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 8: TẠM BIỆT MÙA HÈ

TIẾT 4: Luyện tập - Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc lại văn bản Tạm biệt mùa hè, trao đổi được suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về việc làm của Diệu.
- Nói được tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn theo các gợi ý trong SGK.
- Viết được 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn; câu văn rõ ý, đúng chính tả, dùng dấu câu phù hợp.
- Biết đọc lại, phát hiện lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý và sửa bài.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chọn người bạn muốn viết, tự lập ý và sửa bài.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ cảm xúc với bạn, lắng nghe góp ý khi chỉnh sửa đoạn văn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn từ ngữ thể hiện tình cảm chân thật, phù hợp với bạn.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu quý, trân trọng bạn bè, nói lời tốt đẹp về bạn.
- Trung thực: viết bằng cảm xúc thật, không sao chép bài của người khác.
- Trách nhiệm: biết sửa lỗi bài viết và lắng nghe góp ý.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý từ ngữ, ý tưởng khi viết về tình cảm với bạn; HS chỉ tham khảo qua phần GV trình chiếu, tự chọn ý phù hợp, viết bằng lời của mình, tôn trọng cảm xúc thật và không nhập tên đầy đủ, địa chỉ, hình ảnh, thông tin riêng tư của bạn lên công cụ số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh và gợi ý viết đoạn văn trong SGK; bảng phụ gợi ý từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc; phiếu sửa lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi cảm xúc về tình bạn và dẫn vào bài viết.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Một lời tốt đẹp”: Mỗi HS nói một từ thể hiện tình cảm với bạn.	- HS nêu: quý mến, thân thiết, vui vẻ, biết ơn, tin tưởng, yêu quý, gần gũi.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em sẽ nói và viết 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập viết.
2. Khám phá - Bài tập 1 (8 phút) <i>Mục tiêu: Trao đổi về suy nghĩ, cảm xúc trong văn bản Tạm biệt mùa hè.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Đọc lại câu chuyện Tạm biệt	- HS đọc yêu cầu và quan sát bảng gợi ý.

mùa hè. Trao đổi với bạn về những nội dung theo gợi ý trong bảng dưới đây.



1. Đọc lại câu chuyện *Tạm biệt mùa hè*. Trao đổi với bạn về những nội dung theo gợi ý trong bảng dưới đây:

Những việc làm của Diệu	Suy nghĩ, cảm xúc của Diệu	Suy nghĩ, cảm xúc của em về việc làm của Diệu
Diệu vào vườn hái quả cùng mẹ	Thích thú và hào hứng	– Diệu là cô bé chăm làm,... – Diệu biết quan tâm, giúp đỡ mẹ,... – Diệu thật tình cảm, thật đáng yêu!
Diệu đến thăm bà cụ Khôi và trò chuyện với bà		
Diệu ra chợ cùng mẹ và được gặp nhiều người		

2. Nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn mà em yêu quý.

Tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn

a. Em muốn nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn nào?

b. Bạn đó có điểm gì khiến em yêu quý?

c. Em có tình cảm, cảm xúc như thế nào đối với bạn đó?

3. Viết 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn theo gợi ý ở bài tập 2.



Đọc bài viết của em cho người thân và nghe người thân góp ý.

- GV hướng dẫn HS đọc các cột: Những việc làm của Diệu; suy nghĩ, cảm xúc của Diệu; suy nghĩ, cảm xúc của em về việc làm của Diệu.

- HS đọc bảng, nắm yêu cầu trao đổi.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Chọn một việc làm của Diệu và nói cảm xúc của em.

- HS trao đổi: Em thấy Diệu biết quan tâm, giúp đỡ mẹ; em thích Diệu vì bạn biết trò chuyện với bà cụ Khôi; em cảm thấy Diệu là người thân thiện.

- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.

- HS trình bày; cả lớp nhận xét, bổ sung.

- GV kết luận: Khi nói về cảm xúc, các em cần nêu rõ việc làm nào khiến mình có cảm xúc đó.

- HS lắng nghe.

3. Luyện tập - Bài tập 2 (8 phút)

Mục tiêu: Nói được tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể gợi ý từ ngữ, ý tưởng khi viết về tình cảm với bạn; biết tự chọn ý, viết bằng cảm xúc thật và không nhập thông tin riêng tư của bạn.

**Cách tiến hành:*

- **Bài tập 2:** Nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn mà em yêu quý.

- HS đọc các gợi ý a, b, c trong SGK.

- GV hỏi: Em muốn nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn nào?

- HS trả lời: Em muốn nói về bạn Mai/bạn An/bạn cùng bàn của em.

- GV hỏi: Bạn đó có điểm gì khiến em yêu quý?

- HS trả lời: Bạn học chăm, hay giúp em, vui tính, biết chia sẻ đồ dùng, không chê bai bạn.

- GV hỏi: Em có tình cảm, cảm xúc như thế

- HS trả lời: Em rất quý bạn; em thấy vui khi chơi

nào đối với bạn đó?	với bạn; em biết ơn vì bạn đã giúp em; em mong luôn là bạn tốt của bạn.
- GV hỏi: Nếu dùng AI để gợi ý từ ngữ viết về tình bạn, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em chỉ xem gợi ý GV trình chiếu, không đưa tên đầy đủ, hình ảnh, địa chỉ của bạn lên mạng; em phải tự viết bằng cảm xúc thật.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu dùng AI để gợi ý từ ngữ viết về tình bạn, em cần làm gì để bài viết vẫn là cảm xúc thật và an toàn? - GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý một số từ ngữ như thân thiết, vui vẻ, biết ơn, trân trọng hoặc gợi ý cách mở câu. Tuy nhiên, bài viết phải là cảm xúc thật của chính em. Các em không nhập tên đầy đủ, địa chỉ, hình ảnh, tài khoản hay thông tin riêng tư của bạn vào AI; không sao chép nguyên văn mà cần tự chọn ý phù hợp, tự viết bằng lời của mình.	- HS nhắc lại: Em chỉ tham khảo gợi ý, tự chọn từ, tự viết bằng cảm xúc thật và không đưa thông tin riêng tư của bạn lên công cụ số.
- GV kết luận: Đoạn văn hay là đoạn văn có cảm xúc thật, dùng từ phù hợp và thể hiện sự tôn trọng bạn bè.	- HS lắng nghe.

4. Thực hành viết - Bài tập 3 (12 phút)

Mục tiêu: Viết được 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với bạn.

*Cách tiến hành:

- Bài tập 3: Viết 2 - 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn theo gợi ý ở bài tập 2.	- HS đọc yêu cầu và viết bài vào vở.
- GV gợi ý khung viết: Em rất yêu quý bạn... Bạn... Em cảm thấy... Em mong...	- HS chọn bạn, viết 2 - 3 câu theo cảm xúc thật của mình.
- GV nhắc HS không viết thông tin riêng tư của bạn, không chê bai bạn, dùng lời văn chân thành.	- HS chỉnh câu văn cho lịch sự, phù hợp.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn cùng bàn để đọc và góp ý: dùng từ, đặt câu, dấu câu, sắp xếp ý.	- HS đọc bài của bạn, góp ý nhẹ nhàng và sửa lỗi nếu có.
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc bài; cả lớp nhận xét điều hay trong bài viết.
- GV nhận xét: Câu văn cần rõ ý, có dấu chấm cuối câu, thể hiện tình cảm chân thật với bạn.	- HS lắng nghe, hoàn thiện bài viết.

5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ tình bạn trong lớp.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm để	- HS trả lời: Em sẽ giúp bạn trực nhật; em sẽ cho
---	---

thể hiện tình cảm với bạn trong tuần này.	bạn mượn bút; em sẽ động viên bạn khi bạn buồn; em sẽ không trêu chọc bạn.
- GV dẫn HS đọc bài viết cho người thân nghe và tiếp tục sửa câu văn cho rõ, đúng chính tả.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
Tuần 5 - Chủ điểm: CỘNG TRƯỜNG RỘNG MỞ
BÀI 9: ĐI HỌC VUI SAO

TIẾT 1, 2: Đọc - Đi học vui sao; Nói và nghe - Tới lớp, tới trường

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Đi học vui sao; biết ngắt nghỉ theo dòng thơ, khổ thơ và đọc với giọng vui tươi, phấn khởi.
- Hiểu được khung cảnh đi học, niềm vui của bạn nhỏ khi ở lớp, giờ ra chơi và khi tan học.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; tìm được chi tiết thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi.
- Kể được một ngày đi học của em theo gợi ý; nêu được cảm nghĩ sau một tháng học tập.
- Biết bày tỏ tình yêu trường lớp và niềm vui khi được đến trường.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, đọc thầm để tìm chi tiết trong bài thơ.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi chia sẻ chuyện về trường lớp và kể một ngày đi học.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để giới thiệu trường lớp, hoạt động học tập của bản thân.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện kể và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: biết yêu quý bạn bè, kính trọng thầy cô, vui vẻ giúp đỡ bạn trong lớp.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn trường lớp sạch đẹp, đi học đúng giờ, tham gia hoạt động học tập nghiêm túc.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được đến trường học tập, được bày tỏ cảm xúc và ý kiến về trường lớp của mình.
- Tích hợp KNS: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến, thể hiện niềm vui đến trường bằng lời nói và việc làm phù hợp.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý câu hỏi hoặc từ ngữ khi chuẩn bị kể về một ngày đi học; GV thao tác bằng tài khoản giáo viên, HS chỉ tham khảo, không để AI kể thay trải nghiệm thật và không cung cấp tên đầy đủ, địa chỉ, hình ảnh cá nhân, thông tin riêng tư của bản thân hoặc bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh chủ điểm CỘNG trường rộng mở; tranh bài thơ Đi học vui sao; tranh phân nói và nghe; thẻ từ luyện đọc; phiếu nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

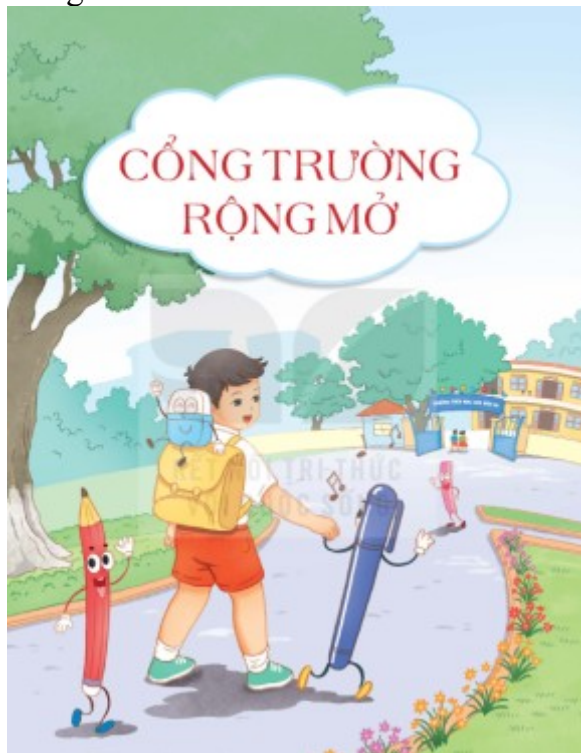
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

1. Khởi động (5 phút)

Mục tiêu: Giới thiệu chủ điểm, tạo hứng thú và dẫn vào bài đọc.

*Cách tiến hành:

- GV cho HS quan sát tranh chủ điểm Cổng trường rộng mở và hỏi: Em nhìn thấy những gì trong bức tranh?



- HS quan sát, trả lời: Em thấy bạn nhỏ đeo cặp đến trường, cổng trường, cây xanh, bút chì và bút mực vui vẻ đi cùng bạn nhỏ.

- GV giới thiệu chủ điểm Cổng trường rộng mở: Từ tuần này, các em sẽ đọc, nói, viết về trường lớp, con đường đến trường, thầy cô, bạn bè và những niềm vui trong học tập.

- HS lắng nghe và nêu: Chủ điểm giúp em thêm yêu trường, yêu lớp, biết kể về việc học và cảm xúc khi đến trường.

- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi: Em thường kể với người thân những chuyện gì về trường lớp của em?

- HS trao đổi: Em kể về bạn mới, thầy cô, giờ học, giờ ra chơi, hoạt động vẽ tranh, đọc sách, trực nhật.

- GV giới thiệu bài: Bài thơ Đi học vui sao sẽ đưa các em vào một ngày học vui tươi, có trang sách mới, giờ ra chơi và niềm vui tan học.

- HS lắng nghe, mở SGK bài Đi học vui sao.

- GV kết luận: Trường học là nơi các em được học tập, vui chơi, gặp thầy cô, bạn bè và lớn lên mỗi ngày.

- HS chuẩn bị đọc bài.

2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút)

Mục tiêu: Đọc đúng bài thơ, hiểu nghĩa từ và bước đầu cảm nhận nhịp thơ.

*Cách tiến hành:

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, nhấn giọng ở các từ: nắng xôn xao, giòn mát, mở đào, thơm thảo, ríu ran, xôn xang.

- HS lắng nghe, đọc thầm theo và chú ý cách ngắt nhịp.

- GV cho HS quan sát bài đọc trong SGK và

- HS quan sát, chỉ vào từng khổ thơ trong SGK.

nhắc cách đọc thơ theo từng dòng, từng khổ.



- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: bình minh, giòn mát, mở đào, mùa, thơm thảo, tút, chuyền cảnh, xôn xao.

- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh, sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn.

- GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ: Sáng nay em đi học / Bình minh nắng xôn xao; Giờ ra chơi cùng bạn / Em nào nức nở đùa.

- HS luyện đọc từng dòng, từng khổ thơ.

- GV hỏi: Bài thơ có mấy khổ thơ?

- HS trả lời: Bài thơ có 5 khổ thơ.

- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trước lớp.

- HS đọc nối tiếp; cả lớp theo dõi trong SGK.

- GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ má đào, mon man, xôn xao.

- HS nêu: Má đào là má hồng; mon man là lướt nhẹ trên bề mặt; xôn xao là cảm xúc vui rạo rực trong lòng.

- GV cho HS luyện đọc nhóm 5, mỗi bạn đọc một khổ thơ.

- HS luyện đọc trong nhóm; nhóm trưởng nhắc bạn đọc rõ, đúng nhịp.

- GV gọi một nhóm đọc trước lớp và nhận xét.

- Một nhóm đọc; HS khác nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.

3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: Tìm được khung cảnh đi học và điều thú vị trong trang sách.

*Cách tiến hành:

- **Câu 1.** Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh như thế nào?

- HS trả lời: Bạn nhỏ đi học trong buổi sáng bình minh, nắng xôn xao, gió mát, đường đi có cỏ, có cánh cò và khung cảnh rất vui tươi.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, tìm từ ngữ trong bài thơ gợi khung cảnh sáng đi học.

- HS tìm và nêu: bình minh, nắng xôn xao, gió mát, cánh cò, cỏ, trường lớp.

- **Câu 2.** Những trang sách bạn nhỏ được học có gì thú vị?

- HS trả lời: Trang sách mới thơm thảo; có bao nhiêu chuyện cổ tích, có mưa, có nhạc, có điều hay như đồ chơi khéo tay.

- GV kết luận: Bài thơ mở ra niềm vui đi học qua khung cảnh đẹp và những trang sách mới

- HS lắng nghe, ghi nhớ nội dung tiết 1.

đầy điều thú vị.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động chuyển tiết (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết trước.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Trong bài Đi học vui sao, em nhớ hình ảnh nào nhất?	- HS trả lời: Em nhớ bình minh nắng xôn xao, trang sách mới, giờ ra chơi cùng bạn.
- GV dẫn: Tiết này chúng ta tiếp tục tìm hiểu niềm vui trong giờ ra chơi, cảm xúc tan học và luyện nói về một ngày đi học.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: Hiểu niềm vui của bạn nhỏ ở trường và sau giờ tan học.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được đến trường học tập, được bày tỏ cảm xúc và ý kiến về trường lớp của mình.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
<p>- Câu 3. Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>Giờ ra chơi cùng bạn Em nào nức nở đùa Khí mát lại tùm tùm Cùng vẽ tranh say sưa.</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>Tan học em ủa chạy Đong què lùa chín vàng Nhịp chân theo nhịp hát Lòng em vui xôn xang.</p> <p style="text-align: right;">(Phạm Anh Xuân)</p> </div> </div> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mát mẻ: mát mẻ. - Mãn mãn: lướt nhẹ trên bề mặt, tạo cảm giác dễ chịu. - (Vui) xôn xang: một cảm xúc vui rạo rực trong lòng. <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh như thế nào? 2. Những trang sách bạn nhỏ được học có gì thú vị? 3. Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi. <div style="display: flex; justify-content: space-around;">   </div> <ol style="list-style-type: none"> 4. Nếu cảm xúc của bạn nhỏ khi tan học. 5. Em cảm thấy thế nào khi nghe tiếng trống tan trường? <p><i>* Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.</i></p> <p>NÓI VÀ NGHE</p> <p style="text-align: center;">Tôi lớp, tôi trường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kể về một ngày đi học của em. <ul style="list-style-type: none"> - Em đi đến trường cùng ai? - Thời tiết hôm đó thế nào? - Đường đến trường hôm đó có gì đặc biệt? - Buổi học hôm đó có gì đáng nhớ? 2. Nếu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập. <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p><i>Em nhớ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói rõ ràng, đủ nghe. - Nhìn vào người nghe. </div>	<p>- HS trả lời: Giờ ra chơi các bạn cùng nhau nô đùa, một lại tùm tùm năm tùm ba, cùng vẽ tranh say sưa.</p>
- GV yêu cầu HS quan sát tranh giờ ra chơi trong SGK, trao đổi nhóm 4: Các bạn đang làm gì? Các bạn có vui không?	- HS quan sát và trả lời: Các bạn chơi đuổi bắt, ngồi dưới gốc cây, cùng xem hoặc vẽ tranh; các bạn rất vui.
- Câu 4. Nếu cảm xúc của bạn nhỏ khi tan học.	- HS trả lời: Khi tan học, bạn nhỏ cảm thấy vui, lòng xôn xang, vẫn còn nhớ nhịp chân theo nhịp hát.
- Câu 5. Em cảm thấy thế nào khi nghe tiếng trống tan trường?	- HS trả lời: Em thấy vui vì được gặp người thân, được kể chuyện ở lớp; em cũng có chút tiếc vì phải

	tạm xa bạn bè.
- GV hỏi: Khi được đến trường học tập, vui chơi và bày tỏ cảm xúc, em cần có thái độ thế nào với thầy cô, bạn bè và lớp học?	- HS trả lời: Em cần chăm học, lễ phép với thầy cô, đoàn kết với bạn, giữ gìn lớp học sạch đẹp và mạnh dạn chia sẻ ý kiến.
- GV hỏi dẫn tích hợp QCN: Khi được đến trường học tập, vui chơi và bày tỏ cảm xúc, em cần có thái độ thế nào để tôn trọng quyền học tập, quyền vui chơi và quyền được lắng nghe của bạn bè? GV diễn giải: Mỗi trẻ em đều có quyền được đến trường, được học tập, vui chơi, được phát biểu ý kiến và được lắng nghe trong môi trường an toàn, thân thiện. Vì vậy, khi ở lớp, các em cần tôn trọng quyền của bạn bằng cách không chê cười khi bạn phát biểu, biết chờ đến lượt nói, biết giúp bạn khi bạn gặp khó khăn và cùng nhau giữ lớp học an toàn, thân thiện.	- HS nêu việc sẽ làm: Em sẽ lắng nghe bạn; em sẽ không trêu chọc bạn; em sẽ giúp bạn khi bạn chưa hiểu bài; em sẽ giữ lớp sạch đẹp.
- GV kết luận: Bài thơ thể hiện niềm vui đến trường, niềm vui học tập, vui chơi và tình yêu trường lớp của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe.
3. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: Đọc diễn cảm một số khổ thơ.</i>	
- GV yêu cầu HS chọn 3 khổ thơ đầu để luyện đọc thuộc lòng.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm đôi.
- GV tổ chức cho 3 - 4 HS thi đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; cả lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, vui tươi.
4. Nói và nghe - Tối lớp, tối trường (12 phút) <i>Mục tiêu: Kể được một ngày đi học và nêu cảm nghĩ sau một tháng học tập.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể gợi ý câu hỏi hoặc từ ngữ khi chuẩn bị kể về một ngày đi học; biết chỉ tham khảo và không cung cấp thông tin riêng tư.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Kể về một ngày đi học của em.	- HS đọc yêu cầu và các gợi ý trong SGK.
- GV nêu các câu gợi ý: Em đi đến trường cùng ai? Thời tiết hôm đó thế nào? Đường đến trường hôm đó có gì đặc biệt? Buổi học hôm đó có gì đáng nhớ?	- HS chuẩn bị ý: Em đi cùng mẹ; thời tiết mát; em gặp bạn ở cổng trường; em được học bài mới và chơi cùng bạn.
- GV yêu cầu HS kể trong nhóm 4, bạn nghe đặt một câu hỏi thêm.	- HS kể trong nhóm; bạn nghe hỏi: Bạn thích hoạt động nào nhất? Vì sao?
- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp.	- HS kể: Sáng nay em đến trường cùng ba. Lớp em học Tiếng Việt, em được đọc thơ. Giờ ra chơi em chơi nhảy dây với bạn. Em rất vui.
- Bài tập 2: Nêu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập.	- HS trả lời: Sau một tháng học tập, em thấy vui, quen bạn mới hơn, tự tin hơn và muốn cố gắng học tốt.

- GV hỏi: Nếu dùng AI để gợi ý câu hỏi kể về một ngày đi học, em cần nhớ điều gì?	- HS trả lời: Em chỉ xem gợi ý do GV trình chiếu, không đưa thông tin riêng tư lên mạng, không để AI kể thay trải nghiệm thật của mình.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý câu hỏi kể về một ngày đi học, em cần sử dụng như thế nào cho đúng và an toàn? GV diễn giải: GV có thể dùng tài khoản giáo viên để gợi ý câu hỏi như: “Em đi đến trường bằng cách nào?”, “Trong lớp em thích hoạt động nào?”, “Em cảm thấy thế nào sau buổi học?”. AI chỉ giúp gợi ý cách suy nghĩ, còn câu chuyện phải là trải nghiệm thật của các em. Các em không nhập tên đầy đủ, địa chỉ nhà, tên trường kèm hình ảnh cá nhân hoặc thông tin của bạn bè vào công cụ AI; khi kể, cần dùng lời của mình, chân thật và lịch sự.	- HS nhắc lại: Em chỉ tham khảo gợi ý, tự kể bằng lời của mình và bảo vệ thông tin cá nhân.
- GV kết luận: Khi kể, các em cần nói rõ ràng, đủ nghe, nhìn vào người nghe và biết lắng nghe bạn nói.	- HS lắng nghe.
5. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: Liên hệ thực tế trường lớp.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ niềm vui đi học và ứng xử thân thiện với bạn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để mỗi ngày đi học thêm vui.	- HS trả lời: Em đi học đúng giờ; em chào thầy cô; em giúp bạn; em chuẩn bị sách vở đầy đủ; em giữ lớp sạch.
- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Để mỗi ngày đi học thêm vui, em cần nói, nghe và ứng xử với thầy cô, bạn bè như thế nào? GV diễn giải: Khi đến lớp, các em cần biết chào hỏi lễ phép, lắng nghe khi bạn nói, chia sẻ niềm vui đi học bằng lời nói thân thiện, không trêu chọc hoặc chê bai bạn. Nếu bạn gặp khó khăn, em có thể hỏi han, giúp bạn chuẩn bị đồ dùng, nhắc bạn giữ vệ sinh lớp học và cùng tham gia hoạt động học tập nghiêm túc. Cách ứng xử thân thiện giúp lớp học vui vẻ, an toàn và đoàn kết hơn.	- HS nêu việc sẽ làm: Em sẽ chào thầy cô, lắng nghe bạn, giúp bạn khi cần và cùng giữ lớp sạch đẹp.
- GV dặn HS học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu và chuẩn bị tiết Nhớ - viết.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhớ - viết đúng 3 khổ thơ đầu bài Đi học vui sao; trình bày đúng thể thơ, đúng chính tả, đúng khoảng cách chữ.
- Làm đúng bài tập tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu: tiếng bắt đầu bằng s/x; tiếng có dấu hỏi/dấu ngã.
- Tìm thêm được từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng s, x hoặc chứa tiếng có dấu hỏi, dấu ngã.
- Viết được 2 - 3 câu ghi lại những việc em đã làm trong buổi học hôm nay.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự nhớ bài, tự viết, tự soát lỗi và sửa lỗi chính tả.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi khi làm bài tập chính tả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ đúng chính tả, đặt câu rõ ý.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, trình bày sạch đẹp.
- Trung thực: tự soát lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi đúng.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch, rèn chữ viết đúng và đẹp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nhớ - viết; biết tự kiểm tra, sửa lỗi, không chép bài của bạn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh/bài tập viết trong SGK; bảng phụ khổ thơ nhớ - viết; thẻ từ s/x, hỏi/ngã.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn bài đọc và chuẩn bị nhớ - viết.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức HS đọc thuộc 3 khổ thơ đầu bài Đi học vui sao.	- HS đọc cá nhân hoặc đồng thanh 3 khổ thơ đầu.
- GV hỏi: Khi viết bài nhớ - viết, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em cần nhớ đúng lời thơ, viết hoa đầu dòng, xuống dòng đúng khổ thơ, viết đúng chính tả.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em nhớ - viết 3 khổ thơ đầu và luyện viết đúng các tiếng dễ lẫn s/x, dấu hỏi/dấu ngã.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở.
2. Khám phá - Hướng dẫn nhớ - viết (10 phút) <i>Mục tiêu: Nắm nội dung đoạn viết, cách trình bày và từ khó.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Nhớ - viết: Đi học vui sao (3 khổ thơ đầu).	- HS đọc yêu cầu và quan sát nội dung trong SGK.

<p>VIẾT</p> <p>1. Nhớ – viết: 3 khổ thơ đầu (3 khổ thơ đầu).</p> <p>2. Quan sát tranh, tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu a hoặc b.</p> <p>a. Từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng s hoặc x. M: dòng suối</p> <p>b. Từ ngữ chứa tiếng có dấu hỏi hoặc dấu ngã. M: cối giã gạo</p>  <p>3. Tìm thêm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng s, x (hoặc chứa tiếng có dấu hỏi, dấu ngã).</p> <p>Viết 2 – 3 câu về điều em nhớ nhất trong buổi học hôm nay.</p> <p>45</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm 3 khổ thơ đầu và nêu nội dung chính.</p>	<p>- HS trả lời: Đoạn thơ nói về niềm vui của bạn nhỏ khi đi học, khi mở sách mới và khi học những điều thú vị.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày bài thơ: mỗi dòng thơ viết thế nào, tên bài viết thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Tên bài viết ở giữa dòng; mỗi dòng thơ xuống dòng; chữ đầu dòng thơ viết hoa.</p>
<p>- GV yêu cầu HS tìm từ dễ viết sai: bình minh, xôn xao, giòn mát, má đào, trang sách, thơm thảo.</p>	<p>- HS nêu từ khó và viết bảng con.</p>
<p>- GV nhận xét, sửa lỗi trên bảng con.</p>	<p>- HS sửa lỗi nếu viết chưa đúng.</p>
<p>3. Thực hành viết và soát lỗi (10 phút) Mục tiêu: <i>Viết đúng đoạn nhớ - viết và biết tự soát lỗi.</i> Mục tiêu tích hợp: <i>HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nhớ - viết; biết tự kiểm tra, sửa lỗi, không chép bài của bạn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS gấp SGK, nhớ và viết 3 khổ thơ đầu vào vở.</p>	<p>- HS viết bài vào vở, ngồi đúng tư thế, viết cẩn thận.</p>
<p>- GV đọc chậm từng dòng thơ để HS soát lại bài.</p>	<p>- HS dùng bút chì soát lỗi, gạch chân chữ viết sai.</p>
<p>- GV nhắc HS đổi vở cho bạn cùng bàn để kiểm tra cách trình bày và chính tả.</p>	<p>- HS đổi vở, góp ý nhẹ nhàng, ghi số lỗi nếu có.</p>
<p>- GV hỏi: Khi phát hiện mình viết sai, em nên làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em sửa lại cho đúng, không giấu lỗi, không chép bài của bạn.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp đạo đức, lối sống: Khi phát hiện mình viết sai, em nên làm gì để thể</p>	<p>- HS nêu việc sẽ làm: Em sẽ tự soát lỗi, sửa lỗi sạch sẽ, không chép bài bạn.</p>

hiện sự trung thực và cẩn thận? GV diễn giải:
 Khi nhớ - viết, sự trung thực rất quan trọng.
 Viết sai thì tự nhận và sửa để tiến bộ; không
 nhìn bài bạn, không chép bài bạn, không sửa
 qua loa. Chữ viết cẩn thận còn thể hiện sự tôn
 trọng tiếng Việt, tôn trọng người đọc và giúp
 các em hình thành thói quen học tập nghiêm
 túc.

4. Luyện tập chính tả (8 phút)

Mục tiêu: Làm đúng bài tập chính tả và viết câu ngắn.

*Cách tiến hành:

- Bài tập 2: Quan sát tranh, tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu a hoặc b.	- HS làm bài: a. sông suối, sóc, sỏi; xóm, xe, xẻng. b. cối giã gạo, võng, quả, rổ, thóc, bãi cỏ.
- Bài tập 3: Tìm thêm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng s, x hoặc chứa tiếng có dấu hỏi, dấu ngã.	- HS nêu: sách, sân, suối, sỏi; xe, xinh, xóm, xào; hỏi, quả, rổ; ngã, võng, gỗ.
- GV yêu cầu HS viết 2 - 3 câu ghi lại những việc em đã làm trong buổi học hôm nay.	- HS viết: Hôm nay em đọc bài Đi học vui sao. Em luyện viết các từ khó và làm bài tập chính tả. Em rất vui vì viết bài sạch hơn.
- GV mời 2 HS đọc câu viết của mình.	- HS đọc bài; cả lớp nhận xét câu rõ ý, đúng dấu câu.

5. Vận dụng (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ nội dung chính tả và dặn dò.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nêu một từ bắt đầu bằng s, một từ bắt đầu bằng x và một từ có dấu ngã.	- HS nêu: sân, xinh, võng.
- GV dặn HS về nhà đọc lại bài thơ và sửa các lỗi chính tả còn sai.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 10: CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG**TIẾT 1, 2: Đọc - Con đường đến trường; Viết - Ôn chữ hoa D, Đ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng, rõ ràng bài Con đường đến trường; biết ngắt nghỉ ở câu dài và đọc với giọng nhẹ nhàng, tha thiết.
- Hiểu được hình ảnh con đường đến trường, tình cảm của bạn nhỏ đối với cô giáo và ý nghĩa của việc vượt khó đi học.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; nêu được suy nghĩ về con đường đi học của các bạn nhỏ trong bài.
- Viết đúng chữ hoa D, Đ; viết đúng tên riêng Bình Dương và câu ứng dụng Đường trường lừa lừa lập lòe đâm bông.
- Biết liên hệ việc đi học an toàn và tình yêu trường lớp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tìm chi tiết trong bài, luyện viết chữ hoa đúng mẫu.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi trả lời câu hỏi và liên hệ con đường đi học của bản thân.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách đi học an toàn, biết nhờ người lớn hỗ trợ khi gặp khó khăn trên đường.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện viết và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trách nhiệm: có ý thức đi học đúng giờ, bảo đảm an toàn giao thông.
- Nhân ái: biết kính trọng, yêu quý cô giáo; cảm phục những bạn vượt khó đến trường.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết quan sát, tìm kiếm hình ảnh/tuyển đường an toàn đến trường dưới sự hướng dẫn của GV; không tự ý chia sẻ vị trí cá nhân, địa chỉ nhà, ảnh trường lớp hoặc lộ trình đi học trên bản đồ số.
- Tích hợp KNS/ATGT: HS biết đi học an toàn, quan sát đường đi, không đùa nghịch, không đi vào nơi nguy hiểm; biết nhờ người lớn hỗ trợ khi gặp mưa lũ, đường trơn, khu vực khó đi.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS nhận biết AI có thể hỗ trợ nhận dạng hình ảnh đường xá, biển báo hoặc tình huống giao thông; biết chỉ quan sát phần GV trình chiếu, không tự đăng vị trí cá nhân, ảnh trường lớp, địa chỉ nhà hoặc lộ trình đi học lên công cụ số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh bài đọc Con đường đến trường; tranh câu hỏi đọc hiểu; mẫu chữ hoa D, Đ; bảng phụ câu ứng dụng; phiếu nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú và dẫn vào bài đọc. *Cách tiến hành:	
- GV nhắc lại chủ điểm Cổng trường rộng mở và hỏi: Mỗi ngày em đến trường bằng con đường như thế nào?	- HS trả lời: Em đi qua con hẻm, qua đường lớn, qua công viên, qua cổng trường; có bạn được ba mẹ đưa đi.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Em thích quan sát những gì trên đường đi	- HS quan sát, trả lời: Em thích nhìn cây cối, con suối, con đường, bạn nhỏ đi học, cô giáo và cảnh

học?	núi rừng.
- GV giới thiệu bài: Bài Con đường đến trường kể về một con đường ở vùng cao và tình cảm của bạn nhỏ đối với cô giáo.	- HS lắng nghe, mở SGK.
- GV kết luận: Con đường đến trường của mỗi bạn có thể khác nhau, nhưng đều đưa các em đến với tri thức, thầy cô và bạn bè.	- HS chuẩn bị đọc bài.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) <i>Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu nghĩa từ và cách ngắt nghỉ câu dài.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, tình cảm, nhấn giọng ở các từ gợi tả: vắt vẻo, lúp xúp, lạc tiên, lầy lội, rừng vầu, rừng nứa.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: lưng chừng đồi, lúp xúp, lạc tiên, lầy lội, vắt vẻo, trơn trượt, rừng vầu, rừng nứa.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh, sửa lỗi phát âm.
- GV hướng dẫn HS ngắt nghỉ câu dài: Đồi khi chúng tôi phải đi cắt qua cánh rừng vầu, rừng nứa / vì nhiều khúc đường ngập trong nước lũ.	- HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.
- GV hỏi: Bài đọc có mấy đoạn?	- HS trả lời: Bài đọc có 3 đoạn.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp.	- HS đọc nối tiếp; cả lớp theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn HS giải nghĩa từ: vắt vẻo, lúp xúp, lạc tiên, vầu.	- HS nêu nghĩa theo SGK: vắt vẻo là ở vị trí cao không chắc; lúp xúp là liền nhau thấp và sần sần; lạc tiên là cây dây leo; vầu là cây họ tre.

- GV cho HS luyện đọc nhóm 3.	- HS đọc trong nhóm, góp ý cho bạn đọc đúng và rõ.
- GV nhận xét, tuyên dương nhóm đọc tốt.	- HS lắng nghe.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: Nhận biết hình dáng, mặt đường và cảnh hai bên đường.</i> *Cách tiến hành:	
- Câu 1. Ở đoạn 1, con đường đến trường của bạn nhỏ hiện lên như thế nào?	- HS trả lời theo ba ý: hình dáng con đường nằm vắt vẻo lưng chừng đồi; mặt đường mấp mô; hai bên đường lúp xúp cây cỏ, cây lạc tiên.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3: mỗi bạn tìm một ý về hình dáng, mặt đường, hai bên đường.	- HS làm việc nhóm, ghi kết quả vào phiếu.
- Câu 2. Con đường được miêu tả như thế nào? Vào những ngày nắng; Vào mùa mưa.	- HS trả lời: Ngày nắng, bạn nhỏ và lũ bạn thường thi xem ai chạy nhanh hơn; mùa mưa, đường lầy lội, trơn trượt, có đoạn phải vượt suối, băng rừng.
- GV kết luận: Con đường đến trường vừa đẹp, vừa có nhiều khó khăn, nhất là vào mùa mưa.	- HS lắng nghe.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động chuyển tiết (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn nhanh nội dung bài đọc.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Con đường đến trường của bạn nhỏ có đặc điểm gì?	- HS trả lời: Con đường vắt vẻo lưng chừng đồi, mặt đường mấp mô, mùa mưa lầy lội, trơn trượt.
- GV dẫn: Tiết này chúng ta tiếp tục tìm hiểu tình cảm của bạn nhỏ với cô giáo và luyện viết chữ hoa D, Đ.	- HS lắng nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: Hiểu tình cảm với cô giáo và liên hệ việc đi học.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết đi học an toàn, quan sát đường đi, không đùa nghịch, không đi vào nơi nguy hiểm; biết nhờ người lớn hỗ trợ khi gặp khó khăn.</i> *Cách tiến hành:	
- Câu 3. Vì sao bạn nhỏ không nghỉ một buổi học nào kể cả khi trời mưa rét?	- HS trả lời: Vì bạn nhỏ yêu quý cô giáo; cô là người vùng xuôi, bàn chân có lầy vào bùn nhưng vẫn đến lớp đứng đợi học trò.

<p>Vào mùa mưa, con đường lầy lội và trơn trượt. Để khỏi ngã, tôi thường tháo phông đôi dép nhựa và bước đi bằng cách bấm mười đầu ngón chân xuống một đường. Đôi khi chúng tôi phải đi cắt qua cánh rừng vắng, rừng nào vì nhiều khúc đường ngập trong nước lũ.</p>  <p>Cô giáo tôi là người vùng xuôi. Bàn chân cô lấm vào bàn chân học trò trên con đường đến trường. Ấy là do nhiều hôm mưa rết, cô thường đứng đợi chúng tôi ở những đoạn đường khó đi để đưa chúng tôi đến lớp. Vì thế, tôi chẳng nghỉ buổi học nào.</p> <p>(Đỗ Đăng Dương)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vết vẹo: ở vị trí trên cao nhưng không có chỗ tựa vững chắc. - Lấp xấp: ở liền nhau, thấp và sần sần như nhau. - Lạc lắt: cây dây leo, mọc hoang, lá hình tim, hoa mọc ở kẽ lá, quả mọng. - Vầu vầu: cây cứng họ với tre, thân to, mình mỏng nhưng rắn, thường dùng làm nhà. <p>1. Ở đoạn 1, con đường đến trường của bạn nhỏ hiện lên như thế nào?</p> <p>Hình dáng Một đường Hai bên đường</p> <p>2. Con đường được miêu tả như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vào những ngày nắng - Vào mùa mưa <p>3. Vì sao bạn nhỏ không nghỉ một buổi học nào kể cả khi trời mưa rết?</p> <p>4. Theo em, bạn nhỏ có tình cảm như thế nào với cô giáo?</p> <p>5. Con đường đi học của các bạn nhỏ trong bài gợi cho em những suy nghĩ gì?</p>	
<p>- Câu 4. Theo em, bạn nhỏ có tình cảm như thế nào với cô giáo?</p>	<p>- HS trả lời: Bạn nhỏ yêu quý, kính trọng, biết ơn cô giáo và cảm phục sự tận tụy của cô.</p>
<p>- Câu 5. Con đường đi học của các bạn nhỏ trong bài gợi cho em những suy nghĩ gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em thấy các bạn rất chăm học, biết vượt khó; em cần quý trọng việc được đến trường và cố gắng học tập.</p>
<p>- GV hỏi: Khi đường đi học có mưa, trơn, ngập nước hoặc đông xe, em nên làm gì để an toàn?</p>	<p>- HS trả lời: Em đi cùng người lớn, đi đúng phần đường, không chạy đùa, không tự ý qua nơi ngập, quan sát trước khi qua đường.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp KNS/ATGT: Khi đường đi học có mưa, trơn, ngập nước hoặc đông xe, em nên làm gì để an toàn? GV diễn giải: Đường đến trường có thể có nhiều tình huống nguy hiểm như đường trơn, xe đông, nước ngập, công trình đang thi công. Các em cần đi đúng lối, đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy, không đùa giỡn khi đi đường, không tự ý đi qua suối hoặc đoạn ngập nước. Khi thấy nguy hiểm, phải báo ngay cho người lớn hoặc thầy cô để được hỗ trợ.</p>	<p>- HS nêu cam kết: Em sẽ đi học đúng đường, không chạy giỡn, đội mũ bảo hiểm và nhờ người lớn giúp khi gặp đường nguy hiểm.</p>
<p>- GV kết luận: Bài đọc giúp chúng ta thêm yêu con đường đến trường, biết quý trọng thầy cô và rèn ý thức đi học an toàn.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>3. Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: Đọc diễn cảm một đoạn văn. Mục tiêu tích hợp: HS biết quan sát, tìm kiếm hình ảnh/tuyến đường an toàn đến trường dưới sự hướng dẫn của GV; không tự ý chia sẻ vị trí cá nhân trên bản đồ số. *Cách tiến hành:</p>	

- GV yêu cầu HS luyện đọc đoạn nói về mùa mưa trên con đường đến trường.	- HS luyện đọc cá nhân, nhóm đôi.
- GV mời 2 HS đọc trước lớp.	- HS đọc; lớp nhận xét về giọng đọc và cách ngắt nghỉ.
- GV hỏi: Khi xem bản đồ số hoặc hình ảnh tuyến đường đến trường, em cần chú ý điều gì để an toàn?	- HS trả lời: Em không chia sẻ địa chỉ nhà, vị trí hiện tại, hình ảnh cá nhân; chỉ xem theo hướng dẫn của GV hoặc người thân.
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Khi xem bản đồ số hoặc hình ảnh tuyến đường đến trường, em cần chú ý điều gì để an toàn và bảo vệ thông tin riêng tư? GV diễn giải: GV có thể trình chiếu một hình ảnh/bản đồ minh họa tuyến đường an toàn đến trường nhưng không dùng địa chỉ thật của HS. HS biết quan sát thông tin cần thiết như vạch sang đường, đèn giao thông, công trường, điểm nguy hiểm; không tự đăng vị trí nhà, hình ảnh lớp, số điện thoại hay lịch trình đi học lên mạng vì đó là thông tin riêng tư cần được bảo vệ.	- HS nhắc lại: Em chỉ xem bản đồ theo hướng dẫn, không chia sẻ vị trí cá nhân và biết chọn đường an toàn.

4. Viết - Ôn chữ hoa D, Đ (12 phút)

Mục tiêu: Viết đúng chữ hoa D, Đ, tên riêng và câu ứng dụng.

*Cách tiến hành:

- GV giới thiệu chữ hoa D, Đ và yêu cầu HS quan sát độ cao, các nét chính.	- HS quan sát, nêu: Chữ D, Đ cao 2 li rưỡi; chữ Đ có thêm nét ngang.
- GV viết mẫu chữ D, Đ trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình.	- HS quan sát, viết bảng con chữ D, Đ.
- Bài tập 1: Viết tên riêng: Bình Dương.	- HS đọc tên riêng Bình Dương và viết vào vở.
	
- Bài tập 2: Viết câu: Đường trường lừa lừa lập loè đêm bông.	- HS đọc câu ứng dụng, nhận xét chữ hoa Đ đúng đầu câu rồi viết vào vở.
- GV nhận xét chữ viết của HS, nhắc giữ khoảng cách chữ và tư thế ngồi viết.	- HS sửa chữ chưa đúng, hoàn thành bài viết.

5. Vận dụng (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ nội dung đọc và viết.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể hỗ trợ nhận dạng hình ảnh đường xá để di chuyển an toàn; biết kiểm tra thông tin và bảo vệ dữ liệu riêng tư.

***Cách tiến hành:**

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV nêu câu hỏi dẫn: “AI có thể nhận dạng hình ảnh đường xá, biển báo hoặc vật cản để hỗ trợ việc di chuyển an toàn như thế nào?”. GV diễn giải: Một số hệ thống AI có thể nhận dạng làn đường, biển báo, người đi bộ, xe cộ hoặc vật cản trong hình ảnh để hỗ trợ xe tự lái, camera giao thông hoặc thiết bị cảnh báo an toàn. Tuy nhiên, HS chỉ quan sát phần GV trình chiếu, không tự đăng vị trí cá nhân, hình ảnh nhà/trường/lớp hoặc lộ trình đi học lên mạng; khi cần dùng công cụ số phải hỏi người lớn và kiểm tra thông tin trước khi tin.

- HS lắng nghe, nhắc lại: AI có thể hỗ trợ nhận dạng hình ảnh đường xá nhưng em phải bảo vệ vị trí, hình ảnh cá nhân và hỏi người lớn khi cần dùng công cụ số.

- GV dẫn HS luyện viết thêm chữ D, Đ và chuẩn bị tiết Luyện tập.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 10: CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG**TIẾT 3: Luyện tập - Từ chỉ đặc điểm. Câu nêu đặc điểm****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường và các sự vật trong tranh.
- Phân loại được từ chỉ đặc điểm theo nhóm: màu sắc, âm thanh, hương vị.
- Chọn được từ chỉ đặc điểm phù hợp để hoàn thành đoạn văn.
- Đặt được câu nêu đặc điểm rõ ý, đúng cấu tạo câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc đề, tự làm bài và soát bài.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi phân loại từ và chọn từ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ phù hợp với ngữ cảnh để câu văn hay hơn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, đặt câu, hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: làm việc nhóm nghiêm túc, lắng nghe và góp ý lịch sự.
- Nhân ái: tôn trọng ý kiến bạn, không chê bai khi bạn trả lời chưa đúng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và phản hồi lịch sự khi làm bài nhóm; dùng câu nêu đặc điểm rõ ràng, phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh luyện tập trong SGK; thẻ từ chỉ đặc điểm; phiếu nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn nhanh từ chỉ đặc điểm và câu nêu đặc điểm.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Tìm nhanh đặc điểm”: GV nêu sự vật “con đường”, HS nêu một từ chỉ đặc điểm.	- HS nêu: mấp mô, dài, rộng, hẹp, sạch, xanh, nhộn nhịp.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em luyện tìm từ chỉ đặc điểm và đặt câu nêu đặc điểm.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. Luyện tập - Bài tập 1 (7 phút) <i>Mục tiêu: Tìm từ chỉ đặc điểm của con đường.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường. M: mấp mô.	- HS đọc yêu cầu và tìm từ.

<div style="text-align: center;"> VIẾT </div> <p style="text-align: center;">Ôn chữ viết hoa: Đ, Đ</p> <ol style="list-style-type: none"> Viết tên riêng: Sinh Dương Viết câu: Dưới trăng quỳn đã gọi hè Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông. (Nguyễn Du) <div style="text-align: center;"> LUYỆN TẬP </div> <ol style="list-style-type: none"> Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường. M: mấp mô Tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây và mỗi nhóm đặt một câu với từ ngữ tìm được. <div style="text-align: center;"> </div> <ol style="list-style-type: none"> Chọn từ chỉ đặc điểm trong khung thay cho ô vuông. xanh um, nhón nhíp, đỏ rực, rậm rạp, sẫm <p>Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang, mây cánh phượng vĩ nở hoa . Tiếng ve kêu giữa những tán lá sẫm . Gắn đến trường, khung cảnh hẳn lên. Một em bé lớp 1 chìa tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: "Mẹ ơi, chiều mẹ đón con nhé". (Theo Kim Ngân)</p>	
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, gạch dưới các từ chỉ đặc điểm trong bài đọc.	- HS tìm: mấp mô, lúp xúp, nhón nhíp, lầy lội, trơn trượt, ngập nước.
- GV mời HS trình bày kết quả.	- HS trình bày; cả lớp nhận xét, bổ sung.
3. Luyện tập - Bài tập 2 (9 phút) Mục tiêu: Phân loại từ chỉ đặc điểm và đặt câu. Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và phản hồi lịch sự khi làm bài nhóm. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: Tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây và mỗi nhóm đặt một câu với từ ngữ tìm được.	- HS đọc các nhóm: từ ngữ chỉ màu sắc, âm thanh, hương vị.
- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Nhóm 1 tìm từ chỉ màu sắc; nhóm 2 tìm từ chỉ âm thanh; nhóm 3 tìm từ chỉ hương vị; nhóm 4 đặt câu.	- HS làm việc nhóm, ghi phiếu.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trả lời: màu sắc: xanh ngắt, đỏ rực, tím biếc; âm thanh: rì rào, riu rít, rậm rạp; hương vị: thơm, ngọt, chua, cay.
- GV yêu cầu HS đặt câu với từ tìm được.	- HS đặt câu: Dòng suối chảy rì rào. Hoa phượng đỏ rực. Quả xoài có vị ngọt.
- GV hỏi: Khi nhóm có ý kiến khác nhau về cách phân loại từ, em nên trao đổi như thế nào?	- HS trả lời: Em lắng nghe bạn, nói lí do nhẹ nhàng, nhờ GV hỗ trợ nếu chưa thống nhất.
- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Khi nhóm có ý kiến khác nhau về cách phân loại từ, em nên trao đổi như thế nào để vừa đúng bài vừa giữ tình bạn? GV diễn giải: Khi làm việc nhóm, các em cần phân công rõ nhiệm vụ, không tranh nói, không chê bai ý kiến của bạn. Nếu	- HS thực hành nói lời góp ý lịch sự và thống nhất kết quả nhóm.

bạn tìm từ chưa đúng nhóm, chúng ta góp ý bằng lời lịch sự như “mình nghĩ từ này phù hợp nhóm khác hơn” hoặc “bạn có thể giải thích thêm không?”. Cách trao đổi tôn trọng giúp nhóm làm việc hiệu quả và giữ tình bạn tốt đẹp.

4. Luyện tập - Bài tập 3 (12 phút)

Mục tiêu: Chọn từ chỉ đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh.

*Cách tiến hành:

- Bài tập 3: Chọn từ chỉ đặc điểm trong khung thay cho ô vuông.	- HS đọc yêu cầu, đọc đoạn văn và các từ trong khung.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi để thống nhất đáp án.	- HS làm bài, đổi vở kiểm tra.
- GV mời HS nêu đáp án từng chỗ trống.	- HS trả lời: Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang, mấy cành phượng vĩ nở hoa đỏ rực. Tiếng ve kêu râm ran giữa những tán lá sấu. Gần đến trường, khung cảnh nhộn nhịp hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chào mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: “Mẹ ơi, chiều mẹ đón con sớm nhé!”.
- GV nhận xét: Các từ chỉ đặc điểm làm đoạn văn cụ thể, sinh động hơn.	- HS sửa bài vào vở.
- GV kết luận: Khi dùng từ chỉ đặc điểm, cần chọn từ đúng sự vật, đúng ngữ cảnh và giúp câu văn rõ hơn.	- HS lắng nghe.

5. Vận dụng (3 phút)

Mục tiêu: Vận dụng đặt câu nêu đặc điểm.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đặt một câu nêu đặc điểm về lớp học hoặc con đường đến trường của em.	- HS đặt câu: Lớp em sạch sẽ và thoáng mát. Con đường đến trường của em rất nhộn nhịp.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với người em yêu quý.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 10: CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG**TIẾT 4: Luyện tập - Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với người mà em yêu quý; Đọc mở rộng****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý theo gợi ý.
- Biết trao đổi bài viết với bạn, đọc lại và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Tìm đọc được câu chuyện, bài văn, bài thơ về nhà trường; biết ghi thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách.
- Chia sẻ được chi tiết em thích trong bài đọc mở rộng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chọn người muốn viết, tự lập ý, viết và sửa bài.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ bài viết, góp ý lịch sự cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn từ ngữ thể hiện tình cảm chân thật, phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu quý, kính trọng người thân, thầy cô hoặc bạn bè.
- Trung thực: viết bằng cảm xúc thật, không sao chép bài của người khác hoặc của AI.
- Trách nhiệm: bảo vệ thông tin riêng tư khi viết và chia sẻ bài.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý ý tưởng, từ ngữ khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc; HS chỉ tham khảo qua phần GV trình chiếu, tự chọn ý phù hợp, diễn đạt bằng lời của mình, không để AI viết thay và không nhập tên đầy đủ, địa chỉ, hình ảnh, thông tin riêng tư của người mình viết về lên công cụ số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi; tranh và gợi ý viết đoạn văn trong SGK; bảng phụ gợi ý từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc; phiếu đọc sách.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bút chì, bút mực, sách/truyện/bài thơ về nhà trường nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 4 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi cảm xúc yêu thương và dẫn vào bài viết.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Người em yêu quý”: HS nói nhanh một người em yêu quý và một từ chỉ cảm xúc.	- HS nêu: mẹ - biết ơn; cô giáo - kính trọng; bạn thân - quý mến; ông bà - yêu thương.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một người mà em yêu quý và đọc mở rộng về nhà trường.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. Khám phá - Hướng dẫn viết đoạn văn (9 phút) <i>Mục tiêu: Nắm yêu cầu và lập ý cho đoạn văn.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể gợi ý ý tưởng, từ ngữ khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc; biết tự diễn đạt và không nhập thông tin riêng tư.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm	- HS đọc yêu cầu và các gợi ý trong SGK.

<p>xúc đối với một người mà em yêu quý.</p> <p>1. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý.</p> <p>G: – Giới thiệu về người mà em yêu quý. – Nêu những điểm mà em thấy ấn tượng về người đó. – Nêu cảm xúc của em khi nghĩ đến người đó.</p> <p>2. Trao đổi bài viết của em với bạn.</p> <p>– Đọc bài viết của bạn và góp ý cho bạn. – Nghe bạn góp ý cho bài viết của mình. – Sửa lại bài cho hay hơn.</p> <p>Tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ... về nhà trường.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Ngôi trường mới</p> <p>Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lập lổ. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngôi đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.</p> <p>Em bước vào lớp, vừa bề bộn vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.</p> <p>Dưới mái trường mới, sao tiếng trống rung động kéo dài! Tiếng cô giáo trang nghiêm mà ấm áp. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ! Em nhìn ai cũng thấy thân thương. Cô đến chiếc thước kẻ, chiếc bút chì sao cũng đáng yêu đến thế!</p> <p>(Theo Ngô Quân Miện)</p>	
<p>- GV hỏi: Em muốn viết về người nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em muốn viết về mẹ, ba, ông, bà, cô giáo hoặc bạn thân.</p>
<p>- GV hỏi: Người đó có điểm gì làm em ấn tượng?</p>	<p>- HS trả lời: Người đó chăm sóc em, dạy em học, động viên em, giúp em khi khó khăn, luôn yêu thương em.</p>
<p>- GV hỏi: Khi nghĩ đến người đó, em có cảm xúc gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em thấy yêu thương, biết ơn, kính trọng, vui vẻ, gần gũi hoặc tự hào.</p>
<p>- GV hỏi: Nếu AI gợi ý từ ngữ để viết đoạn văn, em cần sử dụng như thế nào cho đúng?</p>	<p>- HS trả lời: Em chỉ tham khảo gợi ý, tự viết bằng cảm xúc thật, không sao chép và không đưa thông tin riêng tư lên mạng.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu AI gợi ý từ ngữ để viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc, em cần sử dụng như thế nào cho đúng? GV diễn giải: GV có thể dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên để gợi ý một số từ ngữ như yêu quý, biết ơn, kính trọng, tự hào, gần gũi hoặc gợi ý mẫu câu mở đầu. Tuy nhiên, AI không thể thay em cảm nhận tình yêu thương của chính mình. Khi viết, các em cần chọn ý thật, dùng lời của mình, không sao chép nguyên văn, không nhập tên đầy đủ, số điện thoại, địa chỉ, hình ảnh hoặc chuyện riêng tư của người thân lên công cụ số.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em sẽ tự viết, chỉ tham khảo từ ngữ và bảo vệ thông tin riêng tư.</p>
<p>3. Thực hành viết và trao đổi bài (13 phút) Mục tiêu: <i>Viết được đoạn văn và biết sửa bài.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV gợi ý khung viết: Em muốn viết về ai?</p>	<p>- HS lập ý ngắn vào nháp.</p>

Người đó có điểm gì khiến em yêu quý? Em có cảm xúc như thế nào đối với người đó?	
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 4 - 5 câu vào vở.	- HS viết bài: Em rất yêu quý mẹ. Mẹ luôn chăm sóc em và dạy em học bài. Khi em buồn, mẹ động viên em cố gắng. Em rất biết ơn mẹ và mong mẹ luôn mạnh khỏe.
- Bài tập 2: Trao đổi bài viết của em với bạn.	- HS đổi vở cho bạn cùng bàn, đọc bài viết và góp ý.
- GV nhắc HS góp ý theo 3 việc: đọc bài viết của bạn; nghe bạn góp ý; sửa lại bài cho hay hơn.	- HS góp ý: Câu này cần dấu chấm; bạn nên thêm cảm xúc; từ này viết sai chính tả.
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc bài; lớp nhận xét điều hay trong bài viết.
- GV kết luận: Đoạn văn hay cần có người được nói tới, lí do yêu quý và cảm xúc chân thật của em.	- HS hoàn thiện bài viết.

4. Đọc mở rộng (6 phút)

Mục tiêu: Tìm đọc và chia sẻ bài đọc về nhà trường.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ về nhà trường. GV giới thiệu ví dụ: Ngôi trường mới.	- HS đọc ví dụ trong SGK hoặc chia sẻ bài đã đọc.
- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: ngày đọc, tên bài, tác giả, nội dung chính, chi tiết em thích.	- HS ghi phiếu đọc sách theo mẫu.
- GV mời HS chia sẻ chi tiết em thích trong bài đọc.	- HS chia sẻ: Em thích hình ảnh ngôi trường mới, tiếng trống, tiếng đọc bài vang vang.

5. Vận dụng (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ tình cảm và thói quen đọc.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để thể hiện tình cảm với người em yêu quý.	- HS trả lời: Em sẽ giúp mẹ việc nhà, lễ phép với ông bà, chăm học để cô vui, giúp bạn trong lớp.
- GV dặn HS đọc bài viết cho người thân nghe và chuẩn bị bài sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

TUẦN 6 - CHỦ ĐỀ 2: CÔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ

BÀI 11: LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT

TIẾT 1, 2: ĐỌC - LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT; NÓI VÀ NGHE - ĐỘI VIÊN TƯƠNG LAI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng toàn bài Lời giải toán đặc biệt; biết ngắt nghỉ ở câu dài, đọc đúng lời kể và lời nhân vật.
- Hiểu nội dung câu chuyện: Vích-to Huy-gô bộc lộ năng khiếu thơ ca từ nhỏ qua cách giải toán bằng thơ.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; nêu được suy nghĩ về tài năng, sự sáng tạo và sự khác biệt của mỗi bạn.
- Nghe, dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại câu chuyện Đội viên tương lai; biết nêu cách ứng xử phù hợp trong tình huống của nhân vật.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến, tự kiểm tra bài viết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, cách trình bày phù hợp với yêu cầu bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, trả lời câu hỏi và kể chuyện.
- Nhân ái: biết tôn trọng sự khác biệt, trân trọng năng khiếu riêng của bạn.
- Trách nhiệm: có ý thức học tập nghiêm túc, cố gắng phát huy khả năng của bản thân.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được học tập, phát triển tài năng và bộc lộ năng khiếu riêng; cần tôn trọng sự khác biệt của mỗi bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu; tranh bài Lời giải toán đặc biệt, tranh kể chuyện Đội viên tương lai cắt từ SGK; thẻ từ, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút)	
1. Khởi động (5 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối bài toán có lời thơ với bài đọc.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS quan sát bài toán trong SGK và hỏi: Em thấy bài toán dưới đây có gì đặc biệt?</p> 	<p>- HS quan sát, trao đổi nhóm đôi và nêu: Bài toán được viết bằng thơ, có nội dung vừa gà vừa chó.</p>
<p>- GV yêu cầu HS thử nói cách hiểu đề toán: Tất cả có mấy con? Có mấy chân? Đề hỏi điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Có 4 con, 10 chân; đề hỏi mỗi loại có mấy con.</p>
<p>- GV nhận xét, dẫn vào bài: Bài toán đặc biệt trong SGK sẽ đưa các em đến với một bạn nhỏ có cách giải rất sáng tạo.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Lời giải toán đặc biệt.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (17 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS đọc đúng tiếng, từ, câu, đoạn và toàn bài; biết đọc với giọng kể phù hợp.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, rõ ràng; nhấn giọng ở các chi tiết thể hiện sự lo lắng của thầy giáo và sự bất ngờ khi phát hiện bài làm của Huy-gô.</p>	<p>- HS lắng nghe, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc đúng ngữ điệu ngạc nhiên của thầy giáo ở câu: “À, ra thế!”.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc lời kể và lời nhân vật.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV chia đoạn: (4 đoạn) + Đoạn 1: Từ đầu đến giới thiệu các môn. + Đoạn 2: Tiếp theo đến lo lắng thay cho Huy-gô. + Đoạn 3: Tiếp theo đến À, ra thế! + Đoạn 4: Còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu các đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn, kết hợp sửa lỗi phát âm.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn; HS khác theo dõi, nhận xét.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: Vích-to Huy-gô, mãi miết, thở phào, mười lăm phút, giải toán bằng thơ.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh các từ khó.
- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: Huy-gô mãi miết viết và may thay, khi tiếng trống báo hết giờ vang lên thì cậu cũng viết xong đáp số và mang bài lên nộp.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở các cụm từ phù hợp.
- GV tổ chức HS đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn, bạn nghe góp ý cho bạn đọc rõ hơn.	- HS luyện đọc trong nhóm 4, sửa lỗi phát âm, tốc độ và ngắt nghỉ.
- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương nhóm đọc rõ, đúng giọng.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (13 phút) Mục tiêu: HS tìm được chi tiết thể hiện năng khiếu của Vích-to Huy-gô và nỗi lo của thầy giáo. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Vích-to Huy-gô đã bộc lộ năng khiếu gì từ rất sớm?	- HS trả lời: Từ rất sớm, Vích-to Huy-gô đã bộc lộ năng khiếu thơ ca.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>nữa là phải nộp bài. Các bạn xung quanh đã có người làm xong, thế mà Huy-gô vẫn ngồi cắn bút, hai tai đỏ như: Thấy giáo lại giờ đồng hồ ra xem và nhìn Huy-gô. Còn mười lăm phút nữa. Lúc này, Huy-gô bắt đầu đặt bút viết. Thấy giáo thở phào. Nhưng liệu có kịp không nhỉ? Ông lo lắng thay cho Huy-gô.</p>  <p>Huy-gô mãi miết viết và may thay, khi tiếng trống báo hết giờ vang lên thì cậu cũng viết xong đáp số và mang bài lên nộp. Thấy giáo liếc nhìn bài của Huy-gô. Đáp số đúng rồi! Chợt thấy reo lên:</p> <p>– Lời giải bài toán được viết bằng thơ à, ra thế!</p> <p>Sau này, Vích-to Huy-gô đã trở thành nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng thế giới.</p> <p>KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG (Theo Kể chuyện danh nhân thế giới)</p> <p>Tư ngữ</p> <p>Thở phào: thở ra một hơi dài về khoan khoái, nhẹ nhõm vì đã vượt được điều lo lắng trong lòng.</p> <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vích-to Huy-gô đã bộc lộ năng khiếu gì từ rất sớm? 2. Trong giờ kiểm tra Toán, vì sao thầy giáo lại rất lo lắng cho Vích-to Huy-gô? 3. Vì sao thầy giáo lại reo lên khi xem bài của Vích-to Huy-gô? <ol style="list-style-type: none"> a. Vì Huy-gô nộp bài đúng giờ. b. Vì Huy-gô làm đúng đáp số. c. Vì lời giải toán được Huy-gô viết bằng thơ. 4. Qua giờ kiểm tra Toán, em thấy Huy-gô là người thế nào? 	
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn đầu và tìm chi tiết cho thấy Huy-gô giỏi thơ.	- HS nêu chi tiết: Huy-gô làm thơ rất giỏi, có thể viết lời giải bài toán bằng thơ.
- GV nêu câu hỏi 2: Trong giờ kiểm tra Toán, vì sao thầy giáo lại rất lo lắng cho Vích-to Huy-gô?	- HS trả lời: Vì sắp hết giờ mà Huy-gô vẫn ngồi cắn bút, chưa viết bài, thầy sợ bạn không kịp làm xong.
- GV chốt: Tài năng của Huy-gô không làm bạn chủ quan; bạn vẫn mãi miết suy nghĩ để tìm cách giải riêng.	- HS lắng nghe, hiểu rằng cần cố gắng suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
TIẾT 2 (35 phút)	
<p>1. Khởi động (4 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài đọc.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại tài năng của Vích-to Huy-gô và điều khiến thầy giáo lo lắng.	- HS ôn lại bài cũ: Huy-gô có năng khiếu thơ ca; thầy giáo lo vì bạn làm bài chậm.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu vì sao thầy giáo bất ngờ và rút ra bài học về sự sáng tạo của mỗi bạn.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi còn lại.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu ý nghĩa câu chuyện và biết trân trọng năng khiếu riêng của mỗi người.</i> Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được học tập, phát triển tài năng, bộc lộ năng khiếu riêng và cần tôn trọng sự khác biệt của bạn. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Vì sao thầy giáo lại reo lên khi xem bài của Vích-to Huy-gô?	- HS trả lời: Vì lời giải toán của Huy-gô được viết bằng thơ.
- GV nêu câu hỏi 4: Qua giờ kiểm tra Toán, em thấy Huy-gô là người như thế nào?	- HS trả lời: Huy-gô là người thông minh, sáng tạo, có năng khiếu thơ ca và biết thử thách bản thân.
- GV hỏi dẫn: Trong lớp, mỗi bạn có thể giỏi một điều khác nhau không? Khi bạn có cách làm khác mình, em nên ứng xử như thế nào?	- HS trả lời: Mỗi bạn có điểm mạnh riêng; em cần tôn trọng, không chê bai, biết học hỏi bạn.
- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Trẻ em có quyền được học tập, được phát triển tài năng và bộc lộ năng khiếu riêng của mình. Có bạn giỏi Toán, có bạn thích đọc sách, vẽ tranh, kể chuyện, ca hát hoặc chơi thể thao. Thầy cô, bạn bè cần tôn trọng sự khác biệt, khích lệ sáng tạo và tạo cơ hội để mỗi bạn thể hiện khả năng. Khi thấy bạn có cách làm mới, các em không cười chê mà lắng nghe, đặt câu hỏi lịch sự và cùng học hỏi để lớp học trở thành nơi mọi người được phát triển.	- HS nêu việc làm cụ thể: Em sẽ cổ vũ bạn, lắng nghe ý kiến của bạn, không chê bai khi bạn có cách làm khác.
- GV kết luận: Câu chuyện giúp chúng ta hiểu tài năng cần được nuôi dưỡng bằng học tập, sự cố gắng và sự tôn trọng của mọi người.	- HS lắng nghe, nêu lại ý nghĩa câu chuyện.
3. Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm (6 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng phù hợp, biết thể hiện sự bất ngờ của thầy giáo.</i> *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV chọn đoạn từ “Huy-gô mãi miết viết...” đến “À, ra thế!” để HS luyện đọc.	- HS luyện đọc cá nhân, chú ý nhấn giọng ở chi tiết thầy giáo bất ngờ.
- GV tổ chức HS đọc nhóm đôi, bạn nghe và góp ý cách đọc.	- HS đọc nhóm đôi, sửa giọng đọc theo góp ý.
- GV mời 2 - 3 HS đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, biết thể hiện cảm xúc.
4. Nói và nghe: Kể chuyện Đôi viên tương lai (10 phút) <i>Mục tiêu: HS nghe hiểu, dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
<p>- GV cho HS quan sát tranh kể chuyện trong SGK và hỏi: Mỗi tranh thể hiện sự việc gì?</p>  <p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>1. Nghe kể chuyện.</p> <p>Đôi viên tương lai (Tuệ Nhi)</p> <p>Chuyện gì đã xảy ra với tờ đơn xin vào Đội của Linh?</p> <p>Linh đã làm gì để có tờ đơn sạch đẹp hơn?</p> <p>Chuyện gì khiến Linh cảm thấy xấu hổ?</p> <p>Vì sao Linh cảm thấy bất ngờ và vui vẻ?</p> <p>2. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, kể lại câu chuyện Đôi viên tương lai.</p> <p>3. Nếu là Linh, khi phát hiện ra tờ đơn bị bẩn, em sẽ làm thế nào?</p>	<p>- HS quan sát, nêu: bạn nhỏ chuẩn bị đơn xin vào Đội, tờ đơn bị bẩn, bạn viết lại đơn, bạn nộp đơn.</p>
- GV kể chuyện lần 1 với giọng rõ ràng, chậm rãi.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhân vật và sự việc chính.
- GV kể lần 2, dừng ở từng tranh và đặt câu hỏi gợi ý để HS nhớ chi tiết.	- HS trả lời câu hỏi dưới tranh, bổ sung chi tiết cho bạn.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, mỗi bạn kể một tranh, sau đó ghép lại thành câu chuyện hoàn chỉnh.	- HS kể trong nhóm, bạn nghe góp ý: kể đúng thứ tự, rõ ràng, không bỏ ý chính.
- GV mời 1 - 2 nhóm kể trước lớp; hỏi: Nếu là Linh, khi phát hiện tờ đơn bị bẩn, em sẽ làm gì?	- HS kể trước lớp và trả lời: Em sẽ viết lại đơn sạch đẹp, cẩn thận hơn và không nộp tờ đơn bị bẩn.
5. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ việc phấn đấu học tập, rèn luyện và tìm hiểu về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm để phát huy điểm mạnh của bản thân và tôn trọng điểm mạnh của bạn.	- HS nêu: Em chăm đọc sách, luyện viết, giúp bạn học bài, cổ vũ bạn khi bạn trình bày.
- GV dặn HS về nhà tìm hiểu thêm về Đội TNTP Hồ Chí Minh: ngày thành lập, khăn quàng đỏ, huy hiệu Đội, 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 11: LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT**TIẾT 3: VIẾT - NGHE VIẾT: LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe - viết đúng chính tả một đoạn trong bài Lời giải toán đặc biệt; trình bày sạch đẹp, đúng dấu câu.
- Viết đúng các tiếng, từ chứa r/d/gi hoặc an/ang; biết tự soát lỗi và sửa lỗi.
- Làm đúng bài tập chính tả và biết giải thích cách chọn tiếng, từ phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến, tự kiểm tra bài viết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, cách trình bày phù hợp với yêu cầu bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, hoàn thành bài tập chính tả.
- Trung thực: tự phát hiện lỗi, sửa lỗi đúng, không chép bài của bạn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch, chữ đẹp và trình bày bài rõ ràng.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp đạo đức, lối sống:** HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết tự soát lỗi, sửa lỗi và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng phụ ghi đoạn nghe - viết; tranh/bài tập chính tả cắt từ SGK; thẻ tiếng giao/dao/rao, r/d/gi, an/ang.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 3 (35 phút)	
1. Khởi động (4 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>Mục tiêu: Tạo tâm thế nghe - viết và gợi nhớ nội dung bài đọc.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV hỏi: Trong bài Lời giải toán đặc biệt, điều gì làm thầy giáo bất ngờ nhất?	- HS trả lời: Thầy giáo bất ngờ vì Huy-gô viết lời giải toán bằng thơ.
- GV giới thiệu: Tiết này các em nghe - viết một đoạn trong bài và luyện viết các tiếng dễ nhầm.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô ly, bút và bảng con.
<p>2. Khám phá - Hướng dẫn nghe viết (10 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS nắm nội dung đoạn viết, nhận biết từ khó, cách trình bày và rèn thái độ viết cẩn thận.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết tự soát lỗi và sửa lỗi.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc đoạn viết từ “Huy-gô mãi miết viết...” đến “À, ra thế!”.</p> 	- HS nghe, theo dõi SGK và nêu nội dung: Huy-gô hoàn thành bài, thầy giáo bất ngờ vì lời giải được viết bằng thơ.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: dấu gạch ngang trước lời nói nhân vật, viết hoa đầu câu, dấu chấm than ở câu cảm thán.	- HS nêu lại cách trình bày đoạn văn có lời nhân vật.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS luyện viết bảng con các từ khó: Huy-gô, mãi miết, thở phào, bài toán, lời giải.	- HS viết bảng con, giơ bảng và sửa lỗi nếu viết chưa đúng.
- GV hỏi dẫn: Khi viết bài, nếu phát hiện mình viết sai, em nên làm gì? Vì sao không nên giấu lỗi hoặc chép sửa của bạn?	- HS trả lời: Em cần tự soát lỗi, sửa lỗi đúng; không nên giấu lỗi vì như vậy em sẽ không tiến bộ.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Một bài viết sạch đẹp thể hiện sự chăm chỉ, cẩn thận và trung thực của người học. Khi nghe - viết, các em cần nghe kĩ, viết đúng từng tiếng, đặt dấu câu đúng chỗ, không bỏ dòng, không viết ẩu. Sau khi viết xong, các em tự đọc lại, dùng bút chì gạch nhẹ lỗi cần sửa, đối chiếu với bài mẫu và sửa đúng quy định. Biết nhận lỗi và sửa lỗi là biểu hiện của sự trung thực, giúp các em tiến bộ trong học tập.	- HS lắng nghe, cam kết viết cẩn thận, tự soát lỗi sau khi viết.
3. Thực hành - Nghe viết và soát lỗi (13 phút) Mục tiêu: HS nghe - viết đúng đoạn văn, trình bày sạch đẹp. *Cách tiến hành:	
- GV đọc từng cụm từ, từng câu với tốc độ vừa phải cho HS viết.	- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, ngồi đúng tư thế.
- GV đọc lại toàn đoạn để HS soát bài.	- HS dùng bút chì soát lỗi, sửa lỗi chính tả, dấu câu nếu có.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn bên cạnh để kiểm tra chéo theo hướng dẫn.	- HS đổi vở, gạch nhẹ lỗi cần sửa và góp ý nhẹ nhàng cho bạn.
- GV nhận xét nhanh một số bài về chữ viết, khoảng cách và cách trình bày.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh bài viết của mình.
4. Luyện tập chính tả (6 phút) Mục tiêu: HS làm đúng bài tập phân biệt tiếng, từ dễ nhầm. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS tìm từ ngữ	- HS làm nhóm đôi: giao bài, giao hàng, ca dao, con

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
được tạo bởi mỗi tiếng giao, dao, rao.	dao, tiếng rao, rao bán.
- Bài tập 3: GV cho HS chọn bài a hoặc b, tìm từ có r/d/gi hoặc an/ang theo yêu cầu SGK.	- HS làm bài cá nhân, trao đổi kết quả với bạn bên cạnh.
- GV chữa bài, nhắc HS đọc kĩ tiếng, hiểu nghĩa từ để viết đúng chính tả.	- HS sửa bài vào vở và đọc lại các từ vừa luyện.
5. Vận dụng (2 phút) <i>Mục tiêu: HS ghi nhớ cách rèn chữ, giữ vở sạch và chuẩn bị bài sau.</i> *Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà sửa những lỗi còn sai và luyện viết 2 từ em dễ nhầm.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 12: BÀI TẬP LÀM VĂN**TIẾT 1, 2: ĐỌC - BÀI TẬP LÀM VĂN; ĐỌC MỞ RỘNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng, rõ ràng toàn bài Bài tập làm văn; biết đọc lời kể và lời nhân vật phù hợp.
- Hiểu nội dung câu chuyện: nói phải đi đôi với làm; biết nhận xét về nhân vật Cô-li-a qua hành động, suy nghĩ.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; nêu được bài học về tính trung thực, trách nhiệm trong học tập và lao động.
- Thực hiện đọc mở rộng: tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về nhà trường và ghi phiếu đọc sách.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến, tự kiểm tra bài viết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, cách trình bày phù hợp với yêu cầu bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, đọc mở rộng và hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trung thực: biết nói thật, viết thật, không bịa việc mình chưa làm.
- Trách nhiệm: biết giúp đỡ gia đình bằng việc làm phù hợp với lứa tuổi.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: HS nhận biết AI có thể là công cụ gợi ý ý tưởng khi viết bài; HS chỉ tham khảo, tự chọn ý phù hợp, không để AI viết thay, không sao chép nguyên văn và không cung cấp thông tin riêng tư.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu; tranh bài Bài tập làm văn, phiếu đọc sách, tranh Đọc mở rộng cắt từ SGK; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini khi cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút)	
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối việc viết bài văn với việc làm thật trong cuộc sống. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ những ai? Các nhân vật đang làm gì? 	- HS quan sát, trả lời: Tranh vẽ bạn nhỏ, mẹ và việc làm trong gia đình.
- GV hỏi: Khi cô giáo yêu cầu viết về việc em đã làm ở nhà, em nên viết về việc thật hay việc em tưởng tượng?	- HS trả lời: Em nên viết về việc thật mình đã làm để bài văn chân thực.
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Bài tập làm văn giúp các em hiểu vì sao lời nói, bài viết cần gắn với việc làm thật.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Bài tập làm văn.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, biết đọc lời nhân vật và ngắt nghỉ đúng dấu câu. *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể tự nhiên; chú ý giọng Cô-li-a khi lúng túng, ngạc nhiên và vui vẻ nhận lời mẹ.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt	- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
nghe câu đúng, chú ý câu dài. Đọc lời mẹ nhẹ nhàng, lời Cô-li-a tự nhiên, thể hiện sự thay đổi cảm xúc của nhân vật.	
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: (4 đoạn) + Đoạn 1: Từ đầu đến khăn mùi soa. + Đoạn 2: Tiếp theo đến nhiều thế? + Đoạn 3: Tiếp theo đến đỡ vất vả. + Đoạn 4: Còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp từng đoạn; sửa lỗi phát âm và ngắt nghỉ.	- HS đọc nối tiếp từng đoạn; HS khác nhận xét.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Cô-li-a, khăn mùi soa, lúng túng, liếc nhìn, giặt áo sơ mi, quần áo lót.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh từ khó.
- GV tổ chức HS đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn, bạn nghe góp ý.	- HS đọc nhóm 4, sửa lỗi phát âm và giọng đọc.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, đúng giọng nhân vật.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (13 phút) Mục tiêu: HS nắm được đề văn cô giáo giao và lí do Cô-li-a gặp khó khăn khi viết bài. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Nhắc lại đề văn mà cô giáo đã giao cho lớp.	- HS trả lời: Cô giáo giao đề văn: Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Nhưng chẳng lẽ lại nộp một bài văn ngắn ngủn như thế này? Tôi nhìn xung quanh, mọi người vẫn viết. Lạ thật, các bạn viết gì mà nhiều thế? Tôi cố nghĩ, rồi viết tiếp: "Em giặt cả áo lót, áo sơ mi và quần...". Cuối cùng, tôi kết thúc bài văn của mình: "Em muốn giúp mẹ nhiều việc hơn, để mẹ đỡ vất vả..."</p>  <p>Mấy hôm sau, sáng Chủ nhật, mẹ bảo tôi: - Cô-li-a này! Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé! Tôi tròn xoe mắt. Nhưng rồi tôi vui vẻ nhận lời, vì đó là việc làm mà tôi đã nói trong bài tập làm văn.</p> <p>(Theo Pi-vô-va-rô-va)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khăn mặt sạch, khăn nhỏ và mỏng, thường bỏ túi, dùng để lau mặt, lau tay. - Lọ ọc nhanh và lén tiếp, không ngừng trong một thời gian ngắn. <p>KẾT NỐI TRI THỨC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhắc lại đề văn mà cô giáo đã giao cho lớp. 2. Vì sao Cô-li-a gặp khó khăn với đề văn này? <ol style="list-style-type: none"> a. Vì bạn ấy viết văn không tốt. b. Vì bạn ấy không nhớ những việc mình đã làm. c. Vì bạn ấy ít khi giúp mẹ. 3. Để bài văn dài hơn, Cô-li-a đã làm gì? 4. Em hãy giải thích vì sao Cô-li-a vui vẻ nhận lời mẹ làm việc nhà. 5. Em có nhận xét gì về Cô-li-a? 	
- GV hỏi: Đề văn yêu cầu viết về việc đã làm hay việc muốn làm?	- HS trả lời: Đề văn yêu cầu viết về việc đã làm để giúp mẹ.
- GV nêu câu hỏi 2: Vì sao Cô-li-a gặp khó khăn với đề văn này?	- HS chọn ý c: Vì bạn ấy ít khi giúp mẹ.
- GV yêu cầu HS tìm chi tiết cho thấy Cô-li-a lúng túng khi làm bài.	- HS nêu: Cô-li-a cố nhớ việc mình đã làm nhưng chỉ nhớ vài việc nhỏ, bài văn ban đầu rất ngắn.
- GV kết luận: Khi viết bài kể việc đã làm, các em cần viết đúng sự thật để bài văn có cảm xúc chân thật.	- HS lắng nghe, hiểu yêu cầu viết văn chân thật.
TIẾT 2 (35 phút)	
<p>1. Khởi động (4 phút)</p> <p>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp câu chuyện.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại đề văn cô giáo giao và lí do Cô-li-a gặp khó khăn.	- HS ôn lại: Đề văn yêu cầu kể việc giúp mẹ; Cô-li-a ít khi giúp mẹ nên lúng túng.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tìm hiểu Cô-li-a đã làm gì để bài văn dài hơn và vì sao bạn vui vẻ làm việc mẹ nhờ.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi còn lại.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4, 5 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu sự thay đổi của Cô-li-a và rút ra bài học nói phải đi đôi với làm.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Đề bài văn dài hơn, Cô-li-a đã làm gì?	- HS trả lời: Cô-li-a kể thêm cả những việc bạn chưa làm, như giặt áo sơ mi, quần áo lót.
- GV nêu câu hỏi 4: Vì sao Cô-li-a vui vẻ nhận lời mẹ làm việc nhà?	- HS trả lời: Vì đó là việc Cô-li-a đã nói trong bài tập làm văn, bạn muốn làm đúng điều mình đã viết.
- GV nêu câu hỏi 5: Em có nhận xét gì về Cô-li-a?	- HS trả lời: Cô-li-a biết nhận ra việc cần làm, biết giữ lời và có trách nhiệm hơn sau bài tập làm văn.
- GV chốt: Câu chuyện nhắc chúng ta cần nói thật, viết thật và cố gắng thực hiện điều tốt mình đã nói.	- HS lắng nghe, nhắc lại bài học: nói phải đi đôi với làm.
3. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn có lời nhân vật với giọng phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn mẹ gọi Cô-li-a và bạn vui vẻ nhận lời để luyện đọc.	- HS luyện đọc đoạn, chú ý giọng mẹ và giọng Cô-li-a.
- GV tổ chức đọc phân vai theo nhóm 3: người kể chuyện, mẹ, Cô-li-a.	- HS đọc phân vai trong nhóm.
- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp, nhận xét cách đọc lời nhân vật.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét, góp ý.
4. Đọc mở rộng và tích hợp AI gợi ý ý tưởng (12 phút) <i>Mục tiêu: HS biết tìm đọc văn bản về nhà trường, ghi phiếu đọc sách và hiểu cách dùng AI để tham khảo ý tưởng một cách an toàn.</i> Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết ChatGPT/Gemini có thể gợi ý ý tưởng khi viết bài; biết chỉ tham khảo, tự chọn ý phù hợp, không để AI viết thay và không cung cấp thông tin riêng tư. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Đọc mở rộng: Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về nhà trường và ghi phiếu đọc sách theo	- HS đọc nhiệm vụ, nêu thông tin cần ghi: ngày đọc, tên bài, tác giả, điều em thích nhất.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>mẫu.</p> <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường và viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <div data-bbox="188 376 646 593"> <p>PHIẾU ĐỌC SÁCH</p> <p>– Ngày đọc: (...)</p> <p>– Tên bài: (...)</p> <p>– Tác giả: (...)</p> <p>Cách em tìm được bài đọc: (...)</p> <p>Chỉ tiết, câu văn, câu thơ em thích nhất: (...)</p> <p>Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆</p> </div> <p>2. Trao đổi với bạn về bài em đã đọc và chia sẻ cách em đã làm để tìm được câu chuyện, bài văn, bài thơ đó.</p> <div data-bbox="159 660 646 952"> <p>Tô đến đọc sách trong thư viện để tìm câu chuyện nói về nhà trường.</p> <p>Tô thì lên mạng tìm thơ vì thấy cô giáo.</p> <p>Còn tớ đọc báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng để tìm truyện.</p> <p>Còn tớ thì hỏi mẹ.</p> </div>	
<p>- GV hướng dẫn HS có thể tìm bài đọc ở thư viện lớp, thư viện trường hoặc sách do người thân, thầy cô giới thiệu.</p>	<p>- HS nêu cách tìm bài đọc phù hợp lứa tuổi.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Khi cần tìm ý cho bài văn về một việc em đã làm, nếu cô dùng ChatGPT hoặc Gemini để gợi ý, em có được chép nguyên bài của AI không? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Không được chép nguyên bài; em cần viết bằng việc thật và lời văn của mình.</p>
<p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A1.1: GV dùng tài khoản giáo viên mở ChatGPT hoặc Gemini và nhập câu lệnh mẫu: “Gợi ý một số việc học sinh lớp 3 có thể làm để giúp cha mẹ và lập dàn ý 3 câu kể về một việc em thật sự đã làm.” GV hướng dẫn HS thực hiện theo 4 bước: (1) quan sát phần gợi ý trên màn hình; (2) chọn một việc đúng với trải nghiệm thật của mình; (3) bỏ những ý không phù hợp hoặc chưa từng làm; (4) tự viết bằng lời của mình và đọc lại để sửa. GV nhấn mạnh: ChatGPT/Gemini chỉ giúp gợi ý từ ngữ, câu hỏi, dàn ý; AI không được viết thay</p>	<p>- HS quan sát, nêu lại quy tắc: Em chỉ tham khảo gợi ý của ChatGPT/Gemini, chọn việc thật, tự viết bằng lời của mình và không đưa thông tin riêng tư lên AI.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
bài của HS. HS không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ nhà, số điện thoại, hình ảnh, thông tin riêng của gia đình hoặc của bạn bè vào công cụ AI.	
- GV yêu cầu HS nói nhanh một ý đọc mở rộng hoặc một việc thật em đã làm để giúp người thân.	- HS chia sẻ ngắn gọn: Em quét nhà, gấp quần áo, xếp sách vở hoặc tưới cây giúp mẹ.
5. Vận dụng (4 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc làm thật trong gia đình và học tập.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm trong tuần này để lời nói đi đôi với việc làm.	- HS nêu: Em sẽ tự xếp bàn học, giúp mẹ gấp quần áo, đọc sách đúng kế hoạch hoặc giữ lời hứa với bạn.
- GV dặn HS hoàn thành phiếu đọc sách và chuẩn bị tiết luyện tập về từ ngữ nhà trường, câu hỏi.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 12: BÀI TẬP LÀM VĂN**TIẾT 3: LUYỆN TẬP - MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ NHÀ TRƯỜNG. CÂU HỎI****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Tìm được các từ ngữ về nhà trường theo nhóm: người, địa điểm, đồ vật, hoạt động.
- Nhận biết được câu hỏi trong văn bản; biết dấu hiệu nhận biết câu hỏi qua nội dung và dấu chấm hỏi.
- Biết đặt câu hỏi, hỏi - đáp về nhân vật trong câu chuyện và ghi lại câu hỏi đúng hình thức.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến, tự kiểm tra bài viết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, cách trình bày phù hợp với yêu cầu bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, đặt câu hỏi và hoàn thành bài tập.
- Nhân ái: biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn khi hỏi - đáp.
- Trách nhiệm: tham gia hoạt động nhóm đúng nhiệm vụ.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết đặt câu hỏi lịch sự, lắng nghe câu trả lời, phản hồi phù hợp khi trao đổi với thầy cô, bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng phụ/slide bài tập, thẻ từ về nhà trường, tranh bài tập cắt từ SGK, phiếu hỏi - đáp nhóm đôi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 3 (35 phút)	
1. Khởi động (4 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh								
<p><i>Mục tiêu: Gợi nhớ bài đọc và dẫn vào nội dung luyện tập từ ngữ, câu hỏi.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>									
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: tìm nhanh 3 từ ngữ về nhà trường.	- HS tham gia trò chơi, nêu: thầy cô, lớp học, thư viện, bảng, bàn ghế, học bài.								
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em mở rộng vốn từ về nhà trường và luyện nhận biết, đặt câu hỏi.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK và vở bài tập.								
<p>2. Luyện tập - Mở rộng vốn từ về nhà trường (12 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS tìm và phân loại được từ ngữ về nhà trường.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>									
<p>- Bài tập 1: GV yêu cầu HS tìm tiếp các từ ngữ về nhà trường trong từng nhóm.</p>  <p>LUYỆN TẬP</p> <p>1. Tìm tiếp các từ ngữ về nhà trường trong từng nhóm sau:</p> <table border="1"> <tr> <td>Người</td><td>học sinh...</td></tr> <tr> <td>Địa điểm</td><td>cổng trường...</td></tr> <tr> <td>Đồ vật</td><td>bàn...</td></tr> <tr> <td>Hoạt động</td><td>viết...</td></tr> </table> <p>2. Câu nào dưới đây là câu hỏi? Dựa vào đâu em biết điều đó?</p> <p>a. Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?</p> <p>b. Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ.</p> <p>c. Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!</p> <p>3. Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện yêu cầu.</p> <p>Hộp bút của Na</p> <p>Trong hộp bút bé nhỏ có tiếng lao xao. Na ghé tai nghe, có tiếng bút chì:</p> <p>– Tôi được dùng nhiều nhất nên tôi chỉ còn một mẩu.</p> <p>Có tiếng tẩy đáp lại:</p> <p>– Tôi toán vụn tẩy vì chừa cho cậu. Tôi quan trọng nhất.</p> <p>Thuốc kẻ lên tiếng:</p> <p>– Tôi mới quan trọng. Tôi được dùng nhiều đến mức mờ hết cả số.</p> <p>Na bối rối mở hộp bút. Có vẻ thăm thẳm:</p> <p>– Ai cũng quan trọng vì đều là bạn thân của tôi.</p> <p>(theo An Hạnh)</p> <p>a. Hỏi – đáp về các nhân vật trong câu chuyện trên.</p> <p>À: – Trong hộp bút, ai được dùng nhiều đến mức mờ hết cả số?</p> <p>– Thuốc kẻ được dùng nhiều đến mức mờ hết cả số.</p> <p>b. Ghi lại 1 – 2 câu hỏi của em và bạn.</p>	Người	học sinh...	Địa điểm	cổng trường...	Đồ vật	bàn...	Hoạt động	viết...	<p>- HS đọc yêu cầu, xác định các nhóm: người, địa điểm, đồ vật, hoạt động.</p>
Người	học sinh...								
Địa điểm	cổng trường...								
Đồ vật	bàn...								
Hoạt động	viết...								
- GV tổ chức HS làm nhóm 4; mỗi nhóm ghi từ vào bảng nhóm.	- HS thảo luận, tìm từ và phân loại theo nhóm.								
- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhận xét và bổ sung.	- HS trình bày: Người: thầy giáo, cô giáo, học sinh, cô thủ thư; Địa điểm: lớp học, sân trường, thư viện; Đồ vật: bảng, phấn, bàn ghế; Hoạt động: đọc sách,								

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	viết bài, thảo luận.
- GV chốt: Từ ngữ về nhà trường giúp các em nói và viết rõ hơn về trường lớp.	- HS lắng nghe, sửa bài vào vở.
3. Luyện tập - Câu hỏi và hỏi đáp lịch sự (15 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết câu hỏi, biết đặt câu hỏi và trả lời phù hợp.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết đặt câu hỏi lịch sự, lắng nghe câu trả lời và phản hồi phù hợp khi trao đổi với thầy cô, bạn bè. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS đọc các câu trong SGK và xác định câu nào là câu hỏi.	- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ và chọn câu có mục đích hỏi, kết thúc bằng dấu chấm hỏi.
- GV hỏi: Dựa vào đâu em biết đó là câu hỏi?	- HS trả lời: Dựa vào nội dung dùng để hỏi và dấu chấm hỏi cuối câu.
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS đọc câu chuyện Hộp bút của Na và hỏi - đáp về nhân vật trong chuyện.	- HS đọc câu chuyện, làm việc nhóm đôi để hỏi - đáp.
- GV hướng dẫn HS dùng các từ để hỏi: ai, cái gì, ở đâu, khi nào, vì sao, thế nào.	- HS thực hành đặt câu hỏi: Ai cho Na mượn hộp bút? Vì sao Na cảm ơn bạn? Hộp bút của Na ở đâu?
- GV hỏi dẫn: Khi muốn hỏi bạn hoặc hỏi thầy cô điều chưa hiểu, em nên hỏi như thế nào để thể hiện sự lịch sự?	- HS trả lời: Em cần xưng hô đúng, nói nhẹ nhàng, chờ bạn nói xong, cảm ơn sau khi được trả lời.
- Tích hợp KNS: GV diễn giải: Câu hỏi giúp chúng ta hiểu bài và hiểu người khác hơn. Khi hỏi, các em cần dùng lời lịch sự như “Bạn cho mình hỏi...”, “Thưa cô, em chưa hiểu...”; nhìn vào người nghe, nói vừa đủ nghe, không chen ngang khi bạn đang nói. Khi nghe bạn trả lời, em cần lắng nghe hết ý, không cười chê nếu bạn nói chưa đúng, có thể phản hồi bằng lời nhẹ nhàng: “Mình nghĩ thêm là...” hoặc “Cảm ơn bạn đã chia sẻ”. Đó là kỹ năng giao tiếp cần thiết trong lớp học và trong cuộc sống.	- HS nêu lại quy tắc: Hỏi lịch sự, lắng nghe câu trả lời, phản hồi nhẹ nhàng và cảm ơn.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS ghi lại 1 - 2 câu hỏi của em và bạn vào vở.	- HS viết câu hỏi, chú ý viết hoa đầu câu và dùng dấu chấm hỏi cuối câu.
4. Vận dụng (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng từ ngữ nhà trường và câu hỏi vào giao tiếp hằng ngày.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đặt một câu hỏi lịch sự về trường lớp hoặc bài học hôm nay.	- HS đặt câu: Bạn thích đọc sách ở thư viện vào lúc nào? Thưa cô, em có thể mượn thêm sách được không ạ?
- GV dặn HS về nhà tìm thêm 5 từ ngữ về nhà trường và chuẩn bị tiết luyện viết đơn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

TIẾT 4: LUYỆN TẬP - ĐIỀN THÔNG TIN VÀO MẪU ĐƠN XIN VÀO ĐỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc và nhận biết được nội dung, người viết, người nhận, lời hứa trong đơn xin vào Đội.
- Biết điền thông tin cần thiết vào mẫu đơn xin vào Đội theo yêu cầu.
- Biết đọc lại, đối chiếu, sửa lỗi thông tin, cách dùng từ và trình bày đơn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến, tự kiểm tra bài viết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe, nhận xét và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, cách trình bày phù hợp với yêu cầu bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: hoàn thành mẫu đơn cẩn thận, rõ ràng.
- Trung thực: điền đúng thông tin của bản thân, không bịa thông tin.
- Trách nhiệm: biết bảo vệ thông tin cá nhân khi điền và chia sẻ mẫu đơn.

4. Tích hợp:

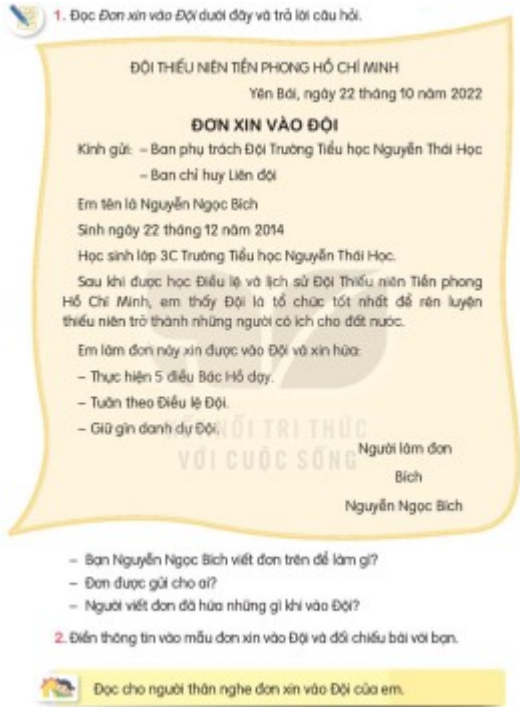
- Tích hợp NLS 2.1.CB1b, 4.2.CB1a: HS xác định phương tiện giao tiếp số phù hợp khi thực hiện mẫu đơn; biết điền và chia sẻ thông tin cần thiết an toàn, không để lộ dữ liệu cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu đơn xin vào Đội cắt từ SGK, phiếu mẫu đơn, máy tính/tivi; mẫu Google Docs/Google Forms minh họa do GV quản lý nếu có điều kiện.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 4 (35 phút)	
1. Khởi động (4 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>Mục tiêu: Gợi nhớ nội dung về Đội và tạo hứng thú với việc luyện viết đơn.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV tổ chức trò chơi “Nhắc nhanh về Đội”: nêu một thông tin em biết về Đội TNTP Hồ Chí Minh.	- HS nêu: khăn quàng đỏ, huy hiệu Đội, 5 điều Bác Hồ dạy, phấn đấu học tốt để vào Đội.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em học cách đọc và điền thông tin vào mẫu đơn xin vào Đội.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đơn.
<p>2. Khám phá - Đọc đơn xin vào Đội (11 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS nhận biết mục đích, người nhận và nội dung chính của một lá đơn xin vào Đội.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc đơn xin vào Đội trong SGK.</p> 	- HS đọc thầm đơn, quan sát các phần của đơn.
- GV hỏi: Bạn Nguyễn Ngọc Bích viết đơn để làm gì?	- HS trả lời: Bạn viết đơn để xin vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.
- GV hỏi: Đơn được gửi cho ai?	- HS trả lời: Đơn gửi Ban phụ trách Đội Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học và Ban Chỉ huy Liên đội.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hỏi: Người viết đơn đã hứa những gì khi vào Đội?	- HS trả lời: Hứa thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy, tuân theo Điều lệ Đội, giữ gìn danh dự Đội.
- GV chốt các phần cần có trong đơn: nơi viết, ngày tháng, tên đơn, kính gửi, thông tin người viết, nội dung xin vào Đội, lời hứa, chữ kí/người làm đơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cấu trúc của đơn.
3. Thực hành - Điền thông tin vào mẫu đơn an toàn (15 phút) <i>Mục tiêu: HS điền được thông tin vào mẫu đơn, biết kiểm tra và chia sẻ thông tin an toàn.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết chọn phương tiện giao tiếp số phù hợp, chỉ điền và chia sẻ thông tin cần thiết, không để lộ dữ liệu cá nhân khi thực hiện mẫu đơn. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV phát mẫu đơn, yêu cầu HS điền thông tin của mình vào các chỗ trống.	- HS điền thông tin vào mẫu đơn: họ tên, ngày sinh, lớp, trường, lời hứa khi xin vào Đội.
- GV nhắc HS viết rõ ràng, đúng chính tả, không tẩy xóa nhiều và đọc lại trước khi nộp.	- HS đọc lại đơn, sửa lỗi dùng từ, chính tả và thông tin nếu có.
- GV hỏi dẫn: Nếu mẫu đơn được cô giáo gửi qua Google Forms, Google Docs hoặc nhóm lớp do giáo viên quản lí, em cần điền và chia sẻ thông tin như thế nào cho an toàn?	- HS trả lời: Em chỉ điền thông tin cô yêu cầu, không gửi ảnh thẻ, địa chỉ nhà, số điện thoại riêng, mật khẩu hoặc thông tin của bạn.
- Tích hợp NLS 2.1.CB1b, 4.2.CB1a: GV diễn giải: Khi thực hiện mẫu đơn trên giấy hoặc trên công cụ số như Google Forms, Google Docs, Padlet hay nhóm lớp do GV quản lí, các em cần xác định đúng mục đích: mẫu đơn dùng để đăng kí/xin vào Đội, không dùng để trò chuyện riêng hoặc chia sẻ thông tin ngoài yêu cầu. GV hướng dẫn HS thực hiện an toàn: (1) chỉ mở biểu mẫu từ nguồn do GV/nhà trường gửi; (2) đọc kĩ từng ô thông tin; (3) chỉ điền thông tin cần thiết như họ tên, lớp, ngày sinh theo yêu cầu của nhà trường; (4) không ghi mật khẩu, địa chỉ nhà chi tiết, số điện	- HS nêu lại quy tắc: Em chỉ điền thông tin cần thiết, kiểm tra trước khi gửi và không chia sẻ dữ liệu cá nhân không cần thiết.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
thoại cá nhân, ảnh riêng tư hoặc thông tin của người khác; (5) trước khi gửi, đọc lại và hỏi GV/người lớn nếu chưa chắc. Như vậy, HS biết dùng phương tiện số đúng mục đích và bảo vệ dữ liệu cá nhân.	
- GV yêu cầu HS đổi mẫu đơn với bạn bên cạnh để đối chiếu hình thức trình bày, không đọc to thông tin riêng của bạn.	- HS đổi bài, góp ý nhẹ nhàng về chữ viết, thiếu mục, lỗi chính tả; tôn trọng thông tin riêng của bạn.
- GV mời 1 - 2 HS đọc phần lời hứa trong đơn, nhận xét cách diễn đạt.	- HS đọc phần lời hứa; lớp nhận xét lời hứa rõ ràng, đúng nội dung.
4. Vận dụng (5 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ việc phấn đấu vào Đội và chuẩn bị bài học sau.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để phấn đấu trở thành đội viên tốt.	- HS nêu: Em chăm học, giữ vệ sinh lớp, giúp đỡ bạn, lễ phép với thầy cô, thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy.
- GV dặn HS về nhà đọc lại đơn xin vào Đội cho người thân nghe, hỏi thêm thông tin về Đội và chuẩn bị bài tuần sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 7 - Chủ điểm: CÔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ

BÀI 13: BÀN TAY CÔ GIÁO

TIẾT 1, 2: Đọc - Bàn tay cô giáo; Nói và nghe - Một giờ học thú vị

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Bàn tay cô giáo; biết ngắt nhịp thơ hợp lí, đọc với giọng nhẹ nhàng, thể hiện sự ngạc nhiên và yêu quý cô giáo.

- Hiểu nghĩa các từ phô, dập dềnh, rì rào; trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, nêu được sự khéo léo của cô giáo qua việc tạo bức tranh bằng giấy.
- Biết giới thiệu bức tranh mà cô giáo đã tạo ra bằng lời nói rõ ràng, có cảm xúc.
- Kể được một giờ học thú vị của bản thân; nêu được cảm nhận của em về giờ học đó.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, tìm chi tiết trong bài thơ và chuẩn bị ý kiến trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; lắng nghe bạn kể và góp ý lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu để kể về một giờ học thú vị; trình bày ý tưởng rõ ràng, tự nhiên.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu quý, kính trọng thầy cô; trân trọng sự chăm chú của thầy cô trong mỗi giờ học.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, tham gia hoạt động nói và nghe.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn sản phẩm học tập, vệ sinh lớp học sau giờ học thủ công, mỹ thuật.

4. Tích hợp:

- Tích hợp GDBVMT: HS biết sau mỗi tiết học thủ công, mỹ thuật và các buổi học cần vệ sinh sạch sẽ chỗ ngồi, nhặt giấy vụn, bỏ rác vào thùng rác, giữ lớp học xanh - sạch - đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV Tiếng Việt 3; máy tính, tivi/máy chiếu; tranh và bài tập cắt từ SGK; bảng phụ, thẻ từ, phiếu học tập. Tranh bài Bàn tay cô giáo; hình minh họa sản phẩm giấy; phiếu kể một giờ học thú vị.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, giới thiệu chủ điểm Cổng trường rộng mở và dẫn vào bài đọc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS quan sát tranh chủ điểm Cổng trường rộng mở và hỏi: Khi nhắc đến trường	- HS chia sẻ: Em nhớ cô giáo dạy em đọc, thầy dạy em viết, bạn bè cùng học, lớp học

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>học, em nhớ nhất điều gì về thầy cô, bạn bè hoặc lớp học của mình?</p> 	<p>vui vẻ.</p>
<p>- GV giới thiệu: Chủ điểm Cổng trường rộng mở tiếp tục đưa các em đến với những bài học gần gũi về mái trường, thầy cô, bạn bè, chữ viết và đồ dùng học tập. Trong bài Bàn tay cô giáo, các em sẽ thấy đôi bàn tay cô không chỉ dạy chữ mà còn tạo ra những điều rất đẹp.</p>	<p>- HS lắng nghe, xác định tên chủ điểm và tên bài học.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nói với bạn những điều em nhớ nhất về thầy cô giáo cũ của mình.</p>	<p>- HS nói nhóm đôi: Em nhớ cô giáo hiền, giảng bài dễ hiểu, thường động viên chúng em.</p>
<p>- GV nhận xét, kết luận: Tình cảm với thầy cô là tình cảm rất đẹp. Chúng ta cùng đọc bài thơ để xem bạn nhỏ cảm nhận bàn tay cô giáo kì diệu như thế nào.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị đọc bài.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (15 phút) <i>Mục tiêu: Đọc đúng, rõ ràng bài thơ; bước đầu biết đọc diễn cảm.</i> <i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- GV đọc mẫu bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tha thiết; nhấn giọng ở các từ: cong cong, thoát cái, xinh quá, dập dềnh, rì rào.</p> 	<p>- HS lắng nghe, theo dõi SGK, cảm nhận giọng đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ khó: cong cong, thoát cái, dập dềnh, sóng lượn, rì rào.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh các từ khó.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; nhắc HS ngắt nghỉ theo nhịp thơ và đọc rõ từng</p>	<p>- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ, sửa lỗi phát âm và ngắt nhịp.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
dòng.	
- GV tổ chức cho HS đọc nhóm 4: mỗi bạn đọc một khổ thơ, bạn khác lắng nghe và góp ý.	- HS đọc nhóm 4, góp ý cho bạn về phát âm, tốc độ, giọng đọc.
- GV gọi một số nhóm đọc trước lớp, nhận xét giọng đọc và khen nhóm đọc rõ, đều.	- Đại diện nhóm đọc trước lớp; HS khác nhận xét lịch sự.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2 (13 phút) <i>Mục tiêu: Hiểu nghĩa từ và chi tiết chính trong bài thơ.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết vệ sinh sạch sẽ chỗ ngồi, nhặt giấy vụn, bỏ rác đúng nơi quy định và giữ lớp học xanh - sạch - đẹp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu bài tập 1: Chọn lời giải thích phù hợp với mỗi từ dưới đây: phồ, đập dềnh, rì rào. 	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nối mỗi từ với lời giải thích đúng rồi trao đổi với bạn bên cạnh.	- HS trả lời: đập dềnh là mặt nước chuyển động lên xuống nhịp nhàng; rì rào là tiếng sóng vỗ nhỏ, êm nhẹ, phát ra đều đều liên tiếp; phồ là để lộ ra, bày ra.
- GV nêu bài tập 2: Từ các tờ giấy, cô giáo đã làm ra những gì? Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV tổ chức HS làm nhóm đôi và trình bày kết quả.	- HS trả lời: Tờ giấy trắng - chiếc thuyền; tờ giấy đỏ - mặt trời tỏa nắng; tờ giấy xanh - mặt nước đập dềnh.
- GV hỏi dẫn tích hợp GDBVMT: Sau tiết thủ công hoặc mỹ thuật, nếu có giấy vụn, hồ dán, màu vẽ rơi trên bàn, em cần làm gì để lớp học sạch đẹp?	- HS trả lời: Em nhặt giấy vụn, bỏ vào thùng rác, lau bàn, xếp đồ dùng gọn gàng và không xả rác.
- GV tích hợp GDBVMT: Bàn tay cô giáo tạo ra bức tranh đẹp từ những tờ giấy. Khi các em học thủ công, mỹ thuật hoặc làm sản phẩm học tập, lớp học có thể có giấy vụn, vỏ bút màu, hồ dán, mẫu giấy cắt thừa. Mỗi bạn cần biết nhặt giấy vụn, bỏ rác đúng thùng, lau bàn, xếp lại kéo, bút màu, không vứt giấy ra sân trường. Giữ lớp học xanh - sạch - đẹp là cách thể hiện trách nhiệm với môi trường, sự trân trọng công sức của thầy cô, bạn bè và giúp mỗi giờ học trở nên an toàn, dễ chịu hơn.	- HS lắng nghe, cam kết: Sau giờ học em sẽ dọn chỗ ngồi sạch sẽ, giữ lớp học xanh - sạch - đẹp.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV kết luận tiết 1: Bài thơ giúp chúng ta thấy cô giáo rất khéo tay và lớp học trở nên thú vị hơn nhờ sự sáng tạo của cô.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tìm hiểu tiếp ở tiết 2.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài thơ. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Từ các tờ giấy, cô giáo đã tạo ra những gì trong bài thơ Bàn tay cô giáo?	- HS trả lời: Cô giáo tạo ra chiếc thuyền, mặt trời tỏa nắng và mặt nước xanh dập dềnh.
- GV dẫn vào tiết học: Tiết này, các em tiếp tục tìm hiểu ý nghĩa bài thơ, luyện đọc lại và kể về một giờ học thú vị của mình.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và Nói - nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 3, 4, 5 (12 phút) Mục tiêu: Hiểu ý nghĩa bài thơ và biết giới thiệu bức tranh trong bài. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Theo em, hai dòng thơ “Biết bao điều lạ / Từ bàn tay cô” muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.	- HS trả lời: Hai dòng thơ muốn nói cô giáo rất khéo tay, làm được nhiều điều đẹp và lạ từ những tờ giấy.
- GV yêu cầu HS giải thích vì sao chọn ý đó.	- HS giải thích: Vì cô gấp, cắt giấy thành thuyền, mặt trời, mặt nước và tạo thành bức tranh sinh động.
- GV nêu câu hỏi 4: Tìm những câu thơ nói về sự khéo léo của cô giáo khi hướng dẫn học sinh làm thủ công.	- HS trả lời: Cô gấp cong cong; Thoắt cái đã xong; Cô cắt rất nhanh; Mềm mại tay cô.
- GV yêu cầu HS đọc thầm bài thơ, tìm câu thơ và đọc trước lớp.	- HS đọc các câu thơ tìm được, HS khác bổ sung nếu thiếu.
- GV nêu câu hỏi 5: Dựa vào bài thơ, em hãy giới thiệu bức tranh mà cô giáo đã tạo ra.	- HS giới thiệu: Bức tranh có chiếc thuyền xinh xắn, mặt trời đỏ tỏa nắng, mặt nước xanh dập dềnh, sóng lượn rì rào. Bức tranh làm từ giấy nhưng rất sinh động.
- GV gợi ý: Bức tranh có những sự vật nào? Màu sắc, âm thanh trong tranh ra sao?	- HS nghe bạn giới thiệu, bổ sung chi tiết về màu sắc, âm thanh.
3. Luyện đọc lại (5 phút) Mục tiêu: HS đọc lại bài thơ với giọng nhẹ nhàng, thể hiện sự yêu quý cô giáo. *Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc lại bài thơ; nhắc HS đọc giọng nhẹ nhàng, yêu mến khi đọc hai dòng “Biết bao điều lạ / Từ bàn tay cô”.	- HS luyện đọc bài thơ theo nhóm đôi, chú ý giọng đọc nhẹ nhàng, có cảm xúc.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV gọi HS đọc cá nhân, nhóm đôi đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; HS khác nhận xét về giọng đọc, cách ngắt nhịp.
4. Luyện tập - Nói và nghe: Một giờ học thú vị (12 phút) Mục tiêu: Kể được một giờ học thú vị; biết lắng nghe và nêu cảm nhận. *Cách tiến hành:	
- GV nêu bài tập 1: Kể về một giờ học em thấy thú vị. 	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV gợi ý: Đó là giờ học môn nào? Trong giờ học, em được tham gia hoạt động nào?	- HS kể: Đó là giờ Mỹ thuật/Âm nhạc/Tiếng Việt. Em được vẽ tranh, hát, đóng vai, đọc thơ hoặc làm việc nhóm.
- GV tổ chức HS kể trong nhóm 4; mỗi bạn kể 1-2 phút, các bạn còn lại lắng nghe và hỏi thêm một câu.	- HS kể trong nhóm, đặt câu hỏi cho bạn: Bạn thích nhất hoạt động nào? Vì sao giờ học đó vui?
- GV gọi 2-3 HS kể trước lớp, nhắc HS nói rõ ràng, nhìn vào người nghe.	- HS kể trước lớp; HS khác nhận xét: bạn kể rõ, có cảm xúc, biết nêu hoạt động cụ thể.
- GV nêu bài tập 2: Em cảm nhận thế nào về giờ học đó?	- HS trả lời: Em thấy giờ học rất vui, bổ ích, giúp em tự tin hơn; em muốn có thêm nhiều giờ học như vậy.
- GV hướng dẫn HS nói cảm nhận bằng một câu trọn ý.	- HS lắng nghe, sửa câu nói cho rõ ràng, đầy đủ.
5. Vận dụng (3 phút) Mục tiêu: Liên hệ việc giữ gìn lớp học và biết ơn thầy cô. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm để thể hiện sự yêu quý thầy cô và giữ lớp học sạch đẹp.	- HS nêu: Em lắng nghe thầy cô giảng bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, nhặt giấy vụn, không xả rác, giúp bạn dọn góc học tập.
- GV dặn dò: Về nhà kể cho người thân nghe một giờ học thú vị của em.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

BÀI 13: BÀN TAY CÔ GIÁO

TIẾT 3: Viết - Nghe - viết: Nghe thầy đọc thơ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả bài Nghe thầy đọc thơ; trình bày đúng khổ thơ, dòng thơ.
- Làm đúng bài tập phân biệt ch/tr hoặc vần ăn/ăng theo yêu cầu SGK.
- Biết tự soát lỗi, sửa lỗi chính tả và góp ý cho bạn bằng lời lịch sự.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở, bút, viết bài đúng tốc độ và tự kiểm tra lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo, góp ý ngắn gọn, nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc chính tả để chọn tiếng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, không bỏ sót chữ, dòng thơ.
- Trung thực: tự nhận lỗi sai và sửa lỗi đúng.
- Yêu thương, kính trọng thầy cô qua nội dung bài thơ.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết tự soát lỗi, sửa lỗi, trình bày bài sạch đẹp và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV Tiếng Việt 3; máy tính, tivi/máy chiếu; tranh và bài tập cắt từ SGK; bảng phụ, thẻ từ, phiếu học tập. Bảng phụ viết đoạn thơ, thẻ tiếng ch/tr hoặc ăn/ăng.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Ôn định lớp, gợi cảm xúc về bài viết. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi nghe thầy cô đọc thơ, em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Em thấy thích, yên bình, dễ tưởng tượng cảnh trong bài thơ.
- GV giới thiệu: Tiết viết hôm nay các em nghe - viết bài Nghe thầy đọc thơ. Qua bài viết, chúng ta luyện viết đúng, đẹp và thể hiện sự trân trọng tiếng Việt.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở, bút, bảng con.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (20 phút) Mục tiêu: Nắm nội dung bài viết, nhận diện từ khó, nghe - viết đúng bài thơ và biết tự soát lỗi. Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết tự soát lỗi, sửa lỗi và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu bài Nghe thầy đọc thơ, yêu cầu HS lắng nghe và nêu nội dung chính. 	- HS lắng nghe, nêu: Bài thơ nói về tiếng thầy đọc thơ làm cảnh vật quanh em trở nên đẹp và đáng yêu.
- GV hỏi: Bài thơ gợi cho em cảm giác gì về tiếng thầy đọc thơ?	- HS trả lời: Tiếng thầy đọc thơ nhẹ nhàng, thân thương, làm em thấy đất trời đẹp ra.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: tên bài, số dòng thơ, chữ đầu dòng thơ, dấu câu.	- HS nêu: Viết tên bài ở giữa dòng; mỗi dòng thơ xuống dòng; chữ đầu dòng viết hoa.
- GV yêu cầu HS luyện viết từ khó vào bảng con: nghiêng, sông xa, vọng, mưa, rì rào.	- HS viết bảng con các từ khó, đọc lại từ vừa viết.
- GV nhận xét, sửa lỗi cho HS trước khi viết bài vào vở.	- HS sửa lỗi nếu viết chưa đúng.
- GV hỏi dẫn tích hợp đạo đức, lối sống: Vì sao khi nghe - viết, chúng ta cần trung thực tự phát hiện lỗi và sửa lỗi của mình?	- HS trả lời: Vì tự sửa lỗi giúp em viết đúng hơn, lần sau không mắc lại, thể hiện sự trung thực.
- GV tích hợp đạo đức, lối sống: Một bài viết sạch đẹp không chỉ nhờ chữ đẹp mà còn nhờ thái độ học tập cẩn thận, trung thực. Khi tự phát hiện lỗi, em không giấu lỗi, không chép sửa của bạn mà bình tĩnh đối chiếu với bài mẫu, sửa lại bằng	- HS lắng nghe, cam kết viết cẩn thận, tự soát lỗi sau khi viết.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
bút đúng quy định. Việc biết nhận lỗi và sửa lỗi giúp em tiến bộ, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, rèn thói quen tự học và thể hiện trách nhiệm với bài viết của chính mình.	
- GV đọc từng dòng thơ hoặc từng cụm từ rõ ràng, tốc độ vừa phải cho HS viết.	- HS nghe và viết bài vào vở, ngồi đúng tư thế, trình bày đúng dòng thơ.
- GV đọc lại toàn bài để HS soát lỗi.	- HS tự soát lỗi theo lời đọc của GV.
- GV yêu cầu HS đổi vở theo nhóm đôi, dùng bút chì gạch dưới lỗi cần sửa.	- HS đổi vở, kiểm tra cho bạn và góp ý nhẹ nhàng.
3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (8 phút) Mục tiêu: Phân biệt ch/tr hoặc ăn/ăng trong các trường hợp cụ thể. *Cách tiến hành:	
- GV nêu bài tập: Làm bài tập a hoặc b trong SGK.	- HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, sau đó chia sẻ kết quả với bạn bên cạnh.	- HS làm bài: chọn ch/tr hoặc ăn/ăng phù hợp vào ô trống theo yêu cầu SGK.
- GV chữa bài, nhấn mạnh cách đọc, cách viết các tiếng dễ lẫn.	- HS nêu đáp án, sửa lỗi nếu chọn chưa đúng.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) Mục tiêu: Dẫn dò rèn chữ, giữ vở sạch và chuẩn bị bài sau. *Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà đọc lại bài thơ, sửa những lỗi còn sai và luyện viết 2 từ em dễ nhầm.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

-

BÀI 14: CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT

TIẾT 1, 2: Đọc - Cuộc họp của chữ viết; Viết - Ôn chữ hoa E, Ê

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Cuộc họp của chữ viết; biết đọc phân biệt lời người kể và lời nhân vật.
- Hiểu nội dung câu chuyện: cần dùng dấu câu, viết hoa và đọc lại câu để người khác hiểu đúng điều mình viết.
- Trả lời đúng câu hỏi đọc hiểu; biết góp ý giúp bạn viết câu đúng hơn.
- Viết đúng chữ hoa E, Ê cỡ nhỏ; viết được tên riêng Ê-đê và câu ứng dụng đúng mẫu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc văn bản, tìm chi tiết để trả lời câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi sắp xếp các bước giúp Hoàng viết đúng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phát hiện lỗi trong câu thiếu dấu câu và đề xuất cách sửa hợp lí.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện đọc, luyện viết đều đặn, trình bày sạch đẹp.
- Trách nhiệm: biết đọc lại bài viết của mình trước khi nộp.
- Trung thực: tự phát hiện lỗi, sửa lỗi và không cầu thả khi viết.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết tự soát lỗi, sửa lỗi, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV Tiếng Việt 3; máy tính, tivi/máy chiếu; tranh và bài tập cắt từ SGK; bảng phụ, thẻ từ, phiếu học tập. Tranh bài Cuộc họp của chữ viết; mẫu chữ hoa E, Ê; bảng phụ câu ứng dụng.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Gợi vấn đề về vai trò của dấu câu, dẫn vào bài đọc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta viết một đoạn văn nhưng không có dấu câu? <small>đổi với bạn: Điều gì sẽ xảy ra nếu không có dấu câu khi viết?</small> 	- HS trả lời: Người đọc sẽ khó hiểu, không biết ngắt nghỉ ở đâu, dễ hiểu sai ý.
- GV giới thiệu: Trong bài Cuộc họp của chữ viết, các chữ cái và dấu câu đã họp lại để giúp một bạn nhỏ viết đúng hơn. Chúng ta cùng đọc để xem cuộc họp đặc biệt ấy diễn ra như thế nào.	- HS lắng nghe, xác định tên bài học.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (15 phút) <i>Mục tiêu: Đọc đúng, rõ ràng văn bản; biết đọc lời nhân vật.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu văn bản với giọng kể vui, rõ; lời bác chữ A đồng dạng, lời các dấu câu sinh động. <small>đổi với bạn: Điều gì sẽ xảy ra nếu không có dấu câu khi viết?</small> 	- HS lắng nghe, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: đồng dạng, lầm tằm, xì xạo, chấm câu, Hoàng.	- HS đọc cá nhân, đồng thanh từ khó.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn; nhắc HS chú ý câu có lời nhân vật và dấu gạch đầu dòng.	- HS đọc nối tiếp đoạn, sửa lỗi phát âm, ngắt nghỉ.
- GV tổ chức đọc nhóm 4, phân vai người kể, bác chữ A, dấu câu.	- HS đọc phân vai trong nhóm, nhắc nhau đọc đúng lời nhân vật.
- GV gọi một nhóm đọc trước lớp và nhận xét	- Nhóm đọc trước lớp; HS khác nhận xét:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
cách đọc lời nhân vật.	bạn đọc rõ, biết thay đổi giọng.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 1, 2, 3 (13 phút) <i>Mục tiêu: Hiểu tình huống và nội dung cuộc họp.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS rèn thói quen cẩn thận, trung thực khi viết; biết đọc lại, tự soát lỗi và sửa lỗi trước khi nộp bài.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Câu chuyện kể về cuộc họp của những ai? 	- HS trả lời: Câu chuyện kể về cuộc họp của các chữ cái và dấu câu.
- GV yêu cầu HS tìm chi tiết trong đoạn đầu của câu chuyện.	- HS nêu: Bác chữ A đồng ý mở đầu cuộc họp, các dấu câu cùng bàn cách giúp bạn Hoàng.
- GV nêu câu hỏi 2: Cuộc họp đó bàn về chuyện gì?	- HS trả lời: Cuộc họp bàn cách giúp Hoàng biết chấm câu đúng để mọi người hiểu điều bạn viết.
- GV nêu câu hỏi 3: Vì sao không ai hiểu những điều bạn Hoàng đã viết?	- HS trả lời: Vì Hoàng viết các câu liên nhau, thiếu dấu câu, làm người đọc không biết ngắt nghỉ và khó hiểu nội dung.
- GV hỏi dẫn tích hợp đạo đức, lối sống: Khi viết bài, nếu em viết nhanh nhưng không đọc lại, điều gì có thể xảy ra?	- HS trả lời: Em có thể thiếu dấu câu, viết sai chính tả, câu khó hiểu, người đọc không hiểu ý em.
- GV tích hợp đạo đức, lối sống: Viết đúng là biểu hiện của sự cẩn thận, trung thực và trách nhiệm. Trước khi nộp bài, mỗi bạn cần đọc lại câu mình viết, kiểm tra chữ đầu câu đã viết hoa chưa, cuối câu có dấu chấm, chấm hỏi hoặc chấm than chưa, từ ngữ có dùng đúng không. Nếu phát hiện lỗi, em tự sửa ngay, không chờ cô nhắc, không giấu lỗi và không sửa qua loa. Thói quen này giúp người đọc hiểu đúng ý của em, giúp em học tốt hơn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	- HS lắng nghe, nêu lại: Trước khi nộp bài, em phải đọc lại, kiểm tra dấu câu, chữ hoa và sửa lỗi.
- GV kết luận tiết 1: Câu chuyện nhắc chúng ta viết câu phải rõ ràng, có dấu câu để người đọc hiểu đúng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị học tiếp tiết 2.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp câu chuyện. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Vì sao mọi người không hiểu những điều bạn Hoàng đã viết?	- HS trả lời: Vì Hoàng viết các câu liên nhau, thiếu dấu câu nên người đọc không biết ngắt nghỉ.
- GV dẫn vào tiết học: Tiết này, các em tiếp tục tìm hiểu cách giúp Hoàng viết đúng và luyện viết chữ hoa E, Ê.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK, vở viết và bảng con.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu 4, 5 (9 phút) Mục tiêu: Biết sắp xếp các bước viết câu đúng và góp ý cho bạn. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 4: Dựa vào lời đề nghị của bác chữ A, sắp xếp các bước mà Hoàng cần thực hiện: đọc lại câu, chấm câu, viết câu.	- HS trả lời: Các bước là viết câu, đọc lại câu, chấm câu.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và giải thích cách sắp xếp.	- HS giải thích: Phải viết câu trước, đọc lại để hiểu nội dung, rồi chấm câu cho đúng.
- GV nêu câu hỏi 5: Em hãy góp thêm ý kiến để giúp bạn Hoàng viết đúng.	- HS nêu: Bạn Hoàng cần viết hoa đầu câu, dùng dấu câu phù hợp, đọc lại trước khi nộp bài, nhờ thầy cô góp ý khi chưa chắc.
- GV gọi HS nêu ý kiến, GV chốt các ý phù hợp.	- HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.
3. Luyện đọc lại - Đọc phân vai (5 phút) Mục tiêu: HS đọc lại đoạn có lời nhân vật với giọng phù hợp. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS luyện đọc lại đoạn có lời bác chữ A và các dấu câu; nhắc HS đọc rõ dấu gạch đầu dòng, lời nhân vật.	- HS luyện đọc nhóm 4 theo vai.
- GV gọi HS đọc phân vai trước lớp.	- HS đọc phân vai; HS khác nhận xét cách đọc.
4. Thực hành viết - Ôn chữ hoa E, Ê (15 phút) Mục tiêu: Viết đúng chữ hoa E, Ê và câu ứng dụng. *Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu nội dung ôn chữ viết hoa E, Ê.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bảng con.
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa E, Ê và hỏi: Chữ E, Ê có điểm gì cần chú ý khi viết? 	- HS quan sát, nêu: Chữ E, Ê có nét cong, nét thẳng; chữ Ê có thêm dấu mũ phía trên.
- GV viết mẫu chữ E, Ê trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình.	- HS quan sát quy trình viết.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS viết bảng con chữ E, Ê.	- HS viết bảng con chữ E, Ê.
- GV nhận xét, sửa lỗi độ cao, khoảng cách, nét nối.	- HS sửa lỗi theo nhận xét của GV.
- GV hướng dẫn HS viết tên riêng Ê-ê và câu ứng dụng: Ước gì em hóa thành mây / Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.	- HS đọc tên riêng và câu ứng dụng, nêu cách viết hoa, khoảng cách giữa các chữ.
- GV yêu cầu HS viết vào vở, chú ý trình bày sạch đẹp.	- HS viết vào vở, tự soát lỗi và chỉnh sửa.

5. Vận dụng (3 phút)

Mục tiêu: Liên hệ thói quen đọc lại bài viết trước khi nộp.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có khả năng nhận dạng và hỗ trợ sửa lỗi chữ viết; biết kiểm tra lại trước khi sửa bài.

*Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS đọc lại một câu vừa viết trong vở và kiểm tra: chữ đầu câu, dấu câu, khoảng cách chữ.	- HS tự kiểm tra câu vừa viết, sửa lỗi nếu có.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu GV dùng Google Lens, Microsoft Lens hoặc Google Docs OCR để nhận diện một câu viết tay, công cụ đó có thể hỗ trợ điều gì và chúng ta cần kiểm tra lại những gì?	- HS trả lời: Công cụ có thể nhận diện chữ và dấu câu, nhưng chúng em cần đọc lại để kiểm tra chữ, dấu câu, chữ hoa và cách diễn đạt.
- GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A2.1: GV dùng tài khoản giáo viên minh họa công cụ nhận diện chữ viết/dấu câu từ một câu mẫu. GV diễn giải: AI có thể hỗ trợ nhận dạng chữ, gợi ý chỗ thiếu dấu câu hoặc chữ viết chưa rõ, nhưng kết quả có thể sai. Vì vậy, HS cần đối chiếu với kiến thức đã học: đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu phù hợp, câu rõ ý; không đưa hình ảnh bài viết có thông tin riêng tư lên công cụ số và phải tự kiểm tra trước khi sửa bài.	- HS nhắc lại: AI chỉ hỗ trợ gợi ý; em phải tự đọc lại, đối chiếu kiến thức và bảo vệ thông tin riêng tư.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài Cuộc họp của chữ viết cho người thân nghe và nói 1 điều em cần nhớ khi viết câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

BÀI 14: CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT

TIẾT 3: Luyện tập - Câu kể. Các dấu câu kết thúc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu; biết câu kể thường kết thúc bằng dấu chấm.
- Phân biệt được câu kể và câu hỏi trong một số trường hợp đơn giản.
- Điền đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than vào câu phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu bài tập, hoàn thành bài theo từng bước.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn để thống nhất đáp án.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dựa vào mục đích nói để chọn loại câu và dấu câu phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập, sửa lỗi câu và dấu câu.
- Trung thực: tự kiểm tra bài làm, không chép đáp án của bạn khi chưa hiểu.
- Trách nhiệm: có ý thức viết câu rõ ràng để người đọc hiểu đúng.

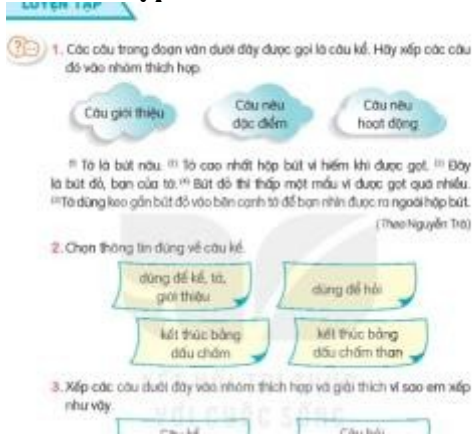
4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS rèn thói quen dùng từ, đặt câu lịch sự, rõ ràng; biết lắng nghe, phản hồi phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A2.1: GV dùng Google Lens/Microsoft Lens hoặc Google Docs OCR bằng tài khoản giáo viên để nhận diện một câu viết có dấu câu; HS quan sát, đối chiếu với kiến thức câu kể và dấu câu để hiểu AI chỉ hỗ trợ gợi ý, cần tự kiểm tra trước khi sửa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV Tiếng Việt 3; máy tính, tivi/máy chiếu; tranh và bài tập cắt từ SGK; bảng phụ, thẻ từ, phiếu học tập. Bảng phụ ghi các câu trong bài tập; thẻ dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than; điện thoại/máy tính của GV để minh họa OCR nếu có điều kiện.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ vai trò của dấu câu trong bài đọc trước. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Trong bài Cuộc họp của chữ viết, vì sao các chữ cái và dấu câu phải họp lại?	- HS trả lời: Vì bạn Hoàng viết thiếu dấu câu, làm mọi người khó hiểu.
- GV giới thiệu: Hôm nay chúng ta luyện tập về câu kể và các dấu câu kết thúc để viết câu rõ ràng hơn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị làm bài tập.
2. LUYỆN TẬP: NHẬN BIẾT CÂU KỂ - BÀI TẬP 1 (10 phút) Mục tiêu: Biết câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu. *Cách tiến hành:	
Bài tập 1: Các câu trong đoạn văn dưới đây được gọi là câu kể. Hãy xếp các câu đó vào nhóm thích hợp. 	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV hướng dẫn HS đọc đoạn văn về bút nâu và xác định từng câu dùng để giới thiệu, nêu đặc điểm hay nêu hoạt động.	- HS đọc đoạn văn, đánh số từng câu, xác định mục đích của câu.
- GV tổ chức HS làm nhóm 4, ghi kết quả vào phiếu.	- HS thảo luận nhóm, xếp câu vào ba nhóm: câu giới thiệu, câu nêu đặc điểm, câu nêu hoạt động.
- GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhận xét và chốt: Câu kể có thể dùng để kể, tả hoặc giới thiệu sự vật, sự việc.	- Đại diện nhóm trình bày; HS khác nhận xét, sửa đáp án nếu cần.
3. LUYỆN TẬP: DẤU CÂU KẾT THÚC CÂU KỂ - BÀI TẬP 2 (8 phút) Mục tiêu: Chọn đúng thông tin về câu kể. Mục tiêu tích hợp: HS rèn thói quen dùng từ, đặt câu lịch sự, rõ ràng; biết lắng nghe, phản hồi phù hợp trong giao tiếp hằng ngày. *Cách tiến hành:	
Bài tập 2: Chọn thông tin đúng về câu kể.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV yêu cầu HS đọc các thẻ thông tin và chọn	- HS chọn: Câu kể dùng để kể, tả, giới

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
thể đúng.	thiệu; câu kể thường kết thúc bằng dấu chấm.
- GV hỏi: Câu kể thường dùng để làm gì và kết thúc bằng dấu gì?	- HS trả lời: Câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu và thường kết thúc bằng dấu chấm.
- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Khi nói hoặc viết với bạn, vì sao em cần dùng câu rõ ràng, lịch sự và có dấu câu phù hợp?	- HS trả lời: Vì nói, viết rõ ràng giúp bạn hiểu đúng, không hiểu lầm và thấy được em tôn trọng bạn.
- GV tích hợp KNS: Câu nói, câu viết rõ ràng giúp người nghe, người đọc hiểu đúng ý của em. Khi hỏi bạn, em dùng câu hỏi lịch sự; khi kể hoặc giới thiệu, em dùng câu kể đầy đủ; khi bày tỏ cảm xúc, em có thể dùng câu cảm phù hợp. Biết dùng câu đúng, lắng nghe khi bạn nói và phản hồi lịch sự giúp các em giao tiếp tự tin, tránh hiểu lầm, biết tôn trọng người khác và xây dựng tình bạn tốt đẹp trong lớp học.	- HS lắng nghe, nêu ví dụ: “Bạn cho mình mượn bút được không?”; “Mình đã hoàn thành bài.”
4. LUYỆN TẬP: PHÂN BIỆT CÂU KỂ, CÂU HỎI VÀ ĐIỀN DẤU CÂU - BÀI TẬP 3, 4 (10 phút) Mục tiêu: Phân loại câu và sử dụng dấu câu đúng. Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI/OCR chỉ hỗ trợ gợi ý nhận diện chữ viết, cần tự kiểm tra trước khi sửa bài. *Cách tiến hành:	
Bài tập 3: Xếp các câu dưới đây vào nhóm thích hợp và giải thích vì sao em xếp như vậy.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.	- HS xếp câu vào nhóm và giải thích dựa vào mục đích nói, dấu câu.
- GV chữa bài: câu a, d là câu hỏi; câu b, c là câu kể.	- HS sửa bài: a, d là câu hỏi; b, c là câu kể.
Bài tập 4: Tìm dấu câu thích hợp thay cho ô vuông.	- HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS đọc đoạn hội thoại, chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than cho từng ô trống.	- HS điền dấu câu phù hợp: dấu chấm cho câu kể, dấu chấm than cho câu bày tỏ cảm xúc, dấu chấm hỏi cho câu hỏi.
- GV gọi HS đọc lại đoạn đã điền dấu câu.	- HS đọc lại đoạn hội thoại, thể hiện đúng giọng câu hỏi, câu cảm, câu kể.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Công cụ số đã nhận diện câu này như thế nào? Khi thấy kết quả do công cụ gợi ý, chúng ta có cần kiểm tra lại không?	- HS quan sát, trả lời: Công cụ có thể nhận ra chữ và dấu câu, nhưng chúng em vẫn cần đọc lại để kiểm tra.
- GV tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A2.1: Một số công cụ có AI như Google Lens, Microsoft Lens hoặc Google Docs OCR có thể nhận diện	- HS lắng nghe, nêu lại quy tắc: Em không tin ngay kết quả của AI, phải đối chiếu kiến thức đã học trước khi sửa bài.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
chữ viết và dấu câu từ ảnh chụp. Công cụ này giúp GV và HS xem nhanh văn bản, nhưng đôi khi nhận diện sai chữ, thiếu dấu hoặc nhầm dấu câu. Vì vậy, khi quan sát kết quả do công cụ gợi ý, HS phải đối chiếu với bài học: câu kể dùng để kể, tả, giới thiệu và thường kết thúc bằng dấu chấm; câu hỏi kết thúc bằng dấu chấm hỏi. AI chỉ hỗ trợ, người học vẫn phải tự đọc, tự kiểm tra và sửa cho đúng.	
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) Mục tiêu: Vận dụng viết câu kể trong giao tiếp hằng ngày. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS viết nhanh một câu kể giới thiệu đồ dùng học tập của em và đọc cho bạn nghe.	- HS viết: “Chiếc bút mực của em có màu xanh.”; “Quyển vở của em còn rất mới.”
- GV dặn HS về nhà tìm 3 câu kể trong một đoạn văn ngắn và gạch dưới dấu câu kết thúc.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

BÀI 14: CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT

TIẾT 4: Luyện tập - Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết dựa vào tranh và gợi ý để nói lời giới thiệu bản thân.
- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu bản thân vào tấm thẻ; biết đọc lại, phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.
- Tìm đọc được một số câu đố về đồ dùng học tập hoặc đồ vật ở trường theo yêu cầu đọc mở rộng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn thông tin phù hợp để giới thiệu bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đóng vai, giới thiệu trước nhóm, lắng nghe bạn góp ý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết trang trí tấm thẻ giới thiệu bản thân đơn giản, đẹp, phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Tự tin: mạnh dạn giới thiệu bản thân bằng lời nói và bài viết.
- Trung thực: giới thiệu đúng thông tin của mình, không nói sai sự thật.
- Trách nhiệm: biết bảo vệ thông tin cá nhân khi giới thiệu trong môi trường số.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 4.2.CB1a: HS biết lựa chọn thông tin phù hợp khi giới thiệu về bản thân; không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, tài khoản hoặc dữ liệu riêng tư trên môi trường số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, SGV Tiếng Việt 3; máy tính, tivi/máy chiếu; tranh và bài tập cắt từ SGK; bảng phụ, thẻ từ, phiếu học tập. Tranh bài tập đóng vai, mẫu thẻ giới thiệu bản thân, phiếu gợi ý viết đoạn văn.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, Vở bài tập Tiếng Việt, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế tự tin khi giới thiệu bản thân. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Chào bạn mới”: mỗi HS nói một câu giới thiệu ngắn về mình với bạn bên cạnh.	- HS nói: Mình tên là ..., mình thích đọc truyện/vẽ tranh/đá bóng.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em sẽ luyện nói và viết đoạn văn giới thiệu bản thân sao cho rõ ràng, lịch sự và an toàn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào hoạt động viết.
2. LUYỆN TẬP: NÓI LỜI GIỚI THIỆU BẢN THÂN - BÀI TẬP 1 (8 phút) Mục tiêu: Nói được lời giới thiệu bản thân dựa vào tranh và gợi ý. *Cách tiến hành:	
Bài tập 1: Quan sát tranh và đóng vai bạn nhỏ để giới thiệu về bạn ấy. 	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV cho HS quan sát tranh và đọc các bóng nói gợi ý trong SGK.	- HS quan sát tranh, nêu các thông tin cần giới thiệu: tên, ngày sinh, sở thích.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, đóng vai bạn nhỏ để giới thiệu.	- HS đóng vai: “Tớ tên là Mai. Tớ sinh ngày 29 tháng 7. Tớ thích múa ba lê.”
- GV gọi một số HS trình bày trước lớp, nhắc HS nói rõ ràng, nhìn vào người nghe, dùng lời chào phù hợp.	- HS trình bày trước lớp; HS khác nhận xét: bạn nói đủ ý, rõ ràng, tự tin.
3. LUYỆN TẬP: VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU BẢN THÂN - BÀI TẬP 2 (12 phút) Mục tiêu: Viết được đoạn văn ngắn, đúng trọng tâm, biết chọn thông tin phù hợp. Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn thông tin phù hợp khi giới thiệu về bản thân; không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, tài khoản hoặc dữ liệu riêng tư trên môi trường số. *Cách tiến hành:	
Bài tập 2: Viết một đoạn văn giới thiệu bản thân vào một tấm thẻ rồi trang trí thật đẹp.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV gợi ý các ý có thể viết: tên, tuổi hoặc lớp, sở thích, điều em làm tốt, mong muốn của em ở lớp học.	- HS nêu ý định viết: Em giới thiệu tên, lớp, sở thích đọc sách, mong muốn học tốt.
- GV yêu cầu HS viết cá nhân 4-5 câu vào vở hoặc phiếu thẻ.	- HS viết đoạn văn: “Mình tên là An. Mình học lớp 3. Mình thích đọc truyện và vẽ

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	tranh. Mình mong được làm quen với nhiều bạn.”
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Nếu tấm thẻ giới thiệu bản thân được chụp ảnh hoặc đăng trong nhóm lớp, em nên chọn thông tin nào và không nên viết thông tin nào?	- HS trả lời: Em nên viết tên, lớp, sở thích, môn học yêu thích; không viết địa chỉ nhà, số điện thoại, mặt khẩu hoặc tài khoản cá nhân.
- GV tích hợp NLS 4.2.CB1a: Khi giới thiệu bản thân, các em chỉ nên chia sẻ những thông tin phù hợp với học tập như tên, lớp, sở thích lành mạnh, môn học yêu thích, điều em muốn cố gắng. Các em không viết địa chỉ nhà, số điện thoại của bố mẹ, tài khoản mạng xã hội, mặt khẩu, lịch đi lại riêng hoặc hình ảnh riêng tư. Nếu cần gửi thẻ qua Zalo lớp, Google Classroom hoặc một công cụ số khác, HS phải nhờ thầy cô, cha mẹ kiểm tra trước, gửi đúng nhóm lớp, không gửi cho người lạ và biết bảo vệ dữ liệu riêng tư của mình.	- HS lắng nghe, nêu lại quy tắc: Chỉ chia sẻ thông tin cần thiết, gửi đúng nơi, không gửi cho người lạ.
4. LUYỆN TẬP: ĐỌC LẠI, SỬA LỖI VÀ ĐỌC MỞ RỘNG (8 phút) Mục tiêu: Biết sửa lỗi bài viết và thực hiện yêu cầu đọc mở rộng. *Cách tiến hành:	
Bài tập 3: Đọc lại đoạn văn em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV yêu cầu HS đổi bài cho bạn, góp ý theo 3 điểm: đủ ý, câu rõ, không có lỗi chính tả.	- HS đổi bài, góp ý: bạn cần thêm dấu chấm; bạn viết đủ ý; bạn nên viết hoa đầu câu.
- GV gọi 1-2 HS đọc đoạn văn đã sửa trước lớp.	- HS đọc bài viết đã sửa; HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV nhắc yêu cầu đọc mở rộng: Tìm đọc một số câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường.  2. Viết một đoạn văn giới thiệu bản thân vào một tấm thẻ rồi trang trí thật đẹp. 3. Đọc lại đoạn văn em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý, ...).  Tìm đọc một số câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường. A trưưưư	- HS đọc yêu cầu đọc mở rộng và ví dụ trong SGK.
- GV gợi ý HS ghi lại 1 câu đố em thích và chuẩn bị chia sẻ ở tiết sau.	- HS ghi nhớ: Em sẽ tìm câu đố về bút, vở, thước, cặp sách hoặc bảng.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) Mục tiêu: Nhắc lại cách giới thiệu bản thân an toàn và dặn dò chuẩn bị bài sau. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một điều em sẽ nhớ khi giới thiệu bản thân trước lớp hoặc trên môi trường số.	- HS nêu: Em nói rõ ràng, tự tin, giới thiệu thông tin phù hợp và không chia sẻ thông tin riêng tư.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV dẫn HS hoàn thiện tấm thẻ giới thiệu bản thân và chuẩn bị một câu đố về đồ dùng học tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3
TUẦN 8 - CHỦ ĐIỂM: CÔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ

BÀI 15: THƯ VIỆN
TIẾT 1, 2: ĐỌC VĂN BẢN - NÓI VÀ NGHE

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Thư viện; biết ngắt nghỉ phù hợp ở các câu dài, đọc đúng lời thoại của thầy hiệu trưởng.
- Nhận biết được các chi tiết nói về thư viện mới của trường, những điều thầy hiệu trưởng dặn học sinh và cảm xúc của các bạn khi có thư viện mới.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; nêu được mong muốn về thư viện em mơ ước.
- Nghe, dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại từng đoạn, kể lại toàn bộ câu chuyện Mặt trời mọc ở đằng... tây!.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị sách vở, đọc trước văn bản, mạnh dạn chia sẻ thói quen đọc sách của bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm chi tiết, kể chuyện theo tranh và nhận xét phần kể của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để nói về thư viện mơ ước và kể chuyện theo cách tự nhiên.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: có ý thức đọc sách, tìm hiểu sách phù hợp với lứa tuổi.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn sách, trả sách đúng nơi quy định, sử dụng thư viện văn minh.
- Nhân ái: biết chia sẻ sách hay, góc đọc tốt với bạn bè.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể gợi ý sách, truyện phù hợp lứa tuổi dưới sự hướng dẫn của GV; HS biết chọn lọc theo tiêu chí phù hợp độ tuổi, nội dung lành mạnh, nguồn đáng tin cậy, không tự tạo tài khoản và không cung cấp thông tin cá nhân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh thư viện và tranh kể chuyện cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu đọc hiểu.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, giới thiệu chủ điểm Cổng trường rộng mở và dẫn vào bài Thư viện.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV cho HS quan sát tranh chủ điểm Cổng trường rộng mở và hỏi: Bức tranh gợi cho em nhớ đến những hoạt động nào ở trường?	- HS quan sát tranh và nêu: Em thấy bạn nhỏ đến trường, sân trường, cây xanh, bạn bè, lớp học và những hoạt động vui ở trường.
- GV giới thiệu: Chủ điểm Cổng trường rộng mở đưa các em đến với những câu chuyện, bài thơ về trường lớp, thầy cô, bạn bè, thư viện và những hoạt động làm cho việc đi học thêm vui.	- HS lắng nghe, ghi nhớ tên chủ điểm Cổng trường rộng mở.
- GV yêu cầu HS giới thiệu với bạn về nơi đọc sách mà em yêu thích.	- HS trao đổi nhóm đôi: Em thích đọc sách ở thư viện, góc đọc sách của lớp, ở nhà, dưới gốc cây hoặc nơi yên tĩnh.
<p>- GV chốt và giới thiệu bài: Hôm nay chúng ta đọc bài Thư viện để biết các bạn nhỏ đã vui như thế nào khi trường có thư viện mới.</p> 	- HS lắng nghe, mở SGK bài Thư viện.
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (15 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS đọc đúng, hiểu nghĩa từ khó và bước đầu nắm nội dung văn bản.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV đọc mẫu văn bản Thư viện với giọng vui, rõ ràng; nhấn giọng ở các từ thể hiện sự thích thú: reo vui, điều tuyệt vời, thoải mái, hào hứng.	- HS nghe, theo dõi SGK, chú ý cách ngắt nghỉ và giọng đọc.
- GV hướng dẫn HS chia đoạn: đoạn 1 nói về việc phát hiện thư viện mới; đoạn 2 nói về lời dặn của thầy hiệu trưởng; đoạn 3 nói về niềm vui của học sinh khi vào thư viện.	- HS dùng bút chì đánh dấu đoạn vào SGK theo hướng dẫn.
- GV hướng dẫn đọc từ khó và câu dài: phát hiện, thư viện, thoải mái, mượn sách, tàu điện, đông đúc.	- HS luyện đọc cá nhân và đọc đồng thanh các từ khó.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV giải nghĩa từ tàu điện: một phương tiện giao thông công cộng, chạy bằng điện, chở nhiều người.	- HS nêu lại: Tàu điện là phương tiện giao thông công cộng chạy bằng điện, chở nhiều người.
- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm ba.	- HS trong nhóm ba đọc nối tiếp, bạn nghe và nhắc bạn đọc đúng từ, đúng câu.
- GV mời một số nhóm đọc trước lớp và nhận xét cách đọc.	- HS đọc trước lớp; các bạn nhận xét: bạn đọc rõ tiếng, biết ngắt nghỉ, giọng đọc vui.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) Mục tiêu: HS tìm được chi tiết trong văn bản, trả lời câu hỏi SGK và nêu được suy nghĩ cá nhân. Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể gợi ý sách, truyện phù hợp lứa tuổi dưới sự hướng dẫn của GV; biết chọn lọc thông tin và bảo vệ thông tin cá nhân. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu 1: Đến trường sau kì nghỉ, các bạn học sinh đã phát hiện ra điều gì tuyệt vời?	- HS trả lời: Các bạn phát hiện trường có một phòng thư viện mới, có rất nhiều giá sách đủ màu sắc, có bàn ghế để ngồi đọc ngay tại đó.
- GV nêu câu 2: Thầy hiệu trưởng đã dặn các bạn học sinh làm những việc gì?	- HS trả lời: Thầy dặn các bạn có thể đọc bất kì quyển sách nào ở thư viện, thoải mái vào thư viện, nếu muốn có thể mượn sách về nhà nhưng đọc xong phải trả lại, có sách hay thì mang đến thư viện.
- GV cho HS quan sát các thẻ nội dung trong SGK và yêu cầu chọn những việc đúng với lời dặn của thầy hiệu trưởng. 	- HS chọn các ý đúng: đọc sách theo lớp; thoải mái vào thư viện; mượn sách về đọc và trả lại; mang sách của mình đến thư viện; có thể đọc bất kì quyển sách nào.
- GV nêu câu 3: Vì sao bạn nhỏ thấy quang cảnh thư viện trông giống như một toa tàu điện đông đúc?	- HS trả lời: Vì các bạn học sinh háo hức kéo vào thư viện, người ngồi, người đứng đọc sách, ai cũng vui như những hành khách trên một toa tàu đông đúc.
- GV nêu câu 4: Các bạn học sinh cảm thấy thế nào khi có thư viện mới?	- HS trả lời: Các bạn rất vui, hào hứng, thích thú, ai cũng muốn vào thư viện đọc sách.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nêu câu 5: Nói về thư viện mà em mơ ước.	- HS trả lời: Em mơ ước có thư viện rộng, nhiều sách truyện thiếu nhi, có góc đọc yên tĩnh, bàn ghế sạch đẹp, cây xanh và các bạn cùng giữ gìn sách.
- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Khi muốn tìm thêm sách hay để đọc, ngoài hỏi cô giáo, bố mẹ, bạn bè, em có thể nhận gợi ý từ công cụ nào dưới sự hướng dẫn của người lớn?	- HS trả lời: Em có thể xem danh mục sách ở thư viện, hỏi cô thủ thư, hoặc quan sát cô dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên để gợi ý sách phù hợp.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV trình chiếu minh họa cách dùng ChatGPT/Gemini bằng tài khoản giáo viên với yêu cầu “Gợi ý 3 truyện phù hợp học sinh lớp 3 về trường học, tình bạn, thói quen đọc sách”. GV diễn giải: AI chỉ hỗ trợ gợi ý tên sách hoặc chủ đề sách để tham khảo, không thay cô thủ thư, thầy cô hoặc cha mẹ lựa chọn sách cho HS. Khi chọn sách, các em cần kiểm tra sách có phù hợp độ tuổi không, nội dung có lành mạnh không, nguồn giới thiệu có đáng tin cậy không, tên sách và tác giả có rõ ràng không; chỉ mượn hoặc đọc sách ở thư viện, lớp học, gia đình hoặc nguồn được người lớn hướng dẫn.	- HS quan sát, nêu tiêu chí chọn sách: sách phù hợp lứa tuổi, có nội dung tốt, không bạo lực, không đáng sợ, tên sách và tác giả rõ ràng, nên mượn ở thư viện hoặc nguồn được thầy cô, cha mẹ giới thiệu.
- GV nhắc tiếp: HS không tự tạo tài khoản, không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ nhà, số điện thoại, hình ảnh cá nhân hay thông tin riêng của gia đình vào công cụ AI. Khi thấy gợi ý chưa phù hợp, các em cần hỏi lại GV hoặc người lớn trước khi đọc hoặc chia sẻ với bạn.	- HS cam kết: Em chỉ dùng công cụ số khi có người lớn hướng dẫn; em không chia sẻ thông tin cá nhân khi tìm gợi ý sách.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị kể chuyện. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Thư viện mới của trường trong bài có điều gì làm các bạn học sinh thích thú?	- HS trả lời: Thư viện có nhiều giá sách đủ màu sắc, có bàn ghế để đọc sách, các bạn được đọc và mượn sách.
- GV dẫn vào tiết học: Tiết này, các em nghe và kể lại câu chuyện Mặt trời mọc ở đằng... tây! theo tranh.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.
2. Luyện tập - Nói và nghe: Kể chuyện Mặt trời mọc ở đằng... tây! (27 phút) Mục tiêu: HS nghe hiểu câu chuyện, kể lại được từng đoạn theo tranh, biết nhận xét và lắng nghe bạn kể. *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV cho HS quan sát 4 tranh và hỏi: Mỗi tranh đang thể hiện sự việc gì?</p> <p>Một trời mọc ở đằng... tây!</p> <p>(Theo Chuyện làng văn)</p>  <p>Thầy giáo yêu cầu học sinh điều gì?</p> <p>Cậu học trò này đã đọc câu thơ như thế nào?</p> <p>Thầy giáo yêu cầu Pu-skin điều gì?</p> <p>Em hãy đọc 3 câu thơ của Pu-skin.</p> <p>2. Kể lại câu chuyện.</p>	<p>- HS quan sát, trả lời: Tranh 1 thầy giáo yêu cầu; tranh 2 bạn học trò đọc câu thơ về mặt trời; tranh 3 thầy hỏi Pu-skin; tranh 4 Pu-skin đọc thơ khiến mọi người ngạc nhiên.</p>
<p>- GV kể câu chuyện lần 1 với giọng chậm rãi, rõ diễn biến.</p>	<p>- HS nghe, ghi nhớ nhân vật và các sự việc chính.</p>
<p>- GV kể lần 2, dừng ở từng tranh và đặt câu hỏi: Thầy giáo yêu cầu học sinh điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Thầy yêu cầu học sinh làm thơ theo chủ đề thầy đưa ra.</p>
<p>- GV hỏi: Cậu học trò đã đọc câu thơ như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cậu đọc câu thơ lạ: Mặt trời mọc ở đằng... tây.</p>
<p>- GV hỏi: Thầy giáo yêu cầu Pu-skin điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Thầy yêu cầu Pu-skin đọc tiếp 3 câu thơ để hoàn chỉnh ý thơ của bạn.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm bốn, mỗi bạn kể một tranh; sau đó ghép lại thành câu chuyện hoàn chỉnh.</p>	<p>- HS kể trong nhóm bốn, bạn nghe góp ý: kể đúng thứ tự, nói rõ ràng, không bỏ ý chính.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm kể trước lớp.</p>	<p>- HS kể trước lớp; các bạn nhận xét về nội dung, giọng kể, thái độ tự tin.</p>
<p>- GV kết luận: Câu chuyện cho thấy sự nhanh trí và khả năng ứng khẩu của Pu-skin; khi học tập, các em cần bình tĩnh, tự tin và biết vận dụng điều đã học.</p>	<p>- HS lắng nghe, nêu bài học: Em cần chăm đọc, chăm viết, mạnh dạn suy nghĩ sáng tạo.</p>
<p>3. Vận dụng (5 phút) Mục tiêu: HS liên hệ việc đọc sách và chia sẻ sách với bạn. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm để thư viện lớp, thư viện trường trở nên thân thiện hơn.</p>	<p>- HS nêu: Em sẽ xếp sách gọn gàng, trả sách đúng chỗ, giữ sách sạch, giới thiệu sách hay cho bạn, không vẽ vào sách.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV dẫn dò: Về nhà kể lại câu chuyện Mặt trời mọc ở đằng... tây! cho người thân nghe và chuẩn bị tiết Viết.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 15: THƯ VIỆN

TIẾT 3: VIẾT - NGHE VIẾT: THƯ VIỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng đoạn văn trong bài Thư viện; trình bày sạch đẹp, đúng chính tả.
- Làm đúng các bài tập phân biệt ch/tr, d/dang; mở rộng vốn từ qua các tiếng ghép phù hợp.
- Biết tự soát lỗi, sửa lỗi và chia sẻ cách ghi nhớ chính tả với bạn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị vở viết, chủ động nghe - viết và tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi khi làm bài tập chính tả, góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng quy tắc chính tả để chọn tiếng, từ phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, nắn nót.
- Trung thực: tự kiểm tra và sửa lỗi thật đúng.
- Trách nhiệm: giữ gìn sách vở, hình thành thói quen đọc sách phù hợp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết giữ gìn sách vở, yêu quý thư viện và có ý thức đọc sách phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng phụ ghi đoạn nghe - viết, tranh/bài tập chính tả cắt từ SGK, thẻ tiếng chân/trên, dân/dâng.
- HS: Vở ô ly, SGK, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ nội dung bài đọc và tạo tâm thế nghe - viết. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Sau khi học bài Thư viện, em nhớ nhất điều gì về thư viện mới của trường?	- HS trả lời: Em nhớ thư viện có nhiều sách, các bạn được đọc sách thoải mái, mượn sách về nhà và mang sách hay đến thư viện.
- GV kết nối: Trong tiết học này, chúng ta sẽ nghe - viết một đoạn của bài Thư viện và luyện tập một số tiếng dễ nhầm.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (22 phút) Mục tiêu: HS nắm nội dung đoạn viết, viết đúng từ khó, nghe - viết đúng đoạn văn và biết tự soát lỗi. Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết giữ gìn sách vở, yêu quý thư viện và có ý thức đọc sách phù hợp. *Cách tiến hành:	
- GV đọc đoạn cần viết: từ “Đây là thư viện của các em” đến “hãy mang đến đây”.	- HS nghe, theo dõi SGK và nêu nội dung đoạn viết: lời thầy hiệu trưởng dặn học sinh sử dụng thư viện.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hỏi: Trong đoạn viết, những chữ nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Chữ đầu câu cần viết hoa; nếu có tên riêng thì viết hoa chữ cái đầu của tên riêng.
- GV hướng dẫn HS viết từ khó: thư viện, quyển sách, mượn sách, trả lại, mang đến.	- HS viết bảng con các từ khó, sửa lỗi nếu viết chưa đúng.
- GV nhắc tư thế ngồi viết, cách đặt vở, cách cầm bút và giữ khoảng cách mắt với vở.	- HS ngồi đúng tư thế, đặt vở ngay ngắn, chuẩn bị nghe viết.
- GV đọc từng cụm từ, từng câu với tốc độ vừa phải.	- HS nghe và viết vào vở ô ly, viết đúng chính tả, đúng dấu câu.
- GV đọc lại toàn đoạn để HS soát bài.	- HS dùng bút chì soát lại bài, phát hiện lỗi viết thiếu chữ, sai dấu thanh hoặc sai phụ âm đầu.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn bên cạnh để rà soát lỗi theo hướng dẫn.	- HS đổi vở, gạch chân lỗi bằng bút chì nhẹ và trao đổi cách sửa với bạn.
- GV hỏi dẫn tích hợp đạo đức, lối sống: Khi mượn sách của thư viện hoặc của bạn, em cần làm gì để thể hiện sự cẩn thận và trách nhiệm?	- HS trả lời: Em cần giữ sách sạch, không làm rách, không vẽ vào sách, đọc xong trả đúng hạn, nếu lỡ làm hỏng phải báo cô hoặc cô thủ thư.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhấn mạnh: Viết chính tả cũng giống như giữ gìn sách vở, các em cần cẩn thận từng chữ, trung thực khi soát lỗi và sửa lỗi. Người biết yêu sách là người biết giữ sách sạch, viết vở sạch và trân trọng công sức của người viết sách. Khi phát hiện lỗi, các em cần sửa đúng, không giấu lỗi, biết giữ gìn vở và sách thư viện sạch đẹp.	- HS lắng nghe, tự nhắc mình viết cẩn thận, biết sửa lỗi và giữ gìn sách vở.
3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút) Mục tiêu: HS làm đúng bài tập phân biệt tiếng dễ nhầm. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: Ghép các tiếng phù hợp với chân hoặc trân để tạo từ.  <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe – viết: Thư viện (từ Đây là thư viện của các em đến hãy mang đến đây). 2. Ghép các tiếng phù hợp với chân hoặc trân để tạo từ. 3. Làm bài tập a hoặc b. a. Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông. Bài hát tôi trường	- HS làm bài: chân thành, chân lí, chân dung, chân tình, trân trọng.
- GV mời HS giải thích nghĩa một số từ vừa ghép được.	- HS giải thích: chân thành là thật lòng; trân trọng là quý mến, coi trọng.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- Bài tập 3a: Chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông trong đoạn thơ Bài hát tới trường.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="background-color: #ffffcc; padding: 5px;"> <p>Ta đi học nhẹ Áo quần sạch sẽ Bầu trời xanh.</p> <p>Giữ gìn bàn ăn Đừng quên đôi dép. Giữ gương mặt đẹp Nhớ đừng giận nhau.</p> </div> <div style="background-color: #ffffcc; padding: 5px;"> <p>Đôi mắt thì ngắn Thời giờ nghiêm lắm đáng thích rong chơi.</p> <p>Nhưng má bạn ơi Xin đừng lầy với Cả đoàn cô đội Tới trường cùng nhau.</p> <p>(Theo Nguyễn Trọng Tạo)</p> </div> </div> <p>b. Ghép các tiếng phù hợp với dân hoặc dăng để tạo từ.</p> <div style="display: flex; justify-content: center; align-items: center; gap: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px;">trào</div> <div style="background-color: yellow; border: 1px solid black; padding: 5px;">dân</div> <div style="background-color: lightgreen; border: 1px solid black; padding: 5px;">dăng</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px;">cư</div> </div>	<p>- HS chọn đúng các tiếng có ch/tr theo yêu cầu, đọc lại đoạn thơ sau khi hoàn thành.</p>
<p>- Bài tập 3b: Ghép các tiếng phù hợp với dân hoặc dăng để tạo từ.</p>	<p>- HS làm bài: dân tộc, dân cư, dân số; dăng trào, dăng hiến.</p>
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (2 phút) Mục tiêu: HS củng cố bài học và chuẩn bị bài sau. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu một mẹo để viết đúng các tiếng dễ nhầm vừa học.</p>	<p>- HS nêu: Em đọc kĩ tiếng, hiểu nghĩa của từ, viết xong kiểm tra lại bằng cách đọc cả câu.</p>
<p>- GV dẫn HS về nhà đọc lại bài Thư viện và chuẩn bị bài Ngày em vào Đội.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 16: NGÀY EM VÀO ĐỘI

TIẾT 1, 2: ĐỌC VĂN BẢN - ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Ngày em vào Đội; biết ngắt nhịp thơ và thể hiện giọng đọc trang trọng, vui tươi.
- Hiểu được hình ảnh chiếc khăn quàng đỏ, niềm vui, ước mơ và lời nhắn nhủ của người chị dành cho em khi vào Đội.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; học thuộc lòng một số khổ thơ theo yêu cầu.
- Thực hiện đọc mở rộng: đọc câu đố về đồ dùng học tập hoặc đồ vật ở trường, viết phiếu đọc sách và chia sẻ với bạn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, chuẩn bị bài đọc mở rộng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm khi tìm hình ảnh thơ, chia sẻ câu đố và lắng nghe bạn giải đố.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: suy nghĩ để giải câu đố, nêu được việc làm phấn đấu trở thành đội viên tốt.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: biết tự hào về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và truyền thống thiếu nhi Việt Nam.
- Chăm chỉ: cố gắng học tập, rèn luyện để xứng đáng là đội viên.
- Trách nhiệm: biết đoàn kết, giúp đỡ bạn, giữ gìn nề nếp trường lớp.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS hiểu được vào Đội là niềm tự hào của thiếu nhi; biết phấn đấu học tập, rèn luyện, đoàn kết, làm việc tốt để xứng đáng là đội viên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh lễ kết nạp Đội và phiếu đọc sách cắt từ SGK, khăn quàng đỏ, thẻ câu hỏi.
- HS: SGK, vở ghi, sách/câu đố đã chuẩn bị, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối chủ điểm Công trường rộng mở với hoạt động Đội ở trường. *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV cho HS quan sát tranh bài Ngày em vào Đoàn và hỏi: Theo em, các bạn học sinh cần phấn đấu như thế nào để được kết nạp vào Đoàn?</p> 	<p>- HS trả lời: Các bạn cần chăm học, ngoan ngoãn, đoàn kết, giúp đỡ bạn, tham gia việc tốt, thực hiện tốt nội quy trường lớp.</p>
<p>- GV giới thiệu: Trong chủ điểm Công trường rộng mở, chúng ta không chỉ gặp thư viện, lớp học mà còn gặp những hoạt động giúp học sinh trưởng thành, trong đó có việc phấn đấu vào Đoàn.</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại tên bài: Ngày em vào Đoàn.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (15 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ, hiểu từ ngữ và giọng đọc. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu bài thơ với giọng vui, trang trọng, thể hiện niềm tự hào khi được vào Đoàn.</p>	<p>- HS nghe, theo dõi SGK, chú ý cách ngắt nhịp thơ.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ: Đoàn, Đội, tuổi thiếu niên, khao khát, bến xa.</p>	<p>- HS luyện đọc cá nhân, đọc đồng thanh các từ khó.</p>
<p>- GV giải nghĩa từ Đoàn, Đội, khao khát theo chú thích trong SGK.</p>	<p>- HS nêu lại: Đoàn là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội là Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; khao khát là mong muốn tha thiết.</p>
<p>- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo nhóm, bạn nghe và góp ý cách ngắt nhịp, phát âm.</p>
<p>- GV mời một số HS đọc trước lớp.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; các bạn nhận xét: bạn đọc rõ ràng, giọng vui, biết nhấn giọng ở hình ảnh đẹp.</p>
<p>3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) Mục tiêu: HS trả lời câu hỏi SGK, cảm nhận được ý nghĩa của bài thơ.</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Mục tiêu tích hợp: HS hiểu vào Đội là niềm tự hào của thiếu nhi; biết phấn đấu học tập, rèn luyện, đoàn kết, làm việc tốt để xứng đáng là đội viên. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu 1: Người chị muốn nói gì với em của mình qua hai dòng thơ “Màu khăn đỏ đất em/ Bước qua thời thơ ấu”? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác.	- HS trả lời: Em chọn ý b. Em sẽ trưởng thành hơn khi được kết nạp vào Đội.
- GV nêu câu 2: Chi tiết nào cho thấy chiếc khăn quàng đỏ gắn bó thân thương với người đội viên?	- HS trả lời: Chi tiết “Màu khăn tuổi thiếu niên/ Suốt đời tươi thắm mãi/ Như lời ru vơi vơi/ Chẳng bao giờ cách xa” cho thấy chiếc khăn quàng đỏ rất thân thương với đội viên.
- GV nêu câu 3: Người chị đã chia sẻ với em niềm vui, mơ ước của người đội viên qua những hình ảnh nào?	- HS trả lời: Qua hình ảnh “một trời xanh vãn đời”, “cánh buồm là tiếng gọi”, “mặt biển và dòng sông”, “nắng vườn trưa mênh mông”, “bướm bay như lời hát”.
- GV nêu câu 4: Theo em, bạn nhỏ cảm nhận được điều gì qua lời nhắn nhủ của chị ở khổ thơ cuối?	- HS trả lời: Bạn nhỏ hiểu rằng vào Đội là bước trưởng thành, phía trước có nhiều ước mơ rộng mở; bạn cần cố gắng học tập, rèn luyện, yêu quê hương đất nước.
- GV hỏi dẫn tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Từ bài thơ, em thấy mình cần làm gì mỗi ngày để xứng đáng trở thành đội viên trong tương lai?	- HS trả lời: Em cần học tập chăm chỉ, lễ phép với thầy cô, đoàn kết với bạn, giữ gìn vệ sinh, làm việc tốt, trung thực và có trách nhiệm.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Chiếc khăn quàng đỏ không chỉ là một đồ vật đẹp mà còn nhắc thiếu nhi biết sống có mục tiêu, biết yêu trường lớp, yêu quê hương, biết phấn đấu từ những việc nhỏ. Mỗi điểm tốt, mỗi lần giúp bạn, mỗi việc giữ gìn lớp học sạch đẹp đều là cách các em rèn luyện để trưởng thành, tự hào về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và truyền thống thiếu nhi Việt Nam.	- HS lắng nghe, nêu một việc làm cụ thể: Em sẽ giúp bạn học bài, giữ trật tự khi học, chăm đọc sách, tham gia trực nhật, chào hỏi lễ phép.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung bài thơ và chuẩn bị luyện đọc, đọc mở rộng. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Chiếc khăn quàng đỏ gợi cho em niềm tự hào gì?	- HS trả lời: Chiếc khăn quàng đỏ gợi niềm tự hào khi được vào Đội và nhắc em phải chăm ngoan, học tốt.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV dẫn vào tiết học: Tiết này, các em luyện đọc thuộc lòng một số khổ thơ và thực hiện đọc mở rộng về câu đố đồ dùng học tập.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK và phiếu đọc sách.
2. Luyện đọc lại - Học thuộc lòng (8 phút) Mục tiêu: HS đọc diễn cảm và học thuộc một số khổ thơ. *Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc khổ thơ 2, 3, 4; chú ý nhấn giọng ở các hình ảnh đẹp.	- HS luyện đọc cá nhân, đọc theo nhóm đôi và đọc trước lớp.
- GV tổ chức cho HS học thuộc lòng khổ thơ 2, 3, 4 theo hình thức che dần từ.	- HS đọc thuộc từng khổ thơ, hỗ trợ bạn nếu bạn quên câu.
3. Đọc mở rộng (22 phút) Mục tiêu: HS biết đọc câu đố, ghi phiếu đọc sách và chia sẻ với bạn. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát phiếu đọc sách trong SGK và nêu yêu cầu: Đọc các câu đố về đồ dùng học tập hoặc đồ vật ở trường, viết phiếu đọc sách theo mẫu. 	- HS quan sát phiếu đọc sách, xác định thông tin cần ghi: ngày đọc, số câu đố đã đọc, các đồ vật được nói đến, câu đố dễ đoán nhất, câu đố khó đoán nhất, mức độ yêu thích.
- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn các câu đố em tìm được và cùng bạn giải câu đố.	- HS chia sẻ câu đố, lắng nghe bạn giải, nói rõ đáp án và lí do chọn đáp án.
- GV mời một số nhóm trình bày câu đố thú vị trước lớp.	- HS trình bày, các bạn đoán đáp án, nhận xét cách đọc câu đố của bạn.
4. Vận dụng (2 phút) Mục tiêu: HS liên hệ việc rèn luyện và đọc mở rộng. *Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà đọc thêm câu đố về đồ dùng học tập hoặc đồ vật ở trường, chuẩn bị tiết Luyện tập.	- HS ghi nhớ và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 16: NGÀY EM VÀO ĐỘI**TIẾT 3: LUYỆN TẬP - MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ THƯ VIỆN. CÂU CẢM****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Xếp được các từ ngữ về thư viện vào nhóm phù hợp: người, đồ vật, hoạt động.
- Nhận biết được câu cảm, tác dụng của từ ngữ biểu thị cảm xúc và dấu chấm than.
- Chuyển được câu kể thành câu cảm theo mẫu; biết dùng câu cảm phù hợp trong giao tiếp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động làm bài, kiểm tra đáp án của bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm khi phân loại từ và đặt câu cảm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn từ ngữ thể hiện cảm xúc phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập và hoàn thành bài.
- Trách nhiệm: sử dụng ngôn ngữ lịch sự, phù hợp nơi công cộng như thư viện.
- Nhân ái: biết khen ngợi, cổ vũ bạn bằng lời nói tích cực.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết dùng câu cảm phù hợp để bày tỏ niềm vui, sự tự hào; biết lắng nghe, cổ vũ bạn và trao đổi ý kiến lịch sự.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng phân loại từ, thẻ từ, tranh bài tập cắt từ SGK.
- HS: SGK, Vở bài tập Tiếng Việt, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung bài đọc và dẫn vào phần luyện tập. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi đến thư viện, em thường gặp những ai, thấy những đồ vật gì và làm những hoạt động nào?	- HS trả lời: Em gặp cô thủ thư, bạn đọc; thấy sách, báo, giá sách, thẻ thư viện; em tìm sách, mượn sách, đọc sách, trả sách.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em mở rộng vốn từ về thư viện và luyện dùng câu cảm để thể hiện cảm xúc đúng lúc, đúng nơi.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK và vở bài tập.
2. LUYỆN TẬP: MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ THƯ VIỆN (12 phút) Mục tiêu: HS phân loại đúng từ ngữ theo nhóm. *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- Bài tập 1: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp: người, đồ vật, hoạt động.</p> <p>LUYỆN TẬP</p> <p>1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> <p>tìm sách thẻ thư viện phiếu mượn sách sách mượn giá sách người mượn người đọc báo thủ thư đọc trả</p> <p>Người Đồ vật Hoạt động</p> <p>2. Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau?</p> <p>A: "Hôm nay chúng tôi chơi vui." Cầu đến muốn. Cầu đi đôi giày này đẹp.</p> <p>B: "Hôm nay chúng tôi chơi vui lắm!" Cầu đến muốn thế! Cầu đi đôi giày này đẹp quá!</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và xác định ba nhóm cần xếp.</p>
<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm bốn, mỗi nhóm dùng thẻ từ để xếp vào bảng.</p>	<p>- HS xếp từ: Người: thủ thư, người đọc, người mượn. Đồ vật: thẻ thư viện, phiếu mượn sách, sách, báo, giá sách. Hoạt động: tìm sách, mượn, đọc, trả.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày và giải thích cách xếp.</p>	<p>- HS trình bày: Em xếp “thủ thư” vào nhóm người vì đó là người quản lý thư viện; xếp “mượn” vào nhóm hoạt động vì đó là việc làm.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: CÂU CẢM (15 phút) Mục tiêu: HS nhận biết và sử dụng câu cảm phù hợp. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng câu cảm phù hợp để bày tỏ niềm vui, sự tự hào; biết lắng nghe, cổ vũ bạn và trao đổi ý kiến lịch sự. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau?</p> <p></p> <p>3. Những từ in đậm ở bài tập 2 bổ sung điều gì cho câu?</p> <p>Cảm xúc của người nói Mong muốn của người nói Nội dung kể, tả, giới thiệu</p> <p>4. Chuyển các câu dưới đây thành câu cảm (theo mẫu). M: Quyển từ điển này hữu ích. → Quyển từ điển này hữu ích quá! a. Bạn ấy đọc nhiều sách. b. Thư viện trường mình rộng. c. Thư viện đóng cửa muộn.</p>	<p>- HS trả lời: Tranh B có câu thể hiện cảm xúc rõ hơn, có từ “quá” và dùng dấu chấm than; tranh A nói bình thường hơn.</p>
<p>- Bài tập 3: Những từ in đậm ở bài tập 2 bổ sung điều gì cho câu?</p>	<p>- HS trả lời: Những từ in đậm bổ sung cảm xúc của người nói.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp KNS: Khi khen bạn, khen sách hay hoặc bày tỏ niềm vui trong thư viện, em cần nói thế nào để lịch sự?</p>	<p>- HS trả lời: Em nói vừa đủ nghe, dùng lời khen nhẹ nhàng, không hét to, không làm ồn trong thư viện.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- Tích hợp KNS: GV diễn giải: Câu cảm giúp chúng ta bày tỏ cảm xúc như vui, thích thú, ngạc nhiên, tự hào. Tuy nhiên, khi giao tiếp ở lớp học, thư viện hoặc nơi công cộng, các em cần dùng câu cảm đúng mực, âm lượng vừa phải, lời nói tích cực để người nghe cảm thấy được tôn trọng. Khi góp ý hoặc cổ vũ bạn, các em nên dùng lời thân thiện, không nói quá to, không chê bai, biết lắng nghe và phản hồi lịch sự.	- HS lắng nghe, nêu ví dụ: “Quyển sách này hay quá!”, “Thư viện trường mình rộng thật!”, “Bạn kể chuyện hấp dẫn quá!”.
- Bài tập 4: Chuyển các câu dưới đây thành câu cảm theo mẫu.	- HS làm bài: a. Quyển từ điển này hữu ích quá! b. Bạn ấy đọc nhiều sách thật! c. Thư viện trường mình rộng quá! d. Thư viện đông người mượn sách quá!
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) Mục tiêu: HS vận dụng câu cảm vào tình huống giao tiếp. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một câu cảm phù hợp khi bạn giới thiệu được một quyển sách hay.	- HS nói: “Quyển sách bạn giới thiệu thú vị quá!” hoặc “Bạn đọc sách chăm chỉ thật!”.
- GV dặn HS tìm thêm 3 từ ngữ về thư viện và đặt một câu cảm với một từ em tìm được.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 16: NGÀY EM VÀO ĐỘI TIẾT 4: LUYỆN TẬP - VIẾT THÔNG BÁO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc và nhận biết được các phần của một bản thông báo: tiêu đề, nội dung, người viết.
- Nêu được các thông tin quan trọng trong thông báo: thời gian, nơi đăng kí, nơi tìm hiểu thông tin, thời hạn đăng kí.
- Viết được một thông báo ngắn theo yêu cầu, biết đọc lại và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lập dàn ý và viết thông báo theo mẫu.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi, góp ý bài viết với bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn thông tin cần thiết, trình bày rõ ràng, đúng mục đích.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: viết thông báo chính xác, không làm sai lệch thông tin.
- Trung thực: không tự ý bịa thời gian, địa điểm hoặc tên người phụ trách.
- Chăm chỉ: đọc lại, chỉnh sửa bài viết trước khi hoàn thành.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.2.CB1a: HS biết có thể dùng công cụ số đơn giản do GV hướng dẫn để chia sẻ thông báo tới bạn bè, thầy cô; trình bày thông tin rõ ràng, đúng mục đích, không chia sẻ thông tin cá nhân không cần thiết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu thông báo cắt từ SGK, phiếu lập dàn ý thông báo, máy tính/tivi, bảng phụ.
- HS: SGK, vở viết, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ chức năng của thông báo trong đời sống học đường. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi lớp có một hoạt động mới như câu lạc bộ, cuộc thi, buổi lao động, vì sao chúng ta cần viết thông báo?	- HS trả lời: Cần viết thông báo để mọi người biết thời gian, địa điểm, nội dung, cách đăng kí và người phụ trách.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em học cách đọc, nhận biết và viết một bản thông báo ngắn, rõ ràng.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Viết thông báo.
2. KHÁM PHÁ - NHẬN BIẾT CÁC PHẦN CỦA THÔNG BÁO (12 phút) Mục tiêu: HS đọc mẫu thông báo và xác định thông tin chính. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Đọc thông báo dưới đây và thực hiện các yêu cầu. 	- HS đọc thầm thông báo thành lập Câu lạc bộ Cờ vua trong SGK.
- GV yêu cầu HS sắp xếp các phần của bản thông báo theo thứ tự.	- HS trả lời: Thứ tự là Tiêu đề - Nội dung - Người viết.
- GV hỏi: Thông báo cho biết câu lạc bộ được thành lập vào thời gian nào?	- HS trả lời: Câu lạc bộ Cờ vua được thành lập ngày 15/10/2022.
- GV hỏi: Học sinh đăng kí tham gia ở đâu và trong thời hạn nào?	- HS trả lời: Học sinh đăng kí tại văn phòng nhà trường; thời hạn đăng kí từ 01/10/2022 đến 10/10/2022.
- GV hỏi: Người viết thông báo là ai?	- HS trả lời: Người viết thông báo là Tổng phụ trách Nguyễn Linh Lan.
3. LUYỆN TẬP: VIẾT THÔNG BÁO VÀ CHIA SẺ THÔNG BÁO AN TOÀN (17 phút) Mục tiêu: HS viết được thông báo ngắn theo yêu cầu, biết đọc lại và sửa lỗi. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng công cụ số đơn giản do GV hướng dẫn để chia sẻ thông báo đúng mục đích, không chia sẻ thông tin cá nhân không cần thiết. *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS 2.2.CB1a: Nếu thông báo của lớp cần gửi nhanh cho các bạn và phụ huynh, cô giáo có thể dùng những công cụ số nào?	- HS trả lời: Cô có thể dùng Word hoặc Google Docs để soạn, dùng nhóm lớp do giáo viên quản lí, Padlet hoặc bảng tin điện tử của lớp để chia sẻ.
- Tích hợp NLS 2.2.CB1a: GV diễn giải: Khi dùng công cụ số để chia sẻ thông báo, nội dung phải ngắn gọn, đúng sự thật, có thời gian, địa điểm, người phụ trách, hạn đăng kí rõ ràng. HS lớp 3 không tự ý đăng thông báo lên mạng; nếu cần chia sẻ, phải có GV hoặc cha mẹ hướng dẫn. Thông tin trong thông báo chỉ phục vụ mục đích học tập, sinh hoạt lớp, không viết hoặc đăng thông tin riêng tư của bạn bè khi chưa được phép.	- HS nêu quy tắc: Em không tự ý đăng thông báo; em kiểm tra thời gian, địa điểm; em không viết thông tin riêng như số điện thoại, địa chỉ nhà của bạn nếu không được phép.
- GV nhắc: Với thông báo tham gia hoạt động, chỉ ghi những thông tin cần thiết; không chụp ảnh thẻ học sinh, số điện thoại cá nhân hoặc địa chỉ nhà đưa vào thông báo công khai. Trước khi gửi thông báo qua nhóm lớp hoặc bảng tin điện tử, các em cần nhờ GV/người lớn kiểm tra lại nội dung.	- HS cam kết: Em chỉ ghi thông tin cần thiết và hỏi cô khi chưa chắc thông tin nào được chia sẻ.
- Bài tập 2: Viết một thông báo của lớp về việc đăng kí tham gia một cuộc thi cấp trường.	- HS đọc yêu cầu và xác định thông tin cần có: cuộc thi tổ chức khi nào, ở đâu, ai được đăng kí, thời hạn và cách đăng kí.
- GV gợi ý tình huống: Lớp 3A thông báo đăng kí tham gia cuộc thi Cờ vua cấp trường hoặc thi kéo co, bơi lội.	- HS chọn một cuộc thi và lập nhanh các ý chính vào nháp.
- GV yêu cầu HS viết thông báo vào vở theo cấu trúc: tiêu đề, nội dung, người viết.	- HS viết thông báo 5 - 7 câu, trình bày rõ ràng, đúng thứ tự thông tin.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV đưa mẫu tham khảo: THÔNG BÁO ĐĂNG KÍ THAM GIA CUỘC THI CỜ VUA CẤP TRƯỜNG. Lớp 3A thông báo đến các bạn học sinh có năng khiếu và yêu thích cờ vua đăng kí tham gia cuộc thi Cờ vua cấp trường. Cuộc thi tổ chức vào sáng thứ Sáu, ngày ... tại phòng đa năng. Các bạn đăng kí với lớp trưởng trước ngày ... Người viết: Lớp trưởng ...</p> 	<p>- HS đối chiếu bài viết của mình với mẫu, bổ sung thông tin còn thiếu nếu cần.</p>
<p>- Bài tập 3: Đọc lại thông báo em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi.</p>	<p>- HS đọc lại bài, kiểm tra lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý, thiếu thời gian, thiếu địa điểm hoặc thiếu người viết.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS đọc thông báo trước lớp.</p>	<p>- HS đọc bài; các bạn góp ý: thông báo đã có tiêu đề chưa, nội dung đủ chưa, thời hạn rõ chưa, câu viết có dễ hiểu không.</p>
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (2 phút) Mục tiêu: HS liên hệ việc viết thông báo trong thực tế. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu một tình huống ở lớp cần viết thông báo.</p>	<p>- HS nêu: Thông báo đăng kí câu lạc bộ, thông báo thi văn nghệ, thông báo đổi lịch sinh hoạt, thông báo mượn sách thư viện.</p>
<p>- GV dặn HS tìm đọc thêm một số thông báo ở trường hoặc địa phương, chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 TUẦN 9 - ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I TIẾT 1, 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Cùng cố kĩ năng đọc hiểu qua việc đoán tên bài đọc, chọn đọc một bài đã học và chia sẻ điều em thích nhất trong bài đọc.
- Ôn tập vốn từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; biết tìm từ theo yêu cầu và đặt câu với từ tìm được.
- Ôn tập cách dùng dấu câu phù hợp trong đoạn văn; bước đầu biết giải thích lựa chọn của mình.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động nhớ lại các bài đọc đã học ở chủ điểm Những trải nghiệm thú vị và Cổng trường rộng mở.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi đoán tên bài đọc, tìm từ, đặt câu, sửa lỗi dấu câu.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ phù hợp, diễn đạt câu rõ ý khi hoàn thành các nhiệm vụ ôn tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc lại bài, nhớ lại kiến thức đã học.
- Trung thực: tự làm bài, tự soát kết quả, không chép đáp án của bạn.
- Trách nhiệm: giữ gìn sách vở, tham gia hoạt động nhóm đúng nhiệm vụ.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: HS biết tìm kiếm, quan sát thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi; biết dùng công cụ số đơn giản để trình bày, chia sẻ kết quả đọc - nói - nghe.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS nhận thức con người cần kiểm tra kết quả do máy tính/AI đưa ra; biết đối chiếu với kiến thức đã học trước khi sửa bài hoặc dùng kết quả gợi ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

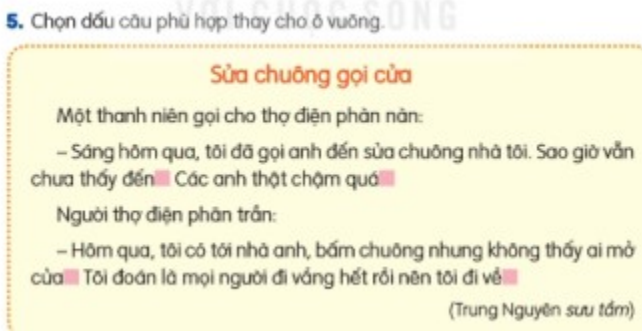
- GV: Máy tính/tivi, tranh và bài tập cắt từ SGK trang ôn tập, thẻ từ, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo tâm thế ôn tập, gợi nhớ các bài đọc đã học trong nửa đầu học kì I.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS kể nhanh tên một bài đọc hoặc bài thơ em nhớ nhất từ đầu năm học đến nay.	- HS nối tiếp nêu: Ngày gặp lại, Về thăm quê, Cánh rừng trong nắng, Tập nấu ăn, Thư viện, Ngày em vào Đội,...
- GV hỏi: Khi ôn tập giữa học kì, chúng ta cần chú ý những nội dung nào?	- HS trả lời: Cần ôn đọc hiểu, từ ngữ, đặt câu, dấu câu, viết đoạn và cách trình bày bài sạch đẹp.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em sẽ ôn lại các bài đọc, luyện tìm từ, đặt câu và dùng dấu câu qua những bài tập trong SGK.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Ôn tập giữa học kì I - Tiết 1, 2.
2. ÔN TẬP ĐỌC HIỂU - ĐOÁN TÊN BÀI ĐỌC (15 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận ra bài đọc qua tranh và câu gợi ý, nhớ nội dung chính của bài.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- Bài tập 1: Đoán tên bài đọc.</p> <p>ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1</p> <p>TIẾT 1 - 2</p> <p>1. Đoán tên bài đọc.</p>  <p>a. Mùa hè thật sung sướng, có nắng, có kem.</p> <p>b. Bạn nhỏ chia sẻ cách làm món trứng đúc thịt.</p> <p>c. Các bạn nhỏ đến trường sau kì nghỉ hè.</p> <p>d. Có người thích giải toán bằng thơ.</p>	<p>- HS quan sát tranh, đọc các câu gợi ý và đoán tên bài đọc tương ứng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: đọc từng gợi ý a, b, c, d, e, g và nói tên bài đọc.</p>	<p>- HS trao đổi: a. Mùa hè lấp lánh; b. Tập nấu ăn; c. Thư viện; d. Lời giải toán đặc biệt; e. Bàn tay cô giáo; g. Cuộc họp của chữ viết.</p>
<p>- GV mời một số nhóm nêu kết quả trước lớp.</p>	<p>- HS trình bày; các nhóm khác nghe, bổ sung nếu có đáp án khác.</p>
<p>- GV nhận xét và hỏi: Em dựa vào chi tiết nào để nhận ra bài đọc?</p>	<p>- HS nêu: Em dựa vào tranh, tên nhân vật, sự việc chính, đồ vật xuất hiện trong tranh hoặc câu gợi ý dưới tranh.</p>
<p>3. CHIA SẺ BÀI ĐỌC EM THÍCH (8 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết nói ngắn gọn về một bài đọc đã học và lí do yêu thích.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết quan sát, chọn thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi và trình bày, chia sẻ kết quả đọc - nói - nghe bằng công cụ số do GV hướng dẫn.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: Chọn đọc một trong những bài trên và chia sẻ điều em thích nhất ở bài đọc đó.</p>	<p>- HS chọn một bài đã học, đọc lại thầm một đoạn hoặc nhớ lại nội dung bài.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nói theo gợi ý: Em chọn bài nào? Em thích nhân vật, sự việc hay hình ảnh nào? Vì sao?</p>	<p>- HS nói theo cặp: Em thích bài Thư viện vì các bạn biết yêu sách và vui khi có thư viện mới; em thích bài Tập nấu ăn vì bạn nhỏ biết giúp mẹ.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.</p>	<p>- HS trình bày ngắn gọn, rõ ràng; các bạn lắng nghe và nhận xét lịch sự.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: GV nêu câu hỏi dẫn: “Khi muốn xem lại tranh minh họa hoặc thông tin về bài đọc để chia sẻ, em cần chọn nguồn như thế nào cho phù hợp?”. GV dùng thiết bị của giáo viên trình chiếu một số tranh/bài đọc trong SGK hoặc học liệu số phù hợp lứa tuổi, hướng dẫn HS quan sát, chọn thông tin cần thiết, trình bày ngắn gọn điều em thích ở bài đọc và nêu lí do nguồn đó đáng tin cậy. GV nhắc HS chỉ dùng nguồn do GV hoặc người lớn hướng dẫn, không tự ý tìm kiếm lan man và không chia sẻ thông tin cá nhân trên môi trường số.	- HS quan sát học liệu do GV trình chiếu, chọn thông tin cần thiết để chia sẻ bài đọc em thích và nhắc lại: em chỉ dùng nguồn phù hợp lứa tuổi, không chia sẻ thông tin cá nhân.
4. ÔN TẬP TỪ NGỮ - TÌM ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG (20 phút) <i>Mục tiêu: HS củng cố từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm và đặt câu với từ tìm được.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 3: Đường từ nhà đến trường của Nam phải vượt qua 3 cây cầu. Hãy giúp Nam đến trường bằng cách tìm từ ngữ theo yêu cầu. 	- HS quan sát sơ đồ, nhận biết ba nhiệm vụ: tìm từ chỉ sự vật ở trường; tìm từ chỉ hoạt động diễn ra ở trường; tìm từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động ở trường.
- GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm phụ trách một cây cầu từ ngữ.	- HS nhận nhiệm vụ theo nhóm: nhóm 1 tìm từ chỉ sự vật; nhóm 2 tìm từ chỉ hoạt động; nhóm 3 tìm từ chỉ đặc điểm.
- GV yêu cầu nhóm 1 tìm 5 từ chỉ sự vật ở trường.	- HS nêu: học sinh, thầy giáo, cô giáo, lớp học, sân trường, bảng, bàn ghế, thư viện, cặp sách.
- GV yêu cầu nhóm 2 tìm 5 từ chỉ hoạt động diễn ra ở trường.	- HS nêu: học bài, đọc sách, thảo luận, viết bài, chào cờ, vui chơi, trực nhật, mượn sách, tập thể dục.
- GV yêu cầu nhóm 3 tìm 5 từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động ở trường.	- HS nêu: sạch sẽ, rộng rãi, xanh mát, vui vẻ, chăm chỉ, sôi nổi, ngăn nắp, thân thiện.
- Bài tập 4: Đặt câu với 2 - 3 từ em tìm được ở bài tập 3.	- HS đặt câu: Thư viện trường em rất rộng rãi. Các bạn học sinh đang thảo luận sôi nổi. Sân trường sạch sẽ sau giờ trực nhật.
- GV mời HS đọc câu, nhận xét câu đã đủ ý, dùng từ đúng chưa.	- HS đọc câu; bạn nhận xét và sửa câu nếu thiếu dấu câu hoặc dùng từ chưa phù hợp.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
5. ÔN TẬP ĐẦU CÂU (12 phút) <i>Mục tiêu: HS biết chọn dấu câu phù hợp trong đoạn văn.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận thức con người cần kiểm tra kết quả do máy tính/AI đưa ra; biết đối chiếu với kiến thức về dấu câu trước khi sửa bài.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 5: Chọn dấu câu phù hợp thay cho ô vuông. 	- HS đọc thầm đoạn Sửa chuông gọi cửa, xác định từng ô trống cần điền dấu gì.
- GV nhắc HS đọc từng câu, chú ý câu kể, câu hỏi, câu cảm để chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than.	- HS làm bài cá nhân vào vở hoặc phiếu học tập.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi, giải thích vì sao chọn dấu câu đó.	- HS trao đổi: Câu hỏi cần dấu chấm hỏi; câu cảm thán cần dấu chấm than; câu kể cần dấu chấm.
- GV chữa bài và nhấn mạnh cách dùng dấu câu khi viết.	- HS đối chiếu bài, sửa lỗi nếu chọn sai dấu câu.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV nêu câu hỏi dẫn: “Nếu máy tính/AI gợi ý dấu câu cho một đoạn văn, em có thể dùng ngay kết quả đó không? Vì sao?”. GV trình chiếu ví dụ một đoạn văn được công cụ số/AI gợi ý dấu câu nhưng còn sai hoặc thiếu, yêu cầu HS đọc lại từng câu, xác định câu kể, câu hỏi, câu cảm rồi mới quyết định dấu câu phù hợp. GV diễn giải: Máy tính/AI có thể hỗ trợ kiểm tra nhanh, nhưng kết quả vẫn có thể nhầm; người học phải dùng kiến thức đã học để kiểm chứng, sửa lại và chịu trách nhiệm với bài làm của mình.	- HS quan sát ví dụ, đối chiếu với kiến thức về dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than và nêu: em không tin ngay kết quả do máy tính/AI đưa ra, phải tự đọc và kiểm tra lại.
6. VẬN DỤNG (5 phút) <i>Mục tiêu: HS tự đánh giá nội dung đã ôn và chuẩn bị tiết sau.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nêu một điều em đã ôn được trong tiết học.	- HS nêu: Em ôn tên các bài đọc; em biết tìm từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm; em biết chọn dấu câu phù hợp.
- GV dặn HS về nhà đọc lại các bài đã học, chuẩn bị Tiết 3, 4.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ học ở nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

uigeli.xyz
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 3, 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Ôn tập tên bài đọc, nhân vật, địa điểm và trải nghiệm của các bạn nhỏ trong các bài đã học.
- Củng cố hiểu biết về từ ngữ, dấu câu và các kiểu câu: câu kể, câu hỏi, câu cảm.
- Biết giải ô chữ, đọc câu gợi ý, hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm và trình bày kết quả rõ ràng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: nhớ lại nội dung các bài đọc và tự hoàn thành nhiệm vụ ôn tập.
- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm khi tìm điểm đến, giải ô chữ, phân loại kiểu câu.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: suy luận dựa vào gợi ý để tìm đáp án phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tham gia các trò chơi ôn tập.
- Trung thực: nêu đúng phần mình biết, không đoán bừa khi chưa đọc kĩ yêu cầu.
- Trách nhiệm: lắng nghe bạn, hỗ trợ bạn trong nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng phụ/slide trò chơi, ô chữ cắt từ SGK, thẻ câu kể - câu hỏi - câu cảm, phiếu học tập.
- HS: SGK, bảng con, vở ghi, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

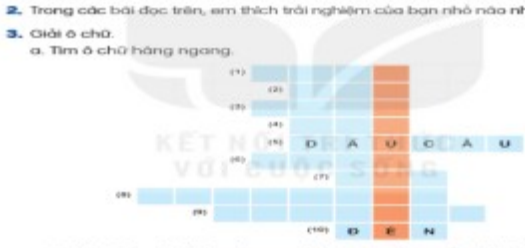
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh												
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ các bài đọc qua trò chơi nhanh.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>													
- GV tổ chức trò chơi “Nhìn tên nhân vật - đoán bài đọc”.	- HS lắng nghe luật chơi, giơ bảng con hoặc phát biểu khi biết đáp án.												
- GV nêu các từ khóa: Sơn, Thắng, bạn nhỏ trong Cánh rừng trong nắng, bạn nhỏ trong Tập nấu ăn.	- HS đoán: Sơn trong Ngày gặp lại; Thắng trong Lần đầu ra biển; bạn nhỏ trong Cánh rừng trong nắng; bạn nhỏ trong Tập nấu ăn.												
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em ôn sâu hơn về các bài đọc, từ ngữ, dấu câu và kiểu câu.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK phần Tiết 3, 4.												
2. TRÒ CHƠI: TÌM ĐIỂM ĐẾN CỦA CÁC BẠN NHỎ (15 phút) <i>Mục tiêu: HS nối đúng nhân vật/bài đọc với điểm đến hoặc hoạt động trong bài.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>													
- Bài tập 1: Trò chơi: Tìm điểm đến của các bạn nhỏ trong các bài đọc dưới đây. 1. Trò chơi: Tìm điểm đến của các bạn nhỏ trong các bài đọc dưới đây: <table><tr><td>1. Bạn Sơn trong bài <i>Ngày gặp lại</i></td><td>a. Thăm rừng Trường Sơn</td></tr><tr><td>2. Bạn nhỏ trong bài <i>Cánh rừng trong nắng</i></td><td>b. Ra biển Quy Nhơn</td></tr><tr><td>3. Bạn nhỏ trong bài <i>Tập nấu ăn</i></td><td>c. Về quê với ông bà</td></tr><tr><td>4. Bạn nhỏ trong bài <i>Nhật kí tập bơi</i></td><td>d. Vào bếp cùng mẹ</td></tr><tr><td>5. Bạn Thắng trong bài <i>Lần đầu ra biển</i></td><td>e. Ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ</td></tr><tr><td>6. Bạn Diệu trong bài <i>Tam biệt mùa hè</i></td><td>g. Đến bể bơi học bơi</td></tr></table>	1. Bạn Sơn trong bài <i>Ngày gặp lại</i>	a. Thăm rừng Trường Sơn	2. Bạn nhỏ trong bài <i>Cánh rừng trong nắng</i>	b. Ra biển Quy Nhơn	3. Bạn nhỏ trong bài <i>Tập nấu ăn</i>	c. Về quê với ông bà	4. Bạn nhỏ trong bài <i>Nhật kí tập bơi</i>	d. Vào bếp cùng mẹ	5. Bạn Thắng trong bài <i>Lần đầu ra biển</i>	e. Ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ	6. Bạn Diệu trong bài <i>Tam biệt mùa hè</i>	g. Đến bể bơi học bơi	- HS quan sát bảng tên nhân vật/bài đọc và các điểm đến trong SGK.
1. Bạn Sơn trong bài <i>Ngày gặp lại</i>	a. Thăm rừng Trường Sơn												
2. Bạn nhỏ trong bài <i>Cánh rừng trong nắng</i>	b. Ra biển Quy Nhơn												
3. Bạn nhỏ trong bài <i>Tập nấu ăn</i>	c. Về quê với ông bà												
4. Bạn nhỏ trong bài <i>Nhật kí tập bơi</i>	d. Vào bếp cùng mẹ												
5. Bạn Thắng trong bài <i>Lần đầu ra biển</i>	e. Ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ												
6. Bạn Diệu trong bài <i>Tam biệt mùa hè</i>	g. Đến bể bơi học bơi												

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm bốn, nối từng bạn nhỏ với điểm đến phù hợp.	- HS thảo luận và nối: Sơn - về quê với ông bà; bạn nhỏ trong Cánh rừng trong nắng - thăm rừng Trường Sơn; bạn nhỏ trong Tập nấu ăn - vào bếp cùng mẹ; bạn nhỏ trong Nhật kí tập bơi - đến bể bơi học bơi; Thắng - ra biển Quy Nhơn; Diệu - ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ.
- GV hỏi: Em dựa vào chi tiết nào để nối được các ý?	- HS trả lời: Em dựa vào tên bài đọc, nhân vật và sự việc chính trong bài.
- Bài tập 2: Trong các bài đọc trên, em thích trải nghiệm của bạn nhỏ nào nhất? Vì sao?	- HS chia sẻ: Em thích trải nghiệm học bơi vì học bơi giúp an toàn; em thích trải nghiệm vào bếp vì biết giúp mẹ; em thích đến thư viện vì được đọc nhiều sách.

3. GIẢI Ô CHỮ (20 phút)

Mục tiêu: HS nhớ kiến thức Tiếng Việt đã học về kỹ năng, dấu câu, từ ngữ và kiểu câu.

**Cách tiến hành:*

<p>- Bài tập 3a: Tìm ô chữ hàng ngang.</p>  <p>(1) Môn Tiếng Việt rèn cho em các kỹ năng: đọc, viết, nói và (...).</p> <p>(2) Kiểu câu dùng để bộc lộ cảm xúc là câu (...).</p> <p>(3) Để tách các bộ phận có cùng chức năng, cần dùng dấu (...).</p> <p>(4) Từ có nghĩa trái ngược với <i>khen</i> là (...).</p> <p>(5) Khi viết, để ngắt câu hoặc kết thúc câu phải dùng (...).</p>	<p>- HS đọc các gợi ý từ số 1 đến số 10, suy nghĩ đáp án.</p>
- GV chia nhóm, giao mỗi nhóm giải 2 - 3 ô chữ.	- HS làm việc nhóm, ghi đáp án ra bảng nhóm hoặc phiếu học tập.
- GV gợi ý: Môn Tiếng Việt rèn cho em các kỹ năng nào?	- HS trả lời: đọc, viết, nói và nghe.
- GV gợi ý: Kiểu câu dùng để bộc lộ cảm xúc là câu gì?	- HS trả lời: câu cảm.
- GV gợi ý: Khi viết, để ngắt câu hoặc kết thúc câu phải dùng gì?	- HS trả lời: dùng dấu câu.
- GV yêu cầu HS đọc từ xuất hiện ở hàng dọc màu cam.	- HS đọc hàng dọc: Dấu câu.
- GV nhấn mạnh: Khi viết đoạn văn, các em cần dùng dấu câu đúng để người đọc hiểu ý của mình.	- HS lắng nghe, tự nhắc mình kiểm tra dấu câu khi viết.

4. ÔN TẬP KIỂU CÂU: CÂU KỂ, CÂU HỎI, CÂU CẢM (15 phút)

Mục tiêu: HS nhận diện được kiểu câu qua nội dung và dấu câu.

**Cách tiến hành:*

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- Bài tập 4: Mỗi câu trong mẫu chuyện dưới đây thuộc kiểu câu nào?</p>  <p>1. Nói về ngôi trường của em hoặc ngôi trường mà em mơ ước.</p>	<p>- HS đọc mẫu chuyện, chú ý nội dung và dấu câu ở cuối mỗi câu.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS xét từng câu: câu nào kể sự việc, câu nào hỏi, câu nào bộc lộ cảm xúc.</p>	<p>- HS phân loại: câu kể dùng để kể; câu hỏi dùng để hỏi; câu cảm dùng để bộc lộ cảm xúc.</p>
<p>- GV mời HS nêu kết quả với từng câu trong mẫu chuyện.</p>	<p>- HS trả lời theo số thứ tự câu, giải thích dựa vào dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than và ý nghĩa câu.</p>
<p>- GV chốt: Muốn xác định đúng kiểu câu, cần đọc trọn câu, hiểu mục đích nói và quan sát dấu câu kết thúc.</p>	<p>- HS ghi nhớ cách nhận diện kiểu câu.</p>
<p>5. VẬN DỤNG (5 phút) Mục tiêu: HS tự tạo câu để củng cố kiến thức. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu mỗi HS đặt nhanh 1 câu kể, 1 câu hỏi hoặc 1 câu cảm về trường lớp.</p>	<p>- HS đặt câu: Trường em có nhiều cây xanh. Bạn thích đọc sách ở đâu? Ôi, thư viện đẹp quá!</p>
<p>- GV dặn HS chuẩn bị Tiết 5: nói về ngôi trường của em hoặc ngôi trường em mơ ước.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

uigeli.xyz
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I
TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được về ngôi trường của em hoặc ngôi trường em mơ ước theo gợi ý.
- Viết được đoạn văn ngắn về một người trong trường mà em yêu quý.
- Biết đọc lại đoạn văn, sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị ý tưởng trước khi nói và viết.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ trong nhóm đôi, góp ý lịch sự cho bài nói/bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn chi tiết tiêu biểu để nói về trường và người em yêu quý.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết trân trọng thầy cô, bạn bè, nhân viên trong trường.
- Chăm chỉ: viết đoạn văn cẩn thận, rõ ý.
- Trách nhiệm: giữ gìn trường lớp sạch đẹp, thể hiện tình yêu trường bằng việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh gợi ý trong SGK, phiếu dàn ý nói - viết, bảng phụ ghi câu hỏi gợi ý.
- HS: SGK, vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS khi nói về trường học.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi nghĩ về trường, em nhớ nhất điều gì?	- HS trả lời: Em nhớ sân trường, lớp học, thầy cô, bạn bè, thư viện, giờ ra chơi, cây xanh trong trường.
- GV giới thiệu: Tiết này các em sẽ nói về ngôi trường của mình hoặc ngôi trường em mơ ước, sau đó viết về một người trong trường mà em yêu quý.	- HS lắng nghe, chuẩn bị nói và viết.
2. NÓI VỀ NGÔI TRƯỜNG CỦA EM HOẶC NGÔI TRƯỜNG EM MƠ ƯỚC (14 phút) <i>Mục tiêu: HS nói rõ ràng theo các gợi ý trong SGK.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Nói về ngôi trường của em hoặc ngôi trường mà em mơ ước. 	- HS quan sát các gợi ý: màu sơn của trường, lớp; sân trường; vườn trường; bên trong lớp học; những người trong trường.
2. Viết đoạn văn về một người trong trường mà em yêu quý.	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, mỗi bạn chọn 2 - 3 ý để nói.	- HS nói với bạn: Trường em có sân rộng, nhiều cây xanh. Lớp học sáng, bàn ghế gọn gàng. Em mơ ước trường có nhiều góc đọc sách và vườn hoa đẹp.
- GV mời HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày; các bạn nghe và nhận xét: bạn nói rõ ý, có cảm xúc, biết dùng từ phù hợp.
- GV hỏi: Em có thể làm gì để ngôi trường của mình đẹp hơn?	- HS trả lời: Em giữ vệ sinh, bỏ rác đúng nơi, chăm sóc cây, giữ gìn bàn ghế, lễ phép với thầy cô và đoàn kết với bạn.
3. VIẾT ĐOẠN VĂN VỀ MỘT NGƯỜI TRONG TRƯỜNG MÀ EM YÊU QUÝ (14 phút) <i>Mục tiêu: HS viết đoạn văn 3 - 5 câu có nội dung rõ ràng, cảm xúc chân thật.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 2: Viết đoạn văn về một người trong trường mà em yêu quý.	- HS đọc yêu cầu, xác định người mình muốn viết: cô giáo, thầy giáo, cô thư viện, bác bảo vệ, cô lao công, bạn thân.
- GV hướng dẫn HS lập ý: Người đó là ai? Người đó có đặc điểm gì? Người đó đã làm việc gì khiến em yêu quý?	- HS ghi ý vào nháp: Cô giáo em hiền, giảng bài dễ hiểu; cô thư viện giúp em tìm sách; bác bảo vệ luôn nhắc chúng em đi lại an toàn.
- GV nhắc HS viết 3 - 5 câu, câu đầu giới thiệu người em yêu quý, các câu sau nêu đặc điểm, việc làm và tình cảm của em.	- HS viết đoạn văn vào vở.
- GV đưa ví dụ ngắn: Em rất yêu quý cô giáo chủ nhiệm của em. Cô có giọng nói ấm áp và luôn kiên nhẫn giảng bài cho chúng em. Khi em viết sai, cô nhẹ nhàng hướng dẫn em sửa lại. Em sẽ chăm học để cô vui lòng.	- HS tham khảo cách viết, không chép nguyên văn nếu viết về người khác.
4. CHIA SẺ - SỬA LỖI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS biết đọc lại và chỉnh sửa bài viết.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn, đọc bài và góp ý theo 3 điểm: đúng nội dung, đủ câu, dùng dấu câu đúng.	- HS đổi vở, đọc bài của bạn, góp ý nhẹ nhàng và ghi nhớ lỗi cần sửa.
- GV mời 1 - 2 HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài; các bạn nhận xét điểm hay và góp ý thêm nếu cần.
5. VẬN DỤNG (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ tình cảm yêu quý trường lớp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS nêu một việc sẽ làm trong tuần này để thể hiện tình yêu trường lớp.	- HS nêu: Em sẽ giữ lớp sạch, chào hỏi thầy cô, giúp bạn, giữ gìn sách thư viện, tưới cây trong lớp.
- GV dặn HS chuẩn bị Tiết 6, 7 - Bài luyện tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 6, 7: BÀI LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thành tiếng văn bản Cô giáo tí hon, trả lời được câu hỏi đọc hiểu và nêu được điều em thích trong câu chuyện.
- Đọc hiểu bài thơ Về quê hương; nhận biết từ chỉ màu sắc, từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động và dùng dấu câu thích hợp.
- Nghe - viết đúng đoạn thơ trong bài Về quê hương; viết được đoạn văn 4 - 5 câu theo một trong hai đề bài gợi ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc văn bản, tự làm bài luyện tập, tự soát lỗi chính tả và đoạn văn.
- Giao tiếp và hợp tác: đọc, trao đổi câu trả lời, nhận xét bài viết của bạn trong nhóm.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn đề viết phù hợp, biết sắp xếp ý trước khi viết.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: hoàn thành bài luyện tập cẩn thận.
- Trung thực: tự làm bài kiểm tra luyện tập, không nhìn bài của bạn.
- Nhân ái: biết yêu thương thầy cô, bạn bè, yêu quê hương, trân trọng vẻ đẹp gần gũi quanh em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh và bài đọc Cô giáo tí hon, bài thơ Về quê hương, phiếu đọc hiểu, phiếu viết đoạn văn.
- HS: SGK, vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Chuẩn bị tâm thế làm bài luyện tập tổng hợp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi làm bài luyện tập tổng hợp, em cần lưu ý điều gì?	- HS trả lời: Em cần đọc kỹ đề, làm bài cẩn thận, kiểm tra lại bài và viết chữ rõ ràng.
- GV giới thiệu: Tiết 6, 7 giúp các em luyện đọc, đọc hiểu, dùng từ, dùng dấu câu, nghe - viết và viết đoạn văn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK và vở.
2. A. ĐỌC - ĐỌC THÀNH TIẾNG VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc thành tiếng văn bản Cô giáo tí hon và trả lời câu hỏi đọc hiểu.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- Bài tập 1: Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi bài Cô giáo tí hon.</p> <p style="text-align: center;">BÀI LUYỆN TẬP</p> <p>A. ĐỌC</p> <p>1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.</p> <p style="text-align: center;">CÔ GIÁO TÍ HON</p> <p>Bé nói với các em:</p> <p>– Bây giờ chơi trò đi học, nghe! Đứa nào học giỏi, mai mới má cho đi học thiệt.</p> <p>Đàn em tranh nhau ngồi vào một chỗ. Bé kẹp lại tóc, thả ống quần xuống, lấy cái nón của má đội lên đầu. Nó cố bắt chước cái dáng đi khoan thai của cô giáo khi cô bước vào lớp. Đàn em cũng làm y hệt đám học trò, đứng cả dậy, cười khúc khích chào cô.</p>  <p>Bé treo nón lên, một tình khờ, lấy một nhánh trâm bầu làm thước. Mấy đứa em chống hai tay ngồi dăm chỉ. Giống như cô giáo, Bé đưa mắt nhìn đám học trò. Đôi mắt Bé ánh lên vẻ tự hào. Bé nhón chân lên, bàn tay tròn trịa cầm nhánh trâm bầu nhịp nhịp trên tấm bảng một cách chăm chú. Đàn em há miệng dòm theo tay chị. Bé đánh vần từng tiếng. Đàn em riu riu đánh vần theo. Thăng Hiển ngong lưu, nói không kịp hai đứa lớn. Cái Anh bao giờ cũng giành phần đọc xong trước. Nó ngồi giữa cái Thanh và thăng Hiển, gọn tròn như một củ khoai, hai má núng nính ửng hồng. Cái Thanh ngồi đó, hiền dịu, mở to đôi mắt nhìn tấm bảng, vừa đọc vừa mân mê mái tóc mai. Thăng em nhỏ nhìn vào miệng ba đứa lớn rồi</p>	<p>- HS đọc thầm văn bản, chuẩn bị đọc thành tiếng.</p>
- GV gọi HS đọc nối tiếp các đoạn trong bài.	- HS đọc thành tiếng rõ ràng, biết ngắt nghỉ đúng dấu câu.
- GV hỏi: Mấy chị em chơi trò chơi gì?	- HS trả lời: Mấy chị em chơi trò dạy học, Bé đóng vai cô giáo tí hon.
- GV hỏi: Trong câu chuyện trên, em thích bạn nào nhất?	- HS trả lời theo ý riêng: Em thích Bé vì bạn tự tin, biết bắt chước cô giáo và hướng dẫn các em học; em thích các em nhỏ vì các em chăm chú nghe chị dạy.
- GV nhận xét cách đọc và câu trả lời của HS.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm về phát âm, ngắt nghỉ và cách trả lời đủ ý.
<p>3. ĐỌC HIỂU BÀI THƠ VỀ QUÊ HƯƠNG (16 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài thơ, nêu được vẻ đẹp quê hương và cảm xúc của bạn nhỏ.</i></p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- Bài tập 2: Đọc - hiểu bài thơ Về quê hương. b. Trong câu chuyện trên, em thích bạn nào nhất?</p> <p>2. Đọc - hiểu</p> <p style="text-align: center;">VỀ QUÊ HƯƠNG</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 30%;"> <p>Bút chì xanh đỏ Em gọt hai đầu Em thử hai màu Xanh tươi, đỏ thắm. Em vẽ làng xóm Tre xanh, lúa xanh Sông máng lượn quanh Một dòng xanh mát Trời mây bát ngát Xanh ngắt mùa thu Xanh màu ước mơ...</p> </div> <div style="width: 30%;"> <p>Em quay đầu đỏ Về nhà em ở Ngôi mới đỏ tươi Trường học trên đồi Em tô đỏ thắm Cây gạo đầu xóm Hoa nở chói ngời A, nắng lên rồi Mặt trời đỏ chói Lá cờ Tổ quốc Bay giữa trời xanh...</p> </div> <div style="width: 30%; text-align: right;"> <p>Chị ơi bức tranh Quê ta đẹp quá! (Định Hải)</p> </div> </div> 	<p>- HS đọc thầm bài thơ và quan sát tranh minh họa.</p>
<p>- GV hỏi: Chiếc bút chì của bạn nhỏ được tả như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Chiếc bút chì có màu xanh đỏ, em gọt hai đầu, thử hai màu, xanh tươi, đỏ thắm.</p>
<p>- GV yêu cầu HS kể tiếp các từ chỉ màu sắc được nói đến trong bài.</p>	<p>- HS nêu: xanh, xanh tươi, xanh ngắt; đỏ, đỏ thắm.</p>
<p>- GV nêu câu c: Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy bức tranh quê mình rất đẹp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác.</p>	<p>- HS chọn: Vì bạn nhỏ yêu quê hương mình; cũng có thể nêu: Vì quê hương có nhiều cảnh đẹp, có dòng sông, cây gạo, làng xóm, trường học.</p>
<p>- GV yêu cầu HS xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> <p>c. Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy bức tranh quê mình rất đẹp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.</p> <ul style="list-style-type: none"> ☐ Vì quê hương mình đẹp. ☐ Vì bạn nhỏ vẽ giỏi. ☐ Vì bạn nhỏ yêu quê hương mình. <p>d. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">tô</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">bút chì</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">cây gạo</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">bức tranh</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">vẽ</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">làng xóm</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">gọt</div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center; margin-top: 10px;"> <div style="background-color: yellow; border-radius: 15px; padding: 5px; text-align: center;">Từ ngữ chỉ sự vật</div> <div style="background-color: pink; border-radius: 15px; padding: 5px; text-align: center;">Từ ngữ chỉ hoạt động</div> </div> <p>e. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống.</p>	<p>- HS xếp: Từ chỉ sự vật: tô, bút chì, cây gạo, bức tranh, làng xóm. Từ chỉ hoạt động: vẽ, gọt.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS điền dấu câu thích hợp vào ô trống trong câu về bức tranh quê.	- HS điền dấu câu phù hợp, đọc lại câu sau khi điền để kiểm tra ý nghĩa.
4. B. VIẾT - NGHE VIẾT VỀ QUÊ HƯƠNG (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nghe - viết đúng đoạn thơ, trình bày bài sạch đẹp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: Nghe - viết: Về quê hương (từ đầu đến Em tô đỏ thăm).	- HS đọc thầm đoạn thơ, chú ý các từ dễ viết sai và cách trình bày thơ.
- GV đọc đoạn viết một lần, nhắc HS viết hoa đầu dòng thơ và lùi đầu dòng phù hợp.	- HS nghe, chuẩn bị bút vở, ngồi đúng tư thế.
- GV đọc từng dòng thơ cho HS viết.	- HS nghe - viết vào vở, viết đúng chính tả và trình bày sạch đẹp.
- GV đọc lại đoạn viết để HS soát lỗi.	- HS dùng bút chì soát lỗi, sửa lỗi chính tả nếu có.
5. VIẾT ĐOẠN VĂN 4 - 5 CÂU (17 phút) <i>Mục tiêu: HS lựa chọn một đề, lập ý và viết đoạn văn đúng yêu cầu.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 2: Lựa chọn một trong hai đề dưới đây, viết đoạn văn 4 - 5 câu theo yêu cầu. Bức tranh của bạn nhỏ có nhiều cảnh vật: làng xóm, sông máng, trường học, trời mây,.... B. VIẾT 1. Nghe - viết: Về quê hương (từ đầu đến Em tô đỏ thăm). 2. Lựa chọn một trong hai đề dưới đây, viết đoạn văn (4 - 5 câu) theo yêu cầu. <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>a. Kể về một ngày ở trường của em</p> <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đó bắt đầu bằng việc gì? - Những việc gì diễn ra tiếp theo? - Em nghĩ gì về ngày đó? </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>b. Cảm nghĩ của em về một người bạn</p> <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người bạn đó là ai? - Điều gì ở bạn khiến em nhớ nhất? - Em có tình cảm thế nào với bạn? </div> </div>	- HS đọc hai đề: a. Kể về một ngày ở trường của em; b. Cảm nghĩ của em về một người bạn.
- GV hướng dẫn đề a: Nếu kể về một ngày ở trường, em cần nêu ngày đó bắt đầu bằng việc gì, những việc gì diễn ra tiếp theo, em nghĩ gì về ngày đó.	- HS chọn đề a thì ghi nhanh các ý: vào lớp, học bài, ra chơi, đọc sách, sinh hoạt nhóm, cảm nghĩ vui hoặc đáng nhớ.
- GV hướng dẫn đề b: Nếu viết cảm nghĩ về một người bạn, em cần nêu người bạn là ai, điều gì ở bạn khiến em nhớ nhất, em có tình cảm thế nào với bạn.	- HS chọn đề b thì ghi nhanh các ý: tên bạn, tính cách, việc làm tốt, kỉ niệm với bạn, tình cảm của mình.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 4 - 5 câu vào vở.	- HS viết đoạn văn, chú ý câu đầu giới thiệu, các câu sau kể/nêu cảm nghĩ, câu cuối nêu tình cảm hoặc suy nghĩ.
- GV mời 1 - 2 HS đọc bài viết và hướng dẫn cả lớp góp ý.	- HS đọc bài; các bạn góp ý về nội dung, câu văn, dấu câu, chữ viết.
6. VẬN DỤNG (3 phút) <i>Mục tiêu: HS tự đánh giá sau bài luyện tập.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS tự đánh giá: Hôm nay em làm tốt phần nào? Em cần luyện thêm phần nào?	- HS nêu: Em làm tốt đọc hiểu; em cần luyện thêm dấu câu hoặc viết đoạn văn.
- GV dẫn HS về nhà đọc lại các bài đã ôn, sửa hoàn chỉnh đoạn văn và chuẩn bị kiểm tra giữa học kì I theo hướng dẫn của GV.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 Tuần 10 - Chủ đề 3: MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG Bài 17: NGƯỠNG CỬA - Bài 18: MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT **BÀI 17: NGƯỠNG CỬA**

Tiết 1, 2: Đọc - Ngưỡng cửa; Nói và nghe - Sự tích nhà sàn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Ngưỡng cửa; biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ; bước đầu biết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ qua giọng đọc.
- Dựa vào từ ngữ, hình ảnh thơ và tranh minh họa, nhận biết những kỉ niệm của bạn nhỏ gắn bó với ngưỡng cửa, với người thân từ thuở ấu thơ đến lúc khôn lớn.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; nêu được ý nghĩa hình ảnh “con đường xa tắp” và cảm nhận về tình yêu thương của gia đình.
- Nghe hiểu câu chuyện Sự tích nhà sàn; dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại từng đoạn câu chuyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, ghi nhớ từ ngữ, hình ảnh thơ và chuẩn bị ý kiến trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài và kể chuyện theo tranh.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ hình ảnh ngưỡng cửa với kỉ niệm gia đình và quá trình trưởng thành của bản thân.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương ông bà, cha mẹ, người thân; trân trọng mái nhà và kỉ niệm tuổi thơ.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng và tham gia kể chuyện.
- Trách nhiệm: biết giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức, giữ gìn nếp sống gia đình.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS nhận biết trẻ em có quyền được sống trong gia đình, được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và học tập; đồng thời biết bày tỏ tình cảm, biết thực hiện bổn phận với người thân.

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS hiểu yêu mái nhà, yêu gia đình là nền tảng nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước; biết lễ phép, biết ơn và có trách nhiệm với gia đình.

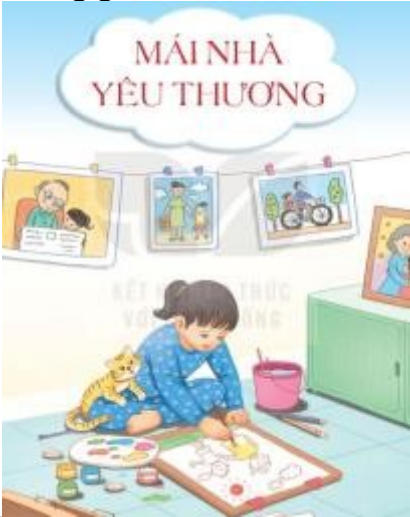
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh chủ điểm Mái nhà yêu thương, tranh bài đọc Ngưỡng cửa, tranh kể chuyện Sự tích nhà sàn, thẻ từ luyện đọc, phiếu học tập nhóm.; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write khi có tích hợp AI hoặc công cụ số.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, giới thiệu chủ điểm Mái nhà yêu thương và dẫn vào bài đọc Ngưỡng cửa.</i> *Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu chủ điểm 3: Mái nhà yêu thương. GV cho HS quan sát tranh chủ điểm và hỏi: Tranh gợi cho em nhớ đến điều gì trong gia đình? 	- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh gợi đến ngôi nhà, người thân, đồ vật quen thuộc và tình cảm gia đình.
- GV hỏi: Nếu phải xa ngôi nhà của mình nhiều ngày, em cảm thấy thế nào? Vì sao? - GV giới thiệu bài: Bài thơ Ngưỡng cửa giúp các em hiểu một hình ảnh rất gần gũi trong ngôi nhà đã lưu giữ nhiều kỉ niệm của bạn nhỏ.	- HS chia sẻ: Em nhớ nhà, nhớ ông bà, cha mẹ, góc học tập, đồ chơi hoặc những bữa cơm gia đình. - HS lắng nghe, mở SGK bài Ngưỡng cửa.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ, biết ngắt nhịp và bước đầu thể hiện cảm xúc qua giọng đọc.</i> *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu bài thơ Ngưỡng cửa với giọng nhẹ nhàng, tha thiết; nhấn giọng ở các từ ngữ gợi kỉ niệm và tình cảm gia đình.	- HS nghe GV đọc, theo dõi bài thơ trong SGK.

<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, nghỉ hơi ở cuối dòng thơ và chỗ ngắt nhịp; chú ý các từ dễ phát âm sai: nơi, đến, lớp, đèn, khuya. Đọc diễn cảm các khổ thơ với giọng tình cảm.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc đúng nhịp và thể hiện cảm xúc.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài thơ.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia bài thơ thành 4 khổ, hướng dẫn HS dùng bút chì đánh dấu từng khổ.</p>	<p>- HS đánh dấu 4 khổ thơ trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; sửa lỗi phát âm và ngắt nhịp.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc đúng, rõ.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một khổ; nhóm góp ý cho bạn.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm 4, sửa lỗi phát âm và ngắt nhịp.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc và cách thể hiện cảm xúc.</p>
<p>3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút) Mục tiêu: HS hiểu hình ảnh “nơi ấy” và những kỉ niệm gắn với ngưỡng cửa trong cuộc sống của bạn nhỏ. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: “Nơi ấy” trong bài thơ chỉ cái gì?</p> <p>– Ngưỡng cửa: thành dưới của khung cửa ra vào, thường chỉ có ở nhà gỗ hoặc nhà tranh. – Di mìn: bàn và vờ gi để đi cho vững.</p> <p>1. “Nơi ấy” trong bài thơ chỉ cái gì? 2. “Nơi ấy” đã chứng kiến những điều gì trong cuộc sống của bạn nhỏ?</p> <p>3. Theo em, hình ảnh “con đường xa tắp” muốn nói đến điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em. a. Hành trình học tập còn dài lâu. b. Nhiều điều mới mẻ chờ đón em ở phía trước. c. Đường đến tương lai còn xa.</p> <p>4. Ngưỡng cửa đã nhắc bạn nhỏ nhớ tới những ai, giúp bạn nhỏ cảm nhận điều gì về những người đó? * Lưu ý: Trước bài 3 khổ thơ đầu.</p>	<p>- HS trả lời: “Nơi ấy” chỉ ngưỡng cửa của ngôi nhà.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc chú thích từ ngưỡng cửa và giải thích bằng lời của mình.</p>	<p>- HS nêu: Ngưỡng cửa là phần dưới của cửa ra vào, nơi bước từ trong nhà ra ngoài hoặc từ ngoài vào nhà.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 2: “Nơi ấy” đã chứng kiến những điều gì trong cuộc sống của bạn nhỏ?</p>	<p>- HS trả lời: Ngưỡng cửa chứng kiến bạn nhỏ tập đi, được bà dắt tay, được cha mẹ đưa đến lớp và lớn lên đi ra con đường xa hơn.</p>

- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi, tìm các từ ngữ, hình ảnh thơ cho thấy ngưỡng cửa gắn với tuổi thơ của bạn nhỏ.	- HS trao đổi và nêu các hình ảnh: buổi đầu tiên đến lớp, đêm khuya mẹ đợi, con đường xa tắp.
- GV kết luận: Ngưỡng cửa là hình ảnh gần gũi của ngôi nhà, lưu giữ nhiều kỉ niệm yêu thương của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, nêu được tình cảm gắn bó với ngôi nhà.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu sâu hơn bài thơ.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: “Nơi ấy” trong bài thơ chỉ cái gì? Hình ảnh đó gợi cho em nhớ đến điều gì?	- HS ôn lại bài cũ: “Nơi ấy” là ngưỡng cửa; hình ảnh đó gợi nhớ ngôi nhà, người thân và kỉ niệm tuổi thơ.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu ý nghĩa hình ảnh con đường xa tắp và luyện kể chuyện Sự tích nhà sàn.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và Nói - nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu ý nghĩa hình ảnh “con đường xa tắp”, biết liên hệ tình yêu thương trong gia đình.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết trẻ em có quyền được sống trong gia đình, được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và học tập; biết thực hiện bốn phận với người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Theo em, hình ảnh “con đường xa tắp” muốn nói đến điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.	- HS chọn ý phù hợp hoặc nêu: Con đường xa tắp nói đến con đường trưởng thành, những điều mới mẻ đang chờ bạn nhỏ phía trước.
- GV hỏi: Ngưỡng cửa đã nhắc bạn nhỏ nhớ tới những ai, giúp bạn nhỏ cảm nhận điều gì về những người đó?	- HS trả lời: Bạn nhỏ nhớ bà, cha mẹ, người thân; cảm nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc và mong chờ của gia đình.
- GV hỏi dẫn: Qua bài thơ, em thấy trẻ em trong gia đình cần được hưởng những quyền gì và cần làm gì để đáp lại tình yêu thương ấy?	- HS trả lời: Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ, học tập; em cần lễ phép, giúp đỡ người thân và biết nói lời yêu thương.
- Tích hợp QCN: Sau câu hỏi dẫn, GV diễn giải: Trẻ em có quyền được sống trong gia đình, được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và học tập. Khi được ông bà, cha mẹ quan tâm, các em cũng cần biết thể hiện bốn phận bằng việc chào hỏi, nghe lời, giúp việc vừa sức, giữ gìn nếp sống gia đình và biết bày tỏ tình cảm với người thân bằng lời nói, việc làm cụ thể.	- HS nêu việc làm cụ thể: Em chào hỏi ông bà, phụ giúp dọn bàn, sắp xếp góc học tập, nói lời cảm ơn và biết hỏi thăm người thân.
- GV kết luận: Ngưỡng cửa gợi nhớ mái nhà yêu thương, nơi mỗi bạn nhỏ được chờ che và lớn lên từng ngày.	- HS lắng nghe, nêu lại ý nghĩa của bài thơ.
3. Luyện tập - Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu (7 phút) <i>Mục tiêu: HS học thuộc lòng một số khổ thơ và đọc diễn cảm.</i>	

*Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS chọn 3 khổ thơ đầu, đọc thầm nhiều lượt để ghi nhớ.	- HS đọc thầm, nhắm thuộc từng khổ thơ.
- GV tổ chức HS đọc thuộc theo cặp; bạn nghe nhắc nhẹ nếu bạn quên.	- HS đọc thuộc theo cặp, sửa cho nhau cách ngắt nhịp và giọng đọc.
- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc trước lớp.	- HS đọc thuộc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
4. Nói và nghe - Kể chuyện Sự tích nhà sàn (10 phút)	
<i>Mục tiêu: HS nghe hiểu câu chuyện, dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để kể lại từng đoạn.</i>	
*Cách tiến hành:	
<p>- GV cho HS quan sát 4 tranh và hỏi: Mỗi tranh thể hiện sự việc gì?</p> <p>1. Dựa vào tranh, đoán nội dung câu chuyện: Sự tích nhà sàn. (Theo Nguyên cổ dân tộc Mường)</p> 	- HS quan sát tranh, nêu nội dung: người sống trong hang đá, người đàn ông gặp rùa, hai vợ chồng làm nhà sàn, bản làng có nhiều nhà sàn.
- GV kể chuyện Sự tích nhà sàn lần 1 với giọng chậm rãi, rõ diễn biến.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhân vật và sự việc chính.
- GV kể lần 2, dừng ở từng tranh và đặt câu hỏi gợi ý để HS nhớ nội dung.	- HS trả lời câu hỏi gợi ý và nhắc lại sự việc trong từng tranh.
- GV tổ chức HS kể theo nhóm 4, mỗi bạn kể một tranh; sau đó ghép thành câu chuyện hoàn chỉnh.	- HS kể trong nhóm 4, bạn nghe góp ý: kể đúng trình tự, nói rõ ràng, không bỏ ý chính.
- GV mời 1 - 2 nhóm kể trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS kể trước lớp; các bạn nhận xét nội dung, giọng kể và thái độ tự tin.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)	
<i>Mục tiêu: HS liên hệ tình yêu mái nhà, gia đình và ý thức rèn luyện bản thân.</i>	
<i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu yêu mái nhà, yêu gia đình là nền tảng nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước; biết lễ phép, biết ơn và có trách nhiệm với gia đình.</i>	
*Cách tiến hành:	
- GV hỏi dẫn: Từ bài thơ Ngưỡng cửa và câu chuyện Sự tích nhà sàn, em có thể làm gì để thể hiện tình yêu với mái nhà và người thân?	- HS trả lời: Em biết giữ nhà cửa gọn gàng, lễ phép với ông bà cha mẹ, giúp việc vừa sức, chăm học để trưởng thành.
- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Tình yêu gia đình, mái nhà là điểm khởi đầu nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước. Khi biết yêu thương người thân, kính trọng ông bà cha mẹ, biết chăm chỉ học tập và giúp đỡ gia đình, các em đang rèn nếp sống đẹp, có trách nhiệm và phần đầu trưởng thành từ những việc nhỏ hằng ngày.	- HS nhắc lại: Em yêu mái nhà, biết ơn người thân và cố gắng học tập, làm việc tốt mỗi ngày.

- GV dẫn HS đọc lại bài thơ cho người thân nghe và chuẩn bị tiết nghe - viết.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 17: NGƯỠNG CỬA

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Đồ đạc trong nhà

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả đoạn thơ trong bài Đồ đạc trong nhà; trình bày sạch đẹp, đúng dòng thơ.
- Viết đúng từ ngữ có tiếng chứa iu/ưu, en/eng; biết tìm thêm từ ngữ phù hợp theo yêu cầu.
- Biết tự soát lỗi, đổi vở kiểm tra chéo và sửa lỗi chính tả.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị vở viết, ngồi viết đúng tư thế, tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi khi làm bài tập chính tả và góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng cách đọc, hiểu nghĩa để chọn tiếng, từ phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, hoàn thành bài tập đúng thời gian.
- Trung thực: tự kiểm tra lỗi và sửa lỗi đúng theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ đạc trong nhà, trong lớp và sắp xếp góc học tập gọn gàng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 4.A1.1: GV dùng ChatGPT/Gemini gợi ý danh sách từ có tiếng chứa iu/ưu; HS kiểm tra, chọn lọc từ đúng, không nhập thông tin cá nhân, không sao chép máy móc.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết giữ gìn đồ đạc trong nhà, trong lớp, sắp xếp góc học tập gọn gàng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài thơ Đồ đạc trong nhà, tranh/bài tập chính tả cắt từ SGK, bảng phụ từ khó, phiếu soát lỗi.; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write khi có tích hợp AI hoặc công cụ số.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, gợi nhớ bài đọc và chuẩn bị nghe - viết. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Hình ảnh ngưỡng cửa trong bài thơ gợi cho em nhớ điều gì?	- HS trả lời: Ngưỡng cửa gợi nhớ ngôi nhà, người thân và kỉ niệm tuổi thơ.
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Xem tranh, đoán tên một đồ vật trong nhà hoặc trong lớp.	- HS tham gia trò chơi, nêu tên đồ vật: bàn, ghế, tủ, đèn, quạt, sách vở.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết bài Đồ đạc trong nhà và luyện viết tiếng chứa iu/ưu.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (20 phút) Mục tiêu: HS hiểu nội dung, nhận xét cách trình bày bài thơ; nghe - viết đúng đoạn thơ và biết tự soát lỗi.	

***Cách tiến hành:**

- GV cho HS quan sát bài thơ Đồ đạc trong nhà trong SGK và đọc mẫu bài thơ.



- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu: Bài thơ nói về các đồ đạc trong nhà như những người bạn thân thiết.

- GV hỏi: Bài thơ nhắc đến những đồ vật nào? Các đồ vật ấy được miêu tả ra sao?

- HS trả lời: Bài thơ nhắc đến bàn, ghế, tủ, đèn, quạt; các đồ vật gần gũi, biết trò chuyện, giúp ích cho con người.

- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày bài thơ: số dòng, cách viết hoa đầu dòng, dấu câu cuối dòng.

- HS trả lời: Mỗi dòng thơ viết một dòng; chữ đầu dòng viết hoa; chú ý dấu câu.

- GV yêu cầu HS luyện viết bảng con các từ khó: trò chuyện, rừng xanh, quạt nan, thiết tha, trời khuya.

- HS viết bảng con, giờ bảng, sửa lỗi theo hướng dẫn của GV.

- GV nhắc HS tư thế ngồi viết và đọc từng dòng thơ hoặc cụm từ ngắn cho HS viết.

- HS ngồi đúng tư thế, nghe - viết vào vở ô ly.

- GV đọc lại toàn bài để HS soát lỗi và đổi vở kiểm tra chéo.

- HS soát lỗi, đổi vở với bạn, gạch nhẹ lỗi cần sửa và sửa lại cho đúng.

3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (8 phút)

Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ có tiếng chứa iu/uru, biết kiểm tra nghĩa và chọn từ phù hợp.

Mục tiêu tích hợp: HS biết quan sát GV dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý từ chứa iu/uru; biết kiểm tra, chọn lọc từ đúng và không nhập thông tin cá nhân.

***Cách tiến hành:**

- Bài tập 2: GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng chứa iu/uru.

- HS quan sát tranh và nêu: hươu cao cổ, chim khướu, thả diều, đà điểu, cây liễu,...

- GV hỏi dẫn: Nếu muốn tìm thêm từ có tiếng iu/uru, cô có thể dùng công cụ AI nào để gợi ý? Khi nhận gợi ý, các em cần làm gì?

- HS trả lời: Có thể dùng ChatGPT hoặc Gemini; chúng em cần đọc lại, kiểm tra nghĩa, chọn từ đúng và không chép máy móc.

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 4.A1.1: Sau câu hỏi dẫn, GV dùng tài khoản giáo viên mở ChatGPT/Gemini, nhập yêu cầu: "Gợi ý các từ tiếng Việt lớp 3 có tiếng chứa iu hoặc ru". GV hướng dẫn HS thực hiện theo 3 bước: quan sát danh sách gợi ý, chọn từ đã hiểu nghĩa, đối chiếu với SGK/từ điển hoặc hỏi GV trước khi ghi

- HS quan sát, chọn lọc từ đúng, nêu lại quy tắc: AI chỉ hỗ trợ gợi ý, em tự kiểm tra nghĩa và không nhập thông tin cá nhân.

vào vở. GV hướng dẫn HS quan sát danh sách gợi ý, chỉ chọn những từ đúng nghĩa, phù hợp lứa tuổi và đối chiếu với SGK/từ điển. GV nhấn mạnh HS không tự tạo tài khoản, không nhập họ tên, địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân; AI chỉ gợi ý, HS phải tự kiểm tra và tự viết kết quả vào vở.	
- GV nhận xét, chốt một số từ đúng và yêu cầu HS sửa bài vào vở.	- HS sửa bài, ghi nhớ cách tìm từ và kiểm tra nghĩa.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ việc giữ gìn đồ đạc trong nhà, trong lớp và chuẩn bị bài sau.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ gìn đồ đạc trong nhà, trong lớp, sắp xếp góc học tập gọn gàng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi dẫn: Ở nhà và ở lớp, em cần làm gì để giữ gìn đồ đạc luôn sạch đẹp, bền lâu?	- HS trả lời: Em lau bàn ghế, cất sách vở đúng chỗ, không viết vẽ lên bàn, không làm rách sách, tắt đèn/quạt khi không cần.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: Sau câu hỏi dẫn, GV diễn giải: Đồ đạc trong nhà, trong lớp là tài sản chung hoặc tài sản của gia đình, giúp các em học tập và sinh hoạt thuận lợi. Vì vậy, các em cần sử dụng đúng cách, giữ sạch, cất gọn, không làm hỏng, biết báo người lớn khi đồ vật bị hư và biết cùng người thân sắp xếp góc học tập ngăn nắp.	- HS nêu lại việc cần làm: giữ gìn đồ đạc, sắp xếp góc học tập gọn gàng, dùng đồ dùng cẩn thận.
- GV dặn HS hoàn thiện bài viết, sửa lỗi chính tả và chuẩn bị Bài 18: Món quà đặc biệt.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 18: MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT

Tiết 1, 2: Đọc - Món quà đặc biệt; Viết - Ôn chữ hoa G, H

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Món quà đặc biệt; biết đọc phân biệt lời người kể và lời nhân vật, đọc diễn cảm đoạn bộc lộ cảm xúc.
- Hiểu nội dung câu chuyện: tình cảm yêu thương của con cái dành cho cha mẹ và tình yêu thương, sự bao dung của cha mẹ dành cho con.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; nêu được chi tiết yêu thích và lí do yêu thích.
- Viết đúng chữ hoa G, H cỡ nhỏ, tên riêng Hà Giang và câu ứng dụng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết chữ hoa và tự sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi khi tìm hiểu bài, biết lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu để nêu cảm nhận về tình cảm gia đình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm, bày tỏ tình cảm với cha mẹ, người thân.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, luyện viết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: biết trung thực nhận lỗi, biết giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền bày tỏ tình cảm, suy nghĩ trong gia đình và được người thân lắng nghe, tôn trọng.

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết nói lời yêu thương, cảm ơn, xin lỗi; biết trung thực nhận lỗi và giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Món quà đặc biệt, bảng phụ viết từ khó, mẫu chữ hoa G, H, phiếu học tập nhóm.; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write khi có tích hợp AI hoặc công cụ số.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối chủ điểm Mái nhà yêu thương với tình cảm gia đình.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Trong bài Ngưỡng cửa, hình ảnh ngưỡng cửa gợi cho em tình cảm nào?	- HS trả lời: Gợi tình yêu ngôi nhà, người thân và kỉ niệm tuổi thơ.
- GV cho HS quan sát tranh bài Món quà đặc biệt và hỏi: Hai bạn nhỏ trong tranh đang làm gì? Em đã từng tặng người thân món quà nào chưa?	- HS quan sát tranh, trả lời: Hai bạn nhỏ chuẩn bị tấm thiệp/món quà tặng bố; HS chia sẻ trải nghiệm tặng quà cho người thân.
	
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Món quà đặc biệt giúp các em hiểu món quà quý nhất trong gia đình là tình yêu thương chân thành.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Món quà đặc biệt.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, biết đọc phân biệt lời kể, nội dung trong tấm thiệp và lời nhân vật.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu văn bản Món quà đặc biệt với giọng nhẹ nhàng, tình cảm; nhấn giọng ở các từ thể hiện cảm xúc: băn khoăn, dăm chiêu, hồi hộp, ngạc nhiên.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.

<p>Bố đang ngồi trước máy tính, một đêm chiều.</p> <p>– Bố ơi.</p> <p>Bố nhìn hai chị em.</p> <p>– Hai chị em sao thế?</p> <p>– Chúng con...</p> <p>– Chào mừng sinh nhật bố!</p> <p>Hai chị em hồi hộp nhìn bố. Bố ngạc nhiên mở quà, đọc chăm chú.</p> <p>Bố cười giòn giã.</p> <p>– Ngạc nhiên chưa? Hai chị em tặng bố. Con biết là bố ghét nấu ăn không ngon nữa.</p> <p>Chỉ nhìn em. Em nhìn chị. Cả hai nháp tấm thiệp. Thôi, quên xáo động “Nấu ăn không ngon” rồi. Một chị xém rơm. Nhưng bố đã choáng tay ôm hai chị em vào lòng.</p> <p>– Cảm ơn hai con. Đây là món quà độc nhất bố được nhận đấy. Bố muốn thêm một j nữa là. Bố rất yêu các con.</p> <p>Ừ nhỉ, sao cả hai chị em đều quên. Ba bố con cười vang cả nhà.</p> <p>(Phong Đáp)</p> <p>Tư liệu</p> <p>– Hết học gọi là đang về làm một việc gì đó một cách thoải mái, ăn nhón.</p> <p>– Đêm chiều và về một sự nghỉ, ăn nhón về một điều gì đó.</p> <p>– Ăn nhón là nước mắt như sắp khóc.</p> <p>? 1. Hai chị em đã viết gì trong tấm thiệp tặng bố? 2. Từ nào dưới đây thể hiện cảm xúc của bố khi nhận quà của hai chị em?</p> <p>a. ăn nhón b. đêm chiều c. hồi hộp d. ngạc nhiên</p>	
<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng ở câu dài; phân biệt phần lời kể và nội dung trong tấm thiệp; đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc văn bản có nhiều hình thức trình bày.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia đoạn, hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng đoạn và luyện đọc từ khó: ăn nhón, đêm chiều, hồi hộp, ngạc nhiên, rơm rớm.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp, luyện đọc từ khó và sửa lỗi phát âm nếu có.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 3; bạn nghe góp ý cho bạn đọc rõ hơn.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm 3, nhận xét cách đọc của bạn.</p>
<p>- GV mời một số nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, biết thể hiện cảm xúc.</p>
<p>3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút) Mục tiêu: HS nhận biết nội dung tấm thiệp và cảm xúc của bố khi nhận món quà. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: Hai chị em đã viết gì trong tấm thiệp tặng bố?</p>	<p>- HS trả lời: Hai chị em viết những điều về bố như bố rất hiền, nói rất to, ngủ rất nhanh, ghét nói dối, nấu ăn không ngon, yêu mẹ.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại nội dung tấm thiệp, tìm những chi tiết thể hiện sự quan sát của hai chị em về bố.</p>	<p>- HS đọc lại, nêu chi tiết và giải thích: Các bạn quan sát bố rất kỹ, ghi cả điểm đáng yêu và điểm chưa hoàn hảo.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 2: Từ nào thể hiện cảm xúc của bố khi nhận quà?</p>	<p>- HS chọn đáp án: ngạc nhiên.</p>
<p>- GV kết luận: Tấm thiệp tuy đơn giản nhưng chứa tình cảm chân thành của các con dành cho bố.</p>	<p>- HS lắng nghe, nêu được ý nghĩa của tấm thiệp.</p>

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động (3 phút) Mục tiêu: Ôn nội dung tiết 1 và chuẩn bị đọc hiểu tiếp. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- Ôn bài cũ: GV hỏi: Hai chị em đã tặng bố món quà gì? Món quà ấy có gì đặc biệt?</p>	<p>- HS trả lời: Hai chị em tặng bố tấm thiệp; đặc biệt vì có những lời viết chân thật, thể hiện tình yêu thương.</p>

- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu cảm xúc của các nhân vật và luyện viết chữ hoa G, H.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và phần viết.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu cách ứng xử yêu thương, bao dung trong gia đình.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền bày tỏ tình cảm, suy nghĩ trong gia đình và được người thân lắng nghe, tôn trọng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Vì sao bố rất vui khi nhận quà mà người chị lại rơm rớm nước mắt?	- HS trả lời: Vì hai chị em muốn xóa dòng “Bố nấu ăn không ngon” nhưng lại quên xóa, nên người chị lo bố buồn.
- GV nêu câu hỏi 4: Bố đã làm gì để hai chị em cảm thấy rất vui?	- HS trả lời: Bố cảm ơn hai chị em vì món quà đặc biệt và thể hiện tình yêu thương với các con.
- GV nêu câu hỏi 5: Em thích nhất chi tiết nào trong câu chuyện? Vì sao?	- HS nêu ý kiến cá nhân và giải thích lí do: Em thích chi tiết bố cảm ơn vì bố rất yêu thương và bao dung.
- GV hỏi dẫn: Trong gia đình, trẻ em có được bày tỏ suy nghĩ, tình cảm với người thân không? Khi bày tỏ, em cần nói như thế nào?	- HS trả lời: Có. Em cần nói thật, nói lễ phép, biết yêu thương và tôn trọng người thân.
- Tích hợp QCN: Sau câu hỏi dẫn, GV diễn giải: Trẻ em có quyền bày tỏ tình cảm, suy nghĩ trong gia đình và được người thân lắng nghe, tôn trọng. Khi nói với ông bà, cha mẹ, các em cần dùng lời lễ phép, trung thực, chân thành; biết nói lời cảm ơn, xin lỗi và chia sẻ cảm xúc đúng mực để gia đình thêm yêu thương, gắn bó.	- HS nêu lại: Em có quyền nói điều mình nghĩ, nhưng cần nói lễ phép, trung thực và yêu thương.
- GV kết luận: Tình yêu thương trong gia đình thể hiện qua những lời nói, việc làm chân thành và sự bao dung với nhau.	- HS lắng nghe, nêu được bài học của câu chuyện.
3. Luyện đọc lại (6 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại một đoạn văn bộc lộ cảm xúc với giọng phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn bố nhận món quà và hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm.	- HS luyện đọc cá nhân, chú ý nhấn giọng ở từ ngữ bộc lộ cảm xúc.
- GV tổ chức HS đọc theo nhóm 3, phân vai người kể, bố, hai chị em.	- HS đọc phân vai trong nhóm, góp ý cho bạn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc và cách thể hiện cảm xúc.
4. Thực hành viết - Ôn chữ hoa G, H (11 phút) <i>Mục tiêu: HS viết đúng chữ hoa G, H, tên riêng Hà Giang và câu ứng dụng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa G, H và hỏi: Hai chữ này có điểm nào cần chú ý khi viết?	- HS quan sát và nêu: Cần chú ý độ cao, nét cong, nét khuyết và khoảng cách chữ.

	
<ul style="list-style-type: none"> - GV viết mẫu chữ G, H trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình viết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, nhắc lại điểm cần chú ý.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS viết bảng con chữ G, H. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết bảng con, giờ bảng, sửa lỗi về độ cao, độ rộng, nét nổi.
<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập viết: Viết tên riêng Hà Giang và câu ứng dụng trong SGK. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết vào vở, chú ý viết hoa tên riêng, trình bày đúng dòng thơ.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét một số bài viết, nhắc HS sửa lỗi về khoảng cách chữ, dấu thanh và chữ hoa. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tự sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.

5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ cách thể hiện tình cảm với người thân bằng lời nói, việc làm phù hợp.

Mục tiêu tích hợp: HS biết nói lời yêu thương, cảm ơn, xin lỗi; biết trung thực nhận lỗi và giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức.

***Cách tiến hành:**

<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi dẫn: Sau bài học, em có thể làm việc gì để bày tỏ tình yêu thương với bố mẹ hoặc người thân? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Em nói lời cảm ơn, xin lỗi, phụ giúp việc nhà, làm thiệp, viết lời chúc hoặc chăm học để bố mẹ vui.
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp đạo đức, lối sống: Sau câu hỏi dẫn, GV diễn giải: Yêu thương người thân không chỉ thể hiện bằng món quà mà còn bằng lời nói dịu dàng, lời cảm ơn, lời xin lỗi, sự trung thực khi mắc lỗi và những việc làm vừa sức như dọn góc học tập, phụ dọn bàn ăn, chăm sóc em nhỏ. Khi biết quan tâm và chia sẻ, các em góp phần làm cho mái nhà thêm ấm áp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại việc em sẽ làm để thể hiện tình yêu thương với gia đình.
<ul style="list-style-type: none"> - GV dặn HS luyện đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện tập từ chỉ đặc điểm, câu khiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 18: MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT

Tiết 3: Luyện tập - Từ chỉ đặc điểm. Câu khiến

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ.
- Nhận biết được câu khiến, nêu được dấu hiệu nhận biết câu khiến.
- Sử dụng các từ hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé để đặt câu khiến phù hợp tình huống.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc yêu cầu, làm bài và kiểm tra đáp án.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm khi tìm từ, nhận biết kiểu câu và đặt câu khiến.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn cách nói lịch sự, phù hợp với tình huống giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện tập và hoàn thành bài.
- Nhân ái: biết dùng lời nhờ, lời mời, lời đề nghị nhẹ nhàng.
- Trách nhiệm: dùng lời nói lịch sự, không ra lệnh cộc lốc với người thân, bạn bè.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 4.A1.1: GV dùng ChatGPT/Gemini gợi ý câu khiến lịch sự trong các tình huống gia đình; HS chỉnh sửa cách xưng hô cho phù hợp, không sao chép máy móc.
- Tích hợp KNS/đạo đức, lối sống: HS biết dùng lời nhờ, lời mời, lời đề nghị nhẹ nhàng, không ra lệnh cộc lốc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài tập cắt từ SGK, thẻ từ chỉ đặc điểm, thẻ câu kể - câu cảm - câu khiến, phiếu học tập nhóm.; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write khi có tích hợp AI hoặc công cụ số.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, Vở bài tập Tiếng Việt, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung bài đọc và dẫn vào phần luyện tập.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Trong bài Món quà đặc biệt, em nhớ những từ nào dùng để nói về tính cách hoặc đặc điểm của bố?	- HS trả lời: hiền, nói to, ngủ nhanh, yêu mẹ,...
- GV giới thiệu: Tiết này, các em luyện tìm từ chỉ đặc điểm và luyện dùng câu khiến lịch sự trong giao tiếp.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK và vở bài tập.
2. LUYỆN TẬP: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM - BÀI TẬP 1 (8 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ và hiểu nghĩa một số từ.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ, tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ. 	- HS đọc yêu cầu, đọc thầm đoạn thơ và gạch chân từ chỉ đặc điểm.
- GV tổ chức HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.	- HS trao đổi, nêu: dịu dàng, đảm đang, tần tảo, vụng về.
- GV giải nghĩa các từ đảm đang, tần tảo và yêu cầu HS tìm thêm từ chỉ đặc điểm nói về người thân.	- HS nêu thêm: hiền hậu, chăm chỉ, vui vẻ, cẩn thận, yêu thương.
- GV kết luận: Từ chỉ đặc điểm giúp chúng ta nói rõ hơn về tính nết, dáng vẻ, phẩm chất của người hoặc vật.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.
3. LUYỆN TẬP: NHẬN BIẾT CÂU KHIẾN - BÀI TẬP 2, 3 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS phân biệt câu kể, câu cảm, câu khiến và nêu được dấu hiệu nhận biết câu khiến.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng lời nhờ, lời mời, lời đề nghị nhẹ nhàng, không ra lệnh cộc lốc.</i> *Cách tiến hành:	

- Bài tập 2: GV yêu cầu HS ghép mỗi câu với kiểu câu thích hợp: câu kể, câu cảm, câu khiến.	- HS đọc từng câu, đối chiếu mục đích nói và dấu câu để ghép đúng.
- GV nhắc lại: Câu kể dùng để kể, câu cảm dùng để bộc lộ cảm xúc, câu khiến dùng để yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.	- HS lắng nghe và nêu ví dụ minh họa.
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến trong câu ở bài tập 2.	- HS trả lời: Câu khiến thường có từ hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé và có thể kết thúc bằng dấu chấm than.
- GV hỏi dẫn: Khi nói câu khiến với người thân hoặc bạn bè, em cần nói thế nào để người nghe cảm thấy được tôn trọng?	- HS trả lời: Em cần nói nhẹ nhàng, thêm các từ nhé, với, ạ, nào; không quát, không ra lệnh cộc lốc.
- Tích hợp KNS/đạo đức, lối sống: Sau câu hỏi dẫn, GV diễn giải: Câu khiến không có nghĩa là ra lệnh. Trong gia đình và lớp học, các em cần dùng lời nhờ, lời mời, lời đề nghị nhẹ nhàng như: “Mẹ giúp con với nhé!”, “Bạn cho mình mượn bút một lát nhé!”, “Chúng mình cùng dọn bàn nào!”. Cách nói lịch sự giúp người nghe dễ đồng ý và thể hiện sự tôn trọng.	- HS sửa một số câu khiến chưa lịch sự thành câu lịch sự hơn.
- GV chốt: Khi xác định kiểu câu, cần đọc trọn câu, hiểu mục đích nói và quan sát dấu câu kết thúc.	- HS ghi nhớ cách nhận diện kiểu câu.

4. LUYỆN TẬP: ĐẶT CÂU KHIẾN LỊCH SỰ - BÀI TẬP 4 (10 phút)

Mục tiêu: HS đặt được câu khiến phù hợp với tình huống và biết chỉnh sửa câu cho lịch sự.

Mục tiêu tích hợp: HS biết ChatGPT/Gemini có thể gợi ý câu khiến lịch sự; HS tự chỉnh xưng hô, chọn lọc và không sao chép máy móc.

***Cách tiến hành:**

- Bài tập 4: GV yêu cầu HS sử dụng các từ hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé để đặt câu khiến trong các tình huống.	- HS đọc yêu cầu bài tập và chọn từ phù hợp để đặt câu.
- GV tổ chức HS làm nhóm 4, mỗi nhóm đặt câu cho một tình huống.	- HS đặt câu: “Mẹ hướng dẫn con làm bưu thiếp nhé!”, “Các em hãy giữ trật tự nhé!”, “Bố mẹ cho con về thăm quê nhé!”.
- GV hỏi dẫn: Nếu cô dùng ChatGPT hoặc Gemini để gợi ý câu khiến lịch sự, các em có chép nguyên câu không? Cần chỉnh điều gì trước khi dùng?	- HS trả lời: Không chép nguyên câu; cần chỉnh cách xưng hô, lời lẽ cho phù hợp với người nghe và tình huống.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 4.A1.1: Sau câu hỏi dẫn, GV dùng tài khoản giáo viên mở ChatGPT/Gemini, nhập yêu cầu: “Gợi ý 3 câu khiến lịch sự khi nhờ mẹ hướng dẫn làm thiệp”. GV hướng dẫn HS thực hiện theo 3 bước: đọc gợi ý, chỉnh cách xưng hô cho đúng người nghe, tự nói/viết lại bằng lời của mình. GV hướng dẫn HS	- HS quan sát, chỉnh câu gợi ý thành lời nói của mình và nêu lại quy tắc: AI chỉ hỗ trợ gợi ý, em tự chọn và sửa cho lịch sự.

<p>đọc gợi ý, chọn câu phù hợp, chỉnh cách xưng hô như mẹ/con, cô/em, bạn/mình; thêm từ nhé, à, với để lời nói nhẹ nhàng. GV nhấn mạnh AI chỉ gợi ý cách diễn đạt, HS phải tự sửa cho đúng hoàn cảnh, không sao chép máy móc và không nhập thông tin riêng tư của gia đình.</p>	
<p>- GV mời đại diện nhóm đọc câu, nhận xét và chốt cách dùng câu khiến lịch sự.</p>	<p>- HS trình bày; lớp nhận xét câu đã đúng tình huống, lịch sự và rõ ý.</p>
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) Mục tiêu: HS vận dụng câu khiến lịch sự trong giao tiếp hằng ngày. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nói một câu khiến lịch sự để nhờ bạn giúp việc học tập.</p>	<p>- HS nói: “Bạn cho mình mượn bút một lát nhé!”, “Bạn cùng mình đọc lại bài này nhé!”.</p>
<p>- GV dẫn HS về nhà đặt thêm 2 câu khiến lịch sự khi nói với người thân.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 18: MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT

Tiết 4: Luyện tập - Viết đoạn văn tả một đồ vật

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết quan sát đồ vật trong tranh hoặc đồ vật gần gũi trong nhà, trong lớp để ghi lại đặc điểm nổi bật.
- Viết được đoạn văn khoảng 3 - 4 câu tả một đồ vật theo gợi ý; biết đọc lại, sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.
- Biết chia sẻ đoạn văn với bạn và tiếp thu góp ý phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát, ghi ý và hoàn thành đoạn văn.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với bạn để sửa lỗi đoạn văn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn từ ngữ miêu tả phù hợp về màu sắc, hình dáng, kích thước, công dụng của đồ vật.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết đoạn văn cẩn thận, rõ ý.
- Nhân ái: biết trân trọng đồ vật gắn với người thân, biết bày tỏ tình cảm với gia đình.
- Trách nhiệm: giữ gìn tài sản riêng, tài sản chung và đồ dùng học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 4.A1.1: GV dùng ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write tạo bảng gợi ý từ ngữ tả đồ vật theo nhóm màu sắc, hình dáng, công dụng; HS dùng để tham khảo, tự chọn lọc, tự viết câu văn của mình, không sao chép máy móc.
- Tích hợp QCN/đạo đức, lối sống: HS biết bày tỏ cảm xúc, ý kiến về đồ vật, người thân; có trách nhiệm giữ gìn tài sản riêng, tài sản chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài tập viết đoạn văn cắt từ SGK, phiếu quan sát đồ vật, bảng tiêu chí sửa đoạn văn.; tài khoản giáo viên để minh họa ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write khi có tích hợp AI hoặc công cụ số.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ cách quan sát đồ vật và tạo tâm thế viết đoạn văn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi muốn tả một đồ vật, em cần quan sát những đặc điểm nào?	- HS trả lời: Cần quan sát màu sắc, hình dáng, kích thước, chất liệu, công dụng và tình cảm của em với đồ vật.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em quan sát đồ vật và viết đoạn văn tả một đồ vật gần gũi.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. LUYỆN TẬP: QUAN SÁT ĐỒ VẬT - BÀI TẬP 1 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS biết quan sát một đồ vật và ghi lại đặc điểm theo gợi ý.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết bày tỏ cảm xúc, ý kiến về đồ vật yêu thích và có trách nhiệm giữ gìn tài sản riêng, tài sản chung.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: GV cho HS quan sát tranh trong SGK, chọn một đồ vật và ghi lại những điều quan sát được. 	- HS quan sát tranh, chọn đồ vật như xe đạp, đồng hồ, cặp sách, con búp bê, quả bóng,...
- GV hướng dẫn HS ghi theo nhóm đặc điểm: màu sắc, hình dáng, kích thước, công dụng.	- HS ghi nhanh các ý quan sát vào nháp hoặc phiếu.
- GV hỏi dẫn: Đồ vật của em hoặc của lớp có cần được giữ gìn không? Vì sao?	- HS trả lời: Cần giữ gìn vì đó là tài sản giúp em học tập, vui chơi hoặc là món quà của người thân.
- Tích hợp QCN/đạo đức, lối sống: Sau câu hỏi dẫn, GV diễn giải: Các em có quyền bày tỏ cảm xúc, ý kiến về đồ vật mình yêu thích, nhất là đồ vật gần gũi với người thân. Đồng thời, các em có trách nhiệm giữ gìn tài sản riêng, tài sản chung: không làm hỏng, không lấy đồ của bạn khi chưa xin phép, biết cất đồ đúng nơi và sử dụng cẩn thận.	- HS nêu việc làm cụ thể: Em cất đồ đúng học tập đúng chỗ, không làm hỏng đồ của bạn, giữ gìn đồ chơi và đồ dùng trong lớp.
- GV mời 2 - 3 HS nêu đặc điểm đồ vật đã chọn.	- HS trình bày; lớp nhận xét, bổ sung từ ngữ miêu tả.
3. LUYỆN TẬP: VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ ĐỒ VẬT - BÀI TẬP 2 (14 phút) <i>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn 3 - 4 câu tả một đồ vật theo gợi ý.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng ChatGPT/Gemini/Canva Magic Write để tham khảo từ ngữ tả đồ vật, tự chọn lọc và tự viết đoạn văn của mình.</i>	

*Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS quan sát một đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp và viết 3 - 4 câu tả đồ vật đó.	- HS đọc yêu cầu, chọn đồ vật để viết đoạn văn.
- GV nhắc HS viết câu có đủ ý: giới thiệu đồ vật, tả một vài đặc điểm nổi bật, nêu công dụng hoặc tình cảm của em với đồ vật.	- HS ghi nhớ cấu trúc đoạn văn và bắt đầu viết.
- GV hỏi dẫn: Nếu cô dùng ChatGPT, Gemini hoặc Canva Magic Write để tạo bảng gợi ý từ ngữ tả đồ vật, các em dùng gợi ý đó như thế nào cho đúng?	- HS trả lời: Em chỉ tham khảo từ ngữ, tự chọn từ phù hợp, tự viết câu của mình, không chép nguyên đoạn và không nhập thông tin cá nhân.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 4.A1.1: Sau câu hỏi dẫn, GV dùng tài khoản giáo viên mở ChatGPT/Gemini hoặc Canva Magic Write, nhập yêu cầu: “Tạo bảng gợi ý từ ngữ tả chiếc cặp sách theo màu sắc, hình dáng, công dụng cho học sinh lớp 3”. GV hướng dẫn HS thực hiện theo 3 bước: quan sát bảng gợi ý, chọn 2 - 3 từ phù hợp với đồ vật thật, tự đặt câu bằng lời của mình. GV hướng dẫn HS đọc bảng gợi ý, chọn 2 - 3 từ phù hợp với đồ vật thật mình quan sát, sau đó tự đặt câu bằng lời của mình. GV nhấn mạnh AI không viết thay đoạn văn; HS không sao chép nguyên văn, không nhập tên đầy đủ, địa chỉ, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin riêng tư lên công cụ số.	- HS quan sát bảng gợi ý, chọn từ phù hợp, tự viết đoạn văn 3 - 4 câu và kiểm tra lại câu của mình.
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở.	- HS viết đoạn văn, chú ý viết hoa đầu câu, dùng dấu chấm cuối câu và diễn đạt rõ ý.
4. CHIA SẺ - SỬA LỖI (4 phút)	
<i>Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và chỉnh sửa đoạn văn.</i>	
*Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn, đọc bài và góp ý theo tiêu chí: đúng nội dung, đủ câu, dùng từ rõ, dấu câu đúng.	- HS đổi vở, đọc bài của bạn và góp ý nhẹ nhàng.
- GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc bài; lớp nhận xét điểm hay và góp ý thêm nếu cần.
- GV hướng dẫn HS sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý.	- HS sửa lại đoạn văn của mình cho rõ ý hơn.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút)	
<i>Mục tiêu: HS vận dụng bài học vào giữ gìn đồ vật và đọc mở rộng.</i>	
*Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một việc sẽ làm để giữ gìn đồ dùng học tập hoặc đồ vật trong nhà.	- HS nêu: Em bọc sách vở, cất bút đúng hộp, lau bàn học, không làm rơi vỡ đồ dùng.
- GV dặn HS tìm đọc một câu chuyện, bài	- HS ghi nhớ nhiệm vụ đọc mở rộng và chuẩn bị bài

văn, bài thơ viết về hoạt động của người thân trong gia đình; ghi tên bài, tác giả và chi tiết em thích nhất.

sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 11 - Chủ đề 3: MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG

Bài 19: KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ - Bài 20: TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ

BÀI 19: KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ

Tiết 1, 2: Đọc - Khi cả nhà bé tí; Nói và nghe - Những người yêu thương

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Khi cả nhà bé tí; biết ngắt nghỉ hơi đúng ở dòng thơ, khổ thơ và đọc với giọng hồn nhiên, vui tươi.
- Hiểu nội dung bài thơ: suy nghĩ ngộ nghĩnh của bạn nhỏ về ông bà, bố mẹ khi còn bé; cảm nhận được tình yêu thương, sự gắn bó với người thân trong gia đình.
- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; nêu được hình ảnh của mỗi người thân trong suy nghĩ của bạn nhỏ.
- Học thuộc lòng được những khổ thơ em thích.
- Biết đóng vai hỏi - đáp về công việc yêu thích của người thân và kể về việc em thích làm cùng người thân bằng lời nói rõ ràng, tự nhiên.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự điều chỉnh giọng đọc theo góp ý của GV và bạn.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài và thực hiện nhiệm vụ nói - nghe.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết phù hợp để kể, hỏi - đáp và chia sẻ về người thân.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng và hoàn thành nhiệm vụ nói - nghe.
- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm, kính trọng ông bà, cha mẹ và người thân.
- Trách nhiệm: biết thực hiện việc làm vừa sức để giúp đỡ gia đình, giữ gìn nếp sống yêu thương trong mái nhà.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết yêu thương, kính trọng người thân; hiểu trẻ em có quyền được chăm sóc trong gia đình và có bốn phận ứng xử lễ phép.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết thể hiện tình yêu thương bằng lời nói, hành động cụ thể như hỏi han, giúp việc vừa sức, nói lời cảm ơn và xin lỗi trong gia đình.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C4.1: HS hiểu hình ảnh và thông tin là dữ liệu để máy tính lưu giữ kỷ niệm; biết quan sát GV minh họa Google Photos/Google Ảnh tự động nhóm ảnh người thân thành album, không tự ý tải ảnh gia đình lên mạng khi chưa được người lớn đồng ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh chủ điểm Mái nhà yêu thương, tranh bài thơ Khi cả nhà bé tí, tranh phần Nói và nghe, thẻ từ luyện đọc, phiếu học tập nhóm đôi/nhóm bốn; tài khoản giáo viên để minh họa Google Photos khi cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (6 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, giới thiệu chủ điểm và kết nối với bài thơ Khi cả nhà bé tí. *Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu chủ điểm 3: Mái nhà yêu thương. GV nêu: Chủ điểm này giúp các em cảm nhận tình yêu thương trong gia đình, biết quan tâm đến ông bà, cha mẹ và những người thân yêu.	- HS lắng nghe, mở SGK chủ điểm và nêu được: Chủ điểm nói về mái nhà, gia đình, tình cảm của ông bà, cha mẹ, con cháu.
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS về bài Món quà đặc biệt: Hai chị em đã viết gì trong tấm thiệp tặng bố?	- HS trả lời: Hai chị em viết những điều về bố: tính rất hiền, nói rất to, ngủ rất nhanh, ghét nói dối, nấu ăn không ngon, yêu mẹ.
- GV cho HS quan sát tranh minh họa bài thơ trong SGK và hỏi: Tranh vẽ những ai? Bạn nhỏ đang nghĩ đến những người thân nào?	- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh có bạn nhỏ, trong suy nghĩ của bạn có hình ảnh bà, ông, bố, mẹ khi làm những việc quen thuộc.
	
- GV nêu câu hỏi gợi mở: Em đã từng nghe ông bà, bố mẹ kể chuyện lúc mình còn bé chưa? Em thấy điều đó thú vị như thế nào?	- HS chia sẻ: Em từng nghe mẹ kể hồi bé em hay khóc; em nghe bà kể bố hồi nhỏ rất nghịch; em thấy rất vui và tò mò.
- GV giới thiệu bài: Bài thơ Khi cả nhà bé tí thể hiện suy nghĩ hồn nhiên của một bạn nhỏ về những người thân khi còn bé.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Khi cả nhà bé tí.
- GV kết luận: Mỗi người thân đều có những kỉ niệm tuổi thơ đáng yêu; biết lắng nghe câu chuyện của người thân giúp gia đình thêm gần gũi.	- HS nhắc lại: Em cần biết lắng nghe, quan tâm và yêu thương người thân.
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng tiếng, từ, câu; biết ngắt nhịp thơ và đọc với giọng hồn nhiên, vui tươi.	

<i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, hồn nhiên; nhấn giọng ở những câu hỏi ngộ nghĩnh của bạn nhỏ về bà, ông, bố, mẹ.	- HS nghe GV đọc, theo dõi bài thơ trong SGK.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ hơi ở cuối dòng thơ, giữa các khổ thơ; chú ý thể hiện cảm xúc tò mò, đáng yêu của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc thơ đúng nhịp và có cảm xúc.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo, theo dõi trong SGK.
- GV chia đoạn: Bài gồm 5 khổ thơ, mỗi đoạn là 1 khổ thơ.	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu các khổ thơ trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.	- HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc đúng và rõ.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: bé tí, nghịch, đáng đi, nghiêm, chau mặt, đùa nghịch.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh các từ khó và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn HS đọc câu thơ: Khi con / còn bé tí / Chẳng đọc sách, / chơi cờ / Chẳng dọn dẹp, / chữa đồ / Cả ngày / con đùa nghịch.	- HS luyện đọc, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp và đọc rõ nhịp thơ.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc nhóm 2; mỗi bạn đọc một số khổ thơ, bạn nghe góp ý cho bạn đọc rõ hơn.	- HS làm việc nhóm 2, đọc cho bạn nghe, sửa lỗi phát âm và ngắt nhịp.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương nhóm đọc tốt.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, biết thể hiện cảm xúc.
- GV kết luận: Khi đọc thơ, các em cần đọc rõ từng dòng, ngắt nhịp phù hợp và thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình.	- HS ghi nhớ cách đọc bài thơ.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút)	
<i>Mục tiêu: HS tìm được chi tiết trong bài và hiểu suy nghĩ hồn nhiên của bạn nhỏ về người thân.</i>	
<i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu câu hỏi 1: Bạn nhỏ đã hỏi về những ai?	- HS trả lời: Bạn nhỏ hỏi về bà, ông, bố và mẹ.
- GV nêu câu hỏi 2: Bạn nhỏ thắc mắc điều gì? a. Bạn ấy thế nào khi còn bé? b. Mọi người như thế nào khi còn bé? c. Mọi người khi còn bé có giống bạn ấy không?	- HS chọn phương án b: Bạn nhỏ thắc mắc mọi người như thế nào khi còn bé.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Tìm	- HS trao đổi và nêu: Bà có nghịch lắm không? Ông

các câu hỏi của bạn nhỏ dành cho bà, ông, bố, mẹ.	có nghiêm như bây giờ không? Bố có thích lái ô tô không? Mẹ có thích cắm hoa, đi chợ, đọc sách không?
- GV ghi nhanh từ khóa lên bảng: bà, ông, bố, mẹ, khi còn bé, công việc yêu thích.	- HS đọc lại các từ khóa và ghi nhớ nội dung bài thơ.
- GV kết luận: Bạn nhỏ rất yêu quý và tò mò về người thân nên tưởng tượng xem khi còn bé, mọi người có giống mình không.	- HS nhắc lại: Bạn nhỏ yêu thương và quan tâm đến người thân trong gia đình.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị đọc hiểu tiếp. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại những người thân được nhắc đến trong bài thơ.	- HS ôn lại bài cũ: HS nêu bà, ông, bố, mẹ và bạn nhỏ.
- GV hỏi: Bạn nhỏ trong bài thơ có suy nghĩ gì đặc biệt về người thân?	- HS trả lời: Bạn nhỏ thắc mắc khi còn bé, người thân của mình có giống bây giờ không.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu hình ảnh người thân trong suy nghĩ của bạn nhỏ và luyện nói về những người yêu thương.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và phần Nói - nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4 (10 phút) Mục tiêu: HS hiểu sâu hơn nội dung bài thơ, nêu được tình cảm của bạn nhỏ với người thân. Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết trẻ em có quyền được yêu thương, chăm sóc trong gia đình và có bốn phận lễ phép, kính trọng người thân. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Hình ảnh của mỗi người trong gia đình hiện ra như thế nào trong suy nghĩ của bạn nhỏ?	- HS trả lời: Bà có dáng hơi còng, chăm quét dọn nhà; ông nghiêm nghị, chơi cờ, uống trà; bố thích lái ô tô, sửa đồ, xem bóng đá; mẹ thích cắm hoa, đi chợ, đọc sách.
- GV nêu câu hỏi 4: Em thích hình ảnh của ai nhất? Vì sao?	- HS trả lời theo ý riêng: Em thích hình ảnh của bà vì bà chăm quét dọn; em thích bố vì bố sửa đồ; em thích mẹ vì mẹ đọc sách và cắm hoa.
- GV hỏi dẫn: Qua tình cảm của bạn nhỏ dành cho ông bà, bố mẹ, em thấy trẻ em trong gia đình cần được hưởng những quyền gì và cần thực hiện bốn phận nào?	- HS trả lời: Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc; em cần lễ phép, biết ơn, giúp đỡ người thân.
- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Trẻ em có quyền được sống trong gia đình, được yêu thương, chăm sóc, lắng nghe và bảo vệ. Cùng với quyền đó, các em có bốn phận	- HS nêu việc làm cụ thể: Em chào hỏi ông bà, giúp bố mẹ dọn bàn ăn, lấy nước cho bà, nói lời cảm ơn và xin lỗi khi cần.

<p>kính trọng ông bà, cha mẹ, nói lời lễ phép, biết hỏi thăm, giúp việc vừa sức, không làm người thân buồn và thể hiện tình yêu thương bằng hành động cụ thể hằng ngày.</p>	
<p>- GV nhận xét, chốt nội dung chính của bài thơ: Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương của bạn nhỏ với người thân qua những câu hỏi hồn nhiên, đáng yêu.</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại nội dung chính.</p>

3. Luyện tập - Học thuộc lòng khổ thơ em thích (6 phút)

Mục tiêu: HS học thuộc lòng một số khổ thơ và đọc diễn cảm.

*Cách tiến hành:

<p>- GV yêu cầu HS chọn 3 khổ thơ em thích để luyện đọc thuộc lòng.</p>	<p>- HS chọn 3 khổ thơ, đọc thầm nhiều lượt để ghi nhớ.</p>
<p>- GV tổ chức HS đọc thuộc theo cặp, bạn nghe nhắc nhẹ nếu bạn quên.</p>	<p>- HS đọc thuộc theo cặp, sửa cho nhau cách đọc và nhịp thơ.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc trước lớp.</p>	<p>- HS đọc thuộc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.</p>
<p>- GV kết luận: Học thuộc thơ giúp các em ghi nhớ những hình ảnh đẹp về người thân.</p>	<p>- HS lắng nghe, tiếp tục luyện đọc thuộc ở nhà.</p>

4. Luyện tập - Nói và nghe: Những người yêu thương (11 phút)

Mục tiêu: HS đóng vai hỏi - đáp và kể được việc em thích làm cùng người thân.

Mục tiêu tích hợp: HS hiểu hình ảnh, thông tin là dữ liệu để máy tính lưu giữ kỉ niệm; biết sử dụng AI dưới sự hướng dẫn của GV, không tự ý chia sẻ ảnh gia đình.

*Cách tiến hành:

<p>- GV cho HS quan sát tranh gợi ý trong SGK và đọc yêu cầu: Đóng vai, hỏi - đáp về công việc yêu thích của những người thân trong gia đình.</p>  <p>1. Bạn nhỏ đã hỏi về những ai? 2. Bạn nhỏ thắc mắc điều gì? a. Bạn ấy thế nào khi còn bé? b. Mọi người như thế nào khi còn bé? c. Mọi người khi còn bé có giống bạn ấy không? 3. Hình ảnh của mỗi người trong gia đình hiện ra như thế nào trong suy nghĩ của bạn nhỏ? 4. Em thích hình ảnh của ai nhất? * Học thuộc lòng những khổ thơ em thích.</p> <p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>Những người yêu thương</p> <p>1. Đóng vai, hỏi - đáp về công việc yêu thích của những người thân trong gia đình.</p>  <p>M: = Hằng ngày, bà của bạn thích làm gì?</p>	<p>- HS quan sát tranh, đọc yêu cầu và chuẩn bị đóng vai.</p>
---	---

- GV hướng dẫn mẫu: Hằng ngày, bà của bạn thích làm gì? Bà có thích đọc báo và thường đọc báo Sức khỏe và Đời sống.	- HS theo dõi mẫu, nhận xét cách hỏi - đáp lễ phép, rõ ràng.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2, luân phiên đóng vai hỏi - đáp về việc người thân thích làm.	- HS làm việc nhóm 2, hỏi - đáp về công việc yêu thích của bà, ông, bố, mẹ hoặc người thân.
- GV nêu yêu cầu 2: Kể về những việc em thích làm cùng người thân.	- HS chuẩn bị: Em thích nấu ăn cùng mẹ, đọc sách cùng bố, tưới cây với ông, đi chợ cùng bà.
- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp và hướng dẫn lớp nhận xét: nói rõ việc, nói được làm với ai, nói có cảm xúc.	- HS trình bày trước lớp; lớp nhận xét bạn nói rõ, tự nhiên, biết nhìn người nghe.
- GV hỏi dẫn: Nếu gia đình lưu giữ nhiều ảnh kỉ niệm, Google Photos/Google Ảnh có thể giúp sắp xếp ảnh như thế nào? Khi xem cô minh họa, các em cần lưu ý điều gì?	- HS trả lời: Ứng dụng có thể nhóm ảnh người thân thành album; chúng em không tự ý đưa ảnh gia đình lên mạng, không chia sẻ ảnh khi chưa xin phép.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C4.1: GV minh họa bằng tài khoản giáo viên cách Google Photos/Google Ảnh dùng AI để nhận diện khuôn mặt, thời gian, địa điểm và nhóm ảnh thành album kỉ niệm gia đình. GV nhấn mạnh: hình ảnh, tên người, địa điểm, ngày tháng là dữ liệu cá nhân; HS chỉ quan sát phần GV trình chiếu, không tự tải ảnh người thân lên công cụ số, không gửi ảnh gia đình cho người lạ và phải hỏi ý kiến người lớn trước khi chia sẻ.	- HS nêu lại: Ảnh gia đình là thông tin riêng tư; em chỉ xem minh họa của GV và không tự đăng, gửi, chia sẻ ảnh người thân khi chưa được phép.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng bài học vào ứng xử yêu thương trong gia đình.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết thể hiện tình yêu thương bằng lời nói, hành động cụ thể và hình thành lối sống nhân ái, có trách nhiệm. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi dẫn: Sau bài học hôm nay, em sẽ làm việc gì để thể hiện tình yêu thương với ông bà, cha mẹ?	- HS chia sẻ: Em sẽ hỏi thăm ông bà, phụ giúp mẹ dọn bàn ăn, đọc thơ cho bố mẹ nghe, nói lời cảm ơn.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Yêu thương người thân không chỉ là nói “con yêu ông bà, bố mẹ” mà còn là biết chào hỏi lễ phép, giúp việc vừa sức, lắng nghe khi người thân trò chuyện, nói lời cảm ơn và xin lỗi đúng lúc. Những hành động nhỏ hằng ngày giúp gia đình thêm ấm áp và rèn cho các em lối sống nhân ái, giản	- HS nhắc lại: Em biết nói lời yêu thương, giúp việc vừa sức và quan tâm người thân trong gia đình.

dị, có trách nhiệm.	
- GV dẫn HS về nhà đọc bài thơ Khi cả nhà bé tí cho người thân nghe và hỏi người thân thích làm gì khi còn bé.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 19: KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Khi cả nhà bé tí

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 3 khổ thơ cuối trong bài Khi cả nhà bé tí; trình bày sạch đẹp, đúng chính tả.
- Viết đúng từ ngữ chứa vần iu/ưu hoặc iên/iêng.
- Biết tự soát lỗi, sửa lỗi chính tả và chia sẻ cách ghi nhớ từ khó với bạn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị vở viết, chủ động nghe - viết và tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: đổi vở kiểm tra chéo, góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng quy tắc chính tả để chọn tiếng, từ phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: viết bài cẩn thận, nắn nót.
- Trung thực: tự kiểm tra và sửa lỗi thật đúng.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp, biết chia sẻ bài học với gia đình.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết yêu thương, kính trọng người thân; hiểu trẻ em có quyền được chăm sóc trong gia đình và có bổn phận ứng xử lễ phép.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết đọc thơ, trò chuyện lễ phép với người thân; hình thành thói quen chia sẻ điều học được ở lớp với gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài thơ Khi cả nhà bé tí, tranh/bài tập chính tả cắt từ SGK, bảng phụ từ khó, phiếu soát lỗi chính tả.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, nhắc lại nội dung bài thơ trước khi nghe - viết. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV tổ chức cho HS thi đọc một khổ thơ yêu thích trong bài Khi cả nhà bé tí.	- HS ôn lại bài cũ: HS đọc một khổ thơ, chú ý đọc rõ nhịp và cảm xúc.
- GV hỏi: Bài thơ giúp em nhớ đến điều gì về người thân trong gia đình?	- HS trả lời: Bài thơ giúp em nhớ đến ông bà, bố mẹ và những việc làm thân thuộc của người thân.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết 3 khổ thơ cuối và luyện viết đúng các tiếng có vần iu/ưu, iên/iêng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô ly, bảng con.

2. Khám phá - Hoạt động nghe - viết (20 phút)

Mục tiêu: HS hiểu nội dung, nhận xét cách trình bày bài thơ; nghe - viết đúng bài, biết tự soát và sửa lỗi.

Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết và biết chia sẻ điều học được với gia đình bằng lời nói lễ phép.

***Cách tiến hành:**

- GV cho HS quan sát đoạn viết trong SGK và đọc mẫu 3 khổ thơ cuối.



- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu nội dung: bạn nhỏ tự nghĩ về mình khi còn bé tí.

- GV hỏi: Trong đoạn viết, bạn nhỏ tự nói về mình như thế nào?

- HS trả lời: Khi còn bé tí, bạn nhỏ chưa đọc sách, chưa chơi cờ, chưa dọn dẹp, chưa đồ mà cả ngày đùa nghịch.

- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: Bài thơ có các dòng thơ ngắn; chữ đầu dòng thơ viết hoa; cuối câu có dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi.

- HS nêu cách trình bày bài thơ, chú ý viết hoa chữ đầu dòng và ghi dấu câu đúng.

- GV yêu cầu HS luyện viết bằng con các từ khó: dọn dẹp, chữa đồ, đùa nghịch, uống trà buổi sáng.

- HS viết bằng con, giờ bằng, sửa lỗi theo hướng dẫn của GV.

- GV nhắc HS tư thế ngồi viết: lưng thẳng, mắt cách vở khoảng 25 - 30 cm, tay giữ vở ngay ngắn.

- HS điều chỉnh tư thế ngồi viết đúng.

- GV đọc từng dòng thơ hoặc cụm từ ngắn, đọc rõ ràng, tốc độ vừa phải.

- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, chú ý viết đúng chính tả và trình bày đúng dòng thơ.

- GV đọc lại toàn bài một lượt để HS soát lỗi.

- HS dùng bút chì soát lỗi, sửa lỗi sai về âm đầu, vần, dấu thanh, chữ hoa và dấu câu.

- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn bên cạnh để kiểm tra chéo một số lỗi dễ sai.

- HS đổi vở, gạch nhẹ dưới lỗi cần sửa và trao đổi với bạn cách sửa đúng.

- GV hỏi dẫn: Khi viết hoặc đọc lại bài thơ về người thân, em cần thể hiện thái độ như thế nào?	- HS trả lời: Em cần viết cẩn thận, đọc thơ lễ phép, biết yêu thương và kính trọng người thân.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Khi nghe - viết bài thơ về gia đình, các em cần rèn sự cẩn thận, trung thực khi soát lỗi và biết trân trọng lời thơ nói về người thân. Sau giờ học, các em có thể đọc thơ cho ông bà, cha mẹ nghe bằng giọng lễ phép, vui vẻ; đó cũng là cách chia sẻ điều học được ở lớp với gia đình và thể hiện tình yêu thương.	- HS lắng nghe, tự nhắc mình viết cẩn thận, biết đọc thơ và trò chuyện lễ phép với người thân.

3. Luyện tập: Hoạt động làm bài tập (8 phút)

Mục tiêu: HS làm đúng bài tập chính tả và mở rộng vốn từ.

*Cách tiến hành:

- Bài tập 2a: Chọn từ ngữ trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.	- HS đọc yêu cầu, chọn đúng các từ: lựu, trĩu, địu, lịu.
- Bài tập 2b: Chọn tiếng trong bông hoa thay cho mỗi ô vuông. 	- HS đọc yêu cầu, chọn đúng các tiếng: biển, biếng, tiếng, tiền.
- GV yêu cầu HS viết vào vở 1 - 2 câu đã hoàn thành ở bài tập 2.	- HS viết câu vào vở, đổi vở cho bạn kiểm tra và sửa lỗi nếu có.
- GV kết luận: Khi làm bài tập chính tả, các em cần đọc kỹ câu, hiểu nghĩa của từ và kiểm tra lại sau khi viết.	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ nội dung bài học với gia đình; nhắc lại nội dung chính và chuẩn bị bài sau.

Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được yêu thương trong gia đình và có bốn phận lễ phép, kính trọng người thân.

*Cách tiến hành:

- GV hỏi dẫn: Khi về nhà đọc bài thơ cho người thân nghe, em nên nói và làm gì để thể hiện sự lễ phép?	- HS trả lời: Em chào hỏi, xin phép đọc thơ, đọc rõ ràng, cảm ơn người thân đã lắng nghe.
- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Trẻ em được quyền chia sẻ điều học được với người thân, được lắng nghe và động viên trong gia đình. Các em cũng cần biết đáp lại tình yêu thương bằng lời nói lễ phép,	- HS nêu lại việc cần làm: đọc thơ lễ phép, biết cảm ơn, giúp việc nhà và kính trọng người thân.

thái độ kính trọng, việc làm vừa sức và không quên cảm ơn khi được người thân quan tâm.	
- GV nhận xét bài viết, dặn HS sửa lỗi chính tả và chuẩn bị Bài 20: Trò chuyện cùng mẹ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ sửa lỗi và chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 20: TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ

Tiết 1, 2: Đọc - Trò chuyện cùng mẹ; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Trò chuyện cùng mẹ; biết ngắt nghỉ câu đúng, đọc lời kể và lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp.
- Hiểu nội dung bài đọc: tình cảm yêu thương, những buổi tối vui vẻ, đầm ấm của gia đình Thu qua việc đọc sách và trò chuyện trước giờ ngủ.
- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; biết đóng vai nhân vật nhắc lại chuyện đã kể cho mẹ nghe.
- Đọc được bài về tình cảm của người thân trong gia đình, ghi phiếu đọc sách và chia sẻ về nhân vật yêu thích.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự chuẩn bị bài đọc mở rộng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm khi tìm hiểu bài, chia sẻ phiếu đọc sách và lắng nghe bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết để nêu cảm nghĩ về tình cảm gia đình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, lắng nghe và chia sẻ với người thân.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn nếp trò chuyện, sinh hoạt gia đình lành mạnh, an toàn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.2.CB1a: HS biết lựa chọn cách giao tiếp phù hợp với người thân qua điện thoại, tin nhắn hoặc cuộc gọi video; biết nói lời lịch sự, không chia sẻ thông tin riêng tư của gia đình trên môi trường số.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết trò chuyện lễ phép, lắng nghe người thân, chia sẻ việc học tập và cảm xúc hằng ngày với cha mẹ.
- Tích hợp NLS 2.5.CB2a: HS biết giữ gìn thông tin riêng tư của gia đình khi kể chuyện, đọc mở rộng hoặc chia sẻ trên môi trường số; không tự ý đăng hình ảnh, câu chuyện gia đình nếu chưa được người thân đồng ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Trò chuyện cùng mẹ, phiếu đọc sách, thẻ câu hỏi, bảng tiêu chí chia sẻ bài đọc; thiết bị của GV để minh họa giao tiếp số an toàn.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, sách/bài đọc mở rộng, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (6 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối bài học với hoạt động trò chuyện trong gia đình. *Cách tiến hành:	

<p>- Ôn bài cũ: GV hỏi HS nêu một việc em thích làm cùng người thân trong bài Khi cả nhà bé tí.</p>	<p>- HS ôn lại bài cũ: Em thích đọc sách với mẹ, tưới cây với ông, dọn dẹp với bà, xem bóng đá với bố.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS chia sẻ: Buổi tối ở nhà, gia đình em thường làm gì cùng nhau?</p>	<p>- HS chia sẻ: Gia đình em ăn cơm, đọc sách, xem thời sự, kể chuyện, chuẩn bị đồ dùng học tập.</p>
<p>- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì? Ba mẹ con đang làm gì?</p> 	<p>- HS trả lời: Tranh vẽ mẹ và hai con trong phòng ngủ, các bạn đang trò chuyện cùng mẹ trước giờ ngủ.</p>
<p>- GV giới thiệu bài: Bài đọc Trò chuyện cùng mẹ kể về những phút giây vui vẻ, ấm áp của ba mẹ con bạn Thư trước giờ đi ngủ.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Trò chuyện cùng mẹ.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (17 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, biết đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, ấm áp; lời mẹ dịu dàng, lời Thư và Hân vui vẻ, hồn nhiên.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các lời thoại, nhấn vào các câu: “Năm phút nữa thôi nhé!”, “Chỉ là đến giờ ngủ thì phải ngủ thôi.”</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc lời kể và lời nhân vật.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến cứ được cộng thêm mãi. Đoạn 2: Tiếp theo đến hai chị em cười như nắc nẻ. Đoạn 3: Còn lại.</p>	<p>- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn; bạn khác theo dõi và</p>

	nhận xét cách đọc.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: rành rọt, nắc nẻ, rúc rích, đầm ấm.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh các từ khó.
- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: Thư thì kể cho mẹ nghe chuyện được cô giáo mời đọc bài văn trước cả lớp, về những bài toán thử trí thông minh các bạn thường đồ nhau trong giờ ra chơi.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc nhóm 3, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm 3, góp ý cho bạn đọc rõ hơn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, sửa lỗi và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.

3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS tìm được chi tiết cho thấy ba mẹ con thích trò chuyện và lí do thời gian trò chuyện được cộng thêm.

**Cách tiến hành:*

- GV nêu câu hỏi 1: Chi tiết nào cho thấy ba mẹ con Thư rất thích trò chuyện với nhau trước khi đi ngủ?	- HS trả lời: Thời gian vui nhất trong buổi tối; những câu chuyện thường nối vào nhau không dứt; ba mẹ con rúc rích mãi không chán.
- GV nêu câu hỏi 2: Vì sao thời gian trò chuyện của ba mẹ con cứ được cộng thêm mãi?	- HS trả lời: Vì ba mẹ con có nhiều điều để kể, để hỏi, để nghe mẹ kể và cùng cười vui với nhau.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Tìm trong bài những việc Thư và Hân thường kể cho mẹ nghe.	- HS trao đổi: Thư kể chuyện ở lớp, chuyện được cô mời đọc bài văn, bài toán đố; Hân kể trò chơi, món quà chiều, chuyện với các bạn.
- GV kết luận: Những cuộc trò chuyện trước giờ ngủ giúp mẹ con hiểu nhau hơn và làm gia đình thêm ấm áp.	- HS lắng nghe, nêu được ý nghĩa của việc trò chuyện trong gia đình.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài đọc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu một chi tiết cho thấy ba mẹ con Thư thích trò chuyện.	- HS ôn lại bài cũ: Ba mẹ con rúc rích mãi không chán, thời gian cứ được cộng thêm.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu mẹ đã kể gì và vì sao câu chuyện giúp gia đình thêm yêu thương.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và đọc mở rộng.

2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4, 5 (12 phút)

Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc, nêu được cảm nghĩ sau khi đọc câu chuyện.

Mục tiêu tích hợp: HS biết trò chuyện lễ phép, lắng nghe người thân, chia sẻ việc học tập và cảm xúc hằng ngày với cha mẹ.

**Cách tiến hành:*

- GV nêu câu hỏi 3: Mẹ đã kể cho chị em Thư những chuyện gì?	- HS trả lời: Mẹ kể về công việc của mẹ và chuyện ngày mẹ còn bé.
- GV nêu câu hỏi 4: Đóng vai Thư hoặc Hân nhắc lại những chuyện mình đã kể cho mẹ nghe.	- HS đóng vai, kể lại bằng lời của mình: Con kể chuyện được cô mời đọc bài văn; con kể trò chơi ở lớp, món quà chiều, chuyện với bạn.
- GV nêu câu hỏi 5: Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện.	- HS nêu: Em thích những cuộc trò chuyện ấm áp của mẹ con Thư; em muốn kể với mẹ nhiều hơn về việc học của mình.
- GV hỏi dẫn: Khi trò chuyện với ông bà, cha mẹ, em cần nói và nghe như thế nào để thể hiện sự lễ phép, yêu thương?	- HS trả lời: Em cần nói nhẹ nhàng, lắng nghe, không ngắt lời, biết cảm ơn, xin lỗi và chia sẻ thật lòng.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Trò chuyện trong gia đình là cơ hội để các em chia sẻ việc học, niềm vui, nỗi buồn và lắng nghe người thân. Khi trò chuyện, các em cần dùng lời lễ phép, nhìn người nghe, không cáu gắt, biết cảm ơn khi được quan tâm và biết xin lỗi khi làm sai. Thói quen trò chuyện tích cực giúp gia đình thêm gần gũi và rèn cho các em lối sống nhân ái, biết tôn trọng người thân.	- HS nhắc lại: Em sẽ trò chuyện lễ phép, lắng nghe và chia sẻ với cha mẹ mỗi ngày.

3. Luyện đọc lại - Đọc phân vai (6 phút)

Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn có lời thoại với giọng phù hợp.

**Cách tiến hành:*

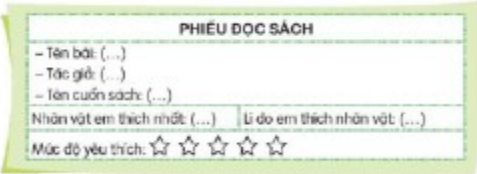
- GV chọn đoạn ba mẹ con trò chuyện trước giờ ngủ, giao nhiệm vụ đọc phân vai: người dẫn chuyện, mẹ, Thư, Hân.	- HS luyện đọc phân vai trong nhóm, chú ý giọng mẹ dịu dàng, giọng Thư và Hân hồn nhiên.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét nhóm đọc đúng lời nhân vật và biết thể hiện cảm xúc.
- GV kết luận: Khi đọc phân vai, các em cần đọc rõ lời thoại và thể hiện đúng tình cảm gia đình trong câu chuyện.	- HS ghi nhớ cách đọc phân vai.

4. Luyện tập - Đọc mở rộng (10 phút)

Mục tiêu: HS biết tìm đọc văn bản về tình cảm gia đình, ghi phiếu đọc sách và chia sẻ với bạn.

Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ gìn thông tin riêng tư của gia đình khi kể chuyện, đọc mở rộng hoặc chia sẻ trên môi trường số.

**Cách tiến hành:*

<p>- GV cho HS quan sát phiếu đọc sách trong SGK và nêu yêu cầu: Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về tình cảm của người thân trong gia đình.</p> 	<p>- HS quan sát phiếu đọc sách, xác định thông tin cần ghi: tên bài, tác giả, nhân vật em thích nhất, lí do yêu thích.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chọn bài đọc ở thư viện lớp, thư viện trường hoặc sách do người thân gợi ý.</p>	<p>- HS lắng nghe, chọn bài đọc phù hợp, đọc thầm và ghi thông tin vào phiếu.</p>
<p>- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm 4 về nhân vật em yêu thích nhất: nhân vật đó làm gì, có gì thú vị, em học được điều gì.</p>	<p>- HS chia sẻ trong nhóm 4, bạn nghe nhận xét và đặt câu hỏi lịch sự.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Khi kể lại câu chuyện gia đình hoặc chia sẻ phiếu đọc sách trên nhóm lớp, em cần giữ gìn những thông tin nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em không chia sẻ ảnh, địa chỉ nhà, số điện thoại, chuyện riêng của gia đình khi chưa được người thân đồng ý.</p>
<p>- Tích hợp NLS 2.5.CB2a: GV diễn giải: Khi đọc mở rộng hoặc chia sẻ bài đọc về gia đình, các em chỉ nên nói những thông tin phù hợp với bài học như tên bài, nhân vật, điều em học được. Không tự ý đăng ảnh người thân, kể chuyện riêng tư, địa chỉ nhà, số điện thoại hoặc thông tin cá nhân của gia đình lên mạng. Nếu muốn chia sẻ hình ảnh hay câu chuyện thật của gia đình, các em phải hỏi ý kiến cha mẹ hoặc người thân trước.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em chỉ chia sẻ thông tin phù hợp, không tự đăng ảnh hay chuyện riêng của gia đình.</p>
<p>5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: HS liên hệ việc giao tiếp với người thân trong đời sống hằng ngày. Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn cách giao tiếp số phù hợp với người thân và sử dụng lời nói lịch sự, an toàn. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hỏi dẫn: Nếu người thân đi xa, em có thể trò chuyện bằng cách nào? Khi gọi điện, nhắn tin hoặc gọi video, em cần nói thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em có thể gọi điện, nhắn tin, gọi video; cần chào hỏi, nói rõ ý, không nói lời cộc lốc, không gửi thông tin riêng tư.</p>
<p>- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.2.CB1a: GV diễn giải: Điện thoại, tin nhắn, cuộc gọi video giúp các em giữ liên lạc với người thân, nhất là khi người thân ở xa. Khi giao tiếp trên môi trường số, các em cần chào hỏi lễ phép, nói ngắn gọn, đúng mục đích,</p>	<p>- HS nêu lại: Em sẽ giao tiếp lịch sự, an toàn và xin phép người lớn khi dùng thiết bị số.</p>

không gửi hình ảnh riêng tư, mật khẩu, địa chỉ nhà hoặc thông tin gia đình cho người lạ; chỉ sử dụng thiết bị khi được người lớn cho phép và hướng dẫn.	
- GV dẫn HS về nhà trò chuyện với người thân về một việc vui trong ngày và chuẩn bị tiết Luyện tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 20: TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ

Tiết 3: Luyện tập - Mở rộng vốn từ về người thân. Dấu hai chấm

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Mở rộng được vốn từ về người thân trong gia đình.
- Nhận biết được dấu hai chấm và tác dụng của dấu hai chấm: báo hiệu phân liệt kê, báo hiệu phần giải thích.
- Biết vận dụng từ ngữ về người thân và dấu hai chấm trong nói, viết phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, tìm từ và hoàn thành bài tập.
- Giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định tác dụng của dấu hai chấm trong từng câu cụ thể.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực làm bài, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: biết dùng từ xưng hô yêu thương, lễ phép với người thân.
- Trách nhiệm: trình bày bài rõ ràng, biết sửa lỗi theo góp ý.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết dùng từ xưng hô, lời nói yêu thương, lễ phép khi trò chuyện với người thân; biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của ông bà, cha mẹ, anh chị em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, đoạn văn bài tập, thẻ từ về người thân, bảng tác dụng của dấu hai chấm, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ bài đọc và giới thiệu yêu cầu luyện tập từ ngữ, dấu câu. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS trong bài Trò chuyện cùng mẹ, ba mẹ con thường trò chuyện về những điều gì?	- HS ôn lại bài cũ: Các bạn kể chuyện ở lớp, mẹ kể chuyện công việc, chuyện ngày mẹ còn bé.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em mở rộng vốn từ về người thân và tìm hiểu thêm tác dụng của dấu hai chấm.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.

2. Luyện tập - Mở rộng vốn từ về người thân: Bài tập 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ chỉ người thân và phân loại theo bên nội, bên ngoại.

***Cách tiến hành:**

- Bài tập 1: Tìm các từ ngữ chỉ người thân trong đoạn văn.

Bà nội của tôi là bà ngoại em Đốm. Hai chị em tôi đều rất quý bà vì cả hai đều được bà chăm sóc từ khi mới sinh. Không phải chỉ đối với tôi và Đốm, mà sau này, em My, em Chấm ra đời, bà đều nâng niu bế ẵm từ lúc lọt lòng.

(Theo Vũ Tú Nam)

- HS đọc yêu cầu, đọc đoạn văn và tìm từ chỉ người thân.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, gạch dưới các từ ngữ chỉ người thân.

- HS làm việc nhóm 2, nêu các từ: bà nội, bà ngoại, bà, em, chị.

- Bài tập 2: Tìm thêm từ ngữ chỉ những người thân bên nội và bên ngoại.

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ và làm việc nhóm.

- GV hướng dẫn HS phân loại: bên nội gồm người thân phía bố; bên ngoại gồm người thân phía mẹ; có từ dùng được cho cả hai bên.

- HS phân loại: bên nội có ông nội, bà nội, bác, chú, thím, cô; bên ngoại có ông ngoại, bà ngoại, cậu, mợ, dì, bác.

- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung.

- HS trình bày; các nhóm khác nhận xét và bổ sung từ còn thiếu.

3. Luyện tập - Dấu hai chấm: Bài tập 3, 4 (15 phút)

Mục tiêu: HS xác định được tác dụng của dấu hai chấm trong câu.

Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng từ xưng hô, lời nói yêu thương, lễ phép khi trò chuyện với người thân.

***Cách tiến hành:**

- Bài tập 3: Dấu hai chấm trong câu dùng để làm gì?

Cảnh vật xung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(Theo Thanh Tịnh)

- HS đọc yêu cầu và các phương án trả lời.

- GV giúp HS nhớ lại: Dấu hai chấm có thể báo hiệu phần giải thích hoặc phần liệt kê.

- HS lắng nghe, nhắc lại hai tác dụng của dấu hai chấm.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, chọn đáp án phù hợp.

- HS chọn đáp án: Dấu hai chấm báo hiệu phần giải thích.

- Bài tập 4: Xác định công dụng của dấu hai chấm trong mỗi câu văn.

Báo hiệu phần giải thích

Báo hiệu phần liệt kê

a. Trong cái túi vải thô của bà có đủ thứ quả, mùa nào thức nấy: nhãn tháng Sáu, na tháng Bảy, roi mùa hạ, gương sen mùa thu.
(Theo Ma Văn Kháng)

b. Hoa giấy có một đặc điểm khác với nhiều loài hoa: hoa rụng mà vẫn còn tươi nguyên.
(Theo Trần Hoài Dương)

c. Chú sóc có bộ lông khá đẹp: lưng xám nhung bụng và chóp đuôi lại đỏ rực.
(Theo Ngô Quân Miện)

- HS đọc từng câu, nhận biết dấu hai chấm báo hiệu phần liệt kê hay phần giải thích.

- GV hỏi dẫn: Khi dùng từ xưng hô với

- HS trả lời: Em cần gọi đúng vai vế, nói nhẹ nhàng,

người thân hoặc giải thích điều mình muốn nói, em cần nói như thế nào để thể hiện sự lễ phép?	rõ ý, không cãi lời, biết lắng nghe người lớn.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Từ ngữ xưng hô trong gia đình thể hiện tình cảm và sự kính trọng. Khi trò chuyện với ông bà, cha mẹ, anh chị em, các em cần dùng lời xưng hô đúng vai vế, nói rõ ràng, nhẹ nhàng, biết lắng nghe và không ngắt lời. Khi dùng dấu hai chấm để giải thích hoặc liệt kê, các em cũng cần trình bày ý rõ ràng để người thân hiểu đúng điều mình muốn nói.	- HS nêu lại: Em dùng từ xưng hô lễ phép, nói rõ ý và biết lắng nghe người thân.
4. Vận dụng - Trải nghiệm (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng vốn từ về người thân và dấu hai chấm vào giao tiếp hằng ngày.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS nói một câu có từ chỉ người thân và sử dụng lời nói lễ phép.	- HS nói: Bà ngoại em rất hiền. Em thưa với mẹ: “Mẹ ơi, con đã làm xong bài.”
- GV tổ chức nhanh trò chơi Ai nhanh - Ai đúng: nêu từ chỉ người thân trong gia đình.	- HS tham gia trò chơi, nêu từ chính xác và nhận xét bạn.
- GV dẫn HS về nhà tìm thêm 5 từ chỉ người thân và đặt 1 câu có dấu hai chấm.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 20: TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ

Tiết 4: Luyện tập - Viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Quan sát tranh, nêu được đặc điểm của ngôi nhà và cảnh vật xung quanh.
- Viết được đoạn văn 3 - 4 câu tả ngôi nhà của gia đình theo gợi ý.
- Biết đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và chỉnh sửa, bổ sung ý hay.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự quan sát, lập ý, viết đoạn văn và tự soát lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn để nhận xét bài viết, bổ sung ý phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn chi tiết tiêu biểu để tả ngôi nhà có cảm xúc.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: viết đúng sự thật, trình bày bài sạch đẹp, hoàn thành nhiệm vụ.
- Nhân ái: biết yêu quý mái nhà, người thân và không gian sống của gia đình.
- Chăm chỉ: đọc lại, sửa lỗi và viết lại đoạn văn hoàn chỉnh.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết yêu thương, kính trọng người thân; hiểu trẻ em có quyền được chăm sóc trong gia đình và có bổn phận ứng xử lễ phép.
- Tích hợp AI (4.A1.1): HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể hỗ trợ gợi ý câu hỏi lập dàn ý, bảng kiểm đoạn văn tả ngôi nhà; HS sử dụng dưới sự hướng dẫn của GV, không sao chép câu văn của AI, giữ cảm xúc và trải nghiệm thật của bản thân.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh ngôi nhà trong SGK, phiếu lập ý, bảng tiêu chí soát lỗi, tài khoản giáo viên minh họa ChatGPT/Gemini khi cần.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Kết nối bài học với trải nghiệm về ngôi nhà của em. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhanh: Khi nghĩ về ngôi nhà của mình, em nhớ nhất điều gì?	- HS trả lời: Em nhớ phòng khách, góc học tập, sân nhà, cây trước cửa, bữa cơm gia đình.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em quan sát tranh và viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đoạn.
2. Luyện tập - Bài tập 1: Quan sát tranh, nêu đặc điểm của sự vật (10 phút) Mục tiêu: HS quan sát tranh, nêu được đặc điểm của ngôi nhà và cảnh vật xung quanh. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát 3 tranh trong SGK và nêu yêu cầu: Quan sát tranh, nêu đặc điểm của sự vật trong mỗi tranh.  <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôi nhà trong tranh thuộc loại nhà gì? - Ngôi nhà đó có những đặc điểm gì nổi bật? (hình dáng, màu sắc,...) - Cảnh vật xung quanh như thế nào? - Em có cảm nghĩ gì khi quan sát ngôi nhà đó? 	- HS quan sát tranh, nhận xét về kiểu nhà, màu sắc, mái nhà, sân, vườn, đồ vật trong nhà.
- GV gợi ý: Ngôi nhà trong tranh thuộc loại nhà gì? Ngôi nhà có đặc điểm gì nổi bật? Cảnh vật xung quanh như thế nào?	- HS trả lời: Nhà sàn có mái lá, cầu thang; nhà mái ngói có sân và cây; phòng khách có ghế, bàn, lọ hoa, cửa sổ.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, mỗi nhóm chọn một tranh để nói về đặc điểm ngôi nhà.	- HS làm việc nhóm 4, phân công bạn nêu hình dáng, màu sắc, cảnh vật, cảm nghĩ.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày; các nhóm khác nhận xét và bổ sung chi tiết.
3. Luyện tập - Bài tập 2: Viết đoạn văn tả ngôi nhà của em (12 phút) Mục tiêu: HS viết được đoạn văn 3 - 4 câu tả ngôi nhà có nội dung rõ ràng, cảm xúc chân thật. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được sống trong gia đình, được yêu thương và có bốn phen giữ gìn mái nhà, kính trọng người thân. *Cách tiến hành:	

<p>- Bài tập 2: Viết đoạn văn tả ngôi nhà của em.</p> <p>G:</p> <p>a. Giới thiệu về ngôi nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà em ở đâu? - Gia đình em ở đó từ khi nào? <p>b. Tả bao quát về ngôi nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dáng - Cảnh vật xung quanh <p>c. Đặc điểm nổi bật của ngôi nhà</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên ngoài (mái, tường, vách, cửa sổ, cửa ra vào,...) - Bên trong (phòng bếp, phòng khách, đồ đạc,...) <p>d. Nêu tình cảm của em với ngôi nhà.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và xác định nội dung cần viết.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS lập ý: Nhà em ở đâu? Gia đình em ở đó từ khi nào? Ngôi nhà có hình dáng, màu sắc, cảnh vật xung quanh ra sao? Em có tình cảm gì với ngôi nhà?</p>	<p>- HS ghi nhanh ý vào nháp: nhà ở khu phố/làng quê; có phòng khách, phòng ngủ, bếp; trước nhà có cây; em yêu ngôi nhà của mình.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Vì sao ngôi nhà không chỉ là nơi ở mà còn là nơi em cần yêu quý, giữ gìn?</p>	<p>- HS trả lời: Vì đó là nơi có người thân chăm sóc, yêu thương em; em cần giữ nhà sạch, giúp việc vừa sức.</p>
<p>- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Trẻ em có quyền được sống trong gia đình, được chăm sóc, bảo vệ và yêu thương. Ngôi nhà là nơi các em lớn lên, được người thân quan tâm và chia sẻ. Vì vậy, khi viết về ngôi nhà, các em cần viết bằng tình cảm thật; trong cuộc sống, các em có bổn phận giữ gìn nhà cửa sạch đẹp, nói lời lễ phép, giúp việc vừa sức và biết yêu thương mọi người trong gia đình.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em yêu quý ngôi nhà, giữ gìn nhà cửa sạch đẹp và kính trọng người thân.</p>
<p>- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 3 - 4 câu vào vở.</p>	<p>- HS viết đoạn văn, chú ý câu đầu giới thiệu ngôi nhà, các câu sau tả đặc điểm và nêu tình cảm.</p>
<p>4. Luyện tập - Bài tập 3: Chia sẻ, sửa lỗi và bổ sung ý hay (6 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và chỉnh sửa đoạn văn.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI như ChatGPT/Gemini có thể hỗ trợ gợi ý câu hỏi lập dàn ý, bảng kiểm đoạn văn; không sao chép và không nhập thông tin riêng tư.</i></p> <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>- Bài tập 3: Trao đổi đoạn văn của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.</p>	<p>- HS đổi vở, đọc đoạn văn của bạn và góp ý theo tiêu chí: đúng yêu cầu, đủ câu, rõ ý, dùng từ hay, ít lỗi chính tả.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Nếu cô dùng ChatGPT hoặc Gemini để gợi ý bảng kiểm sau khi viết đoạn văn tả ngôi nhà, AI có thể giúp gì và các em cần lưu ý điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: AI có thể gợi ý câu hỏi kiểm tra bài; chúng em không sao chép câu văn của AI, không nhập địa chỉ nhà hay thông tin riêng tư.</p>
<p>- Tích hợp AI (4.AI.1): GV minh họa bằng</p>	<p>- HS dùng bảng kiểm để tự sửa bài, nhắc lại: Em chỉ</p>

tài khoản giáo viên cách dùng ChatGPT/Gemini để tạo bảng kiểm ngắn: Đoạn văn đã giới thiệu ngôi nhà chưa? Có tả hình dáng, màu sắc, cảnh vật xung quanh chưa? Có nêu tình cảm chưa? GV nhấn mạnh: AI chỉ hỗ trợ đặt câu hỏi kiểm tra và gợi ý dàn ý; HS phải tự viết bằng lời của mình, không sao chép câu văn AI, không nhập địa chỉ nhà, ảnh nhà, họ tên đầy đủ hoặc thông tin riêng tư của gia đình.	tham khảo gợi ý, tự viết bằng cảm xúc thật và không đưa thông tin riêng tư lên AI.
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp, nhận xét và khen ý hay.	- HS đọc bài; lớp nhận xét điểm hay và góp ý thêm nếu cần.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút) Mục tiêu: HS liên hệ tình yêu mái nhà với việc làm cụ thể sau bài học. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu một việc sẽ làm trong tuần này để giữ gìn ngôi nhà của mình.	- HS nêu: Em sẽ gấp chăn, xếp sách, quét nhà, lau bàn, tưới cây, bỏ rác đúng nơi.
- GV dẫn HS về nhà vẽ ngôi nhà mình yêu thích và viết 2 - 3 câu giới thiệu bức tranh.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 12 - Chủ đề 3: MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG

Bài 21: TIA NẮNG BÉ NHỎ - Bài 22: ĐỀ CHÁU NẮM TAY ÔNG

BÀI 21: TIA NẮNG BÉ NHỎ

Tiết 1, 2: Đọc - Tia nắng bé nhỏ; Nói và nghe - Tia nắng bé nhỏ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Tia nắng bé nhỏ; biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu, bước đầu nhận biết tâm trạng, cảm xúc của nhân vật qua giọng đọc.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian cụ thể; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và lời nói của nhân vật.
- Hiểu nội dung bài: Khi biết yêu thương và quan tâm đến những người thân trong gia đình, người thân của chúng ta sẽ rất vui và hạnh phúc.

- Dựa vào tranh minh họa, kể lại được câu chuyện Tia nắng bé nhỏ; nêu được suy nghĩ về cô bé Na.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự trả lời câu hỏi và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý.

- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm ba khi tìm hiểu bài và kể chuyện.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết đề xuất việc làm phù hợp để giúp đỡ, chăm sóc người thân.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ và người thân.

- Chăm chỉ: tích cực đọc, viết, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: biết giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức; giữ trật tự, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết quan tâm, yêu thương và thể hiện tình cảm chân thành với ông bà, cha mẹ bằng lời nói, việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Tia nắng bé nhỏ, tranh kể chuyện, thẻ từ luyện đọc, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, ôn bài cũ và kết nối với bài đọc Tia nắng bé nhỏ.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Vì sao thời gian trò chuyện của ba mẹ con Thư cứ được cộng thêm mãi?	- HS ôn lại bài cũ: Vì ba mẹ con có nhiều điều để nói với nhau, để kể cho nhau nghe.
- GV hỏi tiếp: Mẹ đã kể cho chị em Thư những chuyện gì?	- HS trả lời: Mẹ kể về công việc của mẹ và chuyện ngày mẹ còn bé.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc trong	- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ đồng

<p>SGK và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì? Bạn nhỏ đang làm gì?</p> 	<p>cỏ có nắng; bạn nhỏ đang hứng nắng vào vạt áo.</p>
<p>- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Tia nắng bé nhỏ sẽ giúp các em hiểu tình yêu thương của Na dành cho bà.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Tia nắng bé nhỏ.</p>
<p>2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng tiếng, từ, câu; biết ngắt nghỉ hơi và đọc lời nhân vật phù hợp.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, ấm áp; lời Na vui mừng, lời bà triu mến.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài; đọc diễn cảm lời bà và lời bạn nhỏ.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc trôi chảy, ngắt nghỉ đúng và đọc lời nhân vật phù hợp.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến đem nắng cho bà. Đoạn 2: Tiếp theo đến chẳng có tia nắng nào ở đó cả. Đoạn 3: Còn lại.</p>	<p>- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu các đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn; các bạn theo dõi, nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: tán lá, lóng lánh, sười ầm, nhảy nhót, vạt áo, long lanh.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc câu dài: Hằng ngày, nắng xuyên qua những tán lá trong khu vườn trước nhà / tạo thành những vệt sáng lóng lánh / rất đẹp.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm 3, góp ý cho bạn đọc rõ hơn.</p>
<p>3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được nguyên nhân bà khó thấy nắng và cách Na nghĩ ra để mang nắng cho bà.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: Vì sao bà nội của Na</p>	<p>- HS trả lời: Vì nắng không lọt vào phòng</p>

khó thấy được nắng?	bà; bà già yếu, đi lại khó khăn nên không ra chỗ có nắng được.
- GV nêu câu hỏi 2: Na nghĩ ra cách nào để mang nắng cho bà?	- HS trả lời: Na nghĩ ra cách bắt nắng trên vạt áo rồi mang về cho bà.
- GV chốt ý tiết 1: Na rất yêu bà nên muốn đem niềm vui đến cho bà bằng cách hồn nhiên của mình.	- HS lắng nghe và nhắc lại: Na yêu thương, quan tâm đến bà.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại việc Na đã làm để mang nắng cho bà.	- HS ôn lại bài cũ: Na bắt nắng trên vạt áo và chạy về phòng bà.
- GV hỏi: Việc làm đó cho thấy Na là bạn nhỏ như thế nào?	- HS trả lời: Na yêu bà, biết quan tâm đến bà, muốn làm bà vui.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu tình cảm của Na dành cho bà, rút ra nội dung và ý nghĩa bài đọc.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết quan tâm, yêu thương và thể hiện tình cảm chân thành với ông bà, cha mẹ bằng lời nói, việc làm cụ thể. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Na có mang được nắng cho bà không? Vì sao?	- HS trả lời: Na không mang được nắng cho bà vì nắng không thể bắt được, nắng chỉ chiếu lên vạt áo chứ không ở đó mãi.
- GV nêu câu hỏi 4: Câu nói của bà cho em biết điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác.	- HS trả lời: Câu nói của bà cho biết bà hiểu tình cảm của Na, bà rất yêu Na và không muốn Na buồn.
- GV nêu câu hỏi 5: Nếu là Na, em sẽ làm gì để giúp bà nhìn thấy nắng?	- HS nêu: Em sẽ mở cửa sổ, dìu bà ra chỗ có nắng, kể cho bà nghe về nắng, mang hoa hoặc tranh có nắng cho bà xem.
- GV hỏi dẫn: Qua bài học, em học được điều gì về cách yêu thương, quan tâm và sống có trách nhiệm với người thân?	- HS trả lời: Em cần quan tâm ông bà, cha mẹ; giúp việc vừa sức; nói lời yêu thương, cảm ơn, xin lỗi.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Chúng ta không chỉ nói lời yêu thương mà còn cần thể hiện bằng hành động cụ thể mỗi ngày. Những việc nhỏ như hỏi thăm sức khỏe ông bà, rót nước, lấy thuốc đúng lúc người lớn nhắc, giúp bố mẹ gấp quần áo, dọn bàn ăn, nói lời cảm ơn khi	- HS nêu lại việc làm cụ thể: Em sẽ hỏi thăm ông bà, giúp bố mẹ việc vừa sức, nói lời yêu thương và biết cảm ơn người thân.

<p>được chăm sóc đều thể hiện tình yêu thương chân thành. Khi biết quan tâm người thân, các em đang rèn lối sống nhân ái, biết ơn, có trách nhiệm với gia đình; đó là nền tảng để sau này biết sống tốt với cộng đồng.</p>	
<p>- GV chốt nội dung bài: Khi chúng ta biết yêu thương và quan tâm đến những người thân trong gia đình, người thân của chúng ta sẽ rất vui và hạnh phúc.</p>	<p>- HS nhắc lại nội dung chính của bài.</p>
<p>3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn có lời nhân vật với giọng phù hợp.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV chọn đoạn Na chạy về phòng bà và lời bà nói để HS luyện đọc.</p>	<p>- HS theo dõi đoạn văn trong SGK.</p>
<p>- GV tổ chức HS đọc phân vai: người dẫn chuyện, Na, bà.</p>	<p>- HS luyện đọc phân vai trong nhóm, chú ý giọng Na vui mừng và giọng bà triu mến.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, có cảm xúc.</p>
<p>4. NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN TIA NẮNG BÉ NHỎ (11 phút) <i>Mục tiêu: HS dựa vào tranh minh họa, kể lại được câu chuyện Tia nắng bé nhỏ; biết nhận xét về cô bé Na.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh phần Nói và nghe trong SGK, nêu nội dung từng tranh.</p> 	<p>- HS quan sát tranh và nêu: bà ở trong phòng; Na đi trên đồng cỏ; Na chạy về phòng bà; mỗi sáng Na lại đem niềm vui đến cho bà.</p>
<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm 2: mỗi bạn kể lại từng đoạn câu chuyện dựa vào gợi ý dưới tranh.</p>	<p>- HS kể chuyện trong nhóm 2, bạn nghe góp ý về trình tự và lời kể.</p>
<p>- GV mời HS kể trước lớp, khuyến khích kể tự nhiên, không đọc thuộc lòng máy móc.</p>	<p>- HS kể trước lớp; lớp nhận xét bạn kể đủ ý, đúng trình tự, có cảm xúc.</p>
<p>- GV hỏi: Em nghĩ gì về cô bé Na?</p>	<p>- HS trả lời: Na là cô bé yêu bà, hồn nhiên, biết quan tâm và muốn làm bà vui.</p>
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ việc làm thể hiện tình yêu thương với người thân.</i> *Cách tiến hành:</p>	

- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm hôm nay để người thân vui.	- HS nêu: Em sẽ hỏi thăm ông bà, phụ mẹ dọn bàn, giúp bố tưới cây, đọc truyện cho em nghe.
- GV dẫn HS về nhà kể lại câu chuyện Tia nắng bé nhỏ cho người thân nghe và thực hiện một việc làm vừa sức để giúp người thân.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 21: TIA NẮNG BÉ NHỎ

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Kho sách của ông bà

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả đoạn văn Kho sách của ông bà trong khoảng 15 phút; trình bày đoạn văn sạch đẹp.
- Viết đúng từ ngữ chứa s/x hoặc uôn/uông; đặt câu với từ ngữ vừa tìm được.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở viết, tư thế ngồi viết và tự soát lỗi sau khi nghe - viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo, góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc chính tả để tìm thêm từ ngữ đúng yêu cầu.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu quý ông bà, người thân và trân trọng những kỉ niệm gia đình.
- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận, hoàn thành bài viết và bài tập chính tả.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp; hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết yêu quý ông bà, trân trọng những phút giây đọc sách, nghe kể chuyện cùng người thân; biết thể hiện tình cảm bằng lời nói, việc làm lễ phép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

cho HS viết.	chính tả, dấu câu và cách trình bày.
- GV đọc lại toàn bài một lượt để HS soát lỗi; yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo.	- HS dùng bút chì soát lỗi, đổi vở và góp ý cho bạn.
- GV nhận xét một số vở, nhắc HS sửa lỗi thường gặp.	- HS lắng nghe và tự điều chỉnh bài viết.
3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút) <i>Mục tiêu: HS làm đúng bài tập chính tả s/x hoặc uôn/uông và mở rộng vốn từ.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2a: GV yêu cầu HS tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng: xiêu/siêu, sôi/xôi, sinh/xinh, sử/xử; đặt câu với 2 từ ngữ tìm được.	- HS làm việc nhóm 2 và nêu: siêu thị, xinh đẹp, sôi nổi, xôi gấc, lịch sử, xử lí; đặt câu phù hợp.
- Bài tập 2b: GV yêu cầu HS tìm tiếng chứa vần uôn hoặc uông thay vào ô vuông.	- HS làm bài: cuốn, cuộn cuộn, rau muống, cuống quýt, chuồng.
- GV mời HS trình bày, nhận xét và chốt cách viết đúng.	- HS trình bày, nhận xét bài của bạn và sửa bài vào vở.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ nội dung bài viết với tình cảm gia đình.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu quý ông bà, trân trọng phút giây đọc sách, nghe kể chuyện cùng người thân và thể hiện tình cảm bằng lời nói, việc làm lễ phép. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi dẫn: Khi được ông bà đọc sách, kể chuyện hoặc chăm sóc, em nên nói và làm gì để thể hiện lòng biết ơn?	- HS trả lời: Em nói lời cảm ơn, lễ phép, lắng nghe, giúp ông bà việc vừa sức, giữ gìn sách vở cẩn thận.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Những phút giây đọc sách, nghe ông bà kể chuyện giúp các em hiểu thêm về gia đình và nuôi dưỡng tình yêu thương. Các em cần biết trân trọng ông bà, nói lời lễ phép, chăm chú lắng nghe, giữ gìn sách vở, hỏi thăm sức khỏe và giúp ông bà những việc phù hợp. Đó là cách thể hiện lòng biết ơn bằng hành động cụ thể.	- HS nêu lại: Em sẽ lễ phép, biết cảm ơn và giúp ông bà bằng việc vừa sức.
- GV dặn HS về nhà làm một tấm thiệp nhỏ, viết lời thể hiện tình cảm yêu thương hoặc lòng biết ơn với người thân.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ vận dụng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 22: ĐỂ CHÁU NẮM TAY ÔNG

Tiết 1, 2: Đọc - Để cháu nắm tay ông; Viết - Ôn chữ hoa I, K

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc Để cháu nắm tay ông; biết thay đổi giọng đọc phù hợp với lời người dẫn chuyện, lời ông và lời cháu.
- Nhận biết được nội dung, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện; hiểu sự thay đổi suy nghĩ của Dương về ông.
- Hiểu nội dung bài: Dương nhận ra ông đã già yếu và muốn trở thành người chăm sóc, bảo vệ ông; từ đó biết yêu thương, trân trọng người thân.
- Viết đúng chữ hoa I, K cỡ nhỏ; viết đúng tên riêng Khánh Hòa và câu ứng dụng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết và tự điều chỉnh bài viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm khi tìm hiểu bài, biết nhận xét bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết nêu việc làm thể hiện sự quan tâm đến ông bà, người thân.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, kính trọng và quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ.
- Chăm chỉ: tích cực đọc, viết, làm bài tập.
- Trách nhiệm: biết giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức; giữ trật tự, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết quan tâm, yêu thương và thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng lời nói, việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Để cháu nắm tay ông, mẫu chữ hoa I, K, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Mục tiêu: Ôn bài cũ, kết nối trải nghiệm xúc động với người thân và giới thiệu bài đọc.

***Cách tiến hành:**

- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu cách Na đã thể hiện tình yêu thương với bà trong bài Tia nắng bé nhỏ.	- HS trả lời: Na muốn bắt nắng trên vạt áo mang về cho bà để bà vui.
- GV nêu yêu cầu trong SGK: Kể về một lần em cảm thấy xúc động trước cử chỉ hoặc việc làm của người thân.	- HS chia sẻ trong nhóm 2, sau đó 1 - 2 HS nói trước lớp.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh gợi cho em cảm xúc gì về ông và cháu? 	- HS trả lời: Tranh gợi tình cảm yêu thương, sự chở che giữa ông và cháu.
- GV giới thiệu bài: Để cháu nắm tay ông kể về chuyến đi của Dương cùng ông ngoại và sự thay đổi trong suy nghĩ của Dương.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Để cháu nắm tay ông.

2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; biết ngắt nghỉ và đọc lời nhân vật phù hợp.

***Cách tiến hành:**

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, xúc động; nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện cảm xúc của Dương và ông.	- HS nghe GV đọc, theo dõi bài trong SGK.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài và lời nhân vật.	- HS lắng nghe yêu cầu đọc.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến cùng bố mẹ và ông ngoại. Đoạn 2: Tiếp theo đến yêu thương khó tả. Đoạn 3: Tiếp theo đến yêu ông nhiều lắm. Đoạn 4: Còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn; lớp nhận xét cách đọc.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Tháp Bà Pô-na-ga, chạm trổ, tinh xảo, chần chừ, trầm ngâm.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn đọc câu cảm: Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!	- HS luyện đọc câu với giọng tha thiết, tình cảm.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.	- HS luyện đọc nhóm 4, bạn nghe góp ý cho bạn.
3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS xác định được địa điểm tham quan và các chi tiết thể hiện cảm xúc của ông ngoại.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Điểm tham quan cuối cùng của gia đình Dương là ở đâu?	- HS trả lời: Điểm tham quan cuối cùng là Tháp Bà Pô-na-ga ở Nha Trang.
- GV nêu câu hỏi 2: Tìm những chi tiết cho thấy ông ngoại ngắm ngôi đền rất kĩ và đầy xúc động.	- HS trả lời: Ông đứng trầm ngâm trước những bức vẽ; bàn tay run run chạm vào cột đá; chần chừ chưa muốn đi.
- GV giải thích từ “chần chừ” và chốt: Những chi tiết ấy cho thấy ông rất xúc động trước nơi gắn với kỉ niệm, văn hóa và vẻ đẹp quê hương.	- HS lắng nghe và ghi nhớ ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu sự thay đổi trong suy nghĩ của Dương.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lại những chi tiết cho thấy ông xúc động khi ngắm ngôi đền.	- HS nêu: ông trầm ngâm, run run chạm vào cột đá, chần chừ chưa muốn đi.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu xem Dương đã thay đổi suy nghĩ về ông như thế nào.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu sự thay đổi suy nghĩ của Dương và rút ra ý nghĩa câu chuyện.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết quan tâm, yêu thương và thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ bằng lời nói, việc làm cụ thể. *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Dương đã thay đổi những suy nghĩ về ông như thế nào?	- HS trả lời: Trước đây Dương nghĩ ông rất nhanh nhẹn; trong chuyến đi, Dương nhận ra ông không còn khỏe như trước.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao Dương	- HS trả lời: Vì Dương thấy mình đã lớn hơn,

nghĩ từ bây giờ mình mới là người đưa tay cho ông nắm?	còn ông đã già yếu; Dương muốn chăm sóc, bảo vệ ông.
- GV hỏi dẫn: Khi thấy ông run run chạm vào cột đá và Dương muốn đưa tay cho ông nắm, em học được điều gì về cách ứng xử với ông bà, người thân?	- HS trả lời: Em cần quan tâm, dịu ông bà khi đi lại, hỏi thăm sức khỏe, nói lời yêu thương và giúp việc vừa sức.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Tình yêu thương ông bà, cha mẹ không chỉ nằm ở lời nói mà còn thể hiện trong từng việc làm nhỏ. Khi thấy ông bà đi lại khó khăn, các em có thể dìu tay, nhường chỗ, lấy nước, hỏi thăm sức khỏe, trò chuyện lễ phép và biết cảm ơn. Những hành động đó giúp các em rèn lòng hiếu thảo, lối sống nhân ái, biết trân trọng công lao của người thân và có trách nhiệm hơn với gia đình.	- HS nêu lại việc làm: Em sẽ quan tâm, giúp đỡ, lễ phép với ông bà và cha mẹ.
- GV chốt nội dung: Dương nhận ra ông đã già yếu và muốn chăm sóc, bảo vệ ông. Câu chuyện nhắc chúng ta biết yêu thương, trân trọng người thân.	- HS nhắc lại nội dung chính.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng xúc động, phù hợp nội dung. *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn cuối của câu chuyện và đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc chậm, tình cảm.
- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 3, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm, góp ý cho nhau cách ngắt nghỉ và thể hiện cảm xúc.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ và có cảm xúc.
4. THỰC HÀNH VIẾT - ÔN CHỮ HOA I, K (14 phút) Mục tiêu: HS viết đúng chữ hoa I, K, tên riêng Khánh Hòa và câu ứng dụng. *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa I, K trong SGK và hỏi: Khi viết chữ I, K, em cần chú ý điều gì? 	- HS quan sát và nêu: chú ý độ cao, nét cong, nét thẳng, khoảng cách giữa các chữ.
- GV viết mẫu chữ I, K trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình.	- HS quan sát, nhắc lại điểm cần chú ý.

- GV yêu cầu HS viết bảng con chữ I, K.	- HS viết bảng con, giờ bảng và sửa lỗi.
- Bài tập viết: Viết tên riêng Khánh Hòa.	- HS viết tên riêng Khánh Hòa vào vở.
- GV giới thiệu: Khánh Hòa là một tỉnh ở miền Nam Trung Bộ, nổi tiếng với biển Nha Trang và Tháp Bà Pô-na-ga.	- HS lắng nghe, hiểu thêm về địa danh Khánh Hòa.
- Bài tập viết: Viết câu ứng dụng: Khánh Hòa là xứ trầm hương / Non xanh nước biếc người thương đi về.	- HS viết câu ứng dụng vào vở, chú ý viết hoa và trình bày đúng dòng thơ.
- GV nhận xét một số bài viết, nhắc HS sửa lỗi về khoảng cách chữ, dấu thanh, chữ hoa.	- HS tự sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc quan tâm người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Sau bài học, em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu thương với ông bà, cha mẹ?	- HS nêu: Em sẽ hỏi thăm, giúp đỡ việc vừa sức, nói lời yêu thương và lễ phép.
- GV dặn HS luyện đọc lại bài, hoàn thành phần viết và chuẩn bị tiết luyện tập.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 22: ĐỂ CHÁU NĂM TAY ÔNG

Tiết 3: Luyện tập - Từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm. Câu kể

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết và phân biệt được từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ.
- Nhận biết được câu kể; xếp được câu kể theo nhóm: câu giới thiệu sự vật, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm.
- Biết vận dụng từ ngữ và kiểu câu đã học khi nói, viết về người thân.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, tự hoàn thành bài tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ, câu văn phù hợp để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, tôn trọng và quan tâm người thân.
- Chăm chỉ: tích cực làm bài, tìm từ và sửa câu theo góp ý.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân và nhiệm vụ nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng bài tập, tranh/ngữ liệu trong SGK, thẻ từ, phiếu học tập nhóm.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ bài đọc và giới thiệu yêu cầu luyện tập từ ngữ, câu kể.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS nêu một chi tiết thể hiện tình cảm của Dương dành cho ông.	- HS trả lời: Dương choàng tay ôm ông và nghĩ từ bây giờ mình mới là người đưa tay cho ông nắm.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em luyện tập từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm và câu kể.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.
2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG, TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM (11 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm và phân loại được từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ và xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp. 	- HS đọc yêu cầu bài tập và quan sát ngữ liệu trong SGK.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2: xác định	- HS trao đổi nhóm 2, thống nhất kết quả.

từ chỉ hoạt động và từ chỉ đặc điểm.	
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: Từ chỉ hoạt động: vác, đẩy, quay, đi về, làm. Từ chỉ đặc điểm: dài, thẳng, rộng, khỏe.
- GV nhận xét, chốt: Từ chỉ hoạt động nêu việc làm; từ chỉ đặc điểm nêu tính chất, dáng vẻ, trạng thái.	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.
3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: CÂU KỂ (16 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết câu kể và xếp được câu kể theo nhóm thích hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS tìm câu kể trong những câu cho sẵn.	- HS đọc yêu cầu và làm việc cá nhân.
- GV nhắc lại đặc điểm câu kể: thường kết thúc bằng dấu chấm, dùng để kể, tả hoặc giới thiệu.	- HS lắng nghe và đối chiếu từng câu.
- GV mời HS trình bày kết quả.	- HS nêu: Câu kể là b, c, d. Câu a là câu hỏi; câu e là câu cảm.
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS xếp các câu kể ở bài tập 2 vào nhóm: câu giới thiệu sự vật, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm. 	- HS làm việc nhóm 4, giải thích vì sao chọn nhóm đó.
- GV chốt đáp án: Câu b là câu giới thiệu sự vật; câu c là câu nêu hoạt động; câu d là câu nêu đặc điểm.	- HS lắng nghe, sửa bài và ghi nhớ các kiểu câu kể.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng từ chỉ hoạt động, từ chỉ đặc điểm và câu kể vào nói về người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đặt một câu kể nêu hoạt động hoặc đặc điểm của người thân.	- HS đặt câu: Ông em đọc báo mỗi sáng. Bà em rất hiền. Mẹ em là giáo viên.
- GV nhận xét, dặn HS chuẩn bị tiết luyện viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 22: ĐỂ CHÁU NẮM TAY ÔNG

Tiết 4: Luyện tập - Viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được 2 - 3 câu thể hiện cảm xúc khi nghĩ về một cử chỉ, việc làm của người thân.
- Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý, chính tả.
- Biết tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về tình cảm giữa những người thân trong gia đình hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn nội dung viết/đọc, tự soát lỗi trước khi chia sẻ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với bạn để nhận xét bài viết hoặc chia sẻ bài đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn cách diễn đạt phù hợp với cảm xúc thật của mình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, biết ơn và trân trọng người thân.
- Trung thực: viết nội dung đúng cảm xúc, không sao chép, không bịa chuyện.
- Trách nhiệm: hoàn thành bài viết, biết sửa lỗi và chuẩn bị đọc mở rộng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết bày tỏ tình cảm, lòng biết ơn với người thân bằng lời nói chân thành, hành động lễ phép và việc làm vừa sức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, ngữ liệu mẫu trong SGK, phiếu viết, bảng tiêu chí soát lỗi, phiếu đọc sách.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Kết nối bài học với hoạt động viết về tình cảm với người thân. *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS đặt một câu kể	- HS đặt câu: Bà em kể chuyện rất hay. Ông

về người thân.	em thường đưa em đi học.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em sẽ nói và viết đoạn văn thể hiện tình cảm với người thân.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đoạn/Đọc mở rộng.
2. LUYỆN TẬP - NÓI CÂU THỂ HIỆN CẢM XÚC VỚI NGƯỜI THÂN (8 phút) <i>Mục tiêu: HS nói được 2 - 3 câu thể hiện cảm xúc khi nghĩ về cử chỉ, việc làm của người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc các câu trong SGK và tìm câu thể hiện cảm xúc với người thân.	- HS đọc yêu cầu, nêu các câu thể hiện cảm xúc: a và d.
- GV nêu gợi ý: Cử chỉ, việc làm nào của người thân gợi cảm xúc cho em? Em hãy diễn tả cụ thể cảm xúc đó.	- HS chuẩn bị ý: mẹ chăm em khi ốm, ông đưa em đi học, bà kể chuyện, bố sửa đồ chơi cho em.
- GV yêu cầu HS nói 2 - 3 câu trong nhóm đôi.	- HS nói trong nhóm đôi; bạn nghe góp ý cách dùng từ và cảm xúc.
3. LUYỆN TẬP - VIẾT ĐOẠN VĂN (12 phút) <i>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn ngắn thể hiện tình cảm, cảm xúc với người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân.	- HS đọc yêu cầu và chọn người thân để viết.
- GV hướng dẫn: Đoạn văn có thể nêu người em muốn viết, việc làm/cử chỉ của người đó, cảm xúc của em và lời hứa/việc em muốn làm.	- HS ghi nhớ cấu trúc đoạn văn.
- GV yêu cầu HS viết cá nhân vào vở, chú ý dùng câu rõ ý, đúng chính tả, bộc lộ cảm xúc thật.	- HS viết đoạn văn vào vở.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi gợi ý.	- HS hoàn thiện bài viết.
4. CHIA SẺ, SỬA LỖI ĐOẠN VĂN (5 phút) <i>Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và sửa lỗi trong đoạn văn.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết bày tỏ tình cảm, lòng biết ơn với người thân bằng lời nói chân thành, hành động lễ phép và việc làm vừa sức. *Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn, đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và góp ý sửa lỗi.	- HS đổi vở, nhận xét bài của bạn theo tiêu chí: đúng yêu cầu, rõ cảm xúc, dùng từ phù hợp, ít lỗi chính tả.
- GV hỏi dẫn: Khi viết về người thân, vì sao em cần viết bằng cảm xúc thật và lời nói	- HS trả lời: Vì người thân yêu thương em thật lòng; em cần biết ơn và thể hiện tình

chân thành?	cảm thật của mình.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Tình cảm với người thân cần được thể hiện bằng lời nói chân thành và hành động cụ thể. Khi viết, các em không chỉ kể lại việc người thân đã làm cho mình mà còn cần nghĩ xem mình sẽ làm gì để đáp lại: lễ phép, biết cảm ơn, biết xin lỗi, phụ giúp việc vừa sức, quan tâm khi người thân mệt. Đó là cách nuôi dưỡng tình yêu thương trong gia đình.	- HS nêu lại: Em sẽ viết thật cảm xúc và biết thể hiện tình cảm bằng việc làm cụ thể.
5. VẬN DỤNG - ĐỌC MỞ RỘNG (6 phút) Mục tiêu: HS biết tìm đọc văn bản phù hợp và chia sẻ với người thân; nhắc lại nội dung chính của tiết học. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong SGK: Tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ về tình cảm giữa những người thân trong gia đình hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà.	- HS đọc nhiệm vụ, nêu cách tìm đọc ở SGK, thư viện lớp, thư viện trường hoặc nhờ người thân gợi ý.
	
- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: ngày đọc, tên bài, tác giả, nội dung chính, chi tiết em thích.	- HS ghi nhớ cách hoàn thành phiếu đọc sách.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS hoàn thiện đoạn văn và tìm đọc thêm văn bản phù hợp.	- HS nhắc lại nội dung cần nhớ và ghi nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 13 - Chủ đề 3: MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG

Bài 23: TÔI YÊU EM TÔI - Bài 24: BẠN NHỎ TRONG NHÀ

BÀI 23: TÔI YÊU EM TÔI

Tiết 1, 2: Đọc - Tôi yêu em tôi; Nói và nghe - Tình cảm anh chị em

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài thơ Tôi yêu em tôi; biết nghỉ hơi giữa các dòng thơ và đọc với giọng thể hiện tình cảm của bạn nhỏ đối với em gái.
- Hiểu được vẻ đáng yêu của em gái qua cảm nhận của nhân vật “tôi”; nhận biết tình cảm anh chị em trong gia đình qua hình ảnh, từ ngữ trong bài thơ.
- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; nêu được chi tiết cho thấy bạn nhỏ yêu em, hiểu sở thích và tính cách của em mình.
- Hiểu nội dung, ý nghĩa một số câu tục ngữ, ca dao nói về tình cảm anh chị em; kể được việc đã làm cùng anh, chị hoặc em và nêu cảm nghĩ.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ; nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và biết nhìn người nghe khi chia sẻ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, câu văn phù hợp để trình bày ý kiến.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu thương, quan tâm, nhường nhịn và chia sẻ với anh chị em trong gia đình.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, học thuộc lòng, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ nói - nghe.
- Trách nhiệm: Biết giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức; giữ trật tự và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với anh chị em trong gia đình bằng lời nói và việc làm cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài thơ Tôi yêu em tôi, tranh phần Nói và nghe Tình cảm anh chị em, thẻ từ luyện đọc, bảng phụ câu thơ, phiếu thảo luận nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối tình cảm anh chị em với bài thơ. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Nhìn hành động đoán tình cảm”: lớp trưởng thể hiện một cử chỉ, việc làm của người thân; HS đoán cử chỉ đó thể hiện tình cảm gì.	- HS tham gia trò chơi, nêu: quan tâm, chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ: Em yêu nhất điều gì ở anh, chị hoặc em của mình?	- HS chia sẻ ngắn gọn, nói rõ điều mình yêu quý ở anh, chị hoặc em.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc trong SGK và hỏi: Tranh vẽ những ai? Các bạn đang làm gì?	- HS quan sát tranh, nêu: tranh vẽ hai chị em; bạn nhỏ đang ở bên em, thể hiện tình cảm yêu thương.

	
<p>- GV giới thiệu bài: Bài thơ Tôi yêu em tôi sẽ giúp các em cảm nhận tình cảm anh chị em thật gần gũi, đáng yêu.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Tôi yêu em tôi.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ, biết nghỉ hơi giữa các dòng thơ và đọc với giọng tình cảm. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, trù mẫn; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả vẻ đáng yêu của em gái.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi bài thơ trong SGK.</p>
<p>- GV HD đọc: Đọc đúng các câu thơ có tiếng dễ phát âm sai; nghỉ hơi ở cuối mỗi dòng thơ; đọc diễn cảm các câu thơ thể hiện kỉ niệm, tình cảm của anh/chị dành cho em.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc thơ đúng nhịp và thể hiện cảm xúc.</p>
<p>- Gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia đoạn: Bài gồm 3 đoạn, mỗi đoạn 2 khổ thơ.</p>	<p>- HS đánh dấu các đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp 3 đoạn; mỗi em đọc 2 khổ thơ.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn; lớp theo dõi, nhận xét.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: rúc rích, khướu hót, trong veo, nũng nịu, sân trước vườn sau.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc yêu thương, nhớ nhung đối với em gái.</p>	<p>- HS luyện đọc, biết nghỉ hơi cuối dòng thơ và đọc với giọng trù mẫn.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 3, mỗi bạn đọc 2 khổ thơ; bạn nghe góp ý cho bạn.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm, sửa lỗi cho nhau.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc, tốc độ đọc và cảm xúc.</p>
<p>3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút) Mục tiêu: HS tìm được chi tiết cho thấy bạn nhỏ yêu em và tả được vẻ đáng yêu của em gái. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: Khổ thơ đầu cho biết bạn nhỏ yêu em gái điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Bạn nhỏ yêu em gái vì em cười rúc rích khi bạn nhỏ nói đùa.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 2, 3 và trả lời câu hỏi 2: Bạn nhỏ tả em gái mình đáng yêu như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Mắt em đen ngời, trong veo như nước; miệng em tươi hồng, nói như khướu hót; em làm điệu với hoa lan, hoa lí.</p>
<p>- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi: Từ những chi tiết đó, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của bạn nhỏ dành cho em?</p>	<p>- HS trao đổi và nêu: Bạn nhỏ rất yêu, rất hiểu và tự hào về em gái của mình.</p>

- GV kết luận: Hai khổ thơ đầu giúp chúng ta thấy em gái trong mắt anh/chị thật đáng yêu và tình cảm anh chị em rất ấm áp.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính của tiết 1.
--	--

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài thơ.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu một chi tiết thể hiện vẻ đáng yêu của em gái trong bài thơ.	- HS ôn lại bài cũ, nêu: em cười rúc rích, mắt trong veo, nói như khướu hót.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu tình cảm hai chị em và luyện nói về tình cảm anh chị em.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và Nói - nghe.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4, 5 (11 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu sâu hơn nội dung bài thơ và rút ra ý nghĩa về tình cảm anh chị em.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với anh chị em trong gia đình bằng lời nói và việc làm cụ thể. <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu câu hỏi 3: Khổ thơ nào cho thấy bạn nhỏ được em gái của mình yêu quý?	- HS trả lời: Khổ thơ nói em mong anh/chị, nấp sau cây rồi òa ra ôm chặt.
- GV nêu câu hỏi 4: Chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất hiểu sở thích, tính cách của em mình?	- HS trả lời: Em thích vẽ; vẽ thỏ có đôi; em không muốn ai buồn, kể cả con vật trong tranh.
- GV nêu câu hỏi 5: Bài thơ giúp em hiểu điều gì về tình cảm anh chị em trong gia đình?	- HS trả lời: Anh chị em cần yêu thương, quan tâm, chia sẻ và làm cho cuộc sống gia đình thêm vui.
- GV hỏi dẫn: Qua bài thơ, em học được điều gì về cách yêu thương, quan tâm và sống có trách nhiệm với anh, chị, em trong gia đình?	- HS trả lời: Em cần biết nhường nhịn em nhỏ, giúp em học, chơi cùng em, an ủi khi em buồn, chia sẻ niềm vui với anh chị em.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Tình cảm anh chị em trong gia đình là tình cảm ruột thịt cần được nuôi dưỡng mỗi ngày. Các em không chỉ nói lời yêu thương mà còn thể hiện bằng hành động cụ thể như nhường nhịn, giúp đỡ, chăm sóc em nhỏ, biết cảm ơn anh chị khi được giúp đỡ và biết xin lỗi khi làm bạn buồn. Những việc làm nhỏ, chân thành sẽ giúp gia đình thêm hòa thuận, ấm áp và giúp các em hình thành lối sống nhân ái, có trách nhiệm.	- HS lắng nghe, nêu một việc em sẽ làm để thể hiện tình cảm với anh, chị hoặc em trong gia đình.
- GV chốt nội dung bài: Bài thơ thể hiện tình cảm anh chị em trong nhà rất cảm động; tình cảm ấy làm cho cuộc sống thêm đẹp, thêm vui.	- HS nhắc lại nội dung bài.
3. Luyện đọc lại - Học thuộc lòng (6 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại và học thuộc những khổ thơ yêu thích với giọng phù hợp.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hướng dẫn HS chọn những khổ thơ em yêu thích để luyện đọc thuộc lòng.	- HS chọn khổ thơ, đọc thầm nhiều lượt để ghi nhớ.

- GV tổ chức HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm, hỗ trợ bạn khi bạn quên.
- GV mời HS xung phong đọc thuộc lòng trước lớp.	- HS đọc thuộc lòng; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
4. Nói và nghe - Tình cảm anh chị em (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu nghĩa câu tục ngữ, ca dao về tình cảm anh chị em; kể được việc thường làm cùng anh, chị hoặc em.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV gọi HS đọc to chủ đề: Tình cảm anh chị em. Yêu cầu: Trao đổi để hiểu nghĩa câu tục ngữ, ca dao về tình cảm anh chị em; kể việc em thường làm cùng anh, chị hoặc em. 	- 1 HS đọc chủ đề và yêu cầu; cả lớp theo dõi SGK.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4: Cùng bạn trao đổi để hiểu nghĩa các câu tục ngữ, ca dao trong SGK.	- HS trao đổi: Anh chị em trong nhà cần che chở, giúp đỡ nhau lúc khó khăn, biết nhường nhịn và yêu thương nhau.
- GV mời đại diện nhóm trình bày ý nghĩa câu tục ngữ, ca dao.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Mỗi bức tranh vẽ gì? Tranh muốn nói điều gì về mối quan hệ anh chị em?	- HS nêu: Anh chị em cùng chơi, cùng học, cùng giúp đỡ nhau; khi làm việc cùng nhau cần vui vẻ và an toàn.
- GV yêu cầu HS kể trong nhóm đôi: Những việc em thường làm cùng anh, chị hoặc em; nêu cảm nghĩ khi làm việc cùng.	- HS kể trong nhóm đôi: cùng chơi, học bài, dọn nhà, chăm sóc cây; nêu cảm xúc vui, gần gũi, yêu thương.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp, nhận xét theo tiêu chí: nói rõ ý, đúng nội dung, có cảm xúc.	- HS trình bày; lớp nhận xét bạn nói rõ ràng, tự nhiên.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (4 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc làm cụ thể trong gia đình.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Sau bài học hôm nay, em sẽ làm gì để tình cảm anh chị em thêm gắn bó?	- HS chia sẻ: Em sẽ nhường nhịn em, giúp em học, cùng chơi an toàn, nói lời yêu thương.
- GV dặn HS về nhà làm một việc tốt cùng anh, chị hoặc em và kể lại cho người thân nghe cảm xúc của mình.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 23: TÔI YÊU EM TÔI

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Tôi yêu em tôi

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng 4 khổ thơ đầu trong bài thơ Tôi yêu em tôi trong khoảng 15 phút.

- Trình bày đúng các khổ thơ, biết viết hoa chữ cái mở đầu tên bài thơ và chữ cái đầu mỗi dòng thơ.
- Viết đúng từ ngữ chứa tiếng mở đầu bằng r/d/gi hoặc ưn/ưong.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, câu văn phù hợp để trình bày ý kiến.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết bày tỏ tình cảm với người thân qua cử chỉ, lời nói và hành động.
- Chăm chỉ: Luyện viết cẩn thận, hoàn thành bài viết và bài tập chính tả.
- Trách nhiệm: Tự soát lỗi, giữ gìn vở sạch chữ đẹp và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp đạo đức, lối sống:** HS biết thể hiện tình yêu thương anh chị em qua việc làm khiến người thân vui; biết nói lời yêu thương, cảm ơn, xin lỗi trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài thơ Tôi yêu em tôi, tranh bài tập chính tả, bảng phụ từ khó, phiếu soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, nhắc lại nội dung bài thơ trước khi nghe - viết.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức trò chơi: Xem tranh đoán việc bạn nhỏ cùng làm với anh, chị, em.	- HS tham gia trò chơi, nêu tên việc làm và tình cảm của nhân vật trong tranh.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết 4 khổ thơ đầu bài Tôi yêu em tôi và luyện viết đúng r/d/gi hoặc ưn/ưong.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô ly, bảng con.
2. Khám phá - Hoạt động nghe - viết (20 phút) <i>Mục tiêu: HS nghe - viết đúng 4 khổ thơ đầu, biết tự soát và sửa lỗi.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV cho HS quan sát bài viết trong SGK và đọc mẫu 4 khổ thơ đầu. 	- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu nội dung: Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương của anh/chị dành cho em gái.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: Bài thơ viết theo khổ thơ 4 chữ; chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa; chú ý dấu câu cuối dòng.	- HS trả lời, nêu cách trình bày bài thơ vào vở.
- GV yêu cầu HS luyện viết bảng con các từ khó: rúc rích, trong veo, khướu hót, hương	- HS viết bảng con, giơ bảng, sửa lỗi theo hướng dẫn.

thơm, vườn sau.	
- GV nhắc HS tư thế ngồi viết, cách cầm bút, cách đặt vở.	- HS điều chỉnh tư thế ngồi viết đúng.
- GV đọc từng dòng thơ cho HS viết.	- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, chú ý trình bày đúng khổ thơ.
- GV đọc lại toàn bài để HS soát lỗi; yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo.	- HS dùng bút chì soát lỗi, đổi vở cho bạn, sửa lỗi chính tả và trình bày.
- GV nhận xét một số bài viết, nhắc HS sửa lỗi thường gặp.	- HS lắng nghe, hoàn thiện bài viết.

3. Luyện tập: Hoạt động làm bài tập (8 phút)

Mục tiêu: HS tìm và viết đúng từ ngữ bắt đầu bằng r/d/gi hoặc chứa vần ươn/ương.

*Cách tiến hành:

- Bài tập 2: GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm và viết tên sự vật bắt đầu bằng r, d hoặc gi.	- HS làm việc nhóm đôi, nêu: hàng rào, cây dừa, quả dừa, giàn mướp, rau cải, hướng dương, rô, rá, dép...
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng r/d/gi hoặc vần ươn/ương.	- HS nêu: rì rào, rộn ràng, reo vui; dẻo dai, dẫn đường; giặt giũ, giúp đỡ; vườn cây, hướng dương...
- GV nhận xét, chốt từ đúng và nhắc HS chú ý viết đúng chính tả.	- HS sửa bài vào vở.

4. Vận dụng - Trải nghiệm (3 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ việc làm khiến người thân vui.

Mục tiêu tích hợp: HS biết thể hiện tình yêu thương anh chị em qua việc làm vừa sức và lời nói lễ phép.

*Cách tiến hành:

- GV hỏi dẫn: Em đã từng làm việc gì khiến anh, chị, em hoặc người thân vui? Khi đó em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Em giúp em học bài, nhường đồ chơi, phụ mẹ dọn nhà; em cảm thấy vui vì người thân vui.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Yêu thương người thân không chỉ thể hiện bằng lời nói mà còn bằng việc làm cụ thể. Mỗi ngày, các em có thể nhường nhịn em nhỏ, giúp anh chị việc vừa sức, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ và xin lỗi khi làm người thân buồn. Khi biết quan tâm đến cảm xúc của người thân, các em góp phần làm cho gia đình thêm vui vẻ, ấm áp.	- HS nêu lại một việc em sẽ làm để người thân vui.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 24: BẠN NHỎ TRONG NHÀ

Tiết 1, 2: Đọc - Bạn nhỏ trong nhà; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng bài Bạn nhỏ trong nhà; biết đọc diễn cảm câu, đoạn văn bộc lộ cảm xúc và nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả.
- Hiểu nội dung bài: Vật nuôi trong nhà là những người bạn của chúng ta; nhận biết tình cảm thân thiết, gắn bó giữa bạn nhỏ và chú chó Cúp.

- Trả lời đúng các câu hỏi trong SGK; nêu được chi tiết thể hiện tình cảm của bạn nhỏ đối với chú chó.
- Đọc mở rộng văn bản về tình cảm với người thân hoặc mọi vật trong nhà; viết được thông tin vào phiếu đọc sách và chia sẻ chi tiết yêu thích.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, câu văn phù hợp để trình bày ý kiến.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu thương, quan tâm, chăm sóc vật nuôi và cư xử tốt với những người bạn trong nhà.
- Chăm chỉ: Tích cực đọc, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trách nhiệm: Biết giữ gìn đồ vật, chăm sóc vật nuôi phù hợp với lứa tuổi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết yêu thương, chăm sóc, bảo vệ vật nuôi và cư xử nhân ái với các con vật trong gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Bạn nhỏ trong nhà, phiếu đọc sách, sách truyện phục vụ đọc mở rộng.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, phiếu đọc sách, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối trải nghiệm với vật nuôi trong nhà.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV tổ chức trò chơi ôn bài: Đọc thuộc lòng 2 khổ thơ Tôi yêu em tôi và nêu chi tiết em thích nhất.	- HS đọc, trả lời theo suy nghĩ của mình.
- GV cho HS chia sẻ: Nhà em có nuôi con vật nào không? Em đã chăm sóc con vật ấy như thế nào?	- HS chia sẻ: cho ăn, thay nước, vuốt ve nhẹ nhàng, không trêu chọc vật nuôi.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ căn phòng có những gì? Chú chó đang ở đâu?	- HS quan sát tranh, nêu: căn phòng có giường, quả bóng; chú chó ở trong nhà như một người bạn nhỏ.
	
- GV giới thiệu bài: Bạn nhỏ trong nhà kể về tình cảm thân thiết giữa bạn nhỏ và chú chó	- HS lắng nghe, mở SGK bài Bạn nhỏ trong nhà.

Cúp.	
2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng bài văn, biết nhấn giọng từ ngữ gợi tả và thể hiện cảm xúc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, tình cảm; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả chú chó Cúp.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài; đọc diễn cảm đoạn văn bộc lộ tình cảm của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe cách đọc.
- Gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến ngày đầu về nhà; Đoạn 2: tiếp theo đến sinh nhật; Đoạn 3: còn lại.	- HS đánh dấu các đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp; lớp theo dõi, nhận xét.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: Cúp, loáng ướn, ngoe nguẩy, cuộn tròn, rúc rích.	- HS đọc từ khó, sửa lỗi phát âm.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc câu dài thể hiện tình cảm của bạn nhỏ với chú chó.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt nghỉ đúng.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3.	- HS luyện đọc trong nhóm; góp ý cho bạn.
3. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết đặc điểm của chú chó và sở thích của chú chó trong câu chuyện.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV nêu câu hỏi 1: Chú chó trông như thế nào vào ngày đầu về nhà bạn nhỏ?	- HS trả lời: Chú chó rất xinh, lông trắng khoang đen, đôi mắt tròn xoe và loáng ướn.
- GV nêu câu hỏi 2: Chú chó được đặt tên là gì và biết làm những gì?	- HS trả lời theo nội dung bài: chú chó tên Cúp, biết nằm, ngồi, chạy theo bạn nhỏ, thích nghe bạn nhỏ đọc truyện.
- GV yêu cầu HS tìm thêm chi tiết cho thấy bạn nhỏ rất yêu chú chó.	- HS nêu chi tiết trong bài, nhận xét tình cảm của bạn nhỏ với vật nuôi.
- GV kết luận: Từ những chi tiết miêu tả chú chó, các em thấy vật nuôi cũng có thể trở thành người bạn thân thiết trong gia đình.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Ôn nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp bài đọc.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu đặc điểm của chú chó Cúp trong ngày đầu về nhà bạn nhỏ.	- HS nêu: Cúp có lông trắng khoang đen, đôi mắt tròn xoe, đáng yêu.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu tình cảm của bạn nhỏ với Cúp và thực hiện đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi và Đọc mở rộng.
2. Khám phá - Hoạt động 2: Đọc hiểu câu hỏi 3, 4 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu tình cảm gắn bó giữa bạn nhỏ và vật nuôi.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu thương, chăm sóc, bảo vệ vật nuôi và cư xử nhân ái với các con vật trong gia đình.	

*Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Tình cảm của bạn nhỏ dành cho Cúp được thể hiện qua những chi tiết nào?	- HS trả lời: Bạn nhỏ quan tâm, chơi cùng, đọc truyện cho Cúp nghe, xem Cúp như bạn nhỏ trong nhà.
- GV nêu câu hỏi 4: Bài đọc giúp em hiểu điều gì về vật nuôi trong nhà?	- HS trả lời: Vật nuôi là bạn của con người; chúng ta cần yêu quý, chăm sóc và không làm hại vật nuôi.
- GV hỏi dẫn: Khi nuôi hoặc chơi với vật nuôi, em cần làm gì để thể hiện tình yêu thương và trách nhiệm?	- HS trả lời: Em cho vật nuôi ăn, uống nước, giữ vệ sinh, chơi nhẹ nhàng, không trêu chọc, bảo người lớn khi vật nuôi bị đau.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Yêu thương vật nuôi là biểu hiện của lòng nhân ái trong cuộc sống hằng ngày. Các em cần chăm sóc vật nuôi bằng việc vừa sức, không đánh, không trêu chọc, không bỏ rơi và biết giữ vệ sinh khi tiếp xúc với vật nuôi. Khi biết cư xử tử tế với các con vật, các em cũng rèn được sự quan tâm, trách nhiệm và lòng yêu thương đối với mọi sự sống quanh mình.	- HS nêu lại việc cần làm khi chăm sóc vật nuôi.
- GV chốt nội dung bài: Vật nuôi trong nhà là những người bạn thân thiết; chúng ta cần yêu quý, chăm sóc và bảo vệ vật nuôi.	- HS nhắc lại nội dung bài.
3. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn miêu tả tình cảm giữa bạn nhỏ và Cúp, giao nhiệm vụ luyện đọc nhóm 3.	- HS luyện đọc trong nhóm, chú ý giọng đọc tình cảm.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
4. Đọc mở rộng (12 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm đọc văn bản về tình cảm giữa người thân hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà và hoàn thành phiếu đọc sách.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ Đọc mở rộng trong SGK: Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về tình cảm giữa người thân trong gia đình hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà.	- HS đọc yêu cầu, lựa chọn bài đọc phù hợp.
<p>Tôi và Cúp ngày ngày quấn quýt bên nhau. Mỗi khi tôi đi học về, Cúp chạy vọt ra, chồm hai chân trước lên ngang rõ. Tôi cúi xuống vuốt ve Cúp. Nó du yếm dụi cái mũi ướt ướt, mềm mềm vào chân tôi.</p> <p>(Theo Trần Đức Tiến)</p> <p>Tư ngẫm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe vật và có định hướng chiều vào. - Nhắc lên bất mạnh hai từ trong cổ ra thành tiếng cách quãng. <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chú chó trông như thế nào trong ngày đầu tiên về nhà bạn nhỏ? 2. Chú chó được đặt tên là gì và biết làm những gì? 3. Em hãy nói về sở thích của chú chó. 4. Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm giữa bạn nhỏ và chú chó. Em nghĩ gì về tình cảm đó? <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ... về tình cảm giữa người thân trong</p>	
- GV hướng dẫn HS hoàn thành phiếu đọc	- HS ghi phiếu đọc sách theo mẫu.

sách: ngày đọc, tên bài, tác giả, nội dung, chi tiết thú vị hoặc cảm động.	
- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn về chi tiết em thấy thú vị hoặc cảm động.	- HS chia sẻ trong nhóm đôi, nhận xét lịch sự.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS trình bày; lớp lắng nghe, bổ sung.
5. Vận dụng - Trải nghiệm (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng bài học vào chăm sóc vật nuôi hoặc giữ gìn đồ vật trong nhà.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm với vật nuôi hoặc đồ vật thân thiết trong nhà?	- HS trả lời: Em chăm sóc vật nuôi, cất đồ chơi đúng chỗ, giữ gìn sách vở, không làm hỏng đồ vật.
- GV dẫn HS về nhà kể cho người thân nghe bài Bạn nhỏ trong nhà và hoàn thiện phiếu đọc sách.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 24: BẠN NHỎ TRONG NHÀ

Tiết 3: Luyện tập - Từ ngữ về bạn trong nhà. Biện pháp so sánh

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm được các từ ngữ về bạn trong nhà theo hai nhóm: vật nuôi, đồ đạc.
- Nhận biết được câu văn, câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh và nêu được tác dụng của biện pháp so sánh.
- Biết vận dụng từ ngữ đã học để nói, viết câu phù hợp.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, câu văn phù hợp để trình bày ý kiến.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu quý vật nuôi, trân trọng những đồ vật quen thuộc trong gia đình.
- Chăm chỉ: Tích cực tìm từ, làm bài tập và sửa bài theo góp ý.
- Trách nhiệm: Biết giữ gìn đồ vật, chăm sóc vật nuôi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết yêu quý, chăm sóc vật nuôi và giữ gìn đồ vật trong nhà; biết hợp tác, lắng nghe khi làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh phần Luyện tập, bảng bài tập, thẻ từ, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ bài Bạn nhỏ trong nhà và giới thiệu yêu cầu luyện tập.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu tên một vật nuôi hoặc đồ vật thân thiết trong nhà.	- HS nêu: chó, mèo, gà, cá; bàn, ghế, đồng hồ, tủ sách, đèn học.

<p>- GV giới thiệu: Tiết này, các em luyện tập từ ngữ về bạn trong nhà và nhận biết biện pháp so sánh.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.</p>
<p>2. Luyện tập - Bài tập 1: Từ ngữ về bạn trong nhà (12 phút) Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ theo nhóm vật nuôi và đồ đạc. Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng những vật nuôi, đồ vật thân thiết và giữ gìn môi trường sống trong gia đình. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc đề: Tìm từ ngữ về bạn trong nhà theo hai nhóm: vật nuôi và đồ đạc.</p> 	<p>- HS đọc yêu cầu và quan sát ngữ liệu trong SGK.</p>
<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4: mỗi nhóm tìm từ và ghi vào bảng nhóm.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm: Vật nuôi: chó, mèo, gà, vịt, cá cảnh; Đồ đạc: bàn, ghế, tủ sách, đồng hồ, đèn học...</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày, yêu cầu nhóm khác bổ sung.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; các nhóm khác nhận xét, bổ sung từ còn thiếu.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Vì sao chúng ta cần yêu quý vật nuôi và giữ gìn đồ vật trong nhà?</p>	<p>- HS trả lời: Vì vật nuôi là bạn của con người; đồ vật giúp cuộc sống thuận tiện; cần chăm sóc và giữ gìn.</p>
<p>- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Những vật nuôi, đồ vật trong nhà gắn bó với đời sống của mỗi gia đình. Các em cần biết chăm sóc vật nuôi, không trêu chọc hay làm đau chúng; biết dùng đồ vật đúng cách, cất đúng nơi, không làm hỏng đồ dùng chung. Khi làm việc nhóm, các em cũng cần lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn để cùng hoàn thành nhiệm vụ.</p>	<p>- HS nêu lại một việc cần làm để giữ gìn đồ vật hoặc chăm sóc vật nuôi.</p>
<p>3. Luyện tập - Bài tập 2, 3: Biện pháp so sánh (15 phút) Mục tiêu: HS nhận biết hình ảnh so sánh và nêu tác dụng của biện pháp so sánh. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: GV yêu cầu HS đọc đoạn văn, tìm câu văn có sử dụng biện pháp so sánh.</p>	<p>- HS đọc đoạn văn, gạch dưới câu có hình ảnh so sánh.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS xác định sự vật được so sánh, từ so sánh và hình ảnh so sánh.</p>	<p>- HS nêu: sự vật này được so sánh với sự vật khác để làm câu văn sinh động hơn.</p>
<p>- Bài tập 3: GV yêu cầu HS tìm hình ảnh so sánh trong câu thơ, câu văn và nêu tác dụng.</p>	<p>- HS làm việc nhóm đôi, trình bày kết quả; lớp nhận xét, bổ sung.</p>
<p>- GV kết luận: So sánh giúp sự vật được miêu tả cụ thể, sinh động, dễ hình dung hơn.</p>	<p>- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.</p>

4. Vận dụng - Trải nghiệm (4 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để nói câu có hình ảnh so sánh.

*Cách tiến hành:

- GV tổ chức trò chơi “Tìm nhanh câu so sánh”: mỗi HS nói một câu có hình ảnh so sánh về vật nuôi hoặc đồ vật trong nhà.	- HS thi đua nêu: Mèo cuộn tròn như cục bông; chiếc đồng hồ tích tắc như tiếng bước chân nhỏ.
- GV nhận xét, dẫn HS về nhà tìm thêm 2 câu văn có hình ảnh so sánh trong sách hoặc truyện.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 24: BẠN NHỎ TRONG NHÀ**Tiết 4: Luyện tập - Viết đoạn văn tả đồ vật****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc và hiểu bài văn Cái đồng hồ; tìm được từ ngữ tả các bộ phận, âm thanh của đồng hồ.
- Nhận biết được một số hình ảnh so sánh trong đoạn văn.
- Viết được đoạn văn tả đồ vật theo gợi ý, biết đọc lại bài viết để phát hiện và sửa lỗi.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết, tự hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn chi tiết, từ ngữ, câu văn phù hợp để trình bày ý kiến.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết trân trọng những đồ vật quen thuộc trong gia đình, lớp học.
- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, viết đoạn văn và sửa lỗi.
- Trách nhiệm: Biết giữ gìn đồ vật, viết trung thực và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết giữ gìn đồ vật trong gia đình, lớp học; biết viết trung thực, không sao chép và biết góp ý lịch sự cho bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bài văn Cái đồng hồ, tranh/ảnh đồ vật, bảng tiêu chí soát lỗi, phiếu viết đoạn văn.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực; có thể chuẩn bị một đồ vật nhỏ để quan sát.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 4 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (4 phút) Mục tiêu: Kết nối bài học với hoạt động viết đoạn văn tả đồ vật. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Thi tìm nhanh một câu văn có hình ảnh so sánh về đồ vật hoặc vật nuôi.	- HS nêu câu; lớp nhận xét câu có hình ảnh so sánh rõ hay chưa.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em đọc bài Cái đồng hồ và viết đoạn văn tả một đồ vật.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đoạn.
2. Luyện tập - Bài tập 1: Đọc hiểu bài Cái đồng hồ (9 phút) Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ tả bộ phận và âm thanh của đồng hồ.	

<p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài văn Cái đồng hồ và quan sát tranh trong SGK.</p> 	<p>- HS đọc bài, quan sát tranh, nêu tên đồ vật được tả.</p>
<p>- GV giao nhiệm vụ nhóm đôi: Tìm từ ngữ tả các bộ phận của đồng hồ và từ ngữ tả âm thanh của đồng hồ.</p>	<p>- HS làm việc nhóm đôi, nêu: vỏ bằng nhựa trắng, mặt đồng hồ, kim giờ, kim phút; âm thanh tích tắc...</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày và chốt kết quả.</p>	<p>- HS trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>
<p>3. Luyện tập - Bài tập 2: Tìm hình ảnh so sánh (7 phút) Mục tiêu: HS nhận biết hình ảnh so sánh trong bài văn. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc lại bài văn và tìm hình ảnh so sánh.</p>	<p>- HS tìm, gạch chân hình ảnh so sánh trong bài.</p>
<p>- GV hỏi: Hình ảnh so sánh giúp đoạn văn hay hơn như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Giúp đồ vật được tả cụ thể, sinh động, dễ hình dung hơn.</p>
<p>4. Luyện tập - Bài tập 3: Viết đoạn văn tả đồ vật (11 phút) Mục tiêu: HS viết được đoạn văn tả đồ vật theo gợi ý. Mục tiêu tích hợp: HS biết giữ gìn đồ vật trong gia đình, lớp học; viết trung thực, không sao chép. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS chọn một đồ vật trong nhà hoặc ở lớp để quan sát: hình dáng, màu sắc, bộ phận, âm thanh, công dụng.</p>	<p>- HS chọn đồ vật và ghi nhanh ý quan sát vào nháp.</p>
<p>- GV hướng dẫn cấu trúc đoạn văn: giới thiệu đồ vật; tả đặc điểm nổi bật; nêu công dụng hoặc tình cảm của em với đồ vật.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cấu trúc đoạn văn.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Khi tả một đồ vật em yêu quý, em cần làm gì để thể hiện sự trân trọng và trách nhiệm với đồ vật đó?</p>	<p>- HS trả lời: Em tả đúng sự thật, không bịa, giữ gìn đồ vật sạch đẹp, dùng xong cất đúng chỗ.</p>
<p>- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Đồ vật trong gia đình, lớp học giúp chúng ta học tập và sinh hoạt thuận tiện hơn. Vì vậy, khi viết về đồ vật, các em cần quan sát thật, viết bằng lời của mình, không sao chép bài của bạn. Trong cuộc sống, các em cần sử dụng đồ vật đúng cách, giữ gìn sạch đẹp, không làm hỏng đồ dùng chung và biết cảm ơn người thân đã chuẩn bị đồ dùng cho mình.</p>	<p>- HS nêu lại việc cần làm: quan sát thật, viết thật, giữ gìn đồ vật.</p>

- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 4 - 5 câu vào vở.	- HS viết đoạn văn theo gợi ý.
5. Chia sẻ, sửa lỗi đoạn văn và vận dụng (4 phút) <i>Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và hoàn thiện đoạn văn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn nhận xét theo tiêu chí: đúng yêu cầu, rõ đặc điểm, có câu so sánh, ít lỗi chính tả.	- HS đổi vở, góp ý lịch sự và sửa lỗi cho bạn.
- GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn văn trước lớp; nhận xét, tuyên dương bài viết rõ ý.	- HS đọc bài; lớp nhận xét, bổ sung ý hay.
- GV dặn HS về nhà viết lại đoạn văn sau khi sửa lỗi và giữ gìn đồ vật mình đã tả.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 14 - Chủ đề 4: CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

Bài 25: NHỮNG BẠC ĐÁ CHẠM MÂY - Bài 26: ĐI TÌM MẶT TRỜI

BÀI 25: NHỮNG BẠC ĐÁ CHẠM MÂY

Tiết 1, 2: Đọc - Những bậc đá chạm mây; Nói và nghe - Những bậc đá chạm mây

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Những bậc đá chạm mây; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu, biết nhấn giọng ở những từ ngữ nói về khó khăn, quyết tâm và cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật qua hành động, việc làm.
- Hiểu nội dung bài: Trong cuộc sống, có những người rất đáng trân trọng vì họ biết sống vì cộng đồng.
- Dựa vào tranh và lời gợi ý, kể lại được từng đoạn câu chuyện Những bậc đá chạm mây; biết bày tỏ suy nghĩ về nhân vật cô Dương.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự trả lời câu hỏi và tự điều chỉnh cách đọc theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài và kể chuyện theo tranh.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ việc làm của nhân vật với những việc tốt có thể làm cho tập thể, cộng đồng.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết trân trọng, cảm phục những người sống vì cộng đồng, biết giúp đỡ người khác.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, kể chuyện, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết làm việc tốt, giúp đỡ tập thể bằng việc phù hợp với lứa tuổi.

4. Tích hợp:

- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng những người sống vì cộng đồng và học tập tinh thần giúp đỡ, cống hiến cho tập thể.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS nhận biết AI/robot có thể hỗ trợ khảo sát địa hình vùng núi cao để giúp con người làm đường an toàn; biết AI chỉ hỗ trợ, con người cần kiểm tra, lựa chọn và chịu trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Những bậc đá chạm mây, tranh kể chuyện, thẻ từ luyện đọc, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, ôn bài cũ và kết nối với bài đọc Những bậc đá chạm mây.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Trong bài Bạn nhỏ trong nhà, chú chó Cúp có những đặc điểm gì đáng yêu?	- HS trả lời: Cúp có lông trắng khoang đen, đôi mắt tròn xoe, biết làm nhiều việc và rất quấn quýt với bạn nhỏ.
- GV hỏi tiếp: Bài văn khuyên em điều gì về cách cư xử với vật nuôi?	- HS trả lời: Em cần yêu quý, chăm sóc và cư xử tốt với vật nuôi.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì? Con đường trong tranh có gì đặc biệt?	- HS quan sát và trả lời: Tranh vẽ núi cao, bậc đá, người dân đi trên đường núi; con đường có nhiều bậc đá lên cao.
 <p>Đó vẽ một người mà em cảm phục.</p> <p>NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY</p> <p>Gầy xua, dưới chân núi Hồng Lĩnh ột xóm nhỏ, người dân sống bằng đánh cá. Cuộc sống đang yên lành, ột trận bão khủng khiếp cuốn cả thuyền bè. Dân xóm chài hết ể sinh sống, đành lên núi kiếm em ra chợ bán. Nhưng sườn núi họ ở dựng đứng, bà con phải đi ể vòng rất xa.</p> <p>Hy giờ trong xóm có một ông ghèo. Người ta gọi ông là cố ại vì hề gặp việc gì khó, ông đảm đương gánh vác. Thấy lên nhai đi đường vòng, ông bàn ọi người ghép đá thành bậc ể vượt dốc để có được con ể ngắn như mong muốn. Ai</p>	
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Những bậc đá chạm mây kể về một người biết làm việc khó vì lợi ích của mọi người.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Những bậc đá chạm mây.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; biết ngắt nghỉ và đọc với giọng phù hợp nội dung câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, cảm phục; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về khó khăn, gian khổ và quyết tâm của cố Đương.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng ở chỗ có dấu câu; chú ý đọc rõ lời kể về việc làm đường của cố Đương.	- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến đường vòng rất xa. Đoạn 2: Tiếp theo đến không	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK.

làm được. Đoạn 3: Tiếp theo đến đến làm cùng. Đoạn 4: Còn lại.	
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn; bạn khác theo dõi và nhận xét.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Hồng Lĩnh, cổ Đương, chài lưới, cuốn phăng, đảm đương, gánh vác.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Người ta gọi ông là cổ Đương / vì hề gặp chuyện gì khó, / ông đều đảm đương gánh vác.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.	- HS luyện đọc trong nhóm 4, góp ý cho bạn đọc rõ hơn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, sửa lỗi và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nêu được nguyên nhân người dân phải bỏ nghề đánh cá và lí do cổ Đương muốn ghép đá thành bậc thang lên núi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Vì sao ngày xưa người dân dưới chân núi Hồng Lĩnh phải bỏ nghề đánh cá, lên núi kiếm củi?	- HS trả lời: Vì bão cuốn mất thuyền bè, người dân không còn phương tiện đánh cá nên phải lên núi kiếm củi.
- GV nêu câu hỏi 2: Vì sao cổ Đương có ý định ghép đá thành bậc thang lên núi?	- HS trả lời: Vì thương người dân phải đi đường vòng rất xa để lên núi, cổ Đương muốn làm con đường thuận tiện hơn cho mọi người.
- GV chốt ý: Cổ Đương là người biết nghĩ cho người khác, dám nhận việc khó để giúp dân làng.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu lí do cổ Đương muốn làm đường lên núi.	- HS trả lời: Vì cổ Đương thương người dân phải đi đường vòng xa nên muốn ghép đá làm bậc thang.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu công việc làm đường và ý nghĩa của những bậc đá chạm mây.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu quá trình làm đường của cổ Đương, ý nghĩa hình ảnh những bậc đá chạm mây và biết bày tỏ suy nghĩ về nhân vật.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng người sống vì cộng đồng; học tập tinh thần giúp đỡ, cống hiến cho tập thể.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Công việc làm đường	- HS trả lời: Ban đầu cổ Đương làm một

của cô Đương diễn ra như thế nào?	minh; sau đó nhiều người trong xóm thấy vậy đã đến làm cùng.
- GV nêu câu hỏi 4: Hình ảnh “những bậc đá chạm mây” nói lên điều gì về việc làm của cô Đương?	- HS trả lời: Hình ảnh ấy cho thấy việc làm của cô Đương rất khó khăn, lớn lao, bền bỉ và có ý nghĩa với cả cộng đồng.
- GV nêu câu hỏi 5: Đóng vai một người dân trong xóm nói về cô Đương.	- HS đóng vai và nói: Cô Đương là người tốt bụng, kiên trì, biết nghĩ cho dân làng. Nhờ có cô, đường lên núi thuận tiện hơn.
- GV hỏi dẫn: Qua việc làm của cô Đương, em học được điều gì về tinh thần sống vì cộng đồng?	- HS trả lời: Em cần biết giúp đỡ người khác, làm việc tốt, kiên trì và có trách nhiệm với tập thể.
- Tích hợp Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Sống vì cộng đồng là biết nghĩ đến lợi ích chung, sẵn sàng góp sức làm việc tốt dù việc đó khó khăn. Cô Đương không chỉ làm đường cho riêng mình mà làm cho cả dân làng. Từ câu chuyện, các em cần biết giúp đỡ bạn bè, tham gia việc chung của lớp, của trường, kiên trì vượt khó và biết trân trọng những người âm thầm cống hiến cho tập thể.	- HS nêu lại: Em sẽ biết giúp đỡ bạn, làm việc tốt, không ngại khó và có trách nhiệm với tập thể.
- GV chốt nội dung bài: Trong cuộc sống, có những người rất đáng trân trọng vì họ biết sống vì cộng đồng.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng cảm phục, phù hợp nội dung câu chuyện. *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn nói về việc cô Đương làm đường và đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc chậm rãi, cảm phục.
- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm, góp ý cho nhau cách ngắt nghỉ và nhấn giọng.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ và có cảm xúc.
4. NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY (11 phút) Mục tiêu: HS quan sát tranh, nêu sự việc trong từng tranh và kể lại được từng đoạn câu chuyện. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa trong SGK và nói về sự việc trong từng tranh.	- HS quan sát, nêu sự việc: dân làng gặp khó khăn; cô Đương nghĩ cách làm đường; cô Đương kiên trì ghép đá; dân làng cùng làm và có con đường bậc đá.

<p>Những bậc đá chạm mây</p> <p>1. Quan sát tranh minh họa, nói về sự việc trong từng tranh.</p> 	
<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, mỗi bạn kể một tranh.</p>	<p>- HS kể trong nhóm, bạn nghe góp ý về trình tự và lời kể.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm kể trước lớp.</p>	<p>- HS kể trước lớp; lớp nhận xét bạn kể đúng trình tự, rõ sự việc, có cảm xúc.</p>
<p>- GV kết luận: Kể chuyện theo tranh cần đúng trình tự, nêu rõ sự việc chính và thể hiện được tình cảm với nhân vật.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách kể chuyện theo tranh.</p>
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS liên hệ việc làm vì cộng đồng trong đời sống hằng ngày.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI/robot có thể hỗ trợ khảo sát địa hình vùng núi cao để giúp con người làm đường an toàn.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hỏi: Trong lớp hoặc ở trường, em có thể làm việc gì để góp phần giúp tập thể tốt hơn?</p>	<p>- HS nêu: Em giữ vệ sinh lớp, giúp bạn, nhặt rác, xếp bàn ghế, tham gia chăm sóc cây.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Ngày nay, khi làm đường ở vùng núi cao, con người có thể dùng công cụ số, robot hoặc AI để hỗ trợ việc gì?</p>	<p>- HS trả lời: Có thể dùng để khảo sát địa hình, quan sát nơi nguy hiểm, gợi ý cách làm đường an toàn hơn.</p>
<p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV diễn giải: AI/robot có thể hỗ trợ con người khảo sát địa hình vùng núi cao, thu thập hình ảnh, dữ liệu và gợi ý phương án làm đường an toàn. Tuy nhiên, AI chỉ là công cụ hỗ trợ; con người vẫn phải kiểm tra, lựa chọn cách làm phù hợp và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.</p>	<p>- HS nhắc lại: AI/robot có thể hỗ trợ khảo sát nhưng con người cần kiểm tra và sử dụng có trách nhiệm.</p>
<p>- GV dặn HS về nhà kể lại câu chuyện Những bậc đá chạm mây cho người thân nghe.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 25: NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Những bậc đá chạm mây

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả đoạn/bài Những bậc đá chạm mây trong khoảng 15 phút; trình bày sạch đẹp, đúng chính tả.
- Viết đúng từ ngữ chứa ch/tr hoặc ăn/ăng; biết tìm thêm từ ngữ phù hợp theo yêu cầu.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở viết, tư thế ngồi viết và tự soát lỗi sau khi nghe - viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo, góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng quy tắc chính tả để tìm tiếng, từ phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận, hoàn thành bài viết và bài tập chính tả.
- Trung thực: tự soát lỗi, nhận lỗi sai và sửa lỗi đúng theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp; hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp đạo đức, lối sống:** HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài viết Những bậc đá chạm mây, bảng phụ từ khó, tranh bài tập chính tả, phiếu soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì để soát lỗi.

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, nhắc lại nội dung bài đọc trước khi nghe - viết.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS nội dung chính của câu chuyện Những bậc đá chạm mây.	- HS trả lời: Câu chuyện ca ngợi cố Đương, người biết sống vì cộng đồng.
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Tìm tiếng bắt đầu bằng ch hoặc tr.	- HS tham gia: chào, chăm, chậm, trống, trời, trắng.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết bài Những bậc đá chạm mây và luyện viết đúng ch/tr, ăn/ăng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô ly và bảng con.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (21 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu nội dung đoạn viết; nghe - viết đúng bài, biết tự soát và sửa lỗi.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết trình bày bài sạch đẹp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát bài viết trong SGK và đọc mẫu đoạn/bài viết.	- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu nội dung bài viết.
- GV hỏi: Bài viết nhắc em nhớ đến việc làm nào của cố Đương?	- HS trả lời: Cố Đương kiên trì ghép đá làm bậc thang giúp người dân đi lại thuận tiện.
- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: chữ đầu câu viết hoa, chú ý dấu câu, khoảng cách giữa các tiếng.	- HS nêu cách trình bày và chuẩn bị vở viết.
- GV yêu cầu HS luyện viết bảng con các từ khó: Hồng Lĩnh, cố Đương, bậc đá, chạm mây, đương đầu, gánh vác.	- HS viết bảng con, giơ bảng, sửa lỗi theo hướng dẫn của GV.
- GV nhắc HS tư thế ngồi viết: lưng thẳng, mắt cách vở khoảng 25 - 30 cm, tay giữ vở	- HS điều chỉnh tư thế ngồi viết đúng.

ngay ngắn.	
- GV đọc từng cụm từ hoặc từng câu ngắn cho HS viết.	- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, chú ý chính tả, dấu câu và cách trình bày.
- GV đọc lại toàn bài để HS soát lỗi; yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo.	- HS dùng bút chì soát lỗi, đổi vở và góp ý cho bạn.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhắc HS khi viết cần trung thực tự soát lỗi, không giấu lỗi, biết sửa lỗi để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.	- HS nêu lại: Em viết cẩn thận, tự soát lỗi và sửa lỗi trung thực.
3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút) <i>Mục tiêu: HS làm đúng bài tập chính tả ch/tr hoặc ăn/ăn và mở rộng vốn từ.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2a: GV yêu cầu HS chọn ch hoặc tr thay cho ô vuông.	- HS làm cá nhân và nêu kết quả: gà trống, mặt trời, câu chào, buổi chiều...
- Bài tập 2b: GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm từ ngữ có tiếng chứa ăn hoặc ăng.  <p>ìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng ch, tr (hoặc chứa ăn, ăng)</p>	- HS thảo luận nhóm 2 và nêu: khăn, trắng, răng, băng, măng...
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS tìm thêm từ ngữ bắt đầu bằng ch, tr hoặc có tiếng ăn, ăng.	- HS nêu thêm từ, nhận xét bài của bạn và sửa bài vào vở.
- GV nhận xét, chốt cách viết đúng.	- HS ghi nhớ cách phân biệt ch/tr, ăn/ăng.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ việc rèn chữ cẩn thận với trách nhiệm học tập.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi viết bài, em cần làm gì để bài sạch đẹp và ít lỗi?	- HS trả lời: Em ngồi đúng tư thế, nghe kĩ, viết cẩn thận, soát lỗi và sửa lỗi.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS sửa lỗi chính tả và chuẩn bị bài Đi tìm mặt trời.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 26: ĐI TÌM MẶT TRỜI

Tiết 1, 2: Đọc - Đi tìm mặt trời; Viết - Ôn chữ hoa L

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Đi tìm mặt trời*; biết ngắt nghỉ đúng, nhấn giọng ở những từ ngữ gọi khó khăn, quyết tâm của gà trống.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; hiểu hành trình gian nan của gà trống.
- Hiểu nội dung bài: Câu chuyện ca ngợi việc làm cao đẹp vì cộng đồng, tinh thần dũng cảm, kiên trì và trách nhiệm.
- Viết đúng chữ hoa L cỡ nhỏ, tên riêng Lam Sơn và câu ứng dụng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết và tự điều chỉnh bài viết theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm khi tìm hiểu bài, biết nhận xét bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết nêu việc làm thể hiện tinh thần giúp đỡ cộng đồng.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết cảm phục người dũng cảm, sẵn lòng vì cộng đồng.
- Chăm chỉ: tích cực đọc, viết, trả lời câu hỏi.
- Trách nhiệm: biết kiên trì, không ngại khó và làm việc có ích cho tập thể.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp đạo đức, lối sống:** HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc *Đi tìm mặt trời*, mẫu chữ hoa L, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Ôn bài cũ, tạo hứng thú và kết nối với bài đọc <i>Đi tìm mặt trời</i>.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS đọc một đoạn bài <i>Những bậc đá chạm mây</i> và nêu nội dung bài.	- HS đọc và trả lời: Bài ca ngợi người biết sống vì cộng đồng.
- GV hỏi: Nếu một nơi lâu ngày không có ánh sáng, cuộc sống sẽ thế nào?	- HS trả lời: Mọi vật sẽ tối tăm, khó nhìn thấy nhau, cây cối và con vật khó sống.
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện <i>Đi tìm mặt trời</i> kể về hành trình dũng cảm của gà trống vì muôn loài.	- HS lắng nghe, mở SGK bài <i>Đi tìm mặt trời</i> .

 Hãy tưởng tượng: Nếu không có mặt trời, điều gì

 **ĐI TÌM MẶT TRỜI**

Ngày xưa, muôn loài sống trong rừng già tối tăm được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể

Gỗ kiến gỗ của nhà công, công mài mài. Gỗ c

điều bạn cãi nhau. Gỗ của nhà chích choè, chích c

gà trống nhận lời đi tìm mặt trời.



Gà trống
rừng núi.
lim. Từ rừ
Gà trống l
nhất, nhĩ
bệnh và s
ở đây chờ

Gió lạn
trống suốt
ngón chài
cây. Chờ
thương có
tâm, ầm
ngục kêu !

– Trời đ

2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; biết ngắt nghỉ và đọc với giọng phù hợp.

***Cách tiến hành:**

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể rõ ràng, nhấn giọng ở những chi tiết nói về bóng tối, gian nan và sự dũng cảm của gà trống.	- HS nghe GV đọc, theo dõi bài trong SGK.
- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng chỗ, chú ý các câu dài và từ ngữ gợi tả.	- HS lắng nghe yêu cầu đọc.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến đi tìm mặt trời. Đoạn 2: Tiếp theo đến chờ mặt trời. Đoạn 3: Tiếp theo đến trời đất ối... ối! Đoạn 4: Còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn; lớp nhận xét cách đọc.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: gỗ cửa, nhận lời, rừng núi, rừng lim, gió lạnh, cụm lửa hồng.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Mặt trời / vươn những cánh tay ánh sáng, / đánh lên đầu gà trống / một cụm lửa hồng.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.	- HS luyện đọc nhóm 4, bạn nghe góp ý cho bạn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.

3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS nêu được lí do gỗ kiến đi hỏi từng nhà và kết quả khi gỗ kiến nhờ các loài vật

đi tìm mặt trời.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu câu hỏi 1: Vì sao gỗ kiến phải gõ cửa từng nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời?	- HS trả lời: Vì muôn loài sống trong tối tăm, ẩm ướt, rất khổ sở nên cần có người đi tìm mặt trời.
- GV nêu câu hỏi 2: Gỗ kiến đã gặp những ai để nhờ đi tìm mặt trời? Kết quả ra sao?	- HS trả lời: Gỗ kiến gõ cửa nhiều nhà như liều điếu, chích chòe và nhiều nhà khác nhưng không ai đi; chỉ có gà trống nhận lời.
- GV chốt ý: Gà trống là nhân vật dũng cảm, dám nhận việc khó vì muôn loài.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu hành trình đi tìm mặt trời của gà trống.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu những loài vật gỗ kiến đã gặp khi nhờ đi tìm mặt trời.	- HS nêu: liều điếu, chích chòe và nhiều nhà khác; chỉ có gà trống nhận lời.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu hành trình gian nan và ý nghĩa việc làm của gà trống.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu hành trình gian nan của gà trống và rút ra ý nghĩa câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Kể lại hành trình đi tìm mặt trời gian nan của gà trống.	- HS kể: Gà trống đi qua gió lạnh, nhiều lần suýt ngã, phải quắp chặt chân vào thân cây và kiên trì đi tiếp.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao gà trống được mặt trời tặng một cụm lửa hồng?	- HS trả lời: Vì gà trống dũng cảm, kiên trì, không ngại khó để giúp muôn loài tìm ánh sáng.
- GV nêu câu hỏi 5: Câu chuyện muốn nói điều gì?	- HS trả lời: Câu chuyện ca ngợi việc làm cao đẹp vì cộng đồng, tinh thần dũng cảm, kiên trì và trách nhiệm.
- GV chốt nội dung: Gà trống là hình ảnh đẹp về sự dũng cảm, kiên trì và sẵn lòng làm việc có ích cho mọi người.	- HS nhắc lại nội dung chính.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng phù hợp, thể hiện được sự gian nan và niềm vui khi tìm thấy mặt trời.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn gà trống đi tìm mặt trời và đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc chậm, rõ, nhấn vào từ ngữ gợi gian nan.
- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc nhóm, góp ý cho nhau cách ngắt nghỉ và thể hiện cảm xúc.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ và có cảm xúc.
4. THỰC HÀNH VIẾT - ÔN CHỮ HOA L (14 phút)	

Mục tiêu: HS viết đúng chữ hoa L, tên riêng Lam Sơn và câu ứng dụng.

Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết trình bày bài sạch đẹp.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa L trong SGK và hỏi: Khi viết chữ L, em cần chú ý điều gì?</p>  <p>VIẾT</p> <p>Ôn chữ viết hoa L</p> <p>1. Viết tên riêng: Lam Sơn</p> <p>2. Viết câu: Cao nhất là núi Lam Sơn Cổ ông Lê Lợi chặn đường giặc Minh. (Cổ ông)</p>	<p>- HS quan sát và nêu: chú ý độ cao, nét cong, nét thẳng và khoảng cách chữ.</p>
<p>- GV viết mẫu chữ L trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình.</p>	<p>- HS quan sát, nhắc lại điểm cần chú ý.</p>
<p>- GV yêu cầu HS viết bảng con chữ L.</p>	<p>- HS viết bảng con, giơ bảng và sửa lỗi.</p>
<p>- Bài tập viết: Viết tên riêng Lam Sơn.</p>	<p>- HS đọc tên riêng Lam Sơn và viết vào vở.</p>
<p>- GV giới thiệu: Lam Sơn là tên gọi của một ngọn núi ở tỉnh Thanh Hóa, nơi từng là căn cứ đầu tiên của nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Minh.</p>	<p>- HS lắng nghe, hiểu thêm về địa danh Lam Sơn.</p>
<p>- Bài tập viết: Viết câu ứng dụng: Cao nhất là núi Lam Sơn / Có ông Lê Lợi chặn đường giặc Minh.</p>	<p>- HS viết câu ứng dụng vào vở, chú ý viết hoa L, S, M và trình bày đúng dòng thơ.</p>
<p>- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhắc HS viết cẩn thận, tự soát lỗi, sửa lỗi trung thực để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.</p>	<p>- HS nêu lại: Em viết cẩn thận, tự soát lỗi và sửa lỗi trung thực.</p>
<p>- GV nhận xét một số bài viết, nhắc HS sửa lỗi về khoảng cách chữ, dấu thanh, chữ hoa.</p>	<p>- HS tự sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.</p>
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút)</p>	
<p><i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc sống có trách nhiệm với tập thể.</i></p>	
<p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hỏi: Sau bài học, em sẽ làm gì để thể hiện tinh thần giúp đỡ cộng đồng, tập thể?</p>	<p>- HS nêu: Em giúp bạn, giữ vệ sinh lớp, tham gia việc chung và không ngại khó.</p>
<p>- GV dặn HS luyện đọc lại bài, hoàn thành phần viết và chuẩn bị tiết luyện tập.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 26: ĐI TÌM MẶT TRỜI

Tiết 3: Luyện tập - Từ trái nghĩa. Câu khiến

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau; tìm được một số cặp từ trái nghĩa dựa vào gợi ý.
- Đặt được câu khiến phù hợp với tình huống trong câu chuyện Đi tìm mặt trời.
- Biết vận dụng từ trái nghĩa và câu khiến trong nói, viết phù hợp.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, tự hoàn thành bài tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ, câu văn phù hợp với tình huống giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực làm bài, tìm từ và sửa câu theo góp ý.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân và nhiệm vụ nhóm.
- Nhân ái: biết dùng lời yêu cầu, đề nghị lịch sự khi giao tiếp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS rèn thói quen dùng từ, đặt câu lịch sự, rõ ràng; biết lắng nghe, phản hồi phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: HS biết tìm kiếm, quan sát thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi; biết dùng công cụ số đơn giản để trình bày, chia sẻ kết quả đọc - nói - nghe.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng bài tập, thẻ từ trái nghĩa, phiếu học tập nhóm, thiết bị của GV để minh họa nguồn học liệu số phù hợp.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bảng con.

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ bài đọc và giới thiệu yêu cầu luyện tập từ trái nghĩa, câu khiến.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS câu chuyện Đi tìm mặt trời ca ngợi điều gì?	- HS trả lời: Câu chuyện ca ngợi việc làm cao đẹp vì cộng đồng, tinh thần dũng cảm, kiên trì.
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Nói từ trái nghĩa với từ GV nêu.	- HS tham gia: vui - buồn, sáng - tối, lớn - bé, nóng - lạnh.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em luyện tập từ trái nghĩa và câu khiến.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.
2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: TÌM CẶP TỪ TRÁI NGHĨA (8 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được các cặp từ trái nghĩa trong nhóm từ cho trước.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc các từ trong SGK và tìm các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau. 	- HS đọc yêu cầu bài tập và quan sát các từ trong SGK.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, nối các cặp từ trái nghĩa.	- HS trao đổi nhóm 2 và thống nhất kết quả.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: vui - buồn, đẹp - xấu, nóng - lạnh, lớn - bé.
- GV nhận xét, chốt: Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.
3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2: TÌM THÊM TỪ TRÁI NGHĨA (8 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm thêm được 3 - 5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết tìm kiếm, quan sát thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS tìm thêm 3 - 5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.	- HS suy nghĩ, viết vào vở nháp các cặp từ: cao - thấp, dài - ngắn, nhanh - chậm, nặng - nhẹ, gần - xa.
- GV hỏi dẫn: Nếu muốn tìm thêm ví dụ minh họa về từ trái nghĩa trên thiết bị số, em cần chọn nguồn như thế nào?	- HS trả lời: Em cần chọn nguồn do GV hoặc người lớn giới thiệu, phù hợp lứa tuổi, không bấm vào trang lạ.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: GV dùng thiết bị của giáo viên cho HS quan sát tư liệu/hình ảnh minh họa cặp từ trái nghĩa, hướng dẫn HS chọn thông tin cần thiết, trình bày ngắn gọn và nêu vì sao nguồn thông tin đó phù hợp.	- HS nêu lại: Em biết quan sát thông tin từ nguồn phù hợp, chọn ý cần thiết và trình bày rõ ràng.
- GV nhận xét, tuyên dương các cặp từ đúng.	- HS lắng nghe và bổ sung từ còn thiếu.
4. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 3: ĐẶT CÂU KHIẾN (11 phút) <i>Mục tiêu: HS đặt được câu khiến phù hợp với tình huống trong câu chuyện.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng lời yêu cầu, đề nghị lịch sự, rõ ràng trong giao tiếp hằng ngày.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS đọc lại câu chuyện Đì tìm mặt trời và đặt câu khiến trong mỗi tình huống.	- HS đọc yêu cầu, xác định tình huống cần đặt câu.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, mỗi nhóm đặt câu cho một tình huống.	- HS thảo luận và đặt câu: “Gà trống ơi, bạn hãy đi tìm mặt trời giúp muôn loài nhé!”; “Mặt trời ơi, xin hãy chiếu sáng cho muôn loài!”
- GV hỏi dẫn: Khi đặt câu khiến để nhờ, mời, đề nghị, em cần nói như thế nào để người nghe thấy được tôn trọng?	- HS trả lời: Em cần nói nhẹ nhàng, thêm từ nhé, ạ, với; không ra lệnh cộc lốc.
- Tích hợp KNS: GV diễn giải: Câu khiến cần dùng đúng tình huống và thể hiện thái độ lịch sự. Khi nhờ bạn hoặc người thân, các em nên nói rõ yêu cầu, dùng giọng nhẹ nhàng, biết cảm ơn sau khi được giúp đỡ và không nói cộc lốc.	- HS nhắc lại: Em biết dùng câu khiến lịch sự khi nhờ, mời, đề nghị hoặc khuyên bạn.
- GV mời các nhóm trình bày, nhận xét và chốt cách dùng câu khiến.	- HS trình bày; lớp nhận xét câu đúng tình huống, lịch sự, rõ ý.
5. VẬN DỤNG - TRÁI NGHIỆM (4 phút)	

Mục tiêu: HS vận dụng từ trái nghĩa và câu khiến vào giao tiếp hằng ngày.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đặt một câu có cặp từ trái nghĩa hoặc một câu khiến lịch sự.	- HS đặt câu: Trời hôm nay sáng hơn hôm qua. Bạn giúp mình nhật bút với nhé!
- GV nhận xét, dẫn HS về nhà tìm thêm 3 cặp từ trái nghĩa và đặt 1 câu khiến lịch sự.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 26: ĐI TÌM MẶT TRỜI

Tiết 4: Luyện tập - Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được tên một số câu chuyện yêu thích và nhân vật em thích hoặc không thích.
- Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý, chính tả.
- Biết tìm đọc thêm câu chuyện, bài văn, bài thơ phù hợp theo yêu cầu đọc mở rộng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn câu chuyện, nhân vật để nói và viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết hỏi - đáp, nhận xét bài viết hoặc chia sẻ bài đọc với bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn lí do phù hợp, diễn đạt thành câu rõ ý.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, kính trọng người thân và biết bày tỏ cảm xúc phù hợp về nhân vật.
- Trung thực: viết đúng cảm xúc, không sao chép, không bịa chuyện.
- Trách nhiệm: hoàn thành bài viết, biết sửa lỗi và chuẩn bị đọc mở rộng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết yêu thương, kính trọng người thân; hiểu trẻ em có quyền được chăm sóc trong gia đình và có bổn phận ứng xử lễ phép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, ngữ liệu mẫu trong SGK, phiếu viết, bảng tiêu chí soát lỗi, phiếu đọc sách.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực.

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Kết nối bài học với hoạt động nói, viết về nhân vật trong câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Kể tên một nhân vật trong câu chuyện em đã đọc hoặc đã nghe.	- HS tham gia: gà trống, cô Dương, Na, Dương, Cúp...
- GV giới thiệu: Tiết này, các em sẽ nói và viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đoạn/Đọc mở rộng.
2. LUYỆN TẬP - KỂ TÊN CÂU CHUYỆN YÊU THÍCH (6 phút) <i>Mục tiêu: HS kể được tên câu chuyện và nhân vật em yêu thích.</i>	

*Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS kể tên một số câu chuyện em yêu thích.	- HS nêu tên câu chuyện: Đi tìm mặt trời, Những bậc đá chạm mây, Tia nắng bé nhỏ...
- GV yêu cầu HS nêu tên nhân vật trong câu chuyện em thích hoặc không thích.	- HS nêu: Em thích gà trống vì dũng cảm; em thích cô Dương vì biết sống vì cộng đồng.
- GV nhận xét, khen HS chọn được nhân vật và nêu lí do ban đầu.	- HS lắng nghe, bổ sung ý nếu cần.
3. LUYỆN TẬP - HỎI ĐÁP VỀ NHÂN VẬT EM THÍCH HOẶC KHÔNG THÍCH (8 phút) <i>Mục tiêu: HS hỏi - đáp được về nhân vật và nêu lí do thích hoặc không thích.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, cảm xúc phù hợp và cần tôn trọng ý kiến của bạn.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS hỏi - đáp theo gợi ý: Bạn muốn nói về nhân vật nào? Trong câu chuyện nào? Bạn thích hoặc không thích nhân vật đó ở điểm nào?	- HS hỏi - đáp nhóm đôi theo gợi ý.
- GV mời một số nhóm trình bày trước lớp.	- HS trình bày; lớp nhận xét bạn nói rõ nhân vật, câu chuyện và lí do.
- GV hỏi dẫn: Khi bạn nêu ý kiến khác với em về một nhân vật, em cần ứng xử như thế nào?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, không chê bai, có thể hỏi thêm và tôn trọng ý kiến của bạn.
- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Trẻ em có quyền bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của mình về nhân vật, câu chuyện và được lắng nghe. Khi bày tỏ ý kiến, các em cần nói rõ ràng, lễ phép, tôn trọng người nghe; khi nghe bạn nói, cần không ngắt lời, không chê bai và biết trao đổi lịch sự.	- HS nhắc lại: Em có quyền nêu ý kiến và cần tôn trọng ý kiến của bạn.
4. LUYỆN TẬP - VIẾT ĐOẠN VĂN (11 phút) <i>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn ngắn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS viết 2 - 3 câu nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- HS đọc yêu cầu và chọn nhân vật để viết.
- GV hướng dẫn: Đoạn văn cần nêu tên nhân vật, tên câu chuyện, lí do em thích hoặc không thích và cảm nghĩ của em.	- HS ghi nhớ cấu trúc đoạn văn.
- GV yêu cầu HS viết cá nhân vào vở, chú ý dùng câu rõ ý, đúng chính tả, bộc lộ cảm xúc thật.	- HS viết đoạn văn vào vở.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi gợi ý.	- HS hoàn thiện bài viết.
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp, nhận xét và khen ý hay.	- HS đọc bài; lớp nhận xét điểm hay và góp ý thêm nếu cần.
5. VẬN DỤNG - ĐỌC MỞ RỘNG (6 phút) <i>Mục tiêu: HS biết tìm đọc văn bản phù hợp và chia sẻ với người thân; nhắc lại nội dung</i>	

chính của tiết học.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong SGK:
Tìm đọc thêm những bài văn, bài thơ, câu chuyện về những hoạt động yêu thích hoặc nhân vật đáng nhớ.



- HS đọc nhiệm vụ, nêu cách tìm đọc ở SGK, thư viện lớp, thư viện trường hoặc nhờ người thân gợi ý.

- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: ngày đọc, tên bài, tác giả, nhân vật em thích, lí do yêu thích.

- HS ghi nhớ cách hoàn thành phiếu đọc sách.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS hoàn thiện đoạn văn và tìm đọc thêm văn bản phù hợp.

- HS nhắc lại nội dung cần nhớ và ghi nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 15 - Chủ đề 4: CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

Bài 27: NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM - Bài 28: CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

BÀI 27: NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM

Tiết 1, 2: Đọc - Những chiếc áo ấm; Nói và nghe - Thêm sức thêm tài

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Những chiếc áo ấm; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu, bước đầu thể hiện ngữ điệu khi đọc lời nói của nhân vật.
- Nhận biết được các nhân vật, hành động, việc làm và sự đóng góp phù hợp với khả năng của mỗi nhân vật vào công việc chung.
- Hiểu nội dung bài: Nếu tất cả chung sức, chung lòng sẽ làm được những việc lớn lao mà sức một người không thể làm được.
- Nói rõ ràng, đóng góp ý kiến đúng yêu cầu; biết đặt câu hỏi với bạn để hiểu đúng ý kiến của bạn trong phần Nói và nghe Thêm sức thêm tài.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, trả lời câu hỏi và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn; biết lắng nghe, đặt câu hỏi và chia sẻ ý kiến khi thảo luận.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ sức mạnh hợp tác trong câu chuyện với việc học tập, sinh hoạt hằng ngày.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết đoàn kết, giúp đỡ người khác và tôn trọng sự khác biệt của mỗi bạn.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, trả lời câu hỏi, tham gia hoạt động nhóm.
- Trách nhiệm: biết đóng góp vào công việc chung bằng việc phù hợp với khả năng của bản thân.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và vận dụng bài học vào ứng xử hằng ngày.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS nhận biết AI có thể gợi ý đồ dùng phù hợp với điều kiện thời tiết; biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, con người cần tự kiểm tra và lựa chọn phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Những chiếc áo ấm, tranh phần Nói và nghe, thẻ từ luyện đọc, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm; hình minh họa “AI tư vấn” thời tiết - áo ấm nếu có.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, ôn bài cũ và kết nối với bài đọc Những chiếc áo ấm.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Trong câu chuyện Đi tìm mặt trời có những nhân vật nào?	- HS trả lời: Có gỗ kiến, công, liều điếu, chích chòe, gà trống và mặt trời.
- GV hỏi tiếp: Em thích nhân vật nào? Vì sao?	- HS trả lời theo suy nghĩ: Em thích gà trống vì dũng cảm đi tìm mặt trời cho muôn loài.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc Những chiếc áo ấm và hỏi: Tranh vẽ những con vật nào? Các con vật đang làm gì?	- HS quan sát tranh và trả lời: Có thỏ, nhím, tằm, bọ ngựa, ốc sên, chim ồ ồ; các con vật cùng nhau làm áo ấm.
 <p>Bài 27 NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM</p> <p>ĐỌC</p> <p>Quan sát tranh minh họa, nói tên các con vật và đoán xem chúng đang làm gì.</p> <p>NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM</p> <p>Mùa đông, thỏ quần tằm và lên người cho đỡ rét thì gió thổi tằm và bay xuống ao. Nhím giúp thỏ khâu tằm vào vào bờ và nói:</p> <p>– Phải may thành áo mới được.</p> <p>Nhím xù lông, rút một chiếc kim dính khâu da cho thỏ, nhưng không có chỉ. Hai bạn đi tìm chỉ tằm, xin một ít to làm chỉ. Chỉ tằm đồng ý ngay. Có chỉ, có kim, nhưng phải tìm người cắt vải. Thấy bọ ngựa vùng kiếm cắt cỏ, nhím nói:</p> <p>– Anh của chúng tôi cắt vải may áo. Mọi người cần áo ấm.</p>	

- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Những chiếc áo ấm giúp các em hiểu sức mạnh của sự chung sức, chung lòng.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Những chiếc áo ấm.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; biết ngắt nghỉ và đọc lời nhân vật phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện sự đóng góp của từng nhân vật.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng ở chỗ có dấu câu; chú ý thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp của các nhân vật.	- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến “phải may thành áo mới được”. Đoạn 2: Tiếp theo đến “mọi người cần áo ấm”. Đoạn 3: Tiếp theo đến “đề may áo ấm cho mọi người”. Đoạn 4: Còn lại.	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn; các bạn theo dõi, nhận xét.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: chim ô dộc, làm chỉ, luồn kim, tấm vải, thợ may, rồi rít.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Thỏ trải vải. / Ốc sên kẻ đường vạch. / Bọ ngựa cắt vải theo vạch. / Tầm xe chỉ. / Nhím chắp vải dùi lỗ...	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.	- HS luyện đọc trong nhóm 4, góp ý cho bạn đọc rõ hơn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, sửa lỗi và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét nhóm đọc đúng, rõ, có cảm xúc.
3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được chi tiết về cách thỏ chống rét và lí do nhím nảy ra sáng kiến may áo ấm.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Mùa đông đến, thỏ chống rét bằng cách nào?	- HS trả lời: Thỏ quần tấm vải lên người cho đỡ rét nhưng gió thổi tấm vải bay xuống ao.
- GV nêu câu hỏi 2: Vì sao nhím nảy ra sáng kiến may áo ấm?	- HS trả lời: Vì nếu may thành áo thì gió sẽ không thổi bay được, mọi người sẽ có áo ấm.
- GV chốt ý tiết 1: Nhím biết quan sát khó khăn của thỏ và nghĩ ra cách giúp mọi người có áo ấm.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp câu chuyện.</i>	

*Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu sáng kiến của nhím trong câu chuyện.	- HS trả lời: Nhím nảy ra sáng kiến may áo ấm để gió không thổi bay tấm vải.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu mỗi con vật đã góp sức như thế nào để làm nên những chiếc áo ấm.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu sự đóng góp của từng nhân vật, rút ra bài học về sức mạnh của tập thể.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và vận dụng bài học vào ứng xử hằng ngày.</i>	
*Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Mỗi nhân vật trong câu chuyện đã đóng góp gì vào việc làm ra những chiếc áo ấm?	- HS trả lời: Nhím dùng lông làm kim; ốc sên kẻ vạch; bộ ngựa cắt vải; tấm xe chỉ; chim ô độc luồn kim, khâu áo; thỏ góp vải.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 6, mỗi bạn đóng vai một nhân vật và nói về phần đóng góp của mình.	- HS thảo luận, đóng vai và trình bày phần đóng góp của nhân vật.
- GV nêu câu hỏi 4: Em thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao?	- HS nêu ý kiến cá nhân và giải thích lí do rõ ràng.
- GV nêu câu hỏi 5: Em học được điều gì qua câu chuyện?	- HS trả lời: Khi gặp việc khó, cần biết đoàn kết, hợp tác và phát huy sức mạnh của tập thể.
- GV hỏi dẫn: Khi làm việc nhóm, em cần làm gì để cả nhóm cùng hoàn thành nhiệm vụ?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, chia sẻ việc, giúp đỡ bạn, tôn trọng ý kiến của bạn.
- Tích hợp KNS: GV diễn giải: Trong học tập và cuộc sống, mỗi bạn có một khả năng riêng. Khi biết hợp tác, lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt và cùng góp sức, tập thể sẽ làm được việc lớn hơn sức của một người. Các em cần biết giúp bạn, không chê bai bạn yếu hơn, biết nhận phần việc vừa sức và hoàn thành trách nhiệm của mình.	- HS nêu lại: Em sẽ biết hợp tác, lắng nghe, giúp đỡ bạn và cùng góp sức trong việc chung.
- GV chốt nội dung bài: Không có việc gì quá khó nếu biết huy động sức mạnh và trí tuệ của tập thể.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng phù hợp, thể hiện được lời nói của nhân vật.</i>	
*Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn các con vật cùng góp sức làm áo ấm và đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc của người kể và lời nhân vật.
- GV tổ chức HS luyện đọc phân vai theo nhóm.	- HS luyện đọc trong nhóm, phân vai: người kể chuyện, thỏ, nhím, các con vật.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc, cách ngắt nghỉ và lời nhân vật.
4. NÓI VÀ NGHE - THÊM SỨC THÊM TÀI (11 phút) <i>Mục tiêu: HS so sánh được ưu điểm của học cá nhân, học theo cặp, học nhóm; kể được một</i>	

hoạt động tập thể đã tham gia.

Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và phản hồi phù hợp khi trao đổi nhóm.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV yêu cầu HS đọc chủ đề và yêu cầu: Em thích học cá nhân, học theo cặp hay học nhóm? Vì sao?</p> 	<p>- HS đọc yêu cầu và chuẩn bị ý kiến.</p>
<p>- GV tổ chức HS trao đổi nhóm 2 theo gợi ý: Em thích hình thức học nào? Hình thức đó giúp em điều gì?</p>	<p>- HS trao đổi nhóm đôi, nêu ý kiến rõ ràng và lắng nghe bạn.</p>
<p>- GV mời HS trình bày trước lớp, yêu cầu HS khác đặt câu hỏi để hiểu rõ ý kiến của bạn.</p>	<p>- HS trình bày; bạn khác đặt câu hỏi, nhận xét lịch sự.</p>
<p>- GV yêu cầu HS kể về một hoạt động tập thể đã tham gia: làm trực nhật, văn nghệ, trò chơi, hoạt động Đội, giúp bạn học...</p>	<p>- HS kể trong nhóm 4, nêu hoạt động, việc em đã làm và cảm xúc khi tham gia.</p>
<p>- GV nhận xét, kết luận: Hoạt động tập thể giúp mỗi bạn phát huy điểm mạnh, học cách chia sẻ và gắn bó với nhau.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>

5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc chọn đồ dùng phù hợp thời tiết và làm việc chung trong cuộc sống.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI có thể gợi ý đồ dùng phù hợp với điều kiện thời tiết, nhưng cần tự kiểm tra và lựa chọn phù hợp.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV nêu tình huống: Dự báo thời tiết báo ngày mai trời lạnh. Nếu một ứng dụng AI gợi ý “mặc áo ấm, đội mũ, mang khăn”, em cần làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em xem lại thời tiết, hỏi người lớn, chọn áo ấm phù hợp và không phụ thuộc hoàn toàn vào máy.</p>
<p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV diễn giải: AI có thể đọc dữ liệu thời tiết và gợi ý đồ dùng như áo ấm, ô, mũ hoặc khăn trang. Tuy nhiên, AI chỉ hỗ trợ gợi ý; con người cần kiểm tra thời tiết thực tế, nghe lời người lớn và tự chọn đồ dùng phù hợp với sức khỏe, hoàn cảnh của mình.</p>	<p>- HS nhắc lại: AI có thể gợi ý đồ dùng theo thời tiết, nhưng em phải kiểm tra và chọn theo thực tế.</p>
<p>- GV dẫn HS về nhà kể lại một hoạt động tập thể em thấy vui cho người thân nghe.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 27: NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Trong vườn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả bài thơ Trong vườn trong khoảng 15 phút; trình bày đúng khổ thơ, dòng thơ.
- Viết đúng các tiếng, từ dễ lẫn l/n; làm đúng bài tập chính tả theo yêu cầu.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở viết, tư thế ngồi viết và tự soát lỗi sau khi nghe - viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đổi vở kiểm tra chéo, góp ý nhẹ nhàng cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc chính tả để lựa chọn từ đúng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận, hoàn thành bài viết và bài tập chính tả.
- Trung thực: tự soát lỗi, nhận lỗi sai và sửa lỗi đúng theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài viết Trong vườn, bảng phụ từ khó, tranh bài tập chính tả, phiếu soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì để soát lỗi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, nhắc lại nội dung bài học trước khi nghe - viết.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS nêu bài học rút ra từ câu chuyện Những chiếc áo ấm.	- HS trả lời: Cần đoàn kết, hợp tác, góp sức để làm việc chung.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em nghe - viết bài thơ Trong vườn và luyện phân biệt l/n.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (21 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài thơ; nghe - viết đúng bài thơ Trong vườn trong khoảng 15 phút; biết tự soát và sửa lỗi.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết và trình bày bài sạch đẹp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát bài viết Trong vườn trong SGK và đọc mẫu bài thơ.	- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu: Bài thơ tả khu vườn có nhiều loài cây cùng chung sống, tạo nên bức tranh đẹp.

	
<p>- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày bài thơ: mỗi dòng thơ 5 chữ, chữ đầu dòng viết hoa, cuối câu có dấu chấm hoặc dấu ba chấm.</p>	<p>- HS nêu cách trình bày và chuẩn bị vở viết.</p>
<p>- GV yêu cầu HS luyện viết bằng con các từ khó: xà cừ, rồi rít, xôn xao, lặng, nặng.</p>	<p>- HS viết bằng con, giờ bằng và sửa lỗi.</p>
<p>- GV đọc từng dòng thơ cho HS viết vào vở.</p>	<p>- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, chú ý chính tả và trình bày.</p>
<p>- GV đọc lại toàn bài một lượt để HS soát lỗi, yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo.</p>	<p>- HS dùng bút chì soát lỗi, đổi vở và góp ý cho bạn.</p>
<p>- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhắc HS viết bài cẩn cẩn thận, trung thực, tự soát lỗi của mình, không chép bài bạn; trình bày sạch đẹp là thể hiện sự tôn trọng tiếng Việt và sản phẩm học tập.</p>	<p>- HS nêu lại: Em sẽ viết cẩn thận, tự soát lỗi và trình bày bài sạch đẹp.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút) Mục tiêu: HS làm đúng bài tập phân biệt l/n và mở rộng vốn từ. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: GV yêu cầu HS chọn lặng hoặc nặng thay cho ô vuông.</p> 	<p>- HS làm bài nhóm 2 và nêu kết quả: lặng, nặng, lặng, lặng.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhận xét và chốt cách viết đúng.</p>	<p>- HS trình bày, nhận xét bài của bạn và sửa bài vào vở.</p>
<p>- GV yêu cầu HS tìm thêm từ có tiếng bắt đầu bằng l hoặc n.</p>	<p>- HS nêu: lúa, lá, lặng, lấp lánh; nặng, nặng, nở, nụ...</p>
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) Mục tiêu: HS liên hệ việc rèn chữ, giữ vở và giúp người thân bằng việc vừa sức. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV gợi ý HS về nhà giúp người thân một việc phù hợp và ghi lại một câu ngắn về việc đó.</p>	<p>- HS lựa chọn việc làm phù hợp như gấp quần áo, quét nhà, tưới cây.</p>

- GV nhận xét tiết học, dặn HS sửa lỗi chính tả và chuẩn bị bài Con đường của bé.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 28: CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

Tiết 1, 2: Đọc - Con đường của bé; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Con đường của bé với giọng vui vẻ, hồn nhiên; biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ.
- Hiểu nội dung bài thơ: mỗi nghề nghiệp có một con đường lao động riêng; con đường của bé là con đường học tập để lớn lên, thực hiện ước mơ.
- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; nêu được nghề nghiệp của các nhân vật trong bài thơ và cảm nhận về giá trị lao động.
- Thực hiện đọc mở rộng theo yêu cầu; biết ghi và chia sẻ thông tin cơ bản về bài đọc phù hợp.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tìm hiểu từ ngữ và chuẩn bị ý kiến trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài và chia sẻ bài đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ bài thơ với ước mơ nghề nghiệp của bản thân.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết trân trọng người lao động và giá trị của các nghề nghiệp trong xã hội.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ đọc mở rộng.
- Trách nhiệm: biết học tập chăm chỉ để chuẩn bị cho con đường tương lai của bản thân.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.2.CB1a: HS biết lựa chọn sách, báo, nội dung đọc số phù hợp lứa tuổi; bước đầu nhận biết nguồn thông tin đáng tin cậy.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài thơ Con đường của bé, tranh đọc mở rộng, thẻ từ luyện đọc, phiếu đọc sách; một số sách/bài đọc số phù hợp lứa tuổi do GV chuẩn bị.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú, giới thiệu chủ điểm nghề nghiệp và kết nối với bài thơ Con đường của bé. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi giải đố về nghề nghiệp: “Ai mặc áo trắng, chữa bệnh cho mọi người?”, “Ai dạy em đọc chữ, làm toán?”.	- HS tham gia giải đố: bác sĩ, cô giáo.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh gợi cho em nghĩ đến những nghề nào?	- HS quan sát tranh, nêu: phi công, hải quân, lái tàu, xây dựng, làm nông, học sinh.

<p>28 CON ĐƯỜNG CỦA BÉ</p> <p>ĐỌC</p> <p>Cùng nhau giải đố:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Ai mặc áo màu trắng Có chú thập tinh xanh Tiêm thuốc cho chúng mình Đuối thoát xa bệnh tật? (Theo Lê Thu Hương)</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Ai thường hay đến lớp Chăm chỉ soạn, chăm bài Sạy sưa những ngày dài Bền bỉ trong giáo dục? (Kim Ngân)</p> </div> </div> <p>CON ĐƯỜNG CỦA BÉ</p> <p>Đường của chú phi công Lượn trong mây cao tít Khắp những vùng trời xanh Những vì sao chỉ chít.</p> <p>Đường của chú hải quân Mênh mông trên biển cả Tới những vùng đảo xa Và những bờ biển lạ.</p> <p>Con đường làm bằng sắt Là của bác lái tàu Chạy dài theo đất nước Đi song hành bên nhau.</p> 	
<p>- GV giới thiệu bài: Bài thơ Con đường của bé giúp các em thấy mỗi nghề đều có một con đường đẹp và đáng trân trọng.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Con đường của bé.</p>
<p>2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, khổ thơ; biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và đọc với giọng vui tươi.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui vẻ, hồn nhiên, thể hiện sự say mê của bạn nhỏ khi khám phá các nghề nghiệp.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi bài thơ trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, nghỉ hơi giữa các dòng thơ, chú ý giọng đọc ở những câu nói về ước mơ của bé.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc.</p>
<p>- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia bài thơ thành 6 khổ thơ và hướng dẫn HS đánh dấu từng khổ.</p>	<p>- HS dùng bút chì đánh dấu các khổ thơ trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp theo khổ thơ.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo khổ thơ; lớp nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: chú phi công, chỉ chít, trời xanh, bến lạ, song hành, giàn giáo, ngát hương.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc ngắt nhịp: Đường / của chú phi công / Lượn trong mây cao tít.</p>	<p>- HS luyện đọc câu thơ, biết ngắt nhịp phù hợp.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc khổ thơ theo nhóm 3.</p>	<p>- HS luyện đọc nhóm, góp ý cho nhau.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, đúng nhịp thơ.</p>
<p>3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nêu được các nghề nghiệp trong ba khổ thơ đầu và công việc của bố mẹ bạn nhỏ.</i> *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: Ba khổ thơ đầu nhắc đến những ai? Công việc của họ là gì?</p>	<p>- HS trả lời: Chú phi công lái máy bay; chú hải quân lái tàu biển; bác lái tàu hỏa lái tàu</p>

	trên đường ray.
- GV nêu câu hỏi 2: Bạn nhỏ kể những gì về công việc của bố mẹ mình?	- HS trả lời: Bố làm nghề xây dựng, dựng nên bao nhà mới; mẹ làm nghề nông, làm nên lúa vàng ngát hương.
- GV chốt ý tiết 1: Mỗi nghề có công việc riêng, đều góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp ý nghĩa bài thơ.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu các nghề được nhắc đến trong ba khổ thơ đầu.	- HS nêu: phi công, hải quân, lái tàu hỏa.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu con đường của bố mẹ và con đường của bạn nhỏ.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi còn lại.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu ý nghĩa hình ảnh “con đường” trong bài thơ và liên hệ với con đường học tập của bản thân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Qua hình ảnh những con đường, tác giả muốn nói đến điều gì?	- HS trả lời: Mỗi người, mỗi nghề đều có con đường lao động, học tập và cống hiến riêng.
- GV nêu câu hỏi 4: Con đường của bạn nhỏ trong bài thơ là gì?	- HS trả lời: Con đường của bạn nhỏ là con đường đến trường, con đường học tập để lớn lên.
- GV hỏi: Em ước mơ sau này làm nghề gì? Vì sao?	- HS chia sẻ ước mơ nghề nghiệp của mình và nêu lí do.
- GV chốt nội dung bài: Mỗi nghề đều đáng quý; các em cần chăm chỉ học tập để đi trên con đường tương lai của mình.	- HS nhắc lại nội dung chính.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI / HỌC THUỘC LÒNG (6 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại bài thơ với giọng vui tươi, bước đầu học thuộc lòng khổ thơ yêu thích.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn một số khổ thơ hay và đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc vui vẻ, hồn nhiên.
- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 3, mỗi bạn đọc một khổ thơ yêu thích.	- HS luyện đọc nhóm, góp ý cách ngắt nhịp và giọng đọc.
- GV mời HS đọc thuộc lòng khổ thơ em thích.	- HS xung phong đọc; lớp nhận xét và tuyên dương.
4. ĐỌC MỞ RỘNG (12 phút) <i>Mục tiêu: HS biết tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về nghề nghiệp hoặc công việc; biết ghi phiếu đọc sách và chia sẻ chi tiết em thích.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn sách, báo, nội dung đọc số phù hợp lứa tuổi; bước đầu nhận biết nguồn thông tin đáng tin cậy.</i> *Cách tiến hành:	

<p>- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ đọc mở rộng trong SGK: Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về nghề nghiệp hoặc công việc nào đó.</p> 	<p>- HS đọc nhiệm vụ, nêu cách tìm đọc trong SGK, thư viện lớp, thư viện trường hoặc nguồn đọc số do GV/người lớn giới thiệu.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: ngày đọc, tên bài, tác giả, nghề nghiệp/công việc được nói đến, chi tiết em thích.</p>	<p>- HS ghi nhớ cách hoàn thành phiếu đọc sách.</p>
<p>- GV hỏi dẫn: Nếu đọc bài trên thiết bị số, em cần chọn nguồn như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em chọn nguồn do GV/người lớn giới thiệu, nội dung phù hợp lứa tuổi, không bám vào trang lạ.</p>
<p>- Tích hợp NLS 1.2.CB1a: GV diễn giải: Khi đọc sách, báo hoặc bài đọc số, các em cần chọn nội dung phù hợp lứa tuổi, có nguồn đáng tin cậy như sách giáo khoa, thư viện trường, trang học tập do GV giới thiệu. Không tự truy cập đường link lạ, không tin ngay thông tin chưa kiểm chứng và không chia sẻ thông tin cá nhân trên môi trường số.</p>	<p>- HS nêu lại: Em sẽ chọn nguồn đọc phù hợp, đáng tin cậy và không chia sẻ thông tin cá nhân.</p>
<p>- GV mời HS chia sẻ ngắn về bài đọc hoặc nghề nghiệp em thấy thú vị.</p>	<p>- HS chia sẻ trước lớp; bạn khác lắng nghe và nhận xét.</p>
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) Mục tiêu: HS liên hệ bài học với ý thức tôn trọng nghề nghiệp và chăm chỉ học tập. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để chuẩn bị cho ước mơ nghề nghiệp trong tương lai.</p>	<p>- HS nêu: Em sẽ chăm học, đọc sách, rèn sức khỏe, lắng nghe thầy cô và người thân.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS luyện đọc bài thơ và chuẩn bị tiết luyện tập.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 28: CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

Tiết 3: Luyện tập - Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp. Câu hỏi

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Mở rộng được vốn từ về nghề nghiệp; tìm được từ ngữ phù hợp với tranh hoặc gợi ý.
- Nhận biết và đặt được câu hỏi phù hợp khi tìm hiểu công việc, nghề nghiệp của người khác.
- Biết hỏi - đáp lịch sự về nghề nghiệp, công việc; biết lắng nghe và phản hồi phù hợp.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, tự hoàn thành bài tập.

- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ, câu hỏi phù hợp với tình huống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết tôn trọng người lao động và các nghề nghiệp khác nhau.
- Chăm chỉ: tích cực làm bài, tìm từ và sửa câu theo góp ý.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân và nhiệm vụ nhóm.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống/KNS: HS biết tôn trọng các nghề nghiệp, dùng câu hỏi lịch sự khi tìm hiểu công việc của người khác; biết lắng nghe, hợp tác và phản hồi phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh/ngữ liệu trong SGK, thẻ từ nghề nghiệp, phiếu học tập nhóm.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																	
<div>1. KHỞI ĐỘNG (4 phút)</div> <div>Mục tiêu: Gợi nhớ bài thơ Con đường của bé và giới thiệu yêu cầu luyện tập về nghề nghiệp, câu hỏi.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>																		
- Ôn bài cũ: GV yêu cầu HS nêu một nghề được nhắc đến trong bài thơ Con đường của bé.	- HS trả lời: phi công, hải quân, lái tàu hỏa, xây dựng, làm nông.																	
- GV giới thiệu: Tiết này, các em mở rộng vốn từ về nghề nghiệp và luyện đặt câu hỏi lịch sự.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.																	
<div>2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: MỞ RỘNG VỐN TỪ VỀ NGHỀ NGHIỆP (10 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ chỉ nghề nghiệp, công việc phù hợp với tranh hoặc gợi ý.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>																		
<div>- Bài tập 1: GV yêu cầu HS quan sát tranh/ngữ liệu trong SGK, tìm từ ngữ chỉ nghề nghiệp.</div> <div><div>ĐỌC MỞ RỘNG</div><div><div>1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó và viết phiếu đọc sách theo mẫu.</div><div><div>PHIẾU ĐỌC SÁCH</div><div><div><div>- Ngày đọc: (...)</div><div>- Tên bài: (...)</div><div>- Tác giả: (...)</div></div><div><div>Nghề nghiệp hoặc công việc được nói đến: (...)</div><div>Cảm nghĩ của em về nghề nghiệp hoặc công việc đó: (...)</div></div><div>Mức độ yêu thích ☆☆☆☆☆</div></div></div><div><div>2. Trao đổi thêm với bạn về lợi ích mà nghề nghiệp hoặc công việc đó mang lại cho cuộc sống.</div></div><div><div>LUYỆN TẬP</div><div><div>1. Tìm các từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.</div><div><table><tr><th colspan="3">NGHỀ NGHIỆP</th></tr><tr><th>Tên nghề nghiệp</th><th>Người làm nghề</th><th>Công việc</th></tr><tr><td rowspan="2">Nghề y</td><td>Điều dưỡng</td><td>Chăm sóc bệnh nhân</td></tr><tr><td></td><td>Chữa bệnh</td></tr><tr><td>Nghề dược</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Nghề nông</td><td></td><td></td></tr></table></div></div></div></div></div>	NGHỀ NGHIỆP			Tên nghề nghiệp	Người làm nghề	Công việc	Nghề y	Điều dưỡng	Chăm sóc bệnh nhân		Chữa bệnh	Nghề dược			Nghề nông			<div>- HS quan sát tranh, đọc yêu cầu và làm việc nhóm đôi.</div>
NGHỀ NGHIỆP																		
Tên nghề nghiệp	Người làm nghề	Công việc																
Nghề y	Điều dưỡng	Chăm sóc bệnh nhân																
		Chữa bệnh																
Nghề dược																		
Nghề nông																		

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- HS trình bày: bác sĩ, giáo viên, công nhân, nông dân, phi công, hải quân, lái tàu...
- GV nhận xét, chốt: Từ ngữ về nghề nghiệp giúp chúng ta gọi đúng công việc của mỗi người trong xã hội.	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.
3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: CÂU HỎI (16 phút) <i>Mục tiêu: HS biết đặt câu hỏi phù hợp khi tìm hiểu công việc, nghề nghiệp của người khác.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng câu hỏi lịch sự, lắng nghe, hợp tác và phản hồi phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi trong SGK và nhận xét cách hỏi.	- HS đọc yêu cầu, nhận biết câu hỏi dùng để tìm hiểu công việc, nghề nghiệp.
- GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi: Ai làm nghề gì? Công việc đó cần làm những gì? Vì sao bạn thích nghề đó?	- HS tập đặt câu hỏi theo gợi ý.
- Bài tập 3: GV tổ chức HS hỏi - đáp nhóm đôi về một nghề nghiệp em biết.	- HS hỏi - đáp nhóm đôi, dùng lời hỏi lịch sự và lắng nghe câu trả lời.
- GV hỏi dẫn: Khi muốn tìm hiểu công việc của người khác, em cần hỏi như thế nào?	- HS trả lời: Em cần hỏi rõ ràng, lễ phép, không trêu chọc và biết cảm ơn người trả lời.
- Tích hợp đạo đức, lối sống/KNS: GV diễn giải: Nghề nào cũng có ích và đáng được tôn trọng. Khi hỏi về nghề nghiệp của người khác, các em cần dùng lời lịch sự, lắng nghe chăm chú, không chê bai, không so sánh hơn thua. Trong nhóm, các em cần hợp tác, chia sẻ ý kiến và phản hồi nhẹ nhàng để cùng hoàn thành bài học.	- HS nêu lại: Em biết tôn trọng các nghề, hỏi lịch sự, lắng nghe và hợp tác với bạn.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng vốn từ và câu hỏi để tìm hiểu nghề nghiệp của người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đặt một câu hỏi lịch sự để hỏi người thân về công việc của họ.	- HS đặt câu: “Bố ơi, công việc của bố hằng ngày là gì ạ?”; “Mẹ ơi, vì sao mẹ thích công việc của mẹ ạ?”
- GV nhận xét, dặn HS về nhà hỏi người thân một câu về nghề nghiệp/công việc và ghi lại câu trả lời ngắn gọn.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 28: CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

Tiết 4: Luyện tập - Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện em đã đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được tên câu chuyện và nhân vật em thích hoặc không thích.
- Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý, chính tả.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn câu chuyện, nhân vật để nói và viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết hỏi - đáp, nhận xét bài viết của bạn một cách lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn lí do phù hợp, diễn đạt thành câu rõ ý.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương, kính trọng người thân và biết bày tỏ cảm xúc phù hợp về nhân vật.
- Trung thực: viết đúng cảm xúc, không sao chép, không bịa chuyện.
- Trách nhiệm: hoàn thành bài viết, biết sửa lỗi và chuẩn bị nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết yêu thương, kính trọng người thân; hiểu trẻ em có quyền được chăm sóc trong gia đình và có bổn phận ứng xử lễ phép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, ngữ liệu mẫu trong SGK, phiếu viết, bảng tiêu chí soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Kết nối bài học với hoạt động nói, viết về nhân vật trong câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi nhanh: Kể tên một nhân vật trong câu chuyện em đã đọc hoặc đã nghe.	- HS tham gia: gà trống, cổ Dương, thỏ, nhím, Na, Dương...
- GV giới thiệu: Tiết này, các em sẽ viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết đoạn.
2. LUYỆN TẬP - TÌM Ý VỀ NHÂN VẬT (8 phút) <i>Mục tiêu: HS chọn được nhân vật, nêu được lí do thích hoặc không thích.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ phù hợp và cần tôn trọng ý kiến của bạn.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS kể tên câu chuyện và nhân vật em thích hoặc không thích.	- HS nêu: Em thích gà trống trong Đi tìm mặt trời vì dũng cảm; em thích nhím trong Những chiếc áo ấm vì có sáng kiến giúp mọi người.
- GV tổ chức HS hỏi - đáp nhóm đôi theo gợi ý: Bạn muốn nói về nhân vật nào? Trong câu chuyện nào? Bạn thích hoặc không thích nhân vật đó ở điểm nào?	- HS hỏi - đáp nhóm đôi, nêu lí do về hành động, tính cách, lời nói hoặc suy nghĩ của nhân vật.
- GV hỏi dẫn: Khi bạn nêu ý kiến khác em về một nhân vật, em cần ứng xử thế nào?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, không chê bai, có thể hỏi thêm và tôn trọng ý kiến của bạn.
- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Trẻ em có quyền bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của mình về nhân vật và được lắng nghe. Khi nói về người thân hoặc nhân vật trong gia đình, các em cần dùng lời lễ phép, thể hiện sự yêu thương, kính trọng. Trong gia đình, trẻ em có quyền được chăm sóc, yêu thương và cũng có	- HS nhắc lại: Em có quyền bày tỏ ý kiến và cần lễ phép, yêu thương, kính trọng người thân.

bồn phận biết lễ phép, giúp đỡ người thân bằng việc vừa sức.	
3. LUYỆN TẬP - VIẾT ĐOẠN VĂN (13 phút) <i>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn ngắn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS viết 2 - 3 câu nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- HS đọc yêu cầu và chọn nhân vật để viết.
- GV hướng dẫn: Đoạn văn cần nêu tên nhân vật, tên câu chuyện, lí do em thích hoặc không thích và cảm nghĩ của em.	- HS ghi nhớ cấu trúc đoạn văn.
- GV yêu cầu HS viết cá nhân vào vở, chú ý dùng câu rõ ý, đúng chính tả, viết bằng cảm xúc thật.	- HS viết đoạn văn vào vở.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi gợi ý.	- HS hoàn thiện bài viết.
4. CHIA SẺ, SỬA LỖI ĐOẠN VĂN (6 phút) <i>Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và sửa lỗi trong đoạn văn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn, đọc lại đoạn văn và góp ý theo tiêu chí: đúng yêu cầu, rõ lí do, dùng từ phù hợp, ít lỗi chính tả.	- HS đổi vở, đọc bài của bạn và góp ý nhẹ nhàng.
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc bài; lớp nhận xét bạn viết rõ nhân vật, câu chuyện và lí do.
- GV nhận xét, chốt cách viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích nhân vật.	- HS lắng nghe và sửa bài nếu cần.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng cách bày tỏ ý kiến và tình cảm trong giao tiếp hằng ngày.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một câu thể hiện sự yêu thương, kính trọng với người thân trong gia đình.	- HS nói: “Con cảm ơn mẹ đã chăm sóc con.”; “Cháu chúc ông bà luôn mạnh khỏe.”
- GV dẫn HS hoàn thiện đoạn văn, đọc lại cho người thân nghe và chuẩn bị bài sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3

Tuần 16 - Chủ đề 4: CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

Bài 29: NGÔI NHÀ TRONG CỎ - Bài 30: NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

BÀI 29: NGÔI NHÀ TRONG CỎ

Tiết 1, 2: Đọc - Ngôi nhà trong cỏ; Nói và nghe - Kể chuyện Hàng xóm của tác giả

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Ngôi nhà trong cỏ; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu, bước đầu thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật qua giọng đọc.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian, địa điểm cụ thể; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm.

- Hiểu nội dung bài: Những người hàng xóm là những người bạn tốt; chúng ta có thể học hỏi và cùng làm việc chung để cuộc sống tốt đẹp hơn.
- Kể được câu chuyện Hàng xóm của tác giả dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý; nêu được điều học được sau khi nghe chuyện.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, tự trả lời câu hỏi và tự điều chỉnh cách đọc theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi tìm hiểu bài và kể chuyện theo tranh.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ cách sống thân thiện, giúp đỡ hàng xóm, bạn bè trong đời sống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết sống thân thiện, quan tâm và sẵn sàng giúp đỡ bạn bè, hàng xóm.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, kể chuyện, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn môi trường sống, không phá tổ, không làm hại côn trùng có ích.

4. Tích hợp:

- Tích hợp GDBVMT: HS biết mỗi loài vật đều cần môi trường sống phù hợp; có ý thức không phá tổ, không làm hại côn trùng có ích và giữ gìn môi trường xung quanh.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: HS nhận biết AI có thể hỗ trợ bảo vệ môi trường sống của sinh vật qua camera/cảm biến theo dõi an toàn của các loài côn trùng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Ngôi nhà trong cỏ, tranh kể chuyện Hàng xóm của tác giả, thẻ từ luyện đọc, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm; hình minh họa AI/camera cảm biến bảo vệ sinh vật nếu có.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, ôn bài cũ và kết nối với bài đọc Ngôi nhà trong cỏ.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS hát bài Lớp chúng ta đoàn kết và hỏi: Bài hát nhắc đến điều gì?	- HS hát và trả lời: Bài hát nhắc đến sự đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau trong lớp.
- GV hỏi: Trong cuộc sống, vì sao chúng ta cần có bạn bè, hàng xóm tốt?	- HS trả lời: Vì bạn bè, hàng xóm có thể giúp đỡ, chia sẻ và làm cuộc sống vui hơn.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ những con vật nào? Các con vật đang ở đâu?	- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cào cào, nhái bén, chuồn chuồn, dế than ở vùng cỏ xanh.
	
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Ngôi nhà trong cỏ giúp các em hiểu tình bạn, tình hàng xóm và sự giúp đỡ trong cuộc sống.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Ngôi nhà trong cỏ.

2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; biết ngắt nghỉ và đọc lời nhân vật phù hợp.

***Cách tiến hành:**

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện sự ngạc nhiên, thân thiện và vui mừng của các nhân vật.	- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.
- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ đúng ở chỗ có dấu câu; chú ý lời thoại của cào cào, nhái bén, chuồn chuồn và dế than.	- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến đi tìm tiếng hát. Đoạn 2: Tiếp theo đến một tài năng âm nhạc. Đoạn 3: Còn lại.	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn; các bạn theo dõi, nhận xét cách đọc.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: nhảy xa, vang lên, rù nhau, chốc lát, vùng cỏ, nhánh cỏ may, ô nấp.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Chỉ chốc lát, / ngôi nhà xinh xắn bằng đất / đã được xây xong / dưới ô nấp / giữa vùng cỏ xanh tươi.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3.	- HS luyện đọc trong nhóm 3, góp ý cho bạn đọc rõ hơn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét, sửa lỗi và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, có cảm xúc.

3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS nêu được sự việc khiến các con vật chú ý và phát hiện của các bạn trong vùng cỏ.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu câu hỏi 1: Vào sáng sớm, chuyện gì xảy ra khiến cào cào, nhái bén, chuồn chuồn chú ý?	- HS trả lời: Một âm thanh vang lên từ đâu không rõ khiến các bạn chú ý.
- GV nêu câu hỏi 2: Các bạn đã phát hiện ra điều gì?	- HS trả lời: Các bạn phát hiện dế than vừa đang xây nhà vừa hát.
- GV chốt ý: Các bạn nhỏ trong vùng cỏ biết quan sát, lắng nghe và vui vẻ làm quen với người hàng xóm mới.	- HS lắng nghe, nhắc lại ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút)	
<i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu tiếp câu chuyện.</i>	
*Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi: Các bạn trong vùng cỏ đã phát hiện ra điều gì?	- HS trả lời: Các bạn phát hiện dế than vừa xây nhà vừa hát.

- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu tình bạn và sự giúp đỡ giữa các nhân vật.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu cuộc gặp gỡ thân mật, việc các bạn giúp đỡ than và rút ra ý nghĩa câu chuyện.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu quý thiên nhiên, không phá tổ, không làm hại côn trùng có ích và giữ gìn môi trường sống xung quanh.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Chi tiết nào cho thấy cuộc gặp gỡ của các bạn với dế than rất thân mật?	- HS trả lời: Các bạn vỗ tay rất to, tự giới thiệu mình, khen dế than hát hay; dế than khiêm tốn nói mình chỉ là thợ đào đất.
- GV nêu câu hỏi 4: Các bạn đã giúp dế than việc gì?	- HS trả lời: Các bạn đã xúm vào giúp dế than xây nhà.
- GV nêu câu hỏi 5: Em nghĩ gì về việc các bạn giúp đỡ dế than?	- HS trả lời: Việc làm đó thể hiện sự tốt bụng, thân thiện, đoàn kết và tình bạn đáng quý.
- GV hỏi dẫn: Khi gặp các loài côn trùng trong sân trường hoặc vườn nhà, em cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của chúng?	- HS trả lời: Em không phá tổ, không giẫm đạp, không bắt nghịch côn trùng có ích; giữ vệ sinh và chăm sóc cây xanh.
- Tích hợp GDBVMT: GV diễn giải: Mỗi loài vật đều có nơi sống riêng và góp phần làm cho thiên nhiên thêm phong phú. Khi kể chuyện về các con vật, các em cần thể hiện thái độ yêu quý thiên nhiên, biết bảo vệ nơi sống của chúng, không phá tổ, không làm hại côn trùng có ích và giữ gìn môi trường xung quanh sạch đẹp.	- HS nhắc lại: Em biết yêu quý các loài vật, bảo vệ nơi sống của chúng và giữ gìn môi trường.
- GV chốt nội dung bài: Những người hàng xóm là những người bạn tốt; chúng ta có thể học hỏi và cùng nhau làm việc chung để cuộc sống tốt đẹp hơn.	- HS nhắc lại nội dung chính của bài.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng vui tươi, thân thiện, phù hợp lời nhân vật.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn các bạn gặp dế than và đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc vui, thân thiện.
- GV tổ chức HS đọc phân vai: người dẫn chuyện, cáo cáo, nhái bén, chuồn chuồn, dế than.	- HS luyện đọc phân vai trong nhóm, chú ý lời thoại của nhân vật.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, đúng vai và có cảm xúc.
4. NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN HÀNG XÓM CỦA TẮC KÈ (12 phút) <i>Mục tiêu: HS dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để đoán nội dung, nghe và kể lại được câu chuyện.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết AI/camera cảm biến có thể hỗ trợ theo dõi và bảo vệ sự an toàn của các loài sinh vật.</i> *Cách tiến hành:	

<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh minh họa, dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý để đoán nội dung câu chuyện Hàng xóm của tắc kè.</p> 	<p>- HS quan sát tranh, thảo luận nhóm 4 và nêu dự đoán nội dung từng tranh.</p>
<p>- GV kể lần 1 toàn bộ câu chuyện cho HS nghe.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ các sự việc chính.</p>
<p>- GV kể lần 2, dừng ở từng tranh và nêu câu hỏi gợi ý để HS nhớ nội dung.</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi dưới tranh, ghi nhớ trình tự câu chuyện.</p>
<p>- GV cho HS kể chuyện trong nhóm đôi: một bạn kể, một bạn nghe và góp ý, sau đó đổi vai.</p>	<p>- HS kể chuyện trong nhóm đôi, góp ý cho bạn về trình tự và lời kể.</p>
<p>- GV mời HS kể trước lớp và nêu điều học được sau câu chuyện.</p>	<p>- HS kể trước lớp; nêu: Cần tôn trọng hàng xóm, giữ trật tự, biết thông cảm và giúp đỡ nhau.</p>
<p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.C5.2: GV giới thiệu ngắn gọn: AI kết hợp camera/cảm biến có thể giúp con người quan sát môi trường sống của sinh vật, phát hiện nguy cơ như cháy rừng, ô nhiễm, nơi ở bị phá hại. Tuy vậy, AI chỉ hỗ trợ cảnh báo; con người vẫn cần kiểm tra, bảo vệ thiên nhiên bằng hành động cụ thể.</p>	<p>- HS nêu lại: AI có thể hỗ trợ theo dõi môi trường sống của sinh vật, nhưng con người phải biết bảo vệ thiên nhiên.</p>
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút) Mục tiêu: HS liên hệ việc sống thân thiện, tôn trọng hàng xóm và bảo vệ môi trường sống. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để thể hiện sự thân thiện với bạn bè, hàng xóm hoặc bảo vệ môi trường xung quanh.</p>	<p>- HS nêu: chào hỏi hàng xóm, giữ trật tự, không xả rác, không phá tổ kiến, không bắt côn trùng có ích.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà kể lại câu chuyện Hàng xóm của tắc kè cho người thân nghe.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 29: NGÔI NHÀ TRONG CỔ

Tiết 3: Viết - Nghe viết: Gió

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe - viết đúng chính tả bài thơ Gió trong khoảng 15 phút; trình bày bài thơ sạch đẹp.

- Viết đúng các tiếng chứa s/x hoặc ao/au; tìm được từ ngữ tạo bởi mỗi tiếng cho trước.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi chính tả, lỗi trình bày.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị vở viết, tư thế ngồi viết và tự soát lỗi sau khi nghe - viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đôi vờ kiểm tra chéo, góp ý cho bạn nhẹ nhàng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng quy tắc chính tả để tìm thêm từ ngữ đúng yêu cầu.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện viết cẩn thận, hoàn thành bài viết và bài tập chính tả.
- Trung thực: tự soát bài, nhận lỗi sai và sửa lỗi đúng theo hướng dẫn.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp đạo đức, lối sống: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi nghe - viết; biết tự soát lỗi, sửa lỗi, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài viết Gió, bảng phụ từ khó, phiếu soát lỗi chính tả.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ô ly, bảng con, bút chì để soát lỗi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, nhắc lại nội dung bài học trước khi nghe - viết.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS nêu điều em học được từ câu chuyện Ngôi nhà trong cỏ.	- HS trả lời: Em học được cần sống thân thiện, đoàn kết, biết giúp đỡ hàng xóm, bạn bè.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết bài thơ Gió và luyện viết đúng tiếng chứa s/x, ao/au.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở ô ly, bảng con.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (21 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài thơ; nghe - viết đúng bài thơ Gió, biết tự soát và sửa lỗi.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết tự soát lỗi và trình bày bài sạch đẹp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát bài viết Gió trong SGK và đọc mẫu bài thơ.	- HS quan sát, nghe GV đọc và nêu nội dung khái quát của bài thơ.

<p>1. Nghe – viết:</p> <p>Gió</p> <p>Gió có nhiều bạn Có bạn trác xanh Tốt bụng hiền lành Tông gió chiếc sáo Ve đi hát dạo Tông chiếc phong cầm</p> <p>Các bạn là mầm Tông nhiều bài hát Và nhiều bạn khác Tông nhiều loại đàn Họ rất sẵn sàng Dạy cho gió học</p> <p>Vượt qua khó nhọc Gió học thành công Thổi vào cây thông Thăng neo ví vút. (Vũ Quảng)</p> <p>2. Làm bài tập a hoặc b.</p> <p>a. Chọn hoặc x thay cho ô vuông.</p> <p>Mưa rơi tí tách Hạt trước hạt sau Không ☐ đẩy nhau ☐ xếp hàng lần lượt</p> <p>Mưa về trên ☐ đàn Mưa dạt trên lá Mưa rơi trắng ☐ áo ☐ bóng chớp chớp phồng. (Theo Nguyễn Diệu)</p> <p>b. Chọn tiếng chứa ao hoặc au thay cho ô vuông.</p> <p>Cây dừa xanh toả nhiều ☐ (táo/táo)</p> <p>Đang tay đàn gáo, gáo đầu gáo trắng ☐ (áo/áo)</p> <p>Thân dừa bạc phéch thẳng năm ☐ (cao/cao)</p> <p>Quả dừa – đàn lợn con nằm trên ☐ (sao/sao)</p> <p>Đêm hè hoa nở cùng ☐ (táo/táo) (vào/vào)</p> <p>☐ dừa – chiếc lược chải ☐ mây xanh. (Theo Trần Đăng Khoa)</p> <p>3. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng dưới đây:</p>	
<p>- GV hỏi: Bài thơ nhắc đến những bạn nào của gió?</p>	<p>- HS trả lời theo nội dung bài thơ, nêu những hình ảnh em nhớ.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nhận xét cách trình bày: bài thơ không chia khổ, chữ đầu dòng viết hoa, cuối câu có dấu câu.</p>	<p>- HS nêu cách trình bày và chuẩn bị vở viết.</p>
<p>- GV yêu cầu HS luyện viết bảng con các từ khó: hiền lành, tặng, sẵn sàng, vượt, xôn xao.</p>	<p>- HS viết bảng con, giờ bảng và sửa lỗi theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV đọc từng cụm từ hoặc dòng thơ cho HS viết.</p>	<p>- HS nghe và viết bài vào vở ô ly, chú ý chính tả và cách trình bày.</p>
<p>- GV đọc lại toàn bài để HS soát lỗi; yêu cầu HS đổi vở kiểm tra chéo.</p>	<p>- HS dùng bút chì soát lỗi, đổi vở và góp ý cho bạn.</p>
<p>- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhắc HS khi viết cần trung thực tự sửa lỗi, không giấu lỗi, trình bày sạch đẹp và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.</p>	<p>- HS nêu lại: Em sẽ viết cẩn thận, trung thực soát lỗi và sửa lỗi đúng.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP: HOẠT ĐỘNG LÀM BÀI TẬP (7 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS làm đúng bài tập chính tả s/x hoặc ao/au và mở rộng vốn từ.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: GV yêu cầu HS chọn s hoặc x thay cho ô vuông trong đoạn thơ.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân/nhóm 2 và nêu kết quả: sau, xô, xếp, sân, xoá.</p>
<p>- Bài tập 3: GV yêu cầu HS tìm từ ngữ tạo bởi mỗi tiếng: sao/xao, sào/xào.</p>	<p>- HS nêu: ngôi sao, vì sao, lao xao, xao xuyến, cây sào, yến sào, xào rau, xào xạc.</p>
<p>- GV nhận xét, chốt cách phân biệt và yêu cầu HS sửa bài vào vở.</p>	<p>- HS lắng nghe, sửa bài và ghi nhớ cách viết đúng.</p>
<p>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS liên hệ việc viết đúng, nói đúng với thói quen học tập hằng ngày.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hỏi: Khi viết sai chính tả, em cần làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần tự soát lỗi, hỏi cô hoặc hỏi bạn, sửa lại cho đúng.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS sửa lỗi chính tả và chuẩn bị bài Những ngọn hải đăng.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

BÀI 30: NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG**Tiết 1, 2: Đọc - Những ngọn hải đăng; Viết - Ôn chữ hoa M, N****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bài Những ngọn hải đăng; biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu và đọc rõ các thông tin trong văn bản.
- Nhận biết được những thông tin đáng chú ý trong bài đọc; nêu được ích lợi của hải đăng và công việc vất vả của người canh giữ hải đăng.
- Hiểu nội dung bài: Cảm nhận được tinh thần lao động quên mình của những người canh giữ hải đăng; biết trân trọng công việc vì cộng đồng.
- Viết đúng chữ hoa M, N cỡ nhỏ; viết đúng tên riêng Mũi Né và câu ứng dụng.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động luyện đọc, luyện viết, tự soát lỗi bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm khi tìm hiểu thông tin trong bài và nhận xét bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ vai trò của hải đăng, biển đảo, môi trường thiên nhiên với đời sống con người.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: biết yêu quê hương, biển đảo, trân trọng những người làm nhiệm vụ nơi biển khơi.
- Chăm chỉ: tích cực đọc, viết, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh đẹp thiên nhiên và tài nguyên quê hương.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp GDBVMT:** HS yêu mến cảnh đẹp thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường qua câu ca dao ca ngợi vẻ đẹp Đồng Tháp Mười, vùng đất mênh mông, sông nước dạt dào, nhiều tôm cá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Những ngọn hải đăng, mẫu chữ hoa M, N, bảng phụ câu dài, tranh/ảnh Đồng Tháp Mười, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)	
<i>Mục tiêu:</i> Ôn bài cũ, tạo hứng thú và kết nối với bài đọc Những ngọn hải đăng.	
*Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Em đã từng nhìn thấy hải đăng ở đâu? Theo em, hải đăng dùng để làm gì?	- HS trả lời theo hiểu biết: Hải đăng ở biển, giúp tàu thuyền định hướng trong đêm.
- GV cho HS quan sát tranh bài đọc và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì? Ngọn hải đăng có đặc điểm gì nổi bật?	- HS quan sát và trả lời: Tranh vẽ biển, tàu thuyền, ngọn hải đăng cao, phát sáng.

<div data-bbox="220 129 699 495"> <div>30 NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG</div> <div>ĐỌC</div> <div>  </div> <div>Nói về những người làm công việc canh giữ biển đảo của Tổ quốc.</div> <div>NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG</div> <div>Hải đăng hay đèn biển, là ngọn tháp được thiết kế để chiếu sáng bằng hệ thống đèn, giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng hải đăng, người đi biển sẽ cảm thấy yên tâm, không lo lạc đường.</div> <div>Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng điện năng lượng mặt trời, nhưng khi năng lượng yếu thì phải lắp tức thay thế bằng máy phát điện. Để những ngọn đèn chiếu sáng đêm đêm, những người canh giữ hải đăng phải thay phiên nhau kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên. Có những đêm mưa gió, họ phải buộc dây bảo hiểm quanh người, trèo lên đỉnh cột đèn xem xét. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, trời yên biển lặng hay dâng tở bão bùng, họ luôn sẵn sàng khắc phục mọi sự cố.</div> </div>	
<p>- GV giới thiệu bài: Bài đọc Những ngọn hải đăng giúp các em hiểu ích lợi của hải đăng và công việc thầm lặng của người canh giữ hải đăng.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Những ngọn hải đăng.</p>
<div>2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản thông tin, biết ngắt nghỉ câu dài và đọc rõ các thông tin quan trọng.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng rõ ràng, chậm rãi, nhấn giọng ở các từ ngữ nói về ích lợi của hải đăng và sự vất vả của người canh giữ.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, nghỉ hơi ở dấu chấm, dấu phẩy; chú ý câu dài.</p>	<p>- HS lắng nghe yêu cầu đọc.</p>
<p>- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến không lo lạc đường. Đoạn 2: Tiếp theo đến khắc phục sự cố. Đoạn 3: Còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp từng đoạn.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn; lớp nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: hải đăng, đại dương, điện năng lượng, biển lặng, khắc phục, sự cố.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.</p>
<p>- GV hướng dẫn đọc câu dài: Hải đăng hay đèn biển / là ngọn tháp được thiết kế / để chiếu sáng bằng hệ thống đèn, / giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi ở vị trí phù hợp.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3.</p>	<p>- HS luyện đọc nhóm 3, góp ý cho nhau cách ngắt nghỉ.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ, biết nhấn giọng.</p>
<div>3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút)</div>	

Mục tiêu: HS nêu được ích lợi của hải đăng và nguồn thấp sáng hải đăng.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu câu hỏi 1: Nêu ích lợi của những ngọn hải đăng.	- HS trả lời: Hải đăng phát sáng trong đêm để tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương, không bị lạc đường.
- GV nêu câu hỏi 2: Những ngọn hải đăng được thấp sáng bằng gì?	- HS trả lời: Những ngọn hải đăng được thấp sáng bằng điện năng lượng mặt trời.
- GV chốt ý: Hải đăng giúp bảo đảm an toàn cho tàu thuyền và là công trình rất quan trọng trên biển.	- HS lắng nghe và ghi nhớ ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu công việc của người canh giữ hải đăng.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi hải đăng có ích lợi gì đối với tàu thuyền?	- HS trả lời: Hải đăng giúp tàu thuyền định hướng, không bị lạc đường khi đi trên biển.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu công việc của những người canh giữ hải đăng và luyện viết chữ hoa M, N.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4 và phần Viết.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4 (10 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu sự vất vả của người canh giữ hải đăng, biết sắp xếp các ý theo trình tự bài đọc.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Những người canh giữ hải đăng phải làm việc vất vả ra sao? Em có suy nghĩ gì về công việc của họ?	- HS trả lời: Họ phải làm việc suốt ngày đêm, trong mưa nắng, biển lặng hay bão tố, luôn khắc phục sự cố; em rất khâm phục và biết ơn họ.
- GV nêu câu hỏi 4: Sắp xếp các ý theo trình tự bài đọc.	- HS thảo luận nhóm đôi, sắp xếp các ý theo đúng trình tự trong bài.
- GV chốt nội dung: Công việc của người canh giữ hải đăng rất vất vả, nguy hiểm nhưng có ý nghĩa lớn đối với tàu thuyền và cuộc sống trên biển.	- HS nhắc lại nội dung chính.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại văn bản với giọng rõ ràng, phù hợp văn bản thông tin.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn nói về người canh giữ hải đăng và đọc mẫu.	- HS theo dõi, chú ý cách nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ khó khăn, vất vả.
- GV tổ chức HS luyện đọc nối tiếp theo nhóm 3.	- HS luyện đọc nhóm, góp ý cho nhau.
- GV mời một số HS thi đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, đúng thông tin.
4. THỰC HÀNH VIẾT - ÔN CHỮ HOA M, N (14 phút) <i>Mục tiêu: HS viết đúng chữ hoa M, N, tên riêng Mũi Né và câu ứng dụng.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS yêu mến cảnh đẹp thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường qua câu ca</i>	

dao về Đồng Tháp Mười.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV cho HS quan sát mẫu chữ hoa M, N trong SGK và hỏi: Khi viết chữ M, N, em cần chú ý điều gì?</p> 	<p>- HS quan sát và nêu: chú ý độ cao, nét móc, nét cong, khoảng cách giữa các chữ.</p>
<p>- GV viết mẫu chữ M, N trên bảng, vừa viết vừa nêu quy trình.</p>	<p>- HS quan sát, nhắc lại điểm cần chú ý.</p>
<p>- GV yêu cầu HS viết bảng con chữ M, N.</p>	<p>- HS viết bảng con, giơ bảng và sửa lỗi.</p>
<p>- Bài tập viết: Viết tên riêng Mũi Né.</p>	<p>- HS đọc tên riêng Mũi Né và viết vào vở.</p>
<p>- GV giới thiệu: Mũi Né là địa điểm du lịch nổi tiếng của thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.</p>	<p>- HS lắng nghe, hiểu thêm về địa danh Mũi Né.</p>
<p>- Bài tập viết: Viết câu ứng dụng: Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh / Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.</p>	<p>- HS viết câu ứng dụng vào vở, chú ý viết hoa Đ, T, M, N và trình bày đúng dòng thơ.</p>
<p>- Tích hợp GDBVMT: GV diễn giải: Câu ca dao ca ngợi vẻ đẹp Đồng Tháp Mười, vùng đất mênh mông, sông nước dạt dào, nhiều tôm cá. Các em cần yêu quý cảnh đẹp thiên nhiên, không xả rác xuống ao hồ, sông suối, biết bảo vệ cây xanh, nguồn nước và môi trường sống quanh mình.</p>	<p>- HS nêu lại: Em biết yêu cảnh đẹp thiên nhiên, giữ gìn nguồn nước, không xả rác và bảo vệ môi trường.</p>
<p>- GV nhận xét một số bài viết, nhắc HS sửa lỗi về khoảng cách chữ, dấu thanh, chữ hoa.</p>	<p>- HS tự sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.</p>

5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (3 phút)

Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc yêu quý biển đảo, cảnh đẹp thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV hỏi: Em có thể làm gì để góp phần bảo vệ cảnh đẹp thiên nhiên ở quê hương?</p>	<p>- HS trả lời: Em không xả rác, tiết kiệm nước, chăm sóc cây xanh, nhắc bạn giữ vệ sinh nơi công cộng.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS luyện đọc lại bài và hoàn thành phần viết.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 30: NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

Tiết 3: Luyện tập - Từ chỉ sự vật, hoạt động. Hỏi - đáp về sự vật, hoạt động

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động trong đoạn thơ.
- Tìm thêm được từ ngữ chỉ sự vật trong đoạn thơ; biết hỏi - đáp về sự vật, hoạt động được nói đến trong đoạn thơ.
- Biết vận dụng từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động và câu hỏi - đáp trong giao tiếp hằng ngày.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu, tự hoàn thành bài tập.
- Giao tiếp và hợp tác: biết làm việc nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn từ ngữ, câu hỏi phù hợp để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực làm bài, tìm từ và sửa câu theo góp ý.
- Nhân ái: biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn trong hoạt động nhóm.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ học tập cá nhân và nhiệm vụ nhóm.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp KNS:** HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và vận dụng bài học vào ứng xử hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng bài tập, tranh/ngữ liệu trong SGK, thẻ từ, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ bài đọc và giới thiệu yêu cầu luyện tập từ ngữ, hỏi - đáp.</i> *Cách tiến hành:	
- Ôn bài cũ: GV hỏi HS nêu một ích lợi của hải đăng.	- HS trả lời: Hải đăng giúp tàu thuyền định hướng giữa đại dương.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em luyện tập từ chỉ sự vật, hoạt động và hỏi - đáp về sự vật, hoạt động.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.
2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: TỪ CHỈ SỰ VẬT, TỪ CHỈ HOẠT ĐỘNG (11 phút) <i>Mục tiêu: HS xếp được từ ngữ in đậm trong đoạn thơ vào nhóm thích hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ và xếp các từ ngữ in đậm vào nhóm từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động. 	- HS đọc yêu cầu bài tập và quan sát ngữ liệu trong SGK.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, xác định từ chỉ sự vật và từ chỉ hoạt động.	- HS trao đổi nhóm 2, thống nhất kết quả.

- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: Từ chỉ sự vật: biển, sóng, đèn biển, sương, đoàn tàu. Từ chỉ hoạt động: thức dậy, công, đứng.
- GV nhận xét, chốt: Từ chỉ sự vật gọi tên người, vật, hiện tượng; từ chỉ hoạt động nêu việc làm, hoạt động.	- HS lắng nghe và sửa bài vào vở.
3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: HỎI - ĐÁP VỀ SỰ VẬT, HOẠT ĐỘNG (16 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm thêm từ chỉ sự vật và biết hỏi - đáp về sự vật, hoạt động trong đoạn thơ.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và phản hồi lịch sự khi làm việc nhóm.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: GV yêu cầu HS tìm thêm những từ chỉ sự vật trong đoạn thơ trên.	- HS suy nghĩ, nêu thêm các từ chỉ sự vật phù hợp và ghi vào vở.
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS hỏi - đáp về sự vật, hoạt động được nói đến trong đoạn thơ ở bài tập 1.	- HS đọc yêu cầu, xác định mẫu hỏi - đáp trong SGK.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm đôi: một bạn hỏi, một bạn trả lời, sau đó đổi vai.	- HS hỏi - đáp: “Cái gì lác ông trời thức dậy?” - “Sóng lác ông trời thức dậy.”; “Đã trăng làm gì?” - “Đã trăng công nắng.”
- Tích hợp KNS: GV nhắc HS khi hỏi - đáp cần nói rõ ràng, lắng nghe bạn, không ngắt lời, biết góp ý nhẹ nhàng và hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.	- HS nhắc lại: Em biết lắng nghe, hỏi - đáp lịch sự và hợp tác khi làm việc nhóm.
- GV nhận xét, chốt cách hỏi - đáp về sự vật, hoạt động.	- HS lắng nghe, sửa bài và ghi nhớ cách thực hiện.
4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng từ chỉ sự vật, hoạt động và hỏi - đáp trong giao tiếp hằng ngày.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đặt một câu hỏi về sự vật hoặc hoạt động trong lớp học.	- HS đặt câu: “Bạn Lan đang làm gì?” - “Bạn Lan đang đọc sách.”; “Cái gì ở trên bàn?” - “Quyển sách ở trên bàn.”
- GV nhận xét, dặn HS chuẩn bị tiết luyện viết thư.	- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 30: NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

Tiết 4: Luyện tập - Viết thư; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cấu trúc cơ bản của một bức thư qua ngữ liệu mẫu.
- Viết được 3 - 4 câu hỏi thăm tình hình của người nhận thư.
- Biết đọc lại bài viết, phát hiện và sửa lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả.
- Biết tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn người nhận thư, tự viết và tự soát lỗi trước khi chia sẻ.

- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi với bạn để nhận xét bài viết hoặc chia sẻ bài đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn thông tin phù hợp khi viết thư cho người thân.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết quan tâm, hỏi thăm người thân bằng lời lẽ chân thành.
- Trung thực: viết nội dung phù hợp, không bịa chuyện, không sao chép.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn thông tin cá nhân và giao tiếp lịch sự, an toàn.

4. Tích hợp:

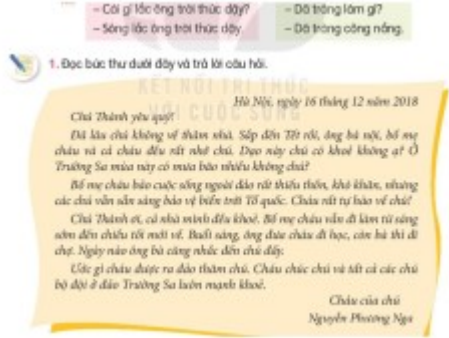
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết tìm kiếm thông tin để viết thư cho người thân; giao tiếp lịch sự, an toàn, không chia sẻ thông tin cá nhân khi liên lạc trực tuyến.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, ngữ liệu mẫu trong SGK, phiếu viết thư, bảng tiêu chí soát lỗi, phiếu đọc sách; thiết bị giáo viên minh họa tìm kiếm thông tin an toàn nếu cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở bài tập/vở ô ly, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Kết nối bài học với hoạt động viết thư cho người thân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi người thân ở xa, em có thể hỏi thăm bằng những cách nào?	- HS trả lời: Em có thể viết thư, gọi điện, nhắn tin hoặc gọi video.
- GV giới thiệu: Tiết này, các em học cách viết thư và đọc mở rộng về nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện viết thư/Đọc mở rộng.
2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: NHẬN BIẾT CÁCH VIẾT MỘT BỨC THƯ (10 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc bức thư mẫu và trả lời được các câu hỏi về nội dung, bố cục bức thư.</i> *Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: GV yêu cầu HS đọc bức thư trong SGK và trả lời câu hỏi. 	- HS đọc yêu cầu và quan sát bức thư mẫu trong SGK.
- GV nêu câu hỏi: Bạn Nga viết thư cho ai? Dòng đầu bức thư ghi những gì?	- HS trả lời: Bạn Nga viết thư cho chú Thành; dòng đầu ghi địa điểm, ngày tháng năm viết thư.
- GV nêu câu hỏi: Đoạn nào là lời hỏi thăm? Đoạn nào là lời Nga kể về mình và gia đình?	- HS trả lời dựa vào bức thư mẫu.
- GV hỏi: Nga mong ước điều gì? Nga chúc chú thể nào?	- HS trả lời: Nga mong được ra đảo thăm chú và chúc chú cùng các chú bộ đội mạnh khỏe.
- GV chốt: Một bức thư thường có địa điểm, thời gian, lời chào, lời hỏi thăm, nội dung chính, lời chúc và chữ kí.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cấu trúc bức thư.

3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: VIẾT ĐOẠN TRONG BỨC THƯ (12 phút)

Mục tiêu: HS trao đổi được người nhận thư, nội dung định viết và viết được 3 - 4 câu hỏi thăm.

Mục tiêu tích hợp: HS biết tìm kiếm thông tin phù hợp và giao tiếp số lịch sự, an toàn, không chia sẻ thông tin cá nhân khi liên lạc trực tuyến.

***Cách tiến hành:**

- Bài tập 2: GV yêu cầu HS trao đổi với bạn: Em muốn viết thư cho ai? Trong thư, em sẽ viết những gì?	- HS hỏi - đáp nhóm đôi, nêu người nhận thư và nội dung dự định viết.
- GV hỏi dẫn: Nếu cần tìm thêm thông tin để viết thư cho người thân hoặc gửi thư qua tin nhắn/email, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em cần tìm thông tin ở nguồn phù hợp, hỏi người lớn khi cần; viết lời lịch sự, không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, tài khoản hoặc thông tin riêng tư.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: GV diễn giải: Khi viết thư, các em có thể tìm thông tin phù hợp như tên địa danh, lời chúc, cách xưng hô qua sách, tài liệu hoặc nguồn số do người lớn hướng dẫn. Nếu liên lạc trực tuyến, cần dùng lời lịch sự, không gửi thông tin cá nhân, không bấm đường link lạ và phải hỏi người lớn khi chưa chắc.	- HS nhắc lại: Em biết tìm thông tin phù hợp, giao tiếp lịch sự và bảo vệ thông tin cá nhân.
- Bài tập 3: GV yêu cầu HS viết 3 - 4 câu hỏi thăm tình hình của người nhận thư.	- HS viết cá nhân vào vở, chú ý câu rõ ý, lời lẽ chân thành, lịch sự.
- GV mời 2 - 3 HS đọc bài viết trước lớp, nhận xét theo tiêu chí: đúng yêu cầu, lời hỏi thăm chân thành, ít lỗi chính tả.	- HS đọc bài, lớp nhận xét và sửa lỗi nếu cần.

4. CHIA SẺ, SỬA LỖI BÀI VIẾT (4 phút)

Mục tiêu: HS biết đọc lại, phát hiện lỗi và sửa lỗi trong đoạn thư.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn, đọc lại đoạn thư, phát hiện lỗi và góp ý sửa lỗi.	- HS đổi vở, nhận xét bài của bạn theo tiêu chí: đúng yêu cầu, lời lẽ lịch sự, câu rõ ý, ít lỗi chính tả.
- GV chốt: Khi viết thư cần dùng lời chân thành, lịch sự và kiểm tra kỹ trước khi gửi.	- HS lắng nghe, sửa bài vào vở.

5. VẬN DỤNG - ĐỌC MỞ RỘNG (5 phút)

Mục tiêu: HS biết tìm đọc văn bản phù hợp và chia sẻ với người thân; nhắc lại nội dung chính của tiết học.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ trong SGK: Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục.	- HS đọc nhiệm vụ, nêu cách tìm đọc ở SGK, thư viện lớp, thư viện trường hoặc nhờ người thân gợi ý.
--	---

 <p>Tim đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ... về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Bác lái xe bệnh viện (Trích)</p> <p>Chiếc xe cấp cứu chở mẹ của Tú đi bệnh viện. Bác lái xe ngồi trước tay lái, nét mặt bình tĩnh. Bác nhìn qua người bệnh rồi cho xe chuyển bánh.</p> <p>Chiếc xe lao đi khá nhanh mà rất êm. Thỉnh thoảng, xe chạy chậm lại vì vướng những xe phía trước, rồi xe lại lướt lên như mũi tên.</p> <p>Bác lái xe rất vững tay lái. Hình như bốn bánh xe chưa hề cán lên một viên sỏi nhỏ hay một mẩu cây khô. Khi sắp sửa gặp ổ gà là bác lái tránh được ngay. Qua mỗi chỗ rẽ, tiếng còi xe lại nổi lên, như muốn nói: "Xe cấp cứu đây! Các bạn nhường đường giùm nhé!"</p> <p>Xe đến bệnh viện. Các cô y tá đẩy băng ca đưa mẹ của Tú vào phòng cấp cứu. Bác lái xe xách theo đôi guốc, đưa cho cô y tá: – Cửa bệnh nhân đẩy chị ợ!</p> <p>Rồi bác lên xe. Tú chưa kịp cảm ơn bác lái xe bệnh viện.</p> <p>(Theo Trần Thanh Định)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu văn bản gợi ý Bác lái xe bệnh viện và hướng dẫn HS ghi phiếu đọc sách: tên bài, tác giả, nhân vật, việc làm đáng quý. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ cách hoàn thành phiếu đọc sách.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học, dặn HS hoàn thiện đoạn thư và tìm đọc thêm văn bản phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại nội dung cần nhớ và ghi nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 Tuần 17 - Chủ đề 4: CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ Bài 31: NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI - Bài 32: CÂY BÚT THẦN

BÀI 31: NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI

Tiết 1, 2: Đọc - Người làm đồ chơi; Nói và nghe - Kể chuyện Người làm đồ chơi

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Người làm đồ chơi; bước đầu biết đọc lời nhân vật với giọng phù hợp.
- Nhận biết được trình tự sự việc, hiểu suy nghĩ và hành động của nhân vật; nêu được đặc điểm của bác Nhân và bạn nhỏ.
- Hiểu nội dung bài: Bác Nhân là người đáng trân trọng vì yêu nghề, yêu trẻ em; bạn nhỏ biết quan tâm, làm việc tốt để người mình quý mến được vui.
- Kể lại được từng đoạn câu chuyện Người làm đồ chơi dựa vào gợi ý; biết chia sẻ suy nghĩ về nghề nặn tò he và những nghề nghiệp trong cuộc sống.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết quan tâm, chia sẻ, trân trọng người lao động và những người đem lại niềm vui cho trẻ em.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, kể chuyện và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn đồ chơi, trân trọng nghề truyền thống và ứng xử đẹp với người xung quanh.

4. Tích hợp:

- Tích hợp KNS: HS biết hợp tác, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và vận dụng bài học vào ứng xử hằng ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Người làm đồ chơi, tranh kể chuyện, thẻ từ luyện đọc, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm.

- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>Mục tiêu: Ôn bài cũ, tạo hứng thú và kết nối với bài đọc Người làm đồ chơi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi ôn bài Những ngọn hải đăng: Nêu ích lợi của những ngọn hải đăng.	- HS trả lời: Hải đăng phát sáng giúp tàu thuyền định hướng, không bị lạc đường trên biển.
- GV hỏi: Em biết những đồ chơi dân gian nào?	- HS chia sẻ: tò he, chong chóng, đèn ông sao, mặt nạ giấy bồi...
- GV giới thiệu bài: Người làm đồ chơi kể về bác Nhân - người làm tò he và tấm lòng của một bạn nhỏ. 	- HS lắng nghe, mở SGK bài Người làm đồ chơi.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ ràng câu chuyện; biết ngắt nghỉ câu dài và đọc lời nhân vật phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, tình cảm; thay đổi giọng ở lời bác Nhân và bạn nhỏ.	- HS nghe GV đọc, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn đọc: đọc trôi chảy, nghỉ hơi ở dấu câu, nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện niềm vui, nỗi buồn và sự quan tâm.	- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu đọc.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến công việc của mình. Đoạn 2: Tiếp theo đến bán nốt trong ngày mai. Đoạn 3: Còn lại.	- HS dùng bút chì đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp đoạn.	- HS đọc nối tiếp; lớp theo dõi, nhận xét.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: tò he, bột màu, sào nửa, xúm lại, nhanh nhẹn, làm ruộng.	- HS luyện đọc cá nhân, đồng thanh và sửa lỗi phát âm.

- GV hướng dẫn đọc câu dài: Ở ngoài phố, / cái sào nửa cấm đồ chơi của bác / dựng chỗ nào / là chỗ ấy, / các bạn nhỏ xúm lại.	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi đúng.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 3.	- HS luyện đọc trong nhóm, góp ý cho bạn.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc của bạn.
3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nêu được nghề của bác Nhân và chi tiết cho thấy trẻ em thích đồ chơi của bác.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 1: Bác Nhân làm nghề gì?	- HS trả lời: Bác Nhân làm đồ chơi bằng bột màu, nặn tò he cho trẻ em.
- GV nêu câu hỏi 2: Chi tiết nào cho thấy trẻ con rất thích đồ chơi của bác Nhân?	- HS trả lời: Bác dựng sào nửa chỗ nào, các bạn nhỏ cũng xúm lại; các bạn thích ngắm, chọn mua đồ chơi của bác.
- GV chốt ý: Bác Nhân yêu nghề và những món đồ chơi của bác đem lại niềm vui cho trẻ em.	- HS lắng nghe, nhắc lại ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và dẫn vào phần đọc hiểu tiếp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu nghề của bác Nhân và đồ chơi bác thường làm.	- HS trả lời: Bác Nhân làm tò he bằng bột màu.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tìm hiểu tiếp tâm lòng của bạn nhỏ dành cho bác Nhân.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS hiểu nguyên nhân bác Nhân muốn về quê, việc làm của bạn nhỏ và bài học về sự quan tâm, chia sẻ.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi 3: Vì sao bác Nhân muốn chuyển về quê?	- HS trả lời: Vì trẻ con ít mua đồ chơi của bác nên bác định về quê làm ruộng.
- GV nêu câu hỏi 4: Bạn nhỏ đã bí mật làm điều gì trước buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân?	- HS trả lời: Bạn đập con lợn đất, lấy tiền chia cho các bạn trong lớp nhờ mua giúp đồ chơi của bác.
- GV nêu câu hỏi 5: Theo em, bạn nhỏ là người như thế nào?	- HS trả lời: Bạn nhỏ tốt bụng, biết yêu quý, quan tâm và muốn làm cho bác Nhân vui.
- GV chốt nội dung bài: Câu chuyện giúp ta trân trọng người lao động, nghề truyền thống và biết quan tâm tới người xung quanh.	- HS nhắc lại nội dung bài.
3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng phù hợp tâm trạng nhân vật.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn có lời bác Nhân và bạn nhỏ, đọc mẫu diễn cảm.	- HS theo dõi, chú ý giọng đọc.
- GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm 3,	- HS luyện đọc phân vai trong nhóm.

phân vai người kể, bác Nhân, bạn nhỏ. - GV mời một số nhóm đọc trước lớp, nhận xét.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét bạn đọc rõ, biết thể hiện cảm xúc.
4. NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI (11 phút) <i>Mục tiêu: HS dựa vào gợi ý trong SGK để kể lại từng đoạn câu chuyện.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết hợp tác, lắng nghe, góp ý và chia sẻ ý kiến khi kể chuyện trong nhóm.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc chủ đề và yêu cầu: Kể chuyện Người làm đồ chơi. 	- HS đọc yêu cầu và xác định nhiệm vụ kể chuyện.
- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4: mỗi bạn kể một đoạn, bạn nghe góp ý cho bạn kể đúng trình tự, rõ sự việc.	- HS kể trong nhóm, lắng nghe và góp ý cho nhau.
- GV mời đại diện nhóm kể trước lớp.	- HS kể trước lớp; các bạn nêu câu hỏi hoặc nhận xét lịch sự.
- GV hỏi dẫn: Khi làm việc nhóm để kể chuyện, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, không ngắt lời, góp ý nhẹ nhàng và tôn trọng bạn.
- Tích hợp KNS: GV diễn giải: Khi học nhóm hay tham gia việc chung, mỗi bạn cần biết lắng nghe, chia sẻ phần việc, giúp bạn còn lúng túng và không chê bai bạn. Nhờ vậy, nhóm kể chuyện tốt hơn và tình bạn thêm gắn bó.	- HS nhắc lại: Em biết hợp tác, lắng nghe và góp ý lịch sự khi làm việc nhóm.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc quan tâm người xung quanh và trân trọng nghề nghiệp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS kể một việc em có thể làm để quan tâm người xung quanh.	- HS chia sẻ: hỏi thăm, giúp bạn, cảm ơn người bán hàng, giữ gìn đồ chơi...
- GV dẫn HS về nhà kể lại câu chuyện Người làm đồ chơi cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS biết chia sẻ và hợp tác.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 31: NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI**Tiết 3: Viết - Nghe viết: Người làm đồ chơi****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe - viết đúng một đoạn trong bài Người làm đồ chơi trong khoảng 15 phút.
- Viết đúng chữ hoa tên người; biết trình bày sạch đẹp và tự soát lỗi.
- Viết đúng thông tin vào phiếu mượn sách theo mẫu.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: cẩn thận khi viết và hoàn thành bài tập.
- Trung thực: tự soát lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi đúng.
- Trách nhiệm: giữ gìn vở sạch chữ đẹp, thực hiện đúng quy định khi mượn sách.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp đạo đức, lối sống:** Rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết; biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và trình bày bài sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng phụ đoạn nghe - viết, phiếu mượn sách, bảng từ khó, phiếu soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú và nhắc lại nội dung bài Người làm đồ chơi trước khi nghe - viết.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Câu chuyện Người làm đồ chơi giúp em hiểu điều gì?	- HS trả lời: Em biết trân trọng nghề nặn tò he, người lao động và biết quan tâm người khác.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em nghe - viết một đoạn trong bài và luyện viết thông tin vào phiếu mượn sách.	- HS chuẩn bị vở ô ly, bút, bảng con.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG NGHE - VIẾT (19 phút) <i>Mục tiêu: HS nghe - viết đúng đoạn văn, trình bày sạch đẹp và biết tự soát lỗi.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS rèn tính cẩn thận, trung thực khi viết và biết tự sửa lỗi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV đọc đoạn chính tả một lượt, nêu nội dung đoạn viết.	- HS lắng nghe, nêu nội dung đoạn viết.
- GV hướng dẫn cách trình bày: viết hoa chữ đầu câu, tên riêng; chú ý dấu câu và khoảng cách chữ.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách trình bày.
- GV hướng dẫn HS luyện viết từ khó: sào nứa, xúm lại, đen sạm, nặn tò he, nhanh nhẹn.	- HS viết bảng con và sửa lỗi nếu có.

- GV đọc từng cụm từ cho HS viết.	- HS nghe và viết bài vào vở.
- GV đọc lại bài để HS soát lỗi, sau đó yêu cầu đổi vở kiểm tra chéo.	- HS soát lỗi bằng bút chì, đổi vở góp ý cho bạn.
- Tích hợp đạo đức, lối sống: GV nhắc HS trung thực khi tự soát lỗi, không che lỗi; biết sửa để bài viết sạch, đúng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.	- HS nhắc lại: Em sẽ viết cẩn thận, tự soát lỗi và sửa lỗi trung thực.

3. LUYỆN TẬP - VIẾT THÔNG TIN VÀO PHIẾU MƯỢN SÁCH (8 phút)

Mục tiêu: HS biết điền các thông tin cần thiết vào phiếu mượn sách theo mẫu.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV yêu cầu HS đọc mẫu phiếu mượn sách trong SGK.</p> 	- HS đọc yêu cầu và quan sát mẫu phiếu.
- GV nhắc HS viết hoa tên riêng, tên sách, tên tác giả; ghi thông tin rõ ràng, đúng mẫu.	- HS lắng nghe và làm bài cá nhân.
- GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra thông tin và cách viết hoa.	- HS đổi vở, nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, chốt cách ghi phiếu mượn sách.	- HS sửa bài vào vở.

4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút)

Mục tiêu: HS vận dụng bài học vào việc đọc sách, mượn sách và giữ gìn sách.

***Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Khi mượn sách ở thư viện, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em ghi đúng phiếu, giữ sách sạch đẹp và trả sách đúng hạn.
- GV dẫn HS về nhà giới thiệu một quyển sách hoặc một đồ chơi dân gian với người thân.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 32: CÂY BÚT THẦN

Tiết 1, 2: Đọc - Cây bút thần; Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng câu chuyện Cây bút thần; biết đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp.
- Biết kết hợp đọc chữ và xem tranh để hiểu tình tiết, sự việc; nêu được nhận xét về nhân vật qua hành động, việc làm.
- Hiểu nội dung bài: Mã Lương có tài năng, biết dùng tài năng để giúp người nghèo và không làm theo yêu cầu tham lam, trái đạo lý.
- Chia sẻ được nội dung bài đọc mở rộng về người làm việc thầm lặng, có ích cho xã hội.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết cảm phục người có hành động cao đẹp, sẵn sàng giúp đỡ người khó khăn.
- Trung thực: biết phân biệt đúng - sai, không làm theo yêu cầu trái đạo lý.
- Trách nhiệm: biết dùng khả năng của bản thân để làm việc có ích.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.B2.1: HS phân biệt sự khác nhau giữa vật thật và hình ảnh do AI tạo ra; biết quan sát, so sánh và không vội tin hình ảnh khi chưa kiểm chứng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Cây bút thần, tranh đọc mở rộng, bảng phụ câu dài, phiếu học tập nhóm; hình minh họa do AI tạo để GV trình chiếu khi cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Ôn bài cũ và kết nối với câu chuyện Cây bút thần. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Bác Nhân trong bài Người làm đồ chơi đáng trân trọng ở điểm nào?	- HS trả lời: Bác yêu nghề, yêu trẻ em và đem lại niềm vui cho các bạn nhỏ.
- GV hỏi: Nếu em có một cây bút vẽ gì thành thật, em sẽ vẽ gì để giúp mọi người?	- HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân.
- GV giới thiệu bài: Cây bút thần kể về Mã Lương - bạn nhỏ có tài vẽ và tấm lòng nhân ái.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Cây bút thần.



2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (18 phút)

Mục tiêu: HS đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn; biết ngắt nghỉ và thể hiện lời nhân vật.

***Cách tiến hành:**

- GV đọc mẫu toàn bài, nhấn giọng ở những chi tiết kì diệu và hành động của Mã Lương.	- HS nghe GV đọc, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn đọc: đọc rõ lời kể, lời nhân vật; chú ý ngắt nghỉ ở câu dài.	- HS lắng nghe yêu cầu đọc.
- GV chia đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến cây bút vẽ. Đoạn 2: Tiếp theo đến trong tay mình. Đoạn 3: Tiếp theo đến em vẽ cho cuốc. Đoạn 4: Tiếp theo đến lò sưởi để sưởi. Đoạn 5: Còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi HS đọc nối tiếp đoạn.	- HS đọc nối tiếp; lớp theo dõi.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Mã Lương, kiếm củi, lấp lánh, lò sưởi, phú ông.	- HS luyện đọc từ khó.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: Một đêm, / Mã Lương mơ thấy một cụ già tóc bạc phơ / đưa cho em cây bút sáng lấp lánh.	- HS luyện đọc câu dài.
- GV tổ chức HS luyện đọc đoạn theo nhóm 5.	- HS luyện đọc nhóm, góp ý cho bạn.
- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm và tuyên dương nhóm đọc tốt.	- HS lắng nghe, điều chỉnh cách đọc.

3. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 1, 2 (12 phút)

Mục tiêu: HS tìm được chi tiết cho thấy Mã Lương thích vẽ, vẽ giỏi và hiểu đặc điểm cây bút thần.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu câu hỏi 1: Tìm những chi tiết cho thấy Mã Lương rất thích vẽ và vẽ rất giỏi.	- HS trả lời: Khi kiếm củi, cắt cỏ ven sông, Mã Lương đều tập vẽ; em vẽ trên đất, trên đá và vẽ rất giống.
- GV nêu câu hỏi 2: Mã Lương được ai tặng cây bút thần? Cây bút đó có gì lạ?	- HS trả lời: Cụ già tóc bạc phơ tặng bút; vẽ vật gì thì vật ấy trở thành thật.
- GV chốt ý: Tài năng của Mã Lương gắn với sự chăm chỉ và tấm lòng muốn giúp người khó khăn.	- HS nhắc lại ý chính của tiết 1.

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (3 phút)	

Mục tiêu: Ôn nội dung tiết 1 và dẫn vào phần đọc hiểu tiếp.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS nêu điều kì lạ của cây bút thần.	- HS trả lời: Vẽ gì thì vật đó trở thành thật.
- GV dẫn vào tiết học: Chúng ta tiếp tục tìm hiểu Mã Lương dùng cây bút thần để làm gì.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi 3, 4, 5.

2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CÂU HỎI 3, 4, 5 (12 phút)

Mục tiêu: HS hiểu việc làm tốt của Mã Lương, biết nhận xét hành động đúng - sai của nhân vật.

Mục tiêu tích hợp: HS biết phân biệt vật thật và hình ảnh do AI tạo; không vội tin hình ảnh khi chưa kiểm chứng.

***Cách tiến hành:**

- GV nêu câu hỏi 3: Đóng vai người dân trong làng, nói về những điều Mã Lương đã làm cho họ.	- HS đóng vai: Mã Lương vẽ cây, cuốc, đồ dùng giúp người nghèo làm ăn.
- GV nêu câu hỏi 4: Vì sao Mã Lương không chịu làm theo ý muốn của phú ông?	- HS trả lời: Vì phú ông giàu có nhưng tham lam, muốn Mã Lương làm điều không đúng.
- GV nêu câu hỏi 5: Em đoán những sự việc gì sẽ xảy ra tiếp theo?	- HS nêu dự đoán phù hợp với câu chuyện.
- GV hỏi dẫn: Trong truyện, tranh Mã Lương vẽ biến thành vật thật. Còn hình ảnh do AI tạo trên máy tính có phải vật thật không?	- HS trả lời: Không. Hình ảnh do AI tạo chỉ là hình ảnh trên thiết bị, cần kiểm tra trước khi tin.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.B2.1: GV trình chiếu một tranh minh họa và một hình do AI tạo, hướng dẫn HS so sánh: vật thật có thể cầm nắm, sử dụng; ảnh do AI chỉ là dữ liệu/hình ảnh, có thể giống thật nhưng chưa chắc đúng. Khi xem hình trên mạng, các em cần hỏi người lớn, đối chiếu SGK hoặc nguồn đáng tin cậy.	- HS nhắc lại: Em biết phân biệt vật thật và ảnh do AI tạo, không vội tin ảnh khi chưa kiểm chứng.
- GV chốt nội dung bài: Câu chuyện ca ngợi người có tài năng, lòng nhân ái, biết dùng khả năng để giúp người nghèo và bảo vệ lẽ phải.	- HS nhắc lại nội dung chính.

3. LUYỆN ĐỌC LẠI (5 phút)

Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn với giọng phù hợp, biết thể hiện lời nhân vật.

***Cách tiến hành:**

- GV chọn đoạn có lời Mã Lương và phú ông, đọc mẫu.	- HS nghe và chú ý giọng đọc.
- GV yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc theo cặp, góp ý cho nhau.
- GV mời một số HS thi đọc trước lớp.	- HS thi đọc; lớp nhận xét.

4. ĐỌC MỞ RỘNG (10 phút)

Mục tiêu: HS chia sẻ được bài đọc về người làm việc thầm lặng, có ích cho xã hội.

***Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ đọc mở rộng và nêu tên bài đã đọc.	- HS nêu tên bài, tác giả nếu có.
---	-----------------------------------

<p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Tìm đọc bài về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục và viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <div data-bbox="256 248 719 416"> <p>PHIẾU ĐỌC SÁCH</p> <table border="1"> <tr> <td>- Ngày đọc: (...)</td> <td>- Tác giả: (...)</td> </tr> <tr> <td>- Tên bài: (...)</td> <td>- Nhân vật chính: (...)</td> </tr> <tr> <td>Những việc tốt nhân vật đã làm: (...)</td> <td>Điều em muốn học từ nhân vật: (...)</td> </tr> <tr> <td>Cảm nghĩ của em về bài đọc: (...)</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆</td> <td></td> </tr> </table> </div>	- Ngày đọc: (...)	- Tác giả: (...)	- Tên bài: (...)	- Nhân vật chính: (...)	Những việc tốt nhân vật đã làm: (...)	Điều em muốn học từ nhân vật: (...)	Cảm nghĩ của em về bài đọc: (...)		Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆		
- Ngày đọc: (...)	- Tác giả: (...)										
- Tên bài: (...)	- Nhân vật chính: (...)										
Những việc tốt nhân vật đã làm: (...)	Điều em muốn học từ nhân vật: (...)										
Cảm nghĩ của em về bài đọc: (...)											
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆											
<p>- GV gợi ý HS chia sẻ: Người trong bài làm việc gì? Việc làm ấy có ích thế nào?</p>	<p>- HS chia sẻ theo gợi ý.</p>										
<p>- GV nhận xét, khuyến khích HS đọc thêm các bài về người lao động, người làm việc tốt.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>										
<p>5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc dùng tài năng, khả năng của bản thân để giúp người khác.</i> *Cách tiến hành:</p>											
<p>- GV hỏi: Em có thể dùng khả năng của mình để giúp bạn hoặc người thân như thế nào?</p>	<p>- HS chia sẻ: giúp bạn học, vẽ tranh tặng bạn, phụ giúp việc nhà...</p>										
<p>- GV dặn HS về nhà kể lại một việc làm tốt của nhân vật trong bài đã đọc.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</p>										

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 32: CÂY BÚT THẦN**Tiết 3: Luyện tập - Mở rộng vốn từ về thành thị và nông thôn. So sánh****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Mở rộng được vốn từ về thành thị và nông thôn.
- Nhận biết được sự vật được so sánh trong câu văn; biết đặt câu có hình ảnh so sánh.
- Biết dùng từ ngữ phù hợp khi nói, viết về cảnh quan môi trường quê hương.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: biết tự hào về cảnh quan quê hương, đất nước.
- Chăm chỉ: tích cực tìm từ, đặt câu, hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn cảnh quan thành thị, nông thôn xanh - sạch - đẹp.

4. Tích hợp:

- GDBVMT: HS có ý thức tự hào về cảnh quan môi trường trên các vùng đất quê hương; biết giữ gìn môi trường sống xanh - sạch - đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh thành thị - nông thôn, phiếu học tập, bảng phụ bài tập so sánh.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 3 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ bài Cây bút thần và tạo hứng thú với chủ đề thành thị - nông thôn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Nói nhanh một sự vật em thường thấy ở thành phố hoặc làng quê.	- HS tham gia: nhà cao tầng, đường phố, cánh đồng, con trâu, dòng sông...
- GV giới thiệu tiết luyện tập.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện tập.
2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: TỪ NGỮ VỀ THÀNH THỊ, NÔNG THÔN (10 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm và phân loại được từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.</i> Mục tiêu tích hợp: HS biết tự hào và có ý thức giữ gìn cảnh quan môi trường quê hương. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.	- HS quan sát tranh, làm việc nhóm 2 và ghi kết quả vào phiếu.

<div>LUYỆN TẬP</div> <div><div><div>?</div><div>1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.</div></div><div>M:</div><table><tr><td></td><td>Từ ngữ chỉ sự vật</td><td>Từ ngữ chỉ đặc điểm</td></tr><tr><td>Ở thành thị</td><td>đường phố,...</td><td>tấp nập,...</td></tr><tr><td>Ở nông thôn</td><td>cánh đồng,...</td><td>rộng mênh mông,...</td></tr></table><div><div></div><div></div></div></div>			Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm	Ở thành thị	đường phố,...	tấp nập,...	Ở nông thôn	cánh đồng,...	rộng mênh mông,...			
	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm											
Ở thành thị	đường phố,...	tấp nập,...											
Ở nông thôn	cánh đồng,...	rộng mênh mông,...											
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: thành thị có đường phố, nhà cao tầng, xe buýt; nông thôn có cánh đồng, dòng sông, con trâu, bác nông dân...												
- Tích hợp GDBVMT: GV nhấn mạnh thành thị hay nông thôn đều là môi trường sống của chúng ta. Các em cần bỏ rác đúng nơi, giữ sạch lớp học, đường phố, làng xóm và biết tự hào về cảnh đẹp quê hương.	- HS nhắc lại: Em biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.												
<div>3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: SO SÁNH (16 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS nhận biết sự vật được so sánh và đặt câu có hình ảnh so sánh.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>													
<div>- GV yêu cầu HS đọc câu văn trong SGK và tìm sự vật được so sánh.</div> <div><div><div>2. Tìm những âm thanh được so sánh với nhau trong các câu dưới đây. Điền thông tin vào bảng theo mẫu.</div><div><div>a. Tiếng đàn tơ rung khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo. (Theo Ay Dzun và Lê Tấn)</div><div>b. Tiếng chim sáo về riu ràn như một cái chợ vừa mở, như lớp học vừa tan, như buổi đàn ca lên hoan sắp bắt đầu... (Theo Bằng Sơn)</div></div><div>M:</div><table><tr><td>Âm thanh được so sánh</td><td>Đặc điểm so sánh</td><td>Từ so sánh</td><td>Âm thanh dùng để so sánh</td></tr><tr><td>Tiếng đàn tơ rung</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tiếng chim sáo</td><td></td><td></td><td></td></tr></table></div></div>	Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh	Tiếng đàn tơ rung				Tiếng chim sáo				- HS đọc câu, gạch chân các sự vật được so sánh.
Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh										
Tiếng đàn tơ rung													
Tiếng chim sáo													
- GV hướng dẫn HS nhận biết từ so sánh như: như, là, giống như.	- HS lắng nghe, nêu ví dụ.												
- GV yêu cầu HS đặt câu có hình ảnh so sánh về cảnh vật thành thị hoặc nông thôn.	- HS đặt câu: Cánh đồng lúa chín vàng như tấm thảm khổng lồ; những tòa nhà cao như chạm mây.												
- GV mời HS trình bày, nhận xét và sửa câu.	- HS trình bày, nhận xét bài bạn và sửa bài vào vở.												
<div>4. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (5 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS vận dụng từ ngữ và câu so sánh để nói về quê hương.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>													
- GV yêu cầu HS nói một câu so sánh về nơi em sống.	- HS nói câu của mình trước lớp.												
- GV nhận xét, dặn HS quan sát cảnh quan nơi em ở và ghi lại 2 từ ngữ đẹp.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.												

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

BÀI 32: CÂY BÚT THẦN

Tiết 4: Luyện tập - Viết thư và phong bì thư

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cấu trúc cơ bản của một bức thư và phong bì thư.
- Viết được một đoạn trong bức thư theo hướng dẫn; biết ghi thông tin cơ bản rõ ràng, lịch sự.
- Biết lựa chọn phương tiện giao tiếp phù hợp khi gửi lời thăm hỏi, chia sẻ.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết hỏi thăm, chia sẻ tình cảm với người thân, bạn bè.
- Trung thực: viết thông tin đúng, không bịa hoặc sao chép máy móc.
- Trách nhiệm: biết bảo vệ thông tin cá nhân khi giao tiếp trên giấy và môi trường số.

4. Tích hợp:

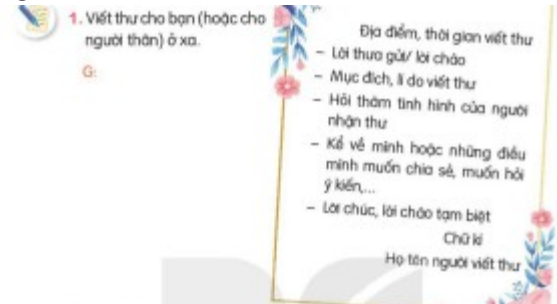
- Tích hợp NLS 2.1.CB1a, 3.1.CB1a: HS biết lựa chọn phương tiện giao tiếp phù hợp; viết thư giao lưu đúng mực và chia sẻ thông tin cơ bản qua thiết bị số an toàn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, mẫu bức thư, mẫu phong bì thư, bảng tiêu chí soát lỗi, phiếu viết.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Kết nối bài học với nhu cầu viết thư thăm hỏi, chia sẻ.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi muốn hỏi thăm một người ở xa, em có thể dùng cách nào?	- HS trả lời: viết thư, gọi điện, nhắn tin, gọi video...
- GV giới thiệu: Tiết này, các em luyện viết thư và phong bì thư.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 1: NHẬN BIẾT CÁCH VIẾT THƯ (10 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết các phần của bức thư: địa điểm, ngày tháng, lời xưng hô, nội dung, lời chúc, chữ kí.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc bức thư mẫu và trả lời câu hỏi: Bạn viết thư cho ai? Dòng đầu thư ghi gì? Đây là lời hỏi thăm? 	- HS đọc thư mẫu, trả lời câu hỏi theo SGK.

- GV chốt cấu trúc bức thư.	- HS nhắc lại: đầu thư, lời xưng hô, nội dung, lời chúc, chữ kí.
3. LUYỆN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: VIẾT ĐOẠN TRONG BỨC THƯ (12 phút) <i>Mục tiêu: HS xác định người nhận thư, nội dung cần viết và viết được 3 - 4 câu hỏi thăm.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết lựa chọn phương tiện giao tiếp phù hợp và chia sẻ thông tin an toàn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu: Em viết thư cho ai? Trong thư, em viết những gì?	- HS nêu người nhận thư và nội dung định viết.
- GV hướng dẫn HS viết 3 - 4 câu hỏi thăm tình hình người nhận thư.	- HS viết cá nhân vào vở.
- GV yêu cầu HS đổi vở soát lỗi: dùng từ, đặt câu, chính tả, cách xưng hô.	- HS đổi vở, góp ý lịch sự cho bạn.
4. LUYỆN TẬP - GHI PHONG BÌ THƯ (5 phút) <i>Mục tiêu: HS biết quan sát mẫu và ghi được thông tin người gửi, người nhận trên phong bì thư rõ ràng, đúng vị trí.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát mẫu phong bì thư và hỏi: Trên phong bì thư cần ghi những thông tin nào? 	- HS trả lời: Cần ghi họ tên, địa chỉ người gửi; họ tên, địa chỉ người nhận.
- GV hướng dẫn HS cách ghi phong bì thư: thông tin người gửi ở góc trên bên trái, thông tin người nhận ở giữa phong bì; chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, không ghi thiếu thông tin cần thiết.	- HS quan sát, ghi nhớ cách trình bày phong bì thư đúng mẫu.
- GV yêu cầu HS thực hành ghi thông tin vào mẫu phong bì thư; nhắc HS chỉ ghi, chia sẻ địa chỉ khi có sự hướng dẫn của người lớn.	- HS thực hành ghi phong bì thư theo mẫu; nhắc lại: Em biết ghi phong bì thư đúng mẫu và bảo vệ thông tin cá nhân.
5. VẬN DỤNG - TRẢI NGHIỆM (4 phút) <i>Mục tiêu: HS biết hoàn thiện bức thư, phong bì thư và vận dụng cách giao tiếp lịch sự, an toàn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS về nhà hoàn thiện bức thư và phong bì thư gửi người thân; chia sẻ với người thân cách hỏi thăm lịch sự, an toàn.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà và biết nhờ người lớn kiểm tra thông tin trước khi gửi thư.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS viết rõ ý, ghi phong bì thư đúng mẫu và biết bảo vệ thông tin cá nhân.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3 Tuần 18 - ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I Tiết 1, 2: Ôn đọc - Ôn từ ngữ, câu và viết ngắn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ, câu, đoạn, bài theo yêu cầu; bước đầu đọc diễn cảm bài văn, câu chuyện, bài thơ với ngữ điệu phù hợp.
- Tốc độ đọc khoảng 70 - 80 tiếng/phút; biết nghỉ hơi ở đầu câu hoặc chỗ ngắt nhịp thơ.
- Hiểu nội dung bài đọc, nhận biết chi tiết, nội dung chính và nêu cảm nghĩ về nhân vật yêu thích.
- Nhận biết từ ngữ miêu tả điệu bộ, hành động, đặc điểm nhân vật; đặt câu và viết ngắn theo yêu cầu.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực ôn tập, đọc bài, làm bài và tự sửa lỗi.
- Trung thực: tự đánh giá kết quả học tập đúng khả năng.
- Trách nhiệm: chuẩn bị bài, giữ trật tự khi kiểm tra, tôn trọng lượt lời của bạn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS tự đánh giá mức độ chủ động khi sử dụng AI hỗ trợ học tập; biết ghi rõ bài tự làm và bài có tham khảo AI đúng cách.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a ở tiết 1: HS biết tìm kiếm, quan sát thông tin/hình ảnh minh họa bài học từ nguồn phù hợp lứa tuổi; biết dùng công cụ số đơn giản để trình bày, chia sẻ kết quả đọc - nói - nghe.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, phiếu bốc thăm bài đọc, tranh minh họa các bài đã học, phiếu học tập, bảng đáp án, bảng tự đánh giá AI/NLS.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (5 phút) Mục tiêu: Tạo hứng thú và nhắc lại các bài đọc đã học trong học kì I. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ô cửa bí mật”: HS nhìn một phần tranh, đoán tên bài đọc.	- HS tham gia trò chơi, nêu tên bài đọc đã học.
- GV nhận xét, giới thiệu tiết ôn tập.	- HS lắng nghe, chuẩn bị phiếu đọc.
2. ÔN TẬP - HOẠT ĐỘNG 1: LUYỆN ĐỌC CÁC BÀI ĐÃ HỌC (20 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng, rõ, biết nêu cảm nghĩ về nhân vật yêu thích. Mục tiêu tích hợp: HS biết quan sát tư liệu/tranh minh họa từ nguồn phù hợp và dùng công cụ số đơn giản để chia sẻ kết quả. *Cách tiến hành:	

<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm: dựa vào tranh minh họa bị che khuất một vài chi tiết để nói tên bài đọc.</p> <p style="text-align: center;">TIẾT 1 - 2</p> <p>1. Nhìn tranh, nói tên bài đọc.</p> 	<p>- HS quan sát tranh, nêu tên bài đọc, cả nhóm nhận xét.</p>
<p>- GV cho từng HS bốc thăm và đọc một đoạn/bài đã học.</p>	<p>- HS lần lượt bốc thăm, đọc bài theo yêu cầu.</p>
<p>- GV yêu cầu HS nêu cảm nghĩ về một nhân vật em thích trong bài vừa đọc.</p>	<p>- HS nêu cảm nghĩ ngắn gọn, rõ ý.</p>
<p>- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 3.1.CB1a: GV dùng thiết bị của giáo viên trình chiếu tranh/tư liệu minh họa bài đọc, hướng dẫn HS chọn thông tin cần thiết, trình bày ngắn gọn và nêu vì sao nguồn thông tin đó phù hợp.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em biết chọn thông tin/hình ảnh phù hợp lứa tuổi và trình bày kết quả đọc</p> <p>- nói - nghe.</p>
<p>3. VẬN DỤNG - TỰ ĐÁNH GIÁ (10 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS tự đánh giá việc ôn tập và cách sử dụng công cụ hỗ trợ học tập.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS tự đánh dấu bài tự làm và bài có dùng AI tham khảo đúng cách.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV phát bảng tự đánh giá: Em đã tự đọc bài nào? Bài nào em cần luyện thêm?</p>	<p>- HS tự đánh dấu vào bảng tự đánh giá.</p>
<p>- GV hỏi: Khi dùng AI hoặc công cụ số để tham khảo ý tưởng, em cần làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em chỉ tham khảo, không sao chép, tự kiểm tra và ghi rõ phần mình tự làm.</p>
<p>- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV hướng dẫn HS tự đánh dấu những bài viết mình tự làm và những bài có tham khảo AI đúng cách; nhấn mạnh cần trung thực, kiểm tra lại kết quả và không để AI làm thay.</p>	<p>- HS nhắc lại: Em chủ động học tập, không sao chép kết quả của AI.</p>

TIẾT 2 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. KHỞI ĐỘNG (4 phút)</p> <p>Mục tiêu: Gợi nhớ nội dung tiết 1 và dẫn vào ôn tập từ ngữ, câu.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu tên một nhân vật em thích trong các bài đã học.</p>	<p>- HS nêu tên nhân vật và lí do ngắn gọn.</p>
<p>- GV giới thiệu nhiệm vụ tiết 2: ôn từ ngữ,</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK.</p>

câu và viết ngắn.	
2. ÔN TẬP - BÀI TẬP 3, 4: TỪ NGỮ MIÊU TẢ NHÂN VẬT (14 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết từ ngữ miêu tả điệu bộ, hành động, đặc điểm nhân vật.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 3, làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ theo cột. 	- HS đọc yêu cầu, tìm từ và ghi vào phiếu.
- GV mời đại diện nhóm trình bày, treo bảng đáp án để HS đối chiếu.	- HS trình bày, đối chiếu kết quả và sửa bài.
- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 4: tìm cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.	- HS làm bài cá nhân, chia sẻ theo cặp.
- GV nhận xét, chốt đáp án và lưu ý cách dùng từ.	- HS lắng nghe, sửa bài vào vở.
3. ÔN TẬP - BÀI TẬP 5, 6: ĐẶT CÂU VÀ VIẾT NGẮN (13 phút) <i>Mục tiêu: HS đặt câu đúng yêu cầu, viết được câu/đoạn ngắn rõ ý.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn bài tập 5, làm mẫu một câu. 	- HS theo dõi, xác định cách làm.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm.	- HS làm bài, đọc câu của mình trong nhóm.
- GV yêu cầu HS làm bài tập 6: viết câu/đoạn ngắn theo yêu cầu.	- HS viết vào vở, chia sẻ bài viết với bạn.
- GV nhận xét, khen HS đặt câu đúng, viết rõ ý.	- HS lắng nghe, sửa bài.
4. VẬN DỤNG (4 phút) <i>Mục tiêu: HS củng cố vốn từ và cách đặt câu qua trò chơi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi tìm sự vật và đặc điểm trong lớp học.	- HS tham gia: bảng đen, bàn gỗ, cửa sổ rộng...
- GV nhận xét, dặn HS tiếp tục luyện đọc ở nhà.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

Tiết 3: Ôn đọc thuộc lòng - Từ ngữ thể hiện cảm xúc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ các đoạn thơ, bài thơ đã học; biết đọc thuộc lòng một đoạn/bài theo yêu cầu.
- Tìm được từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm trong các bài đã học.
- Biết chia sẻ cảm xúc sau khi đọc thơ, đọc văn.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc thuộc, luyện đọc diễn cảm.
- Trung thực: tự đánh giá mức độ thuộc bài đúng khả năng.
- Trách nhiệm: chuẩn bị bài và nhận xét bạn lịch sự.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS tự đánh giá mức độ chủ động khi dùng AI/công cụ số hỗ trợ ôn tập; biết kiểm tra lại kết quả và không sao chép máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu bốc thăm bài thơ, bảng từ ngữ cảm xúc, bảng tự đánh giá học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 3 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú và nhắc lại tên các bài thơ đã học.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu tên các bài thơ đã học trong học kì I.	- HS nêu tên bài thơ: Ngưỡng cửa, Khi cả nhà bé tí, Tôi yêu em tôi...
- GV nhận xét, dẫn vào tiết ôn tập.	- HS lắng nghe.
2. ÔN TẬP - BÀI TẬP 1: ĐỌC THUỘC LÒNG (12 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc thuộc một đoạn thơ/bài thơ đã học với giọng phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức HS bốc thăm, đọc thuộc một đoạn thơ hoặc bài thơ.	- HS lần lượt bốc thăm và đọc thuộc.

<div><p>TIẾT 3 - 4</p><p>1. Đọc các khổ thơ dưới đây và nêu tên bài thơ chứa khổ thơ đó.</p><div><div><p>a</p><p>Nghỉ hè em thích nhất Được theo mẹ về quê Bà em cũng mừng ghê Khi thấy em vào ngõ.</p></div><div><p>b</p><p>Một tờ giấy trắng Cò gấp cong cong Thoát cái dãi xang Chiếc thuyền xinh quá!</p></div><div><p>c</p><p>Màu khăn tuổi thiếu niên Suốt đời tuốt thấm mãi Như lời ru với vơi Chẳng bao giờ cách xa.</p></div><div><p>d</p><p>Tôi yêu em tôi Nó cười rúc rích Mỗi khi tôi đùa Nó vui, nó thích.</p></div><div><p>e</p><p>Giờ ra chơi cùng bạn Em náo nức nô đùa Khi mặt lại tím tím Cùng vẽ tranh say sưa.</p></div><div><p>f</p><p>Nơi ấy ngôi sao khuya Sôi vào trong giấc ngủ Ngon đèn khuya bóng mẹ Sáng một vầng trên sân.</p></div><div><p>g</p><p>Khi bố còn bé tí Có thích lái ô tô Có say mê sủa đồ Có hay xem bóng đá?</p></div><div><p>h</p><p>Bà bảo đường của bé Chỉ đi đến trường thôi Bé tìm mãi sớm mai Con đường trên trang sách.</p></div></div><p>2. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc trong các khổ thơ trên.</p><p>3. Đọc đoạn thơ em thuộc trong một bài đã học.....</p></div>	
- GV yêu cầu nhóm nhận xét theo tiêu chí: đọc đúng, rõ, ngắt nhịp, có cảm xúc.	- HS nhận xét bạn theo tiêu chí.
<p>3. ÔN TẬP - BÀI TẬP 2, 3: TỪ NGỮ CẢM XÚC VÀ CHIA SẺ (14 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS tìm từ ngữ thể hiện cảm xúc và chia sẻ cảm nghĩ sau khi đọc.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV yêu cầu HS tìm các từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm trong những bài đã học.	- HS tìm: thích nhất, mừng ghê, xinh quá, vui, náo nức, say mê...
- GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ yêu thích cho bạn nghe và nói lí do yêu thích.	- HS đọc theo nhóm đôi, chia sẻ lí do yêu thích.
- GV nhận xét, động viên HS đọc diễn cảm.	- HS lắng nghe, điều chỉnh cách đọc.
<p>4. VẬN DỤNG - TỰ ĐÁNH GIÁ AI (5 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết tự đánh giá quá trình ôn tập và việc sử dụng công cụ hỗ trợ.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS tự đánh dấu bài tự làm, bài có tham khảo AI/công cụ số đúng cách.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV yêu cầu HS tự đánh dấu: Em đã tự học thuộc bài nào? Em có dùng công cụ số/AI để tham khảo không?	- HS tự đánh giá vào phiếu.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV nhắc HS chỉ dùng AI để gợi ý cách ôn tập, không để AI trả lời thay; cần đọc lại SGK và tự kiểm tra kết quả.	- HS nhắc lại: Em tự học, tự kiểm tra và sử dụng AI đúng cách nếu được GV/người lớn hướng dẫn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

Tiết 4: Ôn các kiểu câu

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Bước đầu nhận biết câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến qua dấu câu, từ đánh dấu và công dụng của kiểu câu.
- Đặt được câu theo tranh và tình huống; biết dùng điệu bộ, cử chỉ phù hợp khi nói.
- Chăm chú lắng nghe ý kiến của người khác, biết hỏi lại để hiểu đúng ý người nói.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực ôn kiểu câu, làm bài tập đầy đủ.
- Trách nhiệm: nói năng lịch sự, tôn trọng lượt lời khi trao đổi.
- Trung thực: tự làm bài và tự sửa lỗi.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS biết không tin ngay câu trả lời do AI/công cụ số gợi ý khi ôn kiểu câu; cần đối chiếu dấu câu, mục đích nói và kiến thức đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, tranh tình huống, bảng phụ câu kể/câu hỏi/câu cảm/câu khiến, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 4 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Gợi nhớ các kiểu câu đã học. *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Nêu nhanh một kiểu câu và dấu câu thường dùng.	- HS nêu: câu kể dùng dấu chấm, câu hỏi dùng dấu hỏi, câu cảm dùng dấu chấm than, câu khiến thường dùng lời đề nghị/ra lệnh.
- GV giới thiệu nhiệm vụ tiết 4.	- HS lắng nghe.
2. ÔN TẬP - BÀI TẬP 4: XÁC ĐỊNH KIỂU CÂU (12 phút) Mục tiêu: HS xác định được các kiểu câu trong đoạn/truyện vui. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc kĩ câu chuyện vui, xác định mỗi câu thuộc kiểu câu nào. 	- HS làm việc cá nhân, ghi kết quả.
- GV tổ chức HS chia sẻ trong nhóm, thống nhất đáp án.	- HS trao đổi, nhận xét và thống nhất đáp án.

- GV chốt: câu cảm, câu kể, câu hỏi, câu khiến theo đáp án SGK.	- HS đối chiếu, sửa bài.
3. ÔN TẬP - BÀI TẬP 5, 6: ĐẶT CÂU THEO TRANH (15 phút) <i>Mục tiêu: HS đặt được câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến theo tranh và hoàn thành câu có dấu phẩy.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết kiểm tra lại kết quả khi dùng công cụ số/AI gợi ý câu.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh, đoán sự việc trong tranh và đặt 4 câu theo yêu cầu. (Phỏng theo Phun-dì-cô Phun-dì-ô) 5. Dựa vào các tranh dưới đây để đặt câu. a. Một câu hỏi b. Một câu cảm c. Một câu kể d. Một câu khiến 	- HS quan sát tranh, đặt câu cá nhân.
- GV mời HS đọc câu đã đặt; lớp nhận xét dấu câu và kiểu câu.	- HS đọc câu, nhận xét và sửa bài.
- GV yêu cầu HS hoàn thành câu ở bài tập 6, lưu ý dùng dấu phẩy tách các sự vật được nêu.	- HS làm nhóm, viết câu vào bảng nhóm.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV nhắc nếu dùng công cụ số để gợi ý câu, HS phải tự kiểm tra dấu câu, mục đích nói, không chép nguyên văn khi chưa hiểu.	- HS nhắc lại: Em tự kiểm tra kiểu câu và dấu câu trước khi dùng kết quả.
4. VẬN DỤNG (4 phút) <i>Mục tiêu: HS củng cố các kiểu câu qua trò chơi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “xì điện”: bạn được gọi đặt một câu kể, câu hỏi, câu cảm hoặc câu khiến về bạn bên cạnh.	- HS tham gia trò chơi, đặt câu đúng kiểu.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

Tiết 5: Kể chuyện theo tranh - Viết đoạn văn

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết kể câu chuyện đơn giản dựa vào tranh và gợi ý.
- Biết nói theo đề tài phù hợp với lứa tuổi, tôn trọng lượt lời khi trao đổi.
- Viết được một đoạn văn ngắn dựa vào nội dung tranh đã khai thác.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết trân trọng người thân, người lao động và việc làm tốt.
- Chăm chỉ: tích cực kể chuyện, viết đoạn văn và sửa lỗi.
- Trách nhiệm: biết giữ gìn sản phẩm học tập, lắng nghe góp ý.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS tự đánh giá đoạn văn tự viết; nếu có tham khảo AI/công cụ số, phải tự chọn lọc, chỉnh sửa và không sao chép nguyên văn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh kể chuyện trong SGK, phiếu gợi ý kể chuyện, bảng tiêu chí đoạn văn, bảng tự đánh giá.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 5 (35 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) Mục tiêu: Nhắc lại cách kể chuyện theo tranh. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu các bước kể chuyện theo tranh.	- HS trả lời: quan sát tranh, nêu nội dung từng tranh, sắp xếp ý, kể nối tiếp.
- GV giới thiệu nhiệm vụ tiết 5.	- HS lắng nghe, mở SGK.
2. ÔN TẬP - BÀI TẬP 1, 2: KỂ CHUYỆN THEO TRANH (15 phút) Mục tiêu: HS quan sát tranh, tìm mối liên hệ giữa các tranh và kể lại câu chuyện. *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh, tìm sự kết nối giữa con người và cảnh vật trong các tranh.	- HS quan sát, nêu nội dung từng tranh.

<p style="text-align: center;">TIẾT 5</p> <p>1. Quan sát tranh và nêu nội dung từng tranh.</p> <div style="display: flex; flex-wrap: wrap;">     </div>	
- GV tổ chức HS làm việc nhóm: xây dựng câu chuyện, kể nối tiếp theo 4 tranh.	- HS thảo luận nhóm và kể nối tiếp.
- GV mời đại diện nhóm kể trước lớp.	- HS kể trước lớp; lớp nhận xét nội dung, giọng kể, trình tự.
- GV nhận xét, gợi ý tên câu chuyện như Nhớ người trồng cây, Ông tôi...	- HS lắng nghe, điều chỉnh cách kể.
<p>3. ÔN TẬP - BÀI TẬP 3: VIẾT ĐOẠN VĂN (12 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn ngắn dựa vào câu chuyện vừa kể.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết tự viết đoạn văn, không sao chép máy móc từ AI/công cụ số.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV yêu cầu HS viết một đoạn văn dựa vào lời kể 4 bức tranh.	- HS viết cá nhân vào vở.
- GV hướng dẫn HS soát lỗi: nội dung, câu văn, dấu câu, chính tả.	- HS tự soát lỗi, đổi vở góp ý.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV yêu cầu HS tự đánh dấu đoạn văn tự viết; nếu có tham khảo gợi ý từ công cụ số, HS phải chỉnh sửa bằng lời văn của mình và kiểm tra lại.	- HS nhắc lại: Em tự viết, tự sửa, không sao chép nguyên văn.
- GV mời một số HS đọc bài trước lớp, nhận xét.	- HS đọc bài; lớp nhận xét, góp ý lịch sự.
<p>4. VẬN DỤNG (4 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS vận dụng kể lại câu chuyện cho người thân nghe.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
- GV dặn HS về nhà kể lại câu chuyện theo tranh cho người thân nghe và hoàn thiện đoạn văn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**Tiết 6: Ôn đọc hiểu - Luyện viết câu, đoạn****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc hiểu được văn bản ngắn; xác định được chi tiết, nội dung chính và thông điệp đơn giản.
- Viết được câu, đoạn ngắn theo yêu cầu; biết dùng từ, đặt câu rõ nghĩa.
- Biết tự soát lỗi chính tả, dấu câu và cách trình bày.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực ôn đọc hiểu và luyện viết.
- Trung thực: tự làm bài, tự kiểm tra kết quả.
- Trách nhiệm: hoàn thành bài đúng thời gian.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: HS biết tự đánh giá mức độ chủ động khi ôn tập; không phụ thuộc vào AI/công cụ số, cần đọc hiểu và tự trả lời.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu đọc hiểu, bảng phụ bài tập, bảng tự đánh giá, phiếu soát lỗi.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 6 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú trước khi luyện đọc hiểu và viết.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi: Nêu một điều em nhớ nhất trong học kì I môn Tiếng Việt.	- HS chia sẻ ngắn gọn.
- GV dẫn vào tiết ôn đọc hiểu và luyện viết.	- HS lắng nghe.
2. ÔN TẬP - ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGẮN (14 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và nêu nội dung chính.</i> *Cách tiến hành:	
- GV phát phiếu/văn bản ngắn, yêu cầu HS đọc thầm.	- HS đọc thầm văn bản.

<div><div>TIẾT 6 - 7</div><div>1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.</div><div>BUỔI SÁNG QUÊ NỘI</div><div><div>Khi một trời chưa dậy Hoa còn thiếp trong sương Khởi bếp bay đầy vườn Nồi nấu cơm, nấu cám. Đàn trâu ra đồng sớm Đội cày sừng mã đi Cuối xóm ai thăm thi Gánh rau ra chợ bán. Gà con kêu trong ổ Đánh thức ông một trời Chú mực ra sân phơi Chạy mấy vòng khởi động.</div><div>Một mùi hương mong mông Thơm đầm vào ban mai Giỏ chọm khóm hoa nhài Mang hương đi khắp lối. Buổi sáng ở quê nội Núi đồi ngủ trong mây Mặt trời như trái chín Treo lủng lẳng vòm cây. (Nguyễn Lâm Thắng)</div></div><div></div><div>a. Tìm những từ ngữ trong bài thơ tả: hoa gió núi đồi mặt trời</div><div>b. Những con vật đã làm gì trong buổi sáng ở quê nội của bạn nhỏ?</div><div>c. Bài thơ nói đến những ai? Những người đó làm gì?</div></div>	
- GV nêu câu hỏi về chi tiết, nhân vật, sự việc và nội dung chính.	- HS trả lời cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi.
- GV mời HS trình bày, nhận xét và chốt đáp án.	- HS trình bày, sửa bài.
<div>3. ÔN TẬP - LUYỆN VIẾT CÂU, ĐOẠN (13 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS viết câu/đoạn ngắn đúng yêu cầu, biết soát lỗi.</div> <div>Mục tiêu tích hợp: HS tự đánh giá mức độ chủ động khi làm bài, không để AI/công cụ số làm thay.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>	
- GV yêu cầu HS viết 3 - 5 câu theo đề tài gần gũi: người thân, bạn bè, trường lớp hoặc việc làm tốt.	- HS viết bài vào vở.
- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để soát lỗi: đủ ý, đúng câu, dấu câu, chính tả.	- HS tự soát lỗi, sửa bài.
- Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV nhắc HS chủ động đọc đề, tự viết câu; nếu tham khảo gợi ý từ công cụ số phải kiểm tra, chọn lọc và viết lại bằng lời của mình.	- HS nhắc lại: Em chủ động làm bài, kiểm tra lại kết quả và không sao chép.
<div>4. VẬN DỤNG (4 phút)</div> <div>Mục tiêu: HS củng cố cách tự ôn tập ở nhà.</div> <div>*Cách tiến hành:</div>	
- GV hướng dẫn HS lập kế hoạch ôn đọc 10 phút mỗi ngày trong kì nghỉ.	- HS nêu cách tự ôn tập ở nhà.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**Tiết 7: Đánh giá tổng hợp và tự đánh giá****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Hoàn thành các nhiệm vụ đánh giá tổng hợp cuối học kì I theo yêu cầu.
- Biết đọc, hiểu, trả lời câu hỏi và viết ngắn ở mức phù hợp.
- Biết tự nhận xét điểm mạnh, điểm cần cố gắng trong môn Tiếng Việt.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc, viết, hoàn thành nhiệm vụ và tự điều chỉnh theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách diễn đạt, cách trình bày phù hợp với nhiệm vụ học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: nghiêm túc hoàn thành bài đánh giá.
- Trung thực: làm bài bằng khả năng của mình, không nhìn bài bạn.
- Trách nhiệm: biết tự đánh giá, đặt mục tiêu cố gắng trong học kì II.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1:** HS tự đánh giá mức độ chủ động khi sử dụng AI/công cụ số hỗ trợ học tập; biết chỉ dùng để tham khảo dưới sự hướng dẫn của GV/người lớn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Phiếu đánh giá tổng hợp, bảng tự đánh giá, bút màu, bảng tiêu chí.
- HS: SGK Tiếng Việt 3, vở ghi, vở ô ly, bảng con, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 7 (35 phút)**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG (4 phút) <i>Mục tiêu: Ổn định tâm thế, tạo không khí nhẹ nhàng trước khi đánh giá.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS hít thở, nhắc lại quy định làm bài: tự làm, đọc kỹ yêu cầu, trình bày sạch đẹp.	- HS ổn định, chuẩn bị đồ dùng.
- GV động viên HS bình tĩnh, tự tin.	- HS lắng nghe.
2. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP (20 phút) <i>Mục tiêu: HS hoàn thành các nhiệm vụ đọc hiểu, từ ngữ, câu và viết ngắn theo yêu cầu.</i> *Cách tiến hành:	
- GV phát phiếu đánh giá tổng hợp và đọc hướng dẫn chung.	- HS nhận phiếu, nghe hướng dẫn.

<p>CHÚNG TÔI LÀM THỦ THƯ</p> <p>Tôi và Si-skin được làm thủ thư của thư viện lớp. Thật là oách! Si-skin hào hứng đến nỗi chốc chốc lại chạy ra ngắm nghía sách. Thấy gáy của một số cuốn sách lỏng lẻo, trang sách tuột ra, nó lấy xuống để hai đứa dán lại. Nó ca cẩm:</p> <p>– Trang thì rách, bìa thì rời ra, lại còn ai vẽ vào đây nữa chứ.</p> <p>Chúng tôi quyết định treo một khẩu hiệu: “Sách là bạn của chúng ta. Hãy bảo vệ sách!”. Giao sách cho bạn nào, Si-skin cũng dặn:</p> <p>– Cậu giữ sách cẩn thận, đừng để giun để xuất hiện trong sách nhé!</p> <p>– Thế là sao?</p> <p>– Thì đừng vẽ loằng ngoằng vào sách ấy.</p> <p>Ai mượn lâu, nó giục:</p> <p>– Người khác cũng muốn đọc, sao cậu giữ lâu thế?</p> <p>Ai trả quá nhanh, nó cũng không thích:</p> <p>– Này, cậu đọc lúc nào vậy? Hôm qua mượn, hôm nay đã trả rồi.</p> <p>Có lúc nhìn giá sách, nó bảo:</p> <p>– Mọi người mượn nhiều quá, giá thua hẳn đi này! Tôi thích nhìn nó đầy ắp quá.</p> <p>Tôi bảo:</p> <p>– Ồ! Sách là để mượn mà. Tôi cũng đang mượn một cuốn.</p> <p>– Sao lại mượn sách? Cậu là thủ thư cơ mà.</p> <p>Tôi phì cười, bảo nó là thủ thư thì cũng được mượn sách chứ. Thế là nó mượn sách theo tôi. Chúng tôi đọc nhiều hẳn lên, và nó không kêu ca về việc giá ít sách nữa.</p> <p><i>(Thư viện lớp Năm: Si-skin Thư ảnh minh)</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, đọc kỹ từng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài cá nhân, không trao đổi trong khi làm bài.
<ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát, hỗ trợ những HS chưa hiểu cách thực hiện yêu cầu nhưng không gợi ý đáp án. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp tục hoàn thành bài.
<ul style="list-style-type: none"> - GV thu phiếu hoặc yêu cầu HS rà soát lần cuối. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS kiểm tra lại bài trước khi nộp.
<p>3. TỰ ĐÁNH GIÁ HỌC TẬP (8 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS tự nhận xét điểm mạnh, điểm cần cố gắng và cách học ở học kì II.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS trung thực khi tự đánh giá việc sử dụng AI/công cụ số hỗ trợ học tập.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát bảng tự đánh giá: Em đọc tốt nội dung nào? Em cần luyện thêm điều gì? Em đã dùng công cụ số/AI thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tự đánh giá bằng cách đánh dấu hoặc viết ngắn.
<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp AI (Khung 3439) - 3.A3.1: GV nhắc HS sử dụng AI đúng cách là biết hỏi để tham khảo, tự kiểm tra, không sao chép và không nhập thông tin cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nhắc lại: Em sẽ học chủ động, trung thực và dùng công cụ số an toàn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2 - 3 HS chia sẻ mục tiêu học kì II. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ mục tiêu: đọc rõ hơn, viết ít lỗi hơn, mạnh dạn nói hơn...
<p>4. VẬN DỤNG (3 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS xác định nhiệm vụ ôn luyện sau tiết học.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn HS chọn một bài đọc yêu thích trong học kì I để đọc lại cho người thân nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS ghi nhớ nhiệm vụ.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tuần ôn tập và động viên HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

